TRẦN VĂN SÁU

NHỮNG BÀI VĂN MẪU 9





NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRẦN VĂN SÁU
(Sưu tầm và tuyển chọn)

Những bài
VĂN MẪU 9


NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Đơn vị liên kết:
Công ty Sách hoa hồng

Lời nói đầu

Quyển **NHỮNG BÀI VĂN MẪU 9** *này được biên soạn nhằm giúp các em học tốt môn Tập làm văn lớp 9.*

Mỗi thể loại chúng tôi có bổ sung phần gợi ý, nhắc lại các kiến thức cơ bản. Một số đề bài có Dàn bài gợi ý nhằm giúp các em tìm và sắp xếp ý tưởng. Bài tham khảo nhằm giúp các em học tập cách sắp xếp các câu thành đoạn văn, các đoạn thành bài văn và từ đó biết cách làm một bài văn đúng theo yêu cầu của thể loại. Bài tham khảo không phải là bài làm để các em sao chép lại mà chỉ là bài gợi ý để các em vận dụng thực hành theo cách riêng của mình.

Mong nhận được ý kiến xây dựng từ phía quý bạn đọc.

NGƯỜI BIÊN SOẠN

A. VĂN BẢN THUYẾT MINH

__Văn bản thuyết minh__ là kiểu văn bản nhằm cung cấp tri thức về các hiện tượng và sự vật trong thiên nhiên, xã hội bằng phương thức __trình bày, giới thiệu, giải thích__.

ĐẶC ĐIỂM CHUNG

Văn bản thuyết minh có tính chất tri thức, khách quan, thực dụng. Đây là loại văn bản có thể cung cấp tri thức xác thực, hữu ích cho con người.

Văn bản thuyết minh hay là một văn bản trình bày rõ ràng, hấp dẫn đặc điểm cơ bản của đối tượng thuyết minh.

Văn bản thuyết minh sử dụng ngôn ngữ chính xác, cô đọng, chặt chẽ, sinh động.

YÊU CẦU CHUNG

Phải có tri thức, kiến thức về đối tượng cần thuyết minh. Tri thức có được từ việc học tập, tích lũy hàng ngày, từ sách báo...

Phải hiểu biết về đối tượng cần thuyết minh.

+ *Đối tượng cần thuyết minh là cái gì?*
+ *Có đặc điểm tiêu biểu gì?*
+ *Có cấu tạo như thế nào?*
+ *Hình thành ra sao?*
+ *Có giá trị ý nghĩa gì đối với con người?*

Muốn có tri thức người viết phải:

+ *Quan sát để khám phá, phát hiện đặc điểm tiêu biểu.*
+ *Tra cứu từ điển, sách vở.*
+ *Phân tích: Đối tượng thuyết minh chia làm mấy bộ phận, quan hệ giữa các bộ phận.*

Kiểu bài thuyết minh ở lớp 9 có yêu cầu cao hơn ở lớp 8, nó đòi hỏi có sự kết hợp giữa thuyết minh với các yếu tố khác, nhằm làm cho bài thuyết minh có chất lượng cao hơn và đạt hiệu quả tốt hơn.

1. Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh

Để cho văn bản thuyết minh sinh động, hấp dẫn, người ta có thể sử dụng một số biện pháp nghệ thuật như kể chuyện, tự thuật, đối thoại theo lối ẩn dụ, nhân hóa hoặc các hình thức vè, diễn ca.

Có điều là các biện pháp nghệ thuật được sử dụng cần thích hợp, góp phần làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh gây hứng thú nhưng không làm lu mờ đối tượng ấy.

2. Thuyết minh kết hợp với miêu tả

Trong trường hợp đối tượng thuyết minh là những sự vật, hiện tượng cần miêu tả cụ thể nhằm làm cho chúng hiện lên rõ ràng sinh động, trong bài văn thuyết minh ta cần kết hợp với miêu tả.

Cách kết hợp thuyết minh với miêu tả phải nhuần nhị, khéo léo, miêu tả giúp cho thuyết minh có hiệu quả hơn, tuyệt nhiên không được biến bài thuyết minh thành bài miêu tả.

I. BÀI VĂN THUYẾT MINH THỰC VẬT

Để làm bài văn thuyết minh thực vật, trước hết, ta phải quan sát tìm hiểu, tra cứu trong sách vở về các giống thực vật, cách chăm sóc và giá trị của chúng trong đời sống.

Khi trình bày, cần tiến hành giới thiệu lần lượt các thành phần của thực vật, cách chăm sóc và phòng bệnh sao cho người đọc hiểu được.

DÀN BÀI CHUNG THUYẾT MINH THỰC VẬT

1. **MỞ BÀI:** *Giới thiệu loài thực vật... (thường bằng một câu định nghĩa: quy sự vật được định nghĩa vào loại của nó, chỉ ra đặc điểm hoặc công dụng riêng của nó).*
2. **THÂN BÀI**
   - *Nguồn gốc, vai trò, ý nghĩa của loài cây ấy đối với con người.*
   - *Miêu tả các loài hoa, cây... hình dáng, gốc, thân, lá, cành, hoa quả...*
   - *Chăm sóc.*
   - *Bảo quản.*
   - *Phòng bệnh.*
   - *Giá trị lợi ích (giá trị kinh tế, môi trường, thẩm mĩ).*
3. **KẾT BÀI:** *Lời nhận xét, đánh giá, những cảm nghĩ của người viết về loài cây ấy.*

***ĐỀ 1:* Hãy giới thiệu về cây lúa Việt Nam.**

DÀN BÀI

1. **Mở bài:** *Giới thiệu cây lúa Việt Nam. Có thể mở đầu bằng miêu tả.*
2. **Thân bài**
   - *Cây lúa với đời sống nông dân (+ miêu tả).*
     - *Cấu tạo.*
     - *Các giống lúa.*
     - *Các vụ lúa.*
   - *Những đặc sản từ cây lúa.*

- *Bánh chưng, bánh giầy.*
- *Cốm (+ miêu tả)*

3. **Kết bài:** *Nhận xét khái quát về cây lúa.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày
Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.

Từ nghìn đời nay, mồ hôi và những nỗi vất vả, khó nhọc của người dân Việt Nam đã đổ xuống ruộng cày để làm xanh thẫm lên hình ảnh thân thuộc ruột rà của cây lúa.

Trên những cánh đồng mênh mông bát ngát từ Bắc chí Nam dọc dài đất nước, đâu đâu cũng thấy những cây lúa thon thả xanh thẫm mượt mà.

Thuộc loại thân thảo, cây lúa tròn có nhiều lóng và mắt. Lóng thường tầm phồng, chỉ đặc ở mắt. Lá lúa dài, mỏng, mặt nhám, gân lá song song. Rễ lúa mọc thành chùm. Hoa lúa nhỏ, mọc thành bông, không có cánh hoa mà chỉ có nhiều vảy nhỏ bao lấy nhị và nhụy hoa. Lúc hoa lúa nở, bao phấn và đầu nhụy thò ra ngoài. Đầu nhụy thật dài có chùm lông để quét hạt phấn. Quả lúa khô, có một hạt chứa đầy chất bột, vỏ quả và vỏ hạt bất phân vì không thấy vỏ quả nên lâu nay ai cũng gọi quả lúa là hạt lúa. Thật ra, ở đây vỏ quả và vỏ hạt dính liền nhau. Vỏ cám dính sát vào hạt gạo chính là vỏ quả. Bên ngoài vỏ cám là vỏ trấu bao lấy quả.

Ở nước ta, có nhiều loại, nhiều giống lúa được nông dân canh tác, chia làm các loại lúa nước sâu, lúa nước cạn, lúa nổi, lúa cạn, lúa tẻ, lúa nếp. Nhưng nói chung người ta chỉ quy thành hai loại cho đơn giản là lúa nước và lúa cạn. Còn về giống, nông dân ta sử dụng nhiều thứ giống, phổ biến hơn cả trước đây là giống NN8 hay thần nông 8. Hiện nay, trong Nam có các giống OM1706, IR66, MTL119, KSB54, VND5-20. Còn ngoài Bắc có các giống A20, C70, DT10, NR11, X20, V18... Nói chung là cây lúa có thể sống được trên các miền đất khác nhau trừ những miền quá phèn, quá mặn. Tốt hơn cả là các miền lưu vực sông Hồng, sông Cửu Long với đất phù sa ngọt, phì nhiêu.

Theo điều kiện khí hậu và thời tiết, ở nước ta cây lúa thường có các vụ sau:

- Lúa chiêm là giống lúa gieo mạ tháng 10, gặt tháng 6-7 trồng nơi ruộng khó tưới tiêu. Giống này rất ít.

- Lúa xuân gieo mạ tháng 1-2, gặt tháng 5-6. Giống này còn gọi là giống chiêm xuân.

- Lúa hè thu: gieo cấy tháng 3-4, gặt tháng 7-8.

- Lúa mùa gieo tháng 7-8, gặt 10-12. Giống này gặp rét dễ bị thất mùa.

Nhìn chung, hiện nay thường có ba vụ lúa chính. Đó là đông xuân, hè thu và lúa mùa.

Cây lúa đã mang về cho dân tộc ta hai đặc sản quý từ lâu đời, đó là bánh chưng bánh giầy và cốm.

Về bánh chưng, bánh giầy, tục truyền là Lang Liêu là con thứ 18 của vua Hùng được thần dạy *lấy gạo làm bánh lễ Tiên vương* bởi vì *trong trời đất không có gì quý bằng lúa gạo*. Lang Liêu vâng lời thần bèn chọn *thứ gạo nếp thơm lừng trắng tinh, hạt nào hạt nấy tròn mẩy, đem vo thật sạch, lấy đậu xanh thịt lợn làm nhân, dùng lá dong trong vườn đùm lại thành hình vuông, nấu một ngày một đêm thật nhừ. Để đổi vị, đổi kiểu, cũng thứ gạo nếp ấy, ông đồ lên giã nhuyễn, nặn hình tròn...*

Cốm, một đặc sản nữa của cây lúa. Chỉ những người chuyên môn mới định được lúc gặt thóc nếp mang về. Qua nhiều khâu chế biến, những cách thức làm có tính gia truyền từ đời này qua đời khác, đã biến hạt thóc nếp thành cốm dẻo, thơm và ngon. Không đâu bằng cốm ở làng Vòng, gần Hà Nội, xưa nay danh bất hư truyền.

Nói đến cây lúa là nói đến loại cây có tầm quan trọng kinh tế. Cây lúa từ bao đời nay là bạn thân thiết của nông dân Việt Nam. Không một ai là không thừa nhận đây cũng là nguồn cung cấp lương thực quý giá nhất của nước ta.

ĐỀ 2: Hãy giới thiệu về cây dừa ở quê em.

DÀN BÀI

1. **Mở bài:** *Giới thiệu cây dừa ở quê em.*
2. **Thân bài:** *Cây dừa gắn với đời sống người dân quê em.*
   - *Thân.*
   - *Lá.*
   - *Nước.*
   - *Cùi.*

   ...
3. **Kết bài:** *Nhận xét khái quát về cây dừa.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

... Khi yêu, yêu lắm người ơi!
Cả trời, cả đất cả người Bến Tre
Bóng dừa râm mát lối quê
Người ơi! Tôi ngỡ lối về cung tiên
Gái làng đi họp chợ chiên
(Phất phơ tà áo nàng tiên xứ dừa).

(KIÊN GIANG – *Dưới bóng dừa*)

Đi khắp Bến Tre quê em, nơi đâu cũng gặp những bóng dừa *tóc dài bay trong gió*. Hầu như ở nơi đây, nhà nào cũng trồng dừa. Cây dừa với dân Bến Tre quê em chẳng khác gì cây tre đối với dân miền Bắc.

Không chỉ cống hiến bóng dáng của mình cho nhạc, cho thơ ca ngợi, cây dừa còn cống hiến tất cả những gì mình có làm quà tặng cho con người. Thân cây không chỉ làm máng mà còn dùng để bắc cầu. Hình ảnh cây cầu dừa bắc ngang nối đôi bờ mương, bờ lạch, đỡ bước mẹ, bước chị, bước em, đỡ bước mọi người thật thân thuộc, trìu mến. Lá dừa thay tranh lợp nhà, làm vách, bó chổi. Hình ảnh cây chổi tàu dừa gợi nhớ sự tỉ mỉ, cần cù của bà mẹ quê miệt mài ngày tháng vì hạnh phúc của chồng con quên cả tuổi tên mình. Nước dừa để uống. Giữa trưa nồng, nước dừa mát rượi, uống vào mát tận tâm can, cuốn phăng đi cơn khát. Không chỉ để uống, nước dừa còn để kho cá, kho thịt vừa bùi vừa thơm vị dừa vừa thơm vị cá, vị thịt. Cùi dừa nạo để ăn, cùi dừa cứng cạy để làm mứt, làm bánh kẹo. Ai chẳng biết kẹo dừa Bến Tre nổi tiếng ra tận ngoài nước. Cùi dừa khô được ép lấy dầu làm thực phẩm, để chải đầu, để làm xà phòng... Ngay cả sọ dừa tưởng đã bỏ đi, còn để chụm lửa, đun bếp. Ai ngờ sọ dừa vẫn làm được khuy áo, *lành làm gáo vỡ làm muôi*, làm đồ chơi, đồ trang trí. Rồi đến vỏ dừa cũng vậy. Vỏ dừa bện nên dây luộc, dây thừng vừa mềm vừa chắc, chịu nắng chịu mưa rất tốt nên được những người đánh cá rất ưa dùng. Chỉ ngần đó cũng đủ thấy cây dừa gắn bó khăng khít với đời sống thường ngày của dân mình là như thế nào!

Chỉ cần qua phà Rạch Miễu, bước chân đến Bến Tre, ta sẽ đi giữa màu xanh vô tận của xứ dừa. Trời mát dịu. Màu xanh của dừa giăng mắc trải rộng ra trước mặt ta, làm ta bàng hoàng ngây ngất. Ơi! Những rừng dừa bát ngát, dậm dà, đầm ấm, xanh ngắt một màu, buồng trái sai oằn trên ngọn. Dừa xiêm trái nhỏ nước vị ngọt thanh. Dừa lửa rực mùi vàng cháy. Còn bao loại nữa. Loại nào cũng có một hương vị ngọt ngào riêng. Dừa trồng trước ngõ, sau vườn, bên hè, dọc hai bờ mương lạch. Dừa trồng thành hàng thẳng thớm, ngọn vươn cao. Biết bao người đi xa khi về lại, mắt mới chạm màu xanh của dừa quê mình lòng đã nghẹn ngào xúc động.

Bến Tre gái đẹp trai hiền
Dừa xanh nước bạc ủ niềm quê hương
Ban trưa ghé quán bên đường
Uống no bóng mát mà thương xứ dừa.

(KIÊN GIANG – *Bến Tre*)

Nói đến Bến Tre quê em là nói đến dừa. Dừa là tất cả. Hơn nữa thế kỉ trước, đồng bào quê em từ cuộc Đồng khởi đã chiến đấu ngoan cường, chống Mĩ cứu nước bảo vệ rừng dừa huyết mạch của mình. Ngày nay, dầu dừa, kẹo dừa và hàng thủ công mĩ nghệ về dừa đều là hàng xuất khẩu. Đời sống nhân dân Bến Tre quê mình ngày thêm sung túc, vui tươi.

ĐỀ 3: *Hãy giới thiệu về cây bưởi da xanh.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

CÂY BƯỞI DA XANH

Quê em ở xã Mĩ Thạnh An, một miệt vườn cây trái trù phú ở tỉnh sông nước cù lao Bến Tre. Đây chính là nơi trồng nhiều nhất giống bưởi da xanh được mệnh danh là "bưởi vua" hiện nay.

Bưởi da xanh quê em có nguồn gốc từ ấp Thanh Sơn, xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày với chỉ vài cây ban đầu xuất phát từ nhà vườn lão nông Ba Rô (Đặng Văn Rô). Năm 1991, một nông dân ở quê em đã xin được một nhánh bưởi giống lạ này từ tay ông Ba Rô đem về trồng, thấy trái ăn rất ngọt ngon, nên từ đó đã nhân rộng ra trồng rải rác trong toàn xã nhà. Đến nay, xã Mĩ Thạnh An quê em đã là nơi trồng giống bưởi này nhiều nhất trong tỉnh.

Cách đây khoảng mười năm, năm 1996, bưởi da xanh đã được một số lão nông quê em đưa đến Viện nghiên cứu Cây ăn quả miền Nam để dự thi và đã đạt được giải cao. Từ đó, danh tiếng của giống bưởi này lan tỏa khắp cả đồng bằng và lan xa hơn thế nữa. Từ đó, trên tỉnh Bến Tre quê em, diện tích bưởi đã lên đến 1500ha.

Thử hình dung nhé, hương vị ngọt ngào, bóc lớp vỏ xanh ra, từng múi bưởi hồng hào hiển hiện... bưởi ăn rất ngọt, ráo nước lại không hạt hoặc rất ít hạt, thịt bưởi đỏ sậm rất bắt mắt và đặc biệt là giống bưởi da xanh này lại cho trái quanh năm. Ngoài vitamin C, A, B_1, B_2... bưởi da xanh còn có các khoáng chất rất tốt cho sức khỏe con người. Bưởi hái về nhà để cả tháng trời vỏ không héo, không giảm chất lượng bưởi. Bởi vậy, giá bưởi da xanh hiện thời tại nhà vườn quê em đã lên đến 18000 đ/kg, nghĩa là cao gấp 3-3,5 lần giá các loại bưởi khác.

Mới đây, tháng 6 năm 2005, tại Ngày hội Trái cây ngon, an toàn tỉnh Bến Tre năm 2005, bưởi da xanh quê em lại một lần nữa đạt được giải cao. Không chỉ nhận được nhiều giải thưởng trước nay, bưởi da xanh quê em còn được Bộ Khoa học Công nghệ công nhận nhãn hàng hóa độc quyền Bưởi BR99 da xanh. Cũng nghe nói hiện nay cơn sốt trồng giống bưởi này đang thật sự lan tỏa khắp các nhà vườn Bến Tre quê em.

Nếu có dịp về đây, mời quý du khách hãy ghé qua Mĩ Thạnh An quê em để nhìn ngắm những vườn bưởi mượt xanh lúc lỉu và thưởng thức hương vị ngọt ngào không thể nào quên của trái bưởi da xanh quê em.

ĐỀ 4: *Hãy giới thiệu một loài hoa mà em yêu thích.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

HOA KHẾ

Người Hà Nội thường hay nhắc tới hoa sữa, hoa phượng, hoa bằng lăng,... hơn là hoa khế, bởi trong ý nghĩ của nhiều người, hoa khế vốn là thứ hoa gắn bó với làng quê. Thế nhưng với vẻ đẹp dung dị của hoa khế, mấy ai dễ

lãng quên. Người yêu hoa khế đã cất công về tận quê, chọn cây giống từ những cây sai hoa đem về Hà Nội trồng trong vườn, trong am, hoặc chậu cảnh, mỗi năm lại thấy màu tím thân thương lưu luyến bên mình.

Vào khoảng tháng ba, khế ra hoa. Thứ hoa nhỏ bé, tím ngát, gợi nhớ gợi thương. Hoa khế không thắm sắc như hoa phượng, không rập rờn như bằng lăng, cũng không nồng nàn như hoa sữa. Từng bông hoa nhỏ li ti bám vào cành, kết thành từng chùm tương như bầy ong đang xây tổ. Có chùm tròn vo, xôm xốp như cục bông. Có chùm buông dài, lủng lẳng tựa chùm nho. Những khi nắng gắt gao, cả màu tím đằm thắm làm dịu mát màu nắng vàng. Còn sau mưa, hoa khế bỗng sáng bừng, long lanh như muôn hạt ngọc, càng nhìn càng ưa.

Hoa khế không chỉ đẹp sâu kín mà còn là thứ hoa cho quả. Tuy nhỏ bé thế nhưng chỉ khoảng hai, ba tuần là hoa đậu quả. Mới đầu, quả màu xanh non, bé bằng quả trứng cá mà đã phân chia năm cánh múi rõ ràng; thế rồi bằng quả nhãn, quả vải,... và đến khi bằng quả xoài thì đã vào đầu tháng sáu, tháng bảy, là mùa thu hoạch chính của khế (có khi còn thu hoạch ra cả tháng giêng, tháng hai). Khế ngọt thì chỉ để ăn cho vui miệng, khế chua thường để nấu canh. Canh cá mà không có khế thì mất ngon. Vị chua dìu dịu của khế pha lẫn vị ngọt của thịt cá thì không chê vào đâu được. Tết đến, có người còn mang từ quê lên phố cả cành khế trĩu trịt treo trên tường, vừa tượng trưng cho lộc đầu năm, vừa để trang trí nhà cửa thêm sinh động. Ngoài ra khế còn được bày rất trang trọng trên mâm ngũ quả.

Người có tuổi yêu hoa khế bởi hoa khế dâng lên trong lòng họ cảm xúc bâng khuâng về quá khứ, có thể là quê cũ, tuổi thơ,... Còn những người trẻ tuổi, hoa khế như thầm báo hiệu với họ một tương lai xanh non trĩu mọng.

Chỉ là cây khế thôi, Hà Nội thu cả làng quê trong mình.

(NGUYỄN MINH TRÍ)

ĐỀ 5: ***Hoa ngày Tết ở Việt Nam thật phong phú và đẹp. Hãy viết bài giới thiệu các loại hoa mùa xuân.***

BÀI LÀM THAM KHẢO

SẮC MÀU HOA XUÂN

Mùa xuân có thật nhiều hoa tươi. Trước hết là *hoa đào*. Cứ mơn mởn, mơn mởn trong gió rét. Muốn có *hoa đào* chơi Tết, tháng mười một, *cây đào* đã phải chịu đớn đau, bị bứt đi hết lá để nhựa cây tích tụ vào thân, làm nụ. Tùy theo thời tiết nóng nhiều hay rét nhiều mà người trồng đào phải *thúc* hay *hãm*. *Thúc* là bón cho *cây đào* mọc nhanh hơn. *Hãm* là khía nhiều vòng quanh thân cây cho nó mọc chậm lại.

Hoa đào là thứ hoa chơi thì có màu sắc đẹp, cánh *kép*, nhiều tầng, nhụy vàng lấp lánh. *đào bích* hoa thắm, *đào phai* hoa phơn phớt. Còn *đào ta* là đào quả, hoa *đơn* năm cánh, màu tựa tựa *đào phai*.

Tết Nguyên đán ở miền Bắc Việt Nam không thể thiếu hoa, nhất là *hoa đào*...

Một cành đào ứ nhựa.
Nặng bàn tay anh cầm,
Nghe hương thầm lặng tỏa,
Qua màn sương thời gian...

(CHẾ LAN VIÊN)

Miền Nam còn có hoa *mai vàng*. Đó là loài cây hoang mọc trên rừng Trường Sơn được đánh về, chăm sóc, thuần hóa, cho thứ hoa vàng cực đẹp. Nhưng đó không phải là *chi mai trắng* trồng trong chậu, cũng không phải *hoa mai cho quả mơ* vào tháng 3 ở chùa Hương.

Mùa xuân thật kì lạ. Nó mang sức mới cho vũ trụ, cho con người, mà dễ nhận ra nhất là trên môi, trên má mỗi người, trên đầu cành các loài cây có hoa rực rỡ màu, có hoa thơm ngát, thơm nồng...

Mùa nào cũng có một loài hoa của riêng mình. Nhưng mùa xuân mới có nhiều hoa đẹp:

Hoa *hải đường* màu cánh sen, *hoa hồng* đủ sắc: trắng, vàng, đỏ, son, phấn hồng,... *Thược dược* to bằng chiếc đĩa. *Cúc đại đóa, cúc chi, cúc tím, cúc móng rồng, cúc vạn thọ, cúc bạch mi, cúc hoàng kim tháp,... rồi mặt trời, đồng tiền, đỗ quyên, mõm sói, chân chim, đồng thảo, huệ, loa kèn, hoa tưởng nhớ,...*

Ai thích hoa gì, tha hồ mà tìm chọn...

Chúng ta hơn hẳn một số nước ở miền cực Bắc, suốt sáu tháng trời băng tuyết, không có một màu xanh, sắc đỏ nào. Tết Nguyên đán của ta vào đầu mùa xuân cũng là dịp đặc biệt tràn ngập màu hoa. Vui quá! Các bạn ơi!

(Theo BĂNG SƠN; Báo Nhi đồng, số 12 + 13 + 14, tháng 2-2002, trang 25)

ĐỀ 6: Cây tre bạn đường.

BÀI LÀM THAM KHẢO

[...] Trong truyền thuyết về Thánh Gióng đánh giặc Ân xâm phạm vào đất Văn Lang cũ người ta đã nói đến những vũ khí bằng sắt của Thánh Gióng. Ngựa sắt, giáp sắt, nón sắt và roi sắt, giữa một thời đại mà sắt còn là một vật rất hiếm trong đời sống dân tộc. Thánh Gióng xông vào trại giặc, nhưng cái roi sắt đã gẫy. Thánh Gióng phi ngựa tìm vũ khí, thuận tay quơ luôn những bụi tre đã trở nên những vũ khí rất lợi hại quật tan quân giặc. Những chỗ tre nhổ bật cả bụi ấy sau này mọc lên một giống tre quý mình vàng chỉ xanh thẳng gọn như kẻ, thường gọi là tre ngà. Cây tre Việt Nam chứng tỏ khả năng chống địch từ đó, cây tre có truyền thống chiến đấu của mình.

Vua Quang Trung đánh tan giặc xâm lăng nhà Thanh, lúc tiến quân qua đèo Ba Dội, cây tre đã có mặt trong cuộc hành quân, đã biến mình thành ra một dây đàn, thành ra những sợi dây trống quân, đã biến mình vào âm thanh, nhịp điệu dây thừng tre đã thúc đẩy ba quân ào ào như nước chảy ra Bắc Hà.

Cho đến lúc Tây sang chiếm nước ta, muốn bình định xứ này, trong phong trào *Văn thân ái quốc chống Pháp*, cây tre đã dự phần vào những trận oanh liệt như trận Ba Đình. Tường thành đắp bằng bùn nhão chế ngự đạn sắt đạn đồng của xâm lăng. Nhưng phải có những sọt tre đan dựng đất và phải có cọc tre làm nòng cốt cho tường thành Ba Đình.

Những mũi tên tre tẩm thuốc độc của anh chị em Ba Na, Gia Lai bắn vào bộ máy đô hộ của Pháp càng làm cho chúng ta nhớ lại cái tiếng tre trầm hùng của cây đàn tre ống của các dân tộc Tây Nguyên anh dũng bất khuất.

Nhưng, đến kháng chiến, chúng ta mới thấy hết được tài hoa của cây tre, mới nhận rõ được hết cái đức tính của cây tre, ngày càng gắn bó với những con người yêu cuộc sống, yêu tự do trên mảnh đất này. Cuộc sống qua chín năm chống giặc, lấy nông thôn làm cơ sở chính, càng chứng tỏ khả năng thích nghi của anh bạn và càng làm rõ hơn nữa những năng suất vô tận của cây tre. Toàn quốc nổ súng, anh bạn đã có mặt ngay bên những chướng ngại vật. Thế cơ giới của giặc lúc đầu như vũ bão, nhưng cây tre vẫn yên tâm giữ vững giao thông liên lạc, biến mình thành ra những cột mắc dây thép dây nói. Trên nhiều cột tre, lại còn nhú lên những mầm lá xanh. Nó chứng tỏ anh bạn rất bình dị, cắm đâu cũng sống, dân tộc đặt mình ở chỗ nào mình cũng làm được việc ngay. Những cái mầm xanh lá tre cột dây nói ấy còn đem vào lòng người cái màu xanh bất diệt của hi vọng và tin tưởng.

[...] Sự trưởng thành của dân tộc ta trong cuộc chiến đấu chống xâm lăng có máy có súng tối tân, đã chứng tỏ trình độ nền văn hóa chúng ta, trong ấy anh có phần dự. Riêng về anh, ai cũng phải nhận rằng anh nhiều đức tính, những cái đức tính riêng biệt của những quý vật sống trong một nước nông nghiệp. Anh rất cứng rắn, thẳng thắn, đồng thời lại cũng rất bền bỉ, dẻo dai. Lúc thẳng thì làm một cái hình ảnh người quân tử, thì làm một cái mũi tên. Vừa cứng rắn, vừa mềm mại, cái sào tre đực đã thắng được những dòng nước ngược, lúc chống đẩy những chiếc phà chở hàng tấn hàng trên nước lúc vòng cong thì thành một cái cạp thuyền. Lúc mềm dẻo làm một sợi dây, thì *lạt mềm buộc chặt*. Anh rất tinh tế nhưng cũng rất giản dị. Tiếng nhạc gió sáo trúc véo von xoáy vít vào không khí mà đi xa; tiếng nhạc tre gõ sạp, trầm hùng vui lành; tế nhị là như thế, nhưng tách riêng ra, cắm vào đất nào cũng sống. Anh rất êm lành, nhưng lúc chống thú dữ, chống giặc, thì táo tợn vô cùng. Đối với cuộc sống, anh góp phần rất nhiều, lúc còn xanh tươi cũng như lúc đã vàng khô. Cây tre rộng rãi quen với cuộc sống, có nhiều lúc lại ra hoa, ra hột. Hột tre, đồng bào Nam Bộ xay giã ăn như hạt gạo. Nhưng bao giờ cũng thế, ra hoa ra hột rồi, tức là cây tre chết luôn. Anh rộng lượng, cung ứng khả năng mình một cách vô điều kiện, nhưng anh cũng rất nhũn nhặn, ít đòi hỏi. Những cái đức tính quý báu ấy, có nhiều điểm cũng giống như tính tình con người nông thôn Việt Nam.

Đó là sự ngẫu nhiên hay là có sự sắp xếp, mà cuộc sống đặt cây tre vào bên người nhân dân Việt Nam để cùng kết nghĩa bạn đường với nhau lâu dài? Cây tre và con người Việt Nam sống bên nhau đã lâu đời. Trong những cái buồn, cái vui, cái lo nghĩ của con người Việt Nam, trong cái sống bình thường, trong cái sống chiến tranh, trong cái sống xây dựng trước mắt, trong sự tồn vong của dân tộc qua các giai đoạn, cây tre đều có mặt. Đây là một người bạn đoàn kết lâu dài. Kiến thiết ngày nay dùng đến đá, gỗ, sắt. Nhưng còn lâu lắm nữa, mới bỏ được tre và nứa. Mà bỏ thế nào được. Có bao giờ mà tất cả xóm làng Việt Nam lại không còn một chút bóng tre xanh nào, có bao giờ mà măng lại không mọc nữa ở rừng Việt Bắc, ở làng xóm miền Nam! Có bao giờ mà lại có cái việc không thể có được ấy!

Ngày nay, trong các công trình kiến thiết, nứa và tre vẫn có mặt không ngừng ở khắp công trường. Ở những nông trường đường sắt, anh đang là cái bè nứa xuôi bao nhiêu tấn sắt cũ trên dòng sông. Ở Thái Nguyên và Thanh Hóa dựng lại đập nông giang, bên cạnh đá, sắt ngổn ngang, các anh đang là những cái gióng cao vút, những cái giàn thẳng nét cho những người thợ chuyên môn đứng thẳng lên làm việc.

Xây dựng nhà cửa lâu dài, dựng nền đào móng mà là chỗ ẩm ướt, thì lúc đóng móng, vẫn là những cọc tre đực, thịt dẻo quánh và bền chắc không mục, chấp được sự phá hoại của đất ẩm. Trong những yêu cầu mới của kiến trúc, đừng ai đòi hỏi cây tre phải giải quyết mọi việc một cách tuyệt đối. Đây chỉ là cây tre phối hợp với những nguyên liệu khác. Cứ nhìn kĩ mà xem, trong trang trí nhà ở, đồ vật bằng tre dễ gây thân mật. Bên những cái nặng nề của gỗ, của xi-măng, đồ vật bằng tre vẫn nói được lên một cái gì thanh tao nhẹ nhõm. Cuộc sống rồi thêm thứ này thứ khác, nhưng hễ cứ có hình ảnh tre lồng vào, bao giờ cũng làm cho mọi người ở trên Trái Đất này yêu cuộc sống ấy hơn, và thấy gần gũi hơn với nó.

Trong những khó khăn mới và những phấn khởi mới, anh bạn cây tre hãy cứ yên tâm. Anh hãy cứ là cái bóng mát rượi nơi xóm làng, anh hãy cứ là cái nón bốn mùa trên đồng ruộng. Anh hãy cứ là cái cây lành, những buổi chiều quê có hàng trăm con cò trắng đậu trên cành, trông xa như một bụi hoa lạ chưa có tên gọi. Anh hãy cứ là những tiếng sáo mà hát theo nhân dân lao động. Anh hãy nhìn những em thiếu nhi Việt Nam đây này. Phù hiệu của các em thêu một cái măng mọc. Trên đất nước yêu quý này, tre già, nhưng măng mọc và cây tre còn xanh bóng lâu đời.

(NGUYỄN TUÂN)

ĐỀ 7: ***Việt Nam ơi, ta lại gọi tên mình. (Cây tre)***

BÀI LÀM THAM KHẢO

Quốc gia nào dường như cũng có một loại cây hay một loại hoa tượng trưng cho cảnh quan, con người và linh hồn văn hóa. Nước Nga có cây bạch

dương, Trung Quốc – cây tùng, Nhật Bản – hoa anh đào, Lào – hoa chăm pa, Cam-pu-chia – cây thốt nốt, v.v... Biểu tượng cho đất nước, con người và văn hoa Việt Nam là cây tre giản dị, thanh cao, dẻo dai và vững chắc đã nghìn đời.

Tre xanh, xanh tự bao giờ... Từ thuở các vua Hùng dựng nước, truyền thuyết đã nói đến cây tre. Tre, giang, nứa, trúc, mai, vầu, rồi tầm vông,... mấy chục loại khác nhau cùng gia phả. Cây tre – cây vũ trụ, cây linh hồn người Việt!

Làng quê, xóm mạc nào của Việt Nam chẳng có lũy tre. Cùng với cây đa, bến nước, cổng làng, đình chùa, lũy tre là cảnh quan, hơn nữa là điểm nhấn cảnh quan, cấu trúc của làng, phóng to lên là của nước. Nó là tín hiệu đầu tiên để nhận ra làng. Rặng tre như mái tóc, lại như thắt lưng xanh của làng. Và như cánh tay, cặp mắt của làng đón bình minh buổi sớm, tiễn mặt trời lúc hoàng hôn, tình tự với ánh trăng và sao trời buổi tối. Từ lũy tre làng, những cánh cò trắng phau bay lả bay la ra đồng ruộng, mang cái ngủ về đậu bên cánh võng tuổi thơ. Đường quê, ngõ quê âu yếm, mát rượi bóng tre. Chưa bao giờ làng quê đói thiên nhiên như phố thị. Trong văn hóa ở, con người làng quê luôn luôn hòa hợp bầu bạn với cây tre, với thiên nhiên.

Những lũy tre ôm cuộc đời của làng, của nước. Mùa mưa bão, tre là phên giậu, tấm chắn vĩ đại, bờ đê thiên nhiên khổng lồ cùng người chống bão. Nước có giặc, những lũy tre làm chiến hào, thành lũy của cả cộng đồng. Tre trong lũy luôn ấm bụi, đan cài, như lòng người, thế trận. Đòn gánh tre bao lần gánh đất nước trên vai. Lũy tre, chông tre, gậy tre, gậy tầm vông đã bao lần khiến kẻ thù kinh sợ. Năm xưa, người anh hùng làng Gióng đã dùng gậy tre đuổi giặc. Roi sắt gãy chứ gậy tre không gãy. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, tre đi dân công, tre ra hỏa tuyến, tre mở đường, kéo pháo, kiên trung và bất khuất xung phong vào xe tăng, đại bác kẻ thù. Những lũy tre, gậy tre, chông tre khẳng định nước Việt Nam là một, từ ải Nam Quan đến chót mũi Cà Mau, cây số không nơi biên ải cũng là phần xương thịt cụ thể của đất nước, dân tộc vạn xuân này.

Những lũy tre ôm cuộc đời của mỗi con người. Tre giúp người dựng nhà, dựng cửa, khẩn ruộng, làm vườn. Cây nêu bằng tre cắm trước sân nhà ngày Tết khẳng định chủ quyền đất đai hương hỏa của ông bà, các loại quỷ ma chớ hòng đụng tới. Từ chiếc chõng tre, giường tre, bao thế hệ đã lớn lên,... Lớn lên nhờ đôi đũa tre trong những bữa ăn đạm bạc mà ríu rít sum vầy của mỗi gia đình. Lớn lên nhờ nồi nước xông lá ngải cứu, lá sả, lá tre của mẹ. Lớn lên cùng chiếc đòn gánh tre chịu thương chịu khó, nhẫn nại tảo tần và chiếc thuyền nan dọc ngang sông nước. Lớn lên cùng sợi lạt giang gói bánh chưng xanh, gói ghém những đặc sắc của nền văn minh lúa nước. Lớn lên cùng tiếng sáo trúc sáo tre vi vút lưng trời, cây đu đều nhịp nhún vít vồng ngày xuân.

Con mắt tre đánh dấu từng tuổi lớn...

Từ cây tre thấy hình của nước. Từ cây tre thấy hình của người. Tre và làng nước lớn lên trong gian lao, vất vả. Chiến tranh. Lũ lụt. Hạn hán. Ở đâu, mùa nào, tre cũng mọc xanh tươi. Tre rút ruột mà xanh, vắt mình mà biếc. Máu tre chắt hết cho thân và cành lá.

Thân tre thanh nhưng cứng cáp, dẻo dai. Người Việt Nam có câu: *Trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng*. Tre, trúc tượng trưng cho khí tiết con người, thẳng ngay, bất khuất.

Là thẳng ngay, tre được dùng làm thước. Là thẳng ngay, chắc nịch, tre làm roi quất kẻ phạm phép nước, phép làng...

Nhìn cây tre, con người suy ngẫm, triết lí: *Tre già măng mọc, Tre non dễ uốn, Lạt mềm buộc chặt, Vợ chồng như đũa có đôi...*

Tre giúp người nói những tâm tình:

Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng. Tre non đủ lá đan sàng được chăng? Đan sàng thiếp cũng xin vâng. Tre xanh đủ lá non chăng hỡi chàng?

Lạt này gói bánh chưng xanh. Cho mai lấy trúc, cho anh lấy nàng.

Thế kỉ XXI, những kĩ nghệ sắt thép, xi măng hóa đã rất bình thường, nhưng cần nhớ rằng sắt thép, xi măng chỉ có ý nghĩa công năng chứ không mang kí hiệu văn hóa. Tre là lối vào lịch sử và văn hóa Việt Nam...

Tre vẫn xanh trên đường quê, xóm ngõ. Tre nuôi cái giản dị, thanh cao, ngay thẳng của hồn người. Lũy tre làng là điểm cuối của cuộc tiễn đưa và điểm đầu của lần gặp lại, mỗi khi ta xa quê, về quê. Tre trĩu nặng trải nghiệm và tâm tưởng. Tre theo người ra thành phố làm đẹp những công viên, những ngôi nhà và gìn giữ hồn quê, nết quê. Những vật dụng trúc, mây, tre vẫn theo những con tàu, tự tin và tự hào đến với bạn bè quốc tế. Tiếng sáo tre vẫn say lòng bạn, lòng ta. Và tre vẫn là thành lũy kiên trung, vững vàng của Tổ quốc chúng tôi...

Ơi hàng tre xanh xanh Việt Nam, Giông tố mưa sa đứng thẳng hàng... Lăng Bác đó và hàng tre trước Quảng trường Ba Đình lịch sử! Tre xanh xanh, tre hùng thiêng đứng bên Người, chỉnh tề đội ngũ. Ta gọi Bác, gọi tre xanh, gọi hồn dân tộc: *Việt Nam ơi, ta lại gọi tên mình* (Tố Hữu).

(BÙI MẠNH NHỊ)

ĐỀ 8: *Cây quê hương.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Bậc cổ thụ ấy tôi gọi là Cây quê hương. Bởi chưng nó mọc ở quê hương tôi. Nhưng, lại không đơn giản chỉ là như vậy. Quê tôi thiếu gì cây, cây to nữa là khác. Nhưng quả thật cả một vùng quê, không có cây cao bóng cả nào được như thế.

Nói cho rõ ràng hơn, ấy là cây ngô đồng, mọc ven một gò đồi thấp, thuộc địa phận Quán Cháo, Thổ Hoàng của huyện Ân Thi. [...]

Tôi yêu nó không những vì nó mọc ở quê hương mà tôi còn bảo nó chính là quê hương. Năm tôi học lớp đồng ấu, cây ngô đồng ở ngay chân che sân ngôi trường tiểu học của tôi. Trống trường rồi, tôi nhắm ngọn cây cao kia mà chạy cho nhanh. Chiều về gặp mưa qua cánh đồng vắng, tôi ngoái nhìn ngọn cây cao kia để hết sợ. Giờ ra chơi, thay vì đánh bi đánh đáo, tôi với bạn cùng lớp nhiều người thích ra ngắm cây, đố nhau ước lượng chiều cao của cây. Bây giờ đã lớn, nhớ lại chắc có người ngượng vì thuở ấy đã bảo cây cao tới 100m! Đố nhau đoán tuổi của cây, chúng tôi càng mơ hồ, càng không ai chịu ai. Thuở lên sáu lên bảy ấy, chúng tôi đều bảo ít ra cây cũng phải bảy mươi. Tôi thoát li quê hương đi công tác, nay trở về sau mấy cuộc trường kì, tôi thấy cây vẫn cao lớn như năm chúng tôi lên bảy. Theo cách nhẩm tính bụng bảo dạ, lên bảy cây đã ít ra bảy mươi, vậy nay, mình bảy mươi, có phải bậc cổ thụ ấy tuổi đã được trăm vài chục rồi không? Quả thực tôi cũng đã được nghe có người nói nó được trồng từ năm 1907, cái năm huyện lị được chuyển từ Chợ Thi về đây, người trồng chính là ông quan huyện. Không biết có thật hay không, tôi cứ muốn tin là "cụ" đã có già thế kỉ tuổi thọ. Bà nội của tôi xưa còn phải gọi là cổ thụ kia mà! Ngày tôi còn nhỏ ấy, năm nào tôi cũng được theo bà đi lễ đền ủng, thờ đức Phạm Ngũ Lão. Lượt đi cũng như lượt về, bà cháu tôi đều lấy "cụ" Ngô Đồng ấy làm mốc giới, xem mình đã đi, đã về được đến nơi chưa?

Cái cây quê hương chính tôi cũng không ngờ thế mà đã đeo đuổi tôi suốt cả đời người. Nó đã thực sự thành quê hương trong tôi, tạo nên niềm vui, nỗi nhớ trong tôi qua các năm tháng, trên các nẻo đường tôi đã đi.

Kháng chiến toàn quốc, tôi xa quê, cũng là xa cây ngô đồng biểu tượng cho quê. Đi đâu đâu, trong nỗi nhớ quê có nỗi nhớ cây ngô đồng. Chiến tranh phải ở rừng, ngày đêm sống với cây, nhưng có cây nào là cây ngô đồng! Trên đường kháng chiến, một lần qua Sơn Tây, tôi gặp một cây ngô đồng, nhưng là cây ngô đồng cảnh! Gốc nó sát đất, phình to một vốc tay tỏ ra sức lực vững chãi, lá to cuống dài, nhưng hoa li ti những đốm đỏ. Gặp nó được trồng trong chậu đến là vui, nhưng lại là một đối nghịch với cây ngô đồng quê hương của tôi như trời với biển.

Một lần qua đất Phú Thọ, người ta đọc cho nghe một bài thơ Tản Đà có từ cây ngô đồng, chỉ cho tôi được thấy một cái cây. Có phần giống là từ thân đến cành đều có nước da màu xanh lá cây. Nhưng lại hoàn toàn khác là các cành mập mạp lạ thường và đều mọc hình thước thợ với tấm thân tròn vạm vỡ và mọc thẳng. Người ta bảo tôi đó là cây ngô đồng, nhưng tôi không hình dung được đó là cây ngô đồng quê hương, cho dù hình dáng nó cũng đẹp lắm. Càng đẹp hơn khi tôi hình dung nó trong câu hát *Cây ngô cành bích, con chim phượng hoàng nó đỗ cành cao.* Quả thế thật, tưởng tượng con chim phượng hoàng với các dáng yêu kiều và cái đuôi dài sặc sỡ kia đứng đậu trên một cành ngang mập mạp da xanh này thì thật là đẹp biết mấy! Nhưng cũng chỉ thế thôi, lại càng làm tôi nhớ cây quê hương. [...]

Chiến tranh tan hoang ở miền Bắc. Tôi qua thị xã Thanh Hóa, gặp được cây ngô đồng đứng sừng sững xanh cây tốt lá giữa phố phường. Tôi nhận ra

ngay tấm thân của nó đầy gai nhọn li ti, da phủ màu xanh như cây ngô đồng quê tôi. Người già xứ Thanh nhận ra sự chăm chú của tôi, đoán biết điều tôi chưa hiểu, đó là sức sống của nó – nó sống rất khỏe và lớn rất nhanh, người già trồng nó dễ hi vọng còn được hưởng bóng cây trước lúc qua đời. Cho bom Mĩ đốn cành phạt lá, nó vẫn đủ sức mọc nhanh bù lại hơn cả sức pha của bom đấy! Xem ai được ai thua?

Một chiều Ân Thi. Buổi chiều trong trẻo nhưng lại thương cảm đến thế đối với tôi. Tâm sự đầy vơi không biết nói thế nào! Lòng dạ không biết buồn vui thế nào mà nói.

Cùng đi với tôi có nhà báo trẻ Phạm Thành cầm theo cái máy ảnh. Nhưng, đồng chí Bí thư Huyện ủy vẫn dành thì giờ tiếp tôi, mà lại là tiếp không phải trong phòng khách long trọng của huyện. Chúng tôi suốt buổi ở bên gốc cây ngô đồng.

Chúng tôi không có đủ người để dang tay ôm cây xem nó có lớn lên chừng nào? Thực tình có ôm cũng không thể xác định nổi. Bằng cảm giác, tôi lại vẫn thấy nó cao lớn đẫy đà như sáu bảy chục năm về trước, mùa này không lá, cành lớn cành bé của nó xòe rộng cả một mảng trời trên đầu. Tấm thân đầy gai li ti vẫn xanh một màu xanh huyền ảo.

Hoa mùa này đã rụng. Quả không xòe sợi bông. Chỉ có chim ríu rít thay lời cây. Cây quê hương nói bằng sự im lặng. Sự im lặng đồng tình lúc ta nổ súng cướp chính quyền. Sự im lặng mỉm cười chứng kiến đàn con du kích tập kết nơi đây đã đi diệt tề phá bốt. Sự im lặng thách thức bom đạn Mĩ. Tôi còn hình dung sự im lặng kia hàm sức một cách kín đáo nỗi nhớ những người con quê hương tỏa đi cứu nước ở khắp mọi miền.

(ĐÀO VỊ)

ĐỀ 9: Cây dừa nước.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Ai đã từng đến vùng sông nước phía Nam hẳn không thể nào quên những dãy cây dừa nước xanh mướt dọc theo những con kênh rạch hay cảm giác đi thuyền chui giữa bóng mát của rặng cây. Thật là thú vị!

Trước hết, đừng lẫn cây dừa nước này với cây rau dừa nước là một loài cây thân cỏ mọc bò ven bờ nước hoặc nổi trên các ao hồ. Dừa nước là một loại cây cùng họ với cây dừa, mọc phổ biến ở các bãi lầy vùng cửa sông ven kênh rạch các tỉnh ven biển đồng bằng sông Cửu Long. Rặng dừa nước chạy men theo các con kênh, con rạch tạo nên một quang cảnh độc đáo và nên thơ cho vùng sông nước phía Nam. Khi bơi thuyền trên dòng kênh xanh giữa hai hàng dừa nước, ta cảm thấy khoan khoái mát mẻ, dễ chịu biết dường nào!

Dừa nước là loại cây có dáng khá đẹp với những chiếc lá lớn giống lá dừa dài tới vài mét, mọc thẳng lên từ trên mặt nước. Dừa nước không có thân mọc

thẳng như dừa cạn. Thân dừa nước mọc ngang mặt đất bùn mang nhiều sẹo lá (do các lá rụng để lại sẹo). Các sẹo này to bằng chiếc thớt và xếp đè lên nhau thành dãy nằm dài trên đất. Dừa nước cũng cho trái. Trái dừa nước nhỏ hơn dừa cạn, có cạnh, các trái mọc thành cụm (buồng) lớn khoảng đôi chục trái.

Cây dừa nước là cây có giá trị về nhiều mặt. Có thể lấy lá dừa làm tấm lợp, tấm phên che nắng mưa hoặc làm củi hoặc đan lát đồ dùng hằng ngày... Thân cây có thể dùng chế than hoạt tính. Có thể khai thác chất dịch ngọt của dừa để sản xuất đường, làm rượu, nước giải khát. Những chất dịch này không phải lấy từ trái dừa mà lấy từ cuống cụm quả. Một cây dừa nước có thể khai thác dịch ngọt này trong khoảng từ 50 tới 60 ngày liên tiếp, về sau lượng dịch giảm dần. Mỗi cây cho lượng dịch khoảng hơn 40 lít, trong khi đó chỉ cần 32-34 lít dịch để lên men cất thành 1 lít cồn nguyên chất.

Ngoài ra, dừa nước trồng ven kênh, rạch nhờ có thân nằm ngang nên có tác dụng giữ đất rất tốt, chống xói lở ven bờ.

(NGUYỄN THỦY HỒNG – ĐỒNG XUÂN QUẾ)

ĐỀ 10: Chuối ngự Hà Nam.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Ở ngoại thành Nam Định, và dọc bờ sông Châu Hà Nam, nhiều nơi nổi tiếng về trồng chuối ngự. Nhưng ngon nhất vẫn là chuối làng chiêm trũng Đại Hoàng (Lí Nhân, Hà Nam).

Cây chuối ngự, theo các cụ kể ít ra đã có từ thời nhà Trần. Từ phủ Thiên Trường đến ngoại thành Nam Định, các làng xóm ở Hà Nam, nhiều vùng đất là quê hương, là thái ấp các vua quan nhà Trần. Nhân dân quý trọng những ông vua thương dân, đánh giặc giỏi, nên đã trồng loại sản vật quý giá để dâng vua: chuối ngự.

Trồng chuối cũng kì công, từ mùa xuân năm nay đến mùa xuân năm sau mới ra hoa kết trái. Khác với cây chuối ngự trâu, quả to, ăn nhạt, chuối ngự thóc (hay còn gọi là chuối ngự mít) là loại được chọn tiến vua. Qua mùa bão táp mưa sa, cây càng phải gìn giữ kĩ. Mỗi cây có một cột tre làm nơi nương tựa. Ngay cả việc chăm sóc, chuối ngự cũng cầu kì. Loài cây này "ăn" sạch, thức ăn của chúng là các loại bùn ao, nước gạo, dầu lạc, chứ không ưa các loại phân uế tạp.

Chuối ngự đậu quả, không để chín cây mà phải giấm rất kì công. Lò giấm vách đất, chứa được mươi buồng, đủ nhiệt độ cho chuối chín mà không nẫu. Mùa chuối chín, hương thơm tỏa đầy ắp nhà. Quả chuối ngự xinh xinh, bụ bẫm, cuống thanh thanh. Các cụ ngày xưa thường ví như "búp tay cô gái" kéo sợi dệt vải quê đồng chiêm. Vỏ chuối vàng óng như lụa, bóc vỏ, ruột lộ ra liền. Quả chuối mềm nuột, màu vàng nhạt, cắn một miếng, lộ ra ruột màu vàng sậm, thơm nức. Cái ngọt đậm đà đầu lưỡi.

Mua chuối ngự, ở chợ Rồng, chợ Viềng, màu vàng sáng rực chợ. Cái màu vàng làm say lòng Nguyễn Tuân khi thăm chợ Rồng: "Tơ chín vàng, chuối chín vàng. Màu hoa hòe nở rộ vào mỗi mùa nhập trường thi chữ Hán ngày

xưa, cũng khó mà đọ được với vàng chuối, vàng tơ của chợ Rồng chói lọi. Cái màu vàng giãy nảy lên ấy, tưởng chỉ có được trong nghệ thuật và tranh màu". Tơ, lụa, chuối, theo Nguyễn Tuân, làm cả chợ rực sáng lên như nhuộm tấm trong một cái ráng trời óng lộng cuối mùa thu.

Làng Đại Hoàng, đất của chuối ngự, cũng chính là làng quê của nhà văn Nam Cao. Nghe kể, thời đi dạy học đi viết văn ở Hà thành, Nam Cao rất nhớ món chuối ngự làng mình. Ông đi khắp chợ, gặp chuối ngự là mua về, để thơm nức mới thưởng thức, như nhớ về rặng tre, vườn chuối thân thương.

(Theo báo NHÂN DÂN ĐIỆN TỬ)

ĐỀ 11: Hãy giới thiệu về bánh giầy Quán Gánh trong ngày quốc giỗ Hùng Vương.

BÀI ĐỌC THAM KHẢO

Trải qua mấy ngàn năm lịch sử, bánh giầy được nhiều vùng sản xuất làm đồ tế lễ trong những ngày húy kị, làm quà biếu người thân. Trong số những vùng lưu truyền làm bánh có làng Thượng Đình ở ngay cận kề với Thăng Long. Đó là bánh giầy Quán Gánh nổi tiếng xưa nay.

Bánh giầy Quán Gánh được làm bằng thứ gạo nếp hoa vàng chọn kĩ, vừa đều hạt vừa không thể lẫn những hạt gạo khác loại. Nước đồ xôi cũng phải là thứ nước sạch tuyệt đối thì hạt xôi mới trắng, mới giữ được mùi hương lúa và khi giã bánh mới mịn, nhuyễn, dẻo.

Năm nay, toàn thể nhân dân thôn Thượng Đình được sự bảo trợ và giúp đỡ phối hợp của Quỹ Văn hóa – Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, Hội Bảo tồn Di sản Văn hóa Thăng Long – Hà Nội, cùng nhau làm một chiếc bánh giầy đặc biệt dâng lên đền Hùng giỗ Tổ. Chiếc bánh nặng 18 tạ, đường kính 1,8m (18 đời vua Hùng).

Để làm được chiếc bánh giầy này, nhân dân làng Thượng Đình phải nấu xôi một tấn rưỡi gạo, gần hai tấn củi và hàng trăm người phục dịch suốt cả một ngày đêm. Chiếc bánh bắt đầu được khởi sự từ 5 giờ chiều ngày 5/3 đến 12 giờ ngày 6/3 (âm lịch) mới xong. Đúng 1 giờ 30 bánh được chuyển về Đền Hùng.

Với tâm nguyện thành kính Tổ Tiên, nhớ về cội nguồn của dân tộc, Hội Bảo tồn Di sản Văn hóa Thăng Long – Hà Nội, Quỹ Văn hóa – Sở Văn hóa Thông tin, nhân dân làng nghề Thượng Đình cùng nhau góp sức, góp công mà làm nên.

Bánh được đặt ở sân hành lễ trước cổng đền đường lên đền Hạ để du khách thập phương chiêm bái. Dân làng làm thêm một cặp bánh chưng, bánh giầy mỗi thứ 18kg để dâng lên đền Trung làm lễ tạ Hùng Vương và cẩn cáo Lang Liêu.

Chiếc bánh giầy Quán Gánh trở thành lễ vật trong ngày Quốc giỗ năm nay là niềm vinh dự lớn lao cho làng nghề và những cơ quan tổ chức, là sự minh chứng tài năng, đức tính cần cù của những người nông dân Việt Nam.

(*Theo* NGUYỄN NGUYÊN HOÀI - *THĂNG LONG - HÀ NỘI NGÀN NĂM, số 7 -2002*)

II. THUYẾT MINH MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH

Muốn viết bài thuyết minh, giới thiệu một danh lam thắng cảnh nào, ta phải tra cứu sách vở và đến nơi tham quan, quan sát, hỏi han những người hiểu biết đáng tin cậy để có được kiến thức về nơi ấy.

Lời văn cần chính xác, biểu cảm, ít nhiều có kèm theo miêu tả, bình luận thì sẽ hấp dẫn hơn.

DÀN BÀI CHUNG THUYẾT MINH DANH LAM THẮNG CẢNH

1. **MỞ BÀI:** *Giới thiệu danh lam thắng cảnh (thường bằng một câu định nghĩa chỉ ra đặc điểm).*
2. **THÂN BÀI**
   a) Nêu vị trí của danh lam thắng cảnh.
   b) Nêu lịch sử hình thành hoặc xuất xứ của tên gọi.
   c) Nêu các phần của danh lam thắng cảnh.
   d) Miêu tả danh lam thắng cảnh.
   e) Nêu các đặc điểm của danh lam thắng cảnh.
3. **KẾT BÀI:** *Lời đánh giá (nhận xét) danh lam thắng cảnh.*

ĐỀ 12: Giới thiệu một danh lam thắng cảnh: Thành phố Hồ Chí Minh.

DÀN BÀI

1. **Mở bài:** *Giới thiệu danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh.*
2. **Thân bài:** – *Vị trí.*
   – *Xuất xứ, nguồn gốc tên gọi.*
   – *Các điểm tham quan du lịch nổi tiếng.*
3. **Kết bài:** *Lời đánh giá chung.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Nói đến một thành phố trẻ trung, năng động vào bậc nhất ở nước ta, một thành phố đang dẫn đầu cả nước về công nghiệp và đặc biệt là đã thu hút tới 70% khách du lịch hằng năm của cả nước là nói Thành phố Hồ Chí Minh.

Nằm giữa đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên, Thành phố Hồ Chí Minh cách Thủ đô Hà Nội 1738km đường bộ. Trung tâm thành phố này cách bờ biển Đông (biển Thái Bình Dương) 50km đường chim bay.

So với năm ngàn năm tuổi của đất nước, Sài Gòn chỉ mới ba trăm năm nghĩa là vẫn rất trẻ. Nói ba trăm năm là tính từ thời điểm thành lập phủ Gia Định dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu năm 1697. Thành Gia Định về sau này trở thành Thành phố Sài Gòn. Gọi tên Sài Gòn nhiều người cho là xưa vùng đất này có nhiều rừng, lại có nhiều loại cây gòn. Nên nhớ là cách đây hai thế kỉ, Sài Gòn đã được ca ngợi là Hòn Ngọc Viễn Đông. Sau ngày giải phóng miền Nam, đất nước thống nhất, kì họp thứ nhất ngày 02/07/1976

của Quốc hội khóa VI nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã chính thức đổi tên Thành phố Sài Gòn là Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình ảnh của Sài Gòn năm xưa được Trịnh Hoài Đức (1765–1825) miêu tả trong bộ sách *Gia Định thành thông chí*: *Phố xá trù mật, chợ làm dọc theo bến sông. Đầu là rạch Sa Ngư có cầu ván bắc ngang, hai bên cầu có phố ngói, tụ tập cả trăm thứ hàng hóa. Dọc theo bờ sông, thuyền buồm lớn nhỏ đậu san sát.* Theo Minh Hướng trong *Nhớ Sài Gòn (NXB TP Hồ Chí Minh, 1994)*, người Sài Gòn *ăn nói tự nhiên, nhiều lúc hề hà, dễ dãi. Phần đông ít dàn dựng, tính toán. Người Sài Gòn cũng như phần lớn người lục tỉnh rất chơn thành bộc trực.* Nhà văn này cũng đã nhận ra được: *Sài Gòn rộng mở và hào phóng là nơi rất thuận lợi cho người tứ xứ đến đây sinh sống.*

Ngày nay, đến Sài Gòn Thành phố Hồ Chí Minh, du khách có thể đến những điểm du lịch trên biển như:

– *Bến Nhà Rồng (Nhà Rồng* hay Khu lưu niệm Bác Hồ) số 1, đường Nguyễn Tất Thành, quận 4. Khu này nằm trên ngã ba sông Sài Gòn là một tòa nhà ba tầng. Chính nơi đây, Bến cảng Nhà Rồng vào ngày 5 tháng 6 năm 1911, con tàu Amiral Latouche Tréville đã đưa người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành (mà sau này là Bác Hồ của chúng ta) ra đi tìm đường cứu nước.

– *Hội trường Thống Nhất (dinh Độc Lập)*, nơi đây ngay từ năm 1868 thực dân Pháp cho xây dựng Nôrôdom. Đến năm 1963, Ngô Đình Diệm xây dựng lại và gọi là dinh Độc Lập. Sau này miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, dinh này được đổi tên là Hội trường Thống Nhất.

– *Chợ Bến Thành*, chợ này có từ xửa từ xưa trước khi thực dân Pháp đến xâm chiếm. Do ở gần bờ sông Bến Nghé, chợ xưa có bến để hành khách và quân nhân vào thành nên được gọi là chợ Bến Thành. Có thể xem đây là chợ tiêu biểu nổi tiếng nhất của Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh.

– *Thảo Cầm Viên* (còn gọi là vườn Bách thú, vườn Bách thảo, Sở thú). So với các thảo cầm viên lâu đời của thế giới như Vườn Bách thảo Mátxcơva được xây dựng năm 1864, vườn Bách thảo Tôkyô 1882, Budapét 1886 thì Thảo Cầm Viên của Sài Gòn cũng lâu đời không kém gì. Nơi đây được xây dựng từ năm 1864.

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố được vinh dự mang tên Bác, vị Cha già của dân tộc, Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Người thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, là thành phố rạng danh Hòn ngọc Viễn Đông và cũng là trung tâm của trọng điểm phát triển kinh tế phía Nam đất nước...

ĐỀ 13: Giới thiệu một di sản thiên nhiên thế giới của Việt Nam được UNESCO công nhận.

BÀI LÀM THAM KHẢO

HANG ĐỘNG PHONG NHA – KẺ BÀNG

Khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng nằm trong vùng địa máng Trường Sơn thuộc địa phận các huyện Bố Trạch, Minh Hóa của tỉnh Quảng Bình, với các

dãy núi đá vôi phát triển hầu như liên tục, thành phần tương đối đồng nhất. Cùng với khối núi đá Ma-ha-say của Lào, đây được đánh giá là vùng Hang Karst rộng nhất thế giới với diện tích 200 ngàn ha. Trong phiên họp toàn thể lần thứ 27 từ 30/06/2003 đến 05/07/2003 tại Paris, Uỷ ban Di sản Thế giới UNESCO đã công nhận vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng là di sản thiên nhiên thế giới.

Khu Phong Nha – Kẻ Bàng có một quần thể hang động phong phú, kì vĩ. Một học giả cho rằng, đây là thiên đường cho bộ môn hang động học và du lịch hang động quả không ngoa. Đến nay, 20 hang động với tổng chiều dài trên trên 70km đã được đoàn khảo sát Hoàng gia Anh phối hợp với khoa Địa lí, Đại học Quốc gia Hà Nội khảo sát có hệ thống, kĩ lưỡng và được công bố trên tạp chí *Hang động thế giới*. Trong số 20 hang động được khảo sát thì có 17 hang động ở vùng Phong Nha – Kẻ Bàng, được đánh giá là một trong những cảnh quan đẹp nhất thế giới với các đặc trưng: có sông ngầm dài nhất, các hang có chiều cao và rộng nhất, các bãi cát trong hang dài nhất và có những cột thạch nhũ đẹp tuyệt vời. Hang Vòm có độ dài trên 15km được xếp vào danh sách hang động có sông ngầm dài nhất thế giới.

Cùng với các hệ thống hang động kì diệu, còn có những dòng sông: sông Trốc, sông Chầy, sông Son chảy trong khu Phong Nha – Kẻ Bàng với dòng nước trong xanh, chảy giữa vùng núi đá, có rừng với một thảm thực vật phong phú tạo nên cảnh đẹp thơ mộng như bức tranh thủy mạc đầy quyến rũ du khách. Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng còn tồn tại một khu rừng nhiệt đới nguyên sinh ít bị tác động với độ che phủ trên 95% và tính đa dạng sinh học cao. Theo số liệu điều tra bước đầu đã thống kê được 140 họ, 427 chi, 751 loài thực vật bậc cao, trong đó có 36 loài nguy cơ bị tuyệt chủng và được ghi trong sách đỏ của Việt Nam. Ngoài tài nguyên thực vật đa dạng, kết quả điều tra đã thống kê được trong rừng Phong Nha – Kẻ Bàng có 32 bộ, 98 họ, 256 giống, 381 loài của 4 lớp động vật có xương sống ở trên cạn. Trong đó có 65 loài quý hiếm trong sách đỏ của Việt Nam, 23 loài được xếp vào danh sách bảo vệ toàn cầu. So với các khu bảo tồn và vườn quốc gia khác ở Việt Nam thì độ phong phú của các loài động vật ở Phong Nha – Kẻ Bàng còn khá cao. Các loài quý hiếm như voọc má trắng có số lượng cao nhất trong nước.

Phong Nha – Kẻ Bàng có hàng chục đỉnh núi cao trên 1000m, hiểm trở, chưa từng có vết chân người, là các điểm hấp dẫn thể thao leo núi và thám hiểm. Điển hình là các đỉnh Corilata cao 1128m, Copreu cao 1213m, xen kẽ giữa các đỉnh trên 1000m là những thung lũng bằng phẳng và các đỉnh núi từ 800m đến 1000m phù hợp cho du lịch sinh thái và leo núi như ngọn Phu Sinh 965m, Mama 835m. Đặc biệt đỉnh Mã Tắc cao 721m, có một mặt bằng rộng 70ha.

Khu Phong Nha – Kẻ Bàng còn ghi dấu nhiều di tích lịch sử quý giá. Trước hết phải kể đến di tích căn cứ kháng chiến chống Pháp của vua Hàm Nghi cuối thế kỉ XIX tại núi Marai. Trong thời kì kháng chiến chống Mĩ, những địa danh như bến phà Xuân Sơn, đường mòn Hồ Chí Minh, đường 20 Quyết Thắng đã đi vào huyền thoại.

Trong những năm qua, khu du lịch Phong Nha – Kẻ Bàng đã trở thành khu du lịch yêu thích của du khách. Số lượng khách đến tham quan Phong Nha – Kẻ Bàng ngày càng đông. Hiện nay tỉnh Quảng Bình đang tiếp tục

nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, mở thêm các tuyến du lịch sinh thái, tạo nhiều sản phẩm du lịch mới, gắn việc tham quan du lịch với các di tích lịch sử của đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại để Phong Nha – Kẻ Bàng thực sự là một trong những khu du lịch trọng điểm của cả nước.

(Theo THÀNH PHƯƠNG, Báo ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM, số 109–2003)

ĐỀ 14: Bất ngờ Trà Vinh...

BÀI LÀM THAM KHẢO

Với diện tích tự nhiên 2360km^2, tỉnh Trà Vinh có hình dáng như một hình chữ nhật được phân bố thành ba vùng rõ rệt: vùng nước ngọt, vùng nước lợ và vùng nước cận biển hoàn toàn mặn. Đây là một trong những vùng đất cổ xưa được hình thành do biển đưa phù sa vào từ hàng ngàn năm nay. Trà Vinh còn là nơi đang tồn tại sự hòa hợp của ba nền văn hóa Việt – Khmer – Hoa qua hình ảnh những ngôi chùa...

THỊ XÃ DƯỚI RỪNG CÂY

Có lẽ chưa có một thị xã nào ở nước ta mang dáng dấp tỉnh lị phố xá lại nằm dưới một tán rừng cây cao bóng cả như Trà Vinh. Trên một diện tích không lớn lắm vậy mà thị xã Trà Vinh có hơn 5000 cây sao, dầu cao 20-30m tỏa bóng che mát cho những đường phố sạch sẽ, yên tĩnh và thanh bình.

Nếu như du khách muốn tìm đến một nơi nghỉ ngơi có cảnh quan thú vị nửa phố thị, nửa rừng cây và có thể có cả sóng biển vỗ ầm ào suốt đêm thì nên một lần ghé qua Trà Vinh. Du khách sẽ đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Khi đến vùng đất "lạ mà quen" này – lạ là vì chỉ đi xa vài cây số, từ một thị xã bán buôn sầm uất, phố phường đông vui thì lại thấy ngay những rừng cây xanh chẳng thua gì những rừng khộp của Buôn Ma Thuột – rồi qua dải rừng ấy đột nhiên lại hiện ra những dòng sông rộng mênh mông, có đoạn từ bờ này sang bờ kia rộng 5km nước luôn ngầu đục phù sa. Có nhiều người cho rằng, muốn tìm cảm giác dòng sông cuốn đến tận chân trời thì nên đến Trà Vinh.

VĂN HÓA LỄ HỘI

Như đã nói, Trà Vinh là nơi quy tụ của 3 dòng văn hóa Việt – Khmer – Hoa nên các mùa lễ hội ở đây cũng rất đặc trưng. Đến Trà Vinh vào mùa này, du khách sẽ có dịp tham dự nhiều lễ hội đặc sắc.

Vào mùa Vu Lan (tháng 7 âm lịch) du khách sẽ được chứng kiến những lễ hội độc đáo tại Vạn Niên Phong Cung (thị trấn Cầu Kè). Du khách sẽ tham dự các nghi thức tổ chức rước lễ trang trọng như: Lễ rước Phật ở các chùa, rước Thần ở các đình làng; Lễ thỉnh kinh – diễn lại sự tích thỉnh kinh của thầy trò Đường Tăng Tam Tạng; Lễ Đàn thí thực; Lễ cầu Quốc thái Dân an...

Lễ hội cúng biển Mỹ Long được tổ chức hàng năm trong ba ngày (10-12/5 âm lịch) tại Miếu Bà Chúa xứ ở biển Mĩ Long, huyện Cầu Ngang. Nghi lễ tiến hành trang trọng với: Lễ Nghinh Ông Nam Hải, rước Bà Chúa Xứ, Lễ tế Thần Nông... rất tưng bừng náo nhiệt.

Lễ Chul Chnăm Thmây là Lễ tết đón mừng năm mới vào giữa tháng 4 dương lịch. Tưng bừng nhất có lẽ là lễ hội Ok Om Bok, còn gọi là Lễ cúng trăng. Theo tín ngưỡng của người Khmer, mặt trăng được coi là vị thần mang lại mùa màng tươi tốt, cuộc sống ấm no cho dân làng. Lễ Ok Om Bok được tổ chức vào ngày rằm tháng 10 âm lịch. Khi trăng lên cao, một vị cao niên nhất làng sẽ tiến hành lễ tạ ơn Thần Mặt Trăng, xin mặt trăng tiếp nhận lễ vật và ban phúc cho mọi người. Ngoài ra dân làng còn tổ chức các trò chơi dân gian như: thả đèn gió, đấu võ, kéo co, múc Lâm-Thol...

Trong dịp lễ Ok Om Bok còn diễn ra một sinh hoạt hào hứng khác là hội đua ghe Ngo. Ghe Ngo dài khoảng 24m, ngang 1,2m làm từ một thân cây gỗ tốt, mũi và lái đều quớt cong lên, được trang hoàng rực rỡ. Những vận động viên tham gia đua ghe là những chàng trai khỏe mạnh, tay chèo mạnh và là những người bơi lội giỏi. Về dự lễ hội Ok Om Bok, du khách sẽ có dịp tìm hiểu bản sắc văn hóa riêng của người Khmer, được hòa mình vào những làn điệu dân ca mượt mà mang đậm tính dân tộc. Tất cả những điều đó như níu giữ chân du khách.

THƠ MỘNG MỘT VÙNG BIỂN

Trà Vinh có những cảnh quan tự nhiên vô cùng hấp dẫn như ao Bà Om, rừng dước bạt ngàn trên 840ha, cồn Nghêu nằm cách bờ biển Mỹ Long 10 phút đi canô. Cồn Nghêu chỉ xuất hiện khi thủy triều xuống. Lúc triều lên thì toàn bộ cồn chìm trong làn nước biển mênh mông. Chính sự ẩn hiện thất thường của cồn là điều thích thú đối với du khách. Cồn Nghêu còn được gọi là "mỏ nghêu", bởi nghêu nhiều vô kể. Khách sẽ được thưởng thức một bữa nghêu nhớ đời. Hoặc đến rừng dước sẽ được thưởng thức món đặc sản: con chù ụ, con vộp hấp sả. Bạn sẽ biết món chù ụ, vộp ngon đến khó quên thế nào.

Và còn một điểm du lịch mà du khách đừng bỏ qua, đó là biển Ba Động, một vùng biển mà từ đây, nếu muốn, du khách sẽ được tàu du lịch đưa đi tham quan Côn Đảo, chỉ mất 8 tiếng đồng hồ vượt biển Đông.

Ba Động có 3 khu du lịch gồm khách sạn và Restaurant. Ở đây khách sẽ được những ngày nghỉ với sóng và gió biển rì rào suốt ngày đêm, rất an ninh và thoải mái. Chưa hết, khách sẽ được thưởng thức món cua gạch đặc biệt của Trà Vinh do 3 khách sạn Ba Động, Song Hỷ và Bưu Điện chế biến. Đảm bảo một lần về nghỉ ngơi ở biển Ba Động bạn sẽ giữ lại những kỉ niệm khó quên.

Trà Vinh đang chuyển mình để có thể trở thành một trung tâm du lịch như các "đàn anh" Vĩnh Long, Cần Thơ, Bến Tre. Chắc chắn Trà Vinh sẽ còn những điều bất ngờ ở phía trước chờ đón bạn.

(TRƯƠNG ĐẠM THỦY)

ĐỀ 15: Hãy giới thiệu một khu di tích lịch sử của dân tộc.

BÀI LÀM THAM KHẢO

KHU DI TÍCH ĐỀN HÙNG

Khu di tích lịch sử đền Hùng dựng trên núi Nghĩa Lĩnh – nay thuộc xã Hi Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, cách Hà Nội 94km về phía Bắc.

Nơi đây, xưa là Quốc đô của Nhà nước Văn Lang, dưới quyền trị vì của 18 đời vua Hùng, đóng đô ở Phong Châu.

Theo sử cũ, sau khi định đô ở Phong Châu, các vua Hùng đã chọn núi Nghĩa Lĩnh làm nơi tế trời và các thần. Núi Nghĩa Lĩnh cao 175m, nằm trên địa phận thôn Cổ Tích, xung quanh là một chuỗi gò nhấp nhô, trùng điệp. Tương truyền có tất cả 100 ngọn đồi, thì 99 ngọn vốn là 99 con voi có nghĩa, phủ phục chầu núi Tổ, riêng một con bất nghĩa, quay ngược lại bị chém đầu, vì vậy vùng này có một quả đồi có vết xẻ thành khe.

Khu di tích đền Hùng gồm đền Thượng, đền Trung, đền Hạ, lăng vua Hùng thứ 6, đền Giếng ở phía đông nam dưới chân núi Nghĩa Lĩnh (vì trong đền có Giếng Ngọc, nơi công chúa Tiên Dung và Ngọc Hoa là hai con gái của vua Hùng thứ 18 thường soi giếng để chải tóc, vấn khăn nên được gọi là đền Giếng).

Vào cổng đền, trèo 225 bậc đá là đến đền Hạ. Tương truyền đây là nơi Âu Cơ đẻ bọc trăm trứng, nở ra thành trăm con: 50 người theo cha là Lạc Long Quân về xuôi, 50 người theo mẹ lên núi, trong đó có người con đầu làm vua nước Văn Lang, đó là vua Hùng thứ nhất. Trong khu vực đền Hạ còn có chùa Thiên Quang, trước chùa có cây Thiên Tuế trăm tuổi.

Từ đền Hạ, qua nhà bia bên gốc đại già, đi xuống chân núi ở mặt đông nam thì đến đền Giếng.

Từ đền Hạ, tới đền Trung, tương truyền là nơi các vua Hùng bàn việc nước với quần thần.

Từ đền Trung lên tới đền Thượng là nơi vua Hùng làm lễ trời, đất, núi, sông. Trước đền Thượng có một cột đá dựng lên bệ cao, được gọi là *"đá thề"*. Tương truyền đây là nơi An Dương Vương Thục Phán đã nguyện đời đời tế tự các vua Hùng và giữ gìn cơ nghiệp họ Hùng để lại.

Phía bên đền Thượng là Lăng vua Hùng, tượng trưng cho Mộ Tổ.

Tại đền Hạ, Hồ Chủ tịch đã nói chuyện với Bộ đội sư đoàn 308 trước khi về tiếp quản Thủ đô 10-1954, với câu nói nổi tiếng: *"Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước."*

Trong khu di tích còn có nhà Bảo tàng Hùng Vương.

Hội đền Hùng được mở vào ngày mồng mười tháng ba âm lịch.

Sáng mồng mười có tế và rước cỗ, mỗi làng lân cận có một loại cỗ, riêng làng Cổ Tích có tục lệ dâng lễ vật bằng bánh giầy và ba loại xôi mùa (xôi trắng, xôi nhuộm đỏ và xôi tím). Trong lễ hội còn có lễ đánh trống đồng trên đền Thượng, lễ đốt đuốc ở đền Hạ và nhiều trò diễn dân tộc (đấu vật, đu tiên, múa kiếm...)

Hội đền Hùng là Quốc lễ giỗ tổ Hùng Vương. Nhân dân mọi miền trẩy hội, hành hương về đất Tổ với tình cảm tưởng nhớ cội nguồn, tưởng nhớ các vua Hùng và Tổ Tiên.

(*Theo* HÙNG CƯƠNG, THĂNG LONG – HÀ NỘI NGÀN NĂM, *số 6-2002*)

III. THUYẾT MINH MỘT PHƯƠNG PHÁP (CÁCH LÀM)

Khi giới thiệu, trình bày một phương pháp (cách làm) nào, người ta phải tìm hiểu, nắm chắc phương pháp (cách làm) đó.

Khi thuyết minh, cần trình bày rõ điều kiện, cách thức, trình tự để thực hiện và yêu cầu đối với sản phẩm.

Lời văn ở đây cần ngắn gọn, rõ ràng.

DÀN BÀI CHUNG
THUYẾT MINH MỘT PHƯƠNG PHÁP (CÁCH LÀM)

1. MỞ BÀI

Giới thiệu sản phẩm.

2. THÂN BÀI

- *Nguyên vật liệu (khâu chuẩn bị).*
- *Cách làm (các bước thực hiện).*
- *Yêu cầu kĩ thuật.*

3. KẾT BÀI

Lời nhận xét.

ĐỀ 16: Công việc đọc sách.

DÀN BÀI

1. **Mở bài**

Giới thiệu công việc đọc sách.

2. **Thân bài**

- *Cách thức đọc sách.*
- *Phương pháp đọc sách.*
- *Lợi ích của việc đọc sách.*

3. **Kết bài**

Nhận xét chung về đọc sách.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Đọc sách là một hoạt động, qua đó, lí trí (chỉ bằng cách làm việc trên những biểu tượng của một chất liệu đọc được và không có một sự hỗ trợ nào từ bên ngoài) tự vươn lên nhờ vào những phương cách riêng của mình, nhằm nâng cao kiến thức của bản thân. Việc đọc sách là phương tiện thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ và phát triển cho tâm hồn, trí tuệ mà không gì thay thế được.

Để việc đọc sách đạt được kết quả tốt, chúng ta cần phải nắm được cách thức và phương pháp đọc sách.

Trước hết, ta cần phân biệt hai cách thức đọc sách: *Đọc một tác phẩm từ bên trong* có nghĩa là chúng ta đọc chính ngay tác phẩm đó. Còn *đọc một tác phẩm từ bên ngoài* có nghĩa là đọc một tác phẩm chẳng những chính bản thân nó mà còn phải đọc thêm một số sách khác để soi sáng tác phẩm chúng ta cần đọc (như từ điển, sách bình luận...) hoặc thí nghiệm, hoặc các cuộc tham quan, du khảo...

Tiếp theo là chúng ta phải biết rõ mình đọc theo phương pháp nào. Mỗi tác phẩm có thể được đọc theo ba cách:

Đọc theo cơ cấu hoặc đọc phân tích: là phải tìm lại được những phần của tác phẩm (Phân loại sách - Tìm ra ý chính của sách - Tìm ra phần, chương, đoạn, ý và tóm tắt lại - Xác định những vấn đề mà tác giả đặt ra để giải quyết).

Đọc giải thích hoặc đọc tổng hợp: là đi từ những phần nhỏ nhất để trở về với tổng thể (Tìm những thuật ngữ của tác giả; Tìm những phán đoán của tác giả về một vấn đề nào đó; Tìm ra lập luận của tác giả; Tìm ra những vấn đề tác giả đã hoặc không giải quyết).

Đọc đánh giá hoặc đọc phê phán: là chúng ta đồng ý với những điều tác giả trình bày hoặc không đồng ý với một số điều tác giả trình bày để từ đó rút ra những điều bổ ích cho kiến thức của mình.

Việc đọc sách mang lại nhiều ích lợi cho con người. Một cuốn sách tốt là *người bạn giúp ta học tập, rèn luyện hàng ngày*. Sách mở mang trí tuệ, hiểu biết cho ta, dẫn dắt ta vào những chỗ sâu sắc, bí ẩn của thế giới xung quanh, từ sông ngòi, rừng núi cho tới vũ trụ bao la. Sách đưa ta vào những thế giới cực lớn như thiên hà, cực nhỏ như thế giới của các hạt vật chất.

Sách đưa ta vượt qua thời gian, tìm về với những biến cố lịch sử xa xưa hoặc chắp cánh cho ta tưởng tượng tới ngày mai, hoặc hiểu sâu hơn hiện tại. Sách văn học đưa ta vào thế giới của những tâm hồn người đủ mọi thời đại để ta thông cảm với những cuộc đời, chia sẻ những niềm vui, nỗi đau dân tộc và nhân loại.

Sách đem lại cho con người những phút giây thư giãn trong cuộc đời bận rộn, bươn chải. Sách làm cho ta được thưởng thức những vẻ đẹp của thế giới và con người. Sách cho ta hưởng vẻ đẹp và thú chơi ngôn từ, giúp ta biết nghĩa những ý hay, dùng những lời đẹp, mở rộng con đường giao tiếp với mọi người xung quanh.

Sách là báu vật không thể thiếu đối với mỗi người. Phải biết chọn sách mà đọc và trân trọng, nâng niu những cuốn sách quý. Càng đọc nhiều sách thì càng làm cho ta gắn bó với thế giới, cuộc đời càng trở nên rực rỡ, có ý nghĩa.

B. VĂN BẢN TỰ SỰ

Được học từ lớp 6, văn bản tự sự được nâng cao thêm ở lớp 8. Đến đây, lớp 9, kiểu văn bản này lại được củng cố và hoàn chỉnh thêm.

1. Tóm tắt tác phẩm tự sự

Tóm tắt tác phẩm tự sự là dùng lời văn của mình, giới thiệu một cách ngắn gọn, *giới thiệu một cách ngắn gọn nội dung chính* (bao gồm các sự việc tiêu biểu và nhân vật quan trọng) của một tác phẩm nào đó. Bản tóm tắt cần phản ánh trung thành nội dung của tác phẩm được tóm tắt.

Muốn tóm tắt tác phẩm tự sự cần đọc kĩ để hiểu đúng chủ đề của tác phẩm, xác định nội dung chính cần tóm tắt, sắp xếp nội dung hoàn chỉnh theo một thứ tự hợp lí, sau đó viết văn bản tóm tắt.

2. Miêu tả trong văn bản tự sự. Tự sự kết hợp với miêu tả nội tâm

Ở lớp 9, cần chú ý *Tự sự kết hợp với miêu tả nội tâm nhân vật.*

Đối tượng của miêu tả nội tâm là những suy nghĩ, tình cảm, diễn biến tâm trạng của nhân vật... những gì không quan sát trực tiếp được nên nhà văn chỉ có thể miêu tả bằng kinh nghiệm sống, bằng sự đồng cảm của mình đối với nhân vật.

Tự sự kết hợp với miêu tả nội tâm sẽ làm tăng thêm chất trữ tình và sức biểu cảm cho câu chuyện. Vì vậy, việc kết hợp này phải được diễn ra tự nhiên, khéo léo, hài hòa trong câu chuyện kể, không ảnh hưởng đến diễn biến của cốt truyện mà trái lại, giống như những điểm nhấn, làm sâu sắc hơn các tình tiết và chi tiết trong truyện.

3. Nghị luận trong văn bản tự sự

Trong văn bản tự sự, người viết có thể dùng lập luận để bộc lộ quan điểm, suy nghĩ của mình để nhấn mạnh ý nghĩa và khắc sâu thêm tư tưởng chủ đề cho câu chuyện kể, nhằm gửi đến cho người đọc những thông điệp của tác phẩm. Những lập luận đó cần phải được kết hợp tự nhiên, hợp lí trong dòng tự sự, trong mạch kể của câu chuyện.

Nghị luận trong văn bản tự sự thường xuất hiện ở những đoạn văn, trong đó người viết nêu ra những lí lẽ và dẫn chứng nhằm thuyết phục người đọc về một vấn đề nào đó. Để lập luận chặt chẽ, hợp lí, người ta thường dùng các từ và câu lập luận (câu khẳng định, và phủ định câu có các mệnh đề hô ứng...)

4. Đối thoại và độc thoại trong văn bản tự sự

Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm làm cho chuyện kể trở nên sinh động, chân thực, đồng thời tính cách và diễn biến tâm lí của nhân vật cũng bộc lộ rõ nét và sâu sắc.

5. **Người kể và ngôi kể trong văn bản tự sự**

a) Các ngôi kể

Cách kể phổ biến nhất trong các tác phẩm tự sự nói chung là kể theo *ngôi thứ ba*. Nhưng cũng có những tác phẩm tự sự được kể theo *ngôi thứ nhất*. Nghĩa là người kể chuyện xưng "tôi". Cách sau này, câu chuyện sẽ mang dấu ấn chủ quan của người kể rõ hơn với cách kể, giọng điệu riêng.

b) Cách chuyển đổi ngôi kể

Cách kể, giọng điệu lời văn, từ xưng hô, lời dẫn thoại phải thay đổi khi chuyển đổi ngôi kể. Các chi tiết miêu tả, lời biểu cảm, lời lập luận có thể cần được thay đổi hoặc bổ sung thêm cho phù hợp với ngôi kể mới.

ĐỀ 1: Kể lại một trận chiến đấu ác liệt mà em đã đọc, đã nghe kể hoặc đã xem trên màn ảnh.

DÀN BÀI

1. **Mở bài**

Giới thiệu trận chiến đấu ác liệt: Trận gì? Xảy ra lúc nào? Ở đâu? (Hưng Đạo Vương phá quân Nguyên trên sông bạch Đằng)

2. **Thân bài**

- *Hưng Đạo Vương tiến quân đến Bạch Đằng.*
- *Nguyễn Khoái nhử quân Nguyên vào tử địa.*
- *Quân ta phản công, địch mắc mưu, đại bại.*

3. **Kết bài**

Bài học rút ra được: sức mạnh của đoàn kết.

BÀI LÀM THAM KHẢO

1. Vào thế kỉ XIII, dưới đời Trần, quân ta đã lập một chiến công hiển hách trên sông Bạch Đằng. Chính trong trận này, thủy quân Việt Nam, dưới tài thao lược của Hưng Đạo Vương đã làm cho quân Nguyên xâm lăng thất bại nhục nhã.

Sử chép: Đang lúc điều binh, Hưng Đạo Vương nghe tin quân Nguyên kéo tới Bạch Đằng. Ngài tập họp quân sĩ, trỏ sông Hóa Giang xa xa trước mặt mà thề rằng: "Trận này không phá xong quân Nguyên thì không về đến sông này nữa". Quân sĩ hưởng ứng, dạ rần trời!

Ngài vội lên voi, thúc quân kéo sang sông, nhắm Bạch Đằng tực chỉ. Quân ngài tới bờ Hóa Giang nhằm lúc nước ròng. Lòng sông nhầy nhụa bùn lầy. Dân chúng trong vùng tự động đua nhau đem rơm, ván ra độn lòng sông để lấy lối cho voi đi. Nhưng voi ngài quá to nên vẫn bị sa lầy. Mọi người hì

lực cố khiêng voi lên nhưng không được. Ngài đành bỏ voi, kéo quân đi bộ. Voi trông theo ngài ứa nước mắt. Để trấn an quân sĩ, ngài bảo rằng: *"Ta thương voi trung với nước, nghĩa với chủ, chớ không sợ điềm bất thường. Ai nói nao, ta sẽ nghiêm trị."* Quân sĩ ngài vững lòng, hăng say tiến bước.

Nguyễn Khoái tuân lệnh ngài, lên thượng lưu sông Bạch Đằng, đẽo rất nhiều cọc nhọn, bịt sắt, đóng khắp giữa lòng sông. Đoạn chia quân mai phục hai bên, chờ lúc thủy triều lên ông ta mới ra khiêu chiến. Thế rồi, giờ phút chờ đợi đã đến. Ô Mã Nhi tiến quân theo dòng Bạch Đằng được vài dặm, bỗng nghe trống chiêng vang rền. Hắn thấy một tướng Nam dẫn chiến thuyền tiến đến khiêu khích. Tức giận quá, hắn thúc quân nghênh chiến. Sau vài hiệp đánh nhau, Nguyễn Khoái trá bại quay thuyền chạy dài. Ô Mã Nhi tưởng thật đuổi theo. Bấy giờ thủy triều đang lên. Mặt nước mênh mông. Thấy quân Nguyễn vượt khỏi chỗ đóng cọc khá xa, Nguyễn Khoái mới quay thuyền phản công. Hai bên đang đánh nhau hăng thì đại quân của Hưng Đạo Vương lại đến. Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp thấy quân ta tăng viện khá đông, sợ hãi quay thuyền tháo chạy. Khi ấy nước triều đang rút, cọc nhọn ở lòng sông lộ nhô. Chạy đến đó thuyền giặc vướng phải, đổ nghiêng đổ ngửa, đắm vỡ rất nhiều. Quân ta thừa thắng xông lên sát hại giặc vô số. Máu loang đỏ cả khúc sông. Hàng trăm chiến thuyền của địch bị tịch thu. Ta bắt sống được Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp và nhiều tù binh.

Chiến tích này đã cho ta một bài học về *"sức mạnh của đoàn kết"*. Để chiến thắng xâm lăng, dưới đời Trần, quân dân ta đã gắn bó keo sơn. Hình ảnh dân chúng tự động lấp lòng sông Hóa Giang để lấy lối cho quân đi là hình ảnh đẹp nhất nói lên rất nhiều tình quân dân cá nước đó.

(TRẦN VĂN TÁNG)

2.

TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ

Nhân dịp kỉ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, đài truyền hình có chiếu bộ phim về trận chiến ác liệt giữa bộ đội ta với đội quân xâm lược của thực dân Pháp. Em đã được xem một trận chiến oanh liệt của quân và dân ta nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất nước.

Để chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ (mật danh chiến dịch là "Trần Đình"), quân và dân ta gồm cả công binh, bộ binh và thanh niên xung phong mở đường thắng lợi đi vào chiến dịch. Với kế hoạch tác chiến Đông Xuân 53-54, quân và dân ta ra sức sửa đường, làm đường. Tại các bến đò, các đèo cao, địch ném bom, bắn phá ác liệt, song công tác mở đường, thông tuyến vận chuyển vẫn bảo đảm tiến độ. Ở đường thủy, nhiều thanh niên, bộ đội nhiều ngày ngâm mình dưới nước lạnh buốt phá thác, phá ghềnh khai thông dòng chảy để các đoàn thuyền độc mộc, các bè mảng đưa gạo thóc từ các nơi ra chiến dịch. Đặc biệt là đường bộ, biết bao thanh niên nam nữ phá núi,

phá đèo để bộ đội đưa pháo vào trận địa. Hình ảnh hàng dãy người kéo pháo lên núi thật gian khổ và dũng cảm biết bao. Bên cạnh đó là hình ảnh tấp nập của đông đảo dân công hỏa tuyến bằng quang gánh, bằng xe đạp thồ đưa lương thực, đạn dược ra tuyến đầu bất chấp mưa bom bão đạn của giặc.

Mở màn chiến dịch vào lúc 17 giờ ngày 13/03/54, pháo ta từ trên núi bắn cấp tập vào đồi Him Lam, phân khu Trung tâm, sân bay Mường Thanh. Quân dịch khiếp sợ trốn chui trốn nhủi vào các hầm hào. Sau đó chúng phản công nhưng bị bộ đội ta đánh trả quyết liệt...

Ngày 30/3, chúng ta bước qua giai đoạn 2 với cuộc đánh chiếm các đồi phía đông C_1, F, D, đặc biệt là trên đồi A_1, cuộc chiến đã diễn ra hết sức gay go trên từng tấc đất. Nơi đây, địch cố thủ trong các hầm ngầm, địa đạo kiên cố. Quân ta ngày đêm đào biết bao giao thông hào, đặc biệt là đào hầm vào tận căn cứ của địch...

Đợt cuối cùng của chiến dịch là vào ngày 3/5 khi quân ta tiến sâu vào trung tâm, chỉ cách sở chỉ huy địch khoảng 300 mét. Giặc thả tiểu đoàn dù cuối cùng hòng giúp phá vòng vây chạy qua Lào. Nhưng toàn bộ pháo binh và đặc biệt đại đội hỏa tiễn 6 nòng bắn dồn dập đã phá tan âm mưu này. Lúc 21 giờ ngày 6/5, khối bột phá gần 1 tấn, đặt giữa đồi A_1 bằng đường ngầm đã nổ tung vang trời, và đó là lệnh tổng tiến công. Lúc 17g30 ngày 7/5, tướng Đờ Cát-tơ-ri cùng toàn bộ tham mưu đầu hàng. Ngọn cờ *"Quyết chiến quyết thắng"* của Hồ Chủ tịch phất cao trên nóc hầm của tên tướng này.

Xem xong các trận đánh ác liệt trong bộ phim, em rất cảm phục tinh thần dũng cảm của bộ đội ta đã tạo nên một chiến thắng chấn động địa cầu như nhà thơ Tố Hữu đã viết:

Chín năm làm một Điện Biên
Nên vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng.

(HOÀNG ĐỨC HUY)

ĐỀ 2: Đã có lần em chơi ác (xấu) với bạn bè khiến em phải ăn năn hối hận về sau. Kể lại sự việc đó và cho biết cảm nghĩ của em.

DÀN BÀI

1. Mở bài

Dịp nào nhớ lại chuyện chơi ác (xấu) cũ?

2. Thân bài

Kể lại sự việc.

- *Tại sao có ý định chơi ác (xấu).*
- *Chơi ra sao?*

- *Chuyện gì đã xảy ra?*
- *Hậu quả về hành động chơi ác (xấu) như thế nào?*
- *Cho biết cảm tưởng: Em đã hối hận ra sao?*

3. **Kết bài**

Có ý định gì sau khi đã hối hận.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Tôi vừa nhận được thư Minh gửi thăm. Nét chữ của Minh làm tôi nhớ đến người bạn học cũ. Anh đã một lần chịu đau khổ vì một trò chơi độc ác của tôi cách đây hai năm. Thế là những hình ảnh tội lỗi của thời xa xưa sống lại, ray rứt lòng tôi.

Lúc ấy, gia đình Minh ở gần nhà tôi. Minh vừa học giỏi vừa hiền và ngoan. Trái lại, tôi học đã dở lại lười và tinh nghịch. Cha mẹ tôi luôn phàn nàn, trách mắng tôi. Các ngài thường nhắc đến Minh và bảo tôi noi gương. Việc đó đã làm tôi tự ái, để tâm oán thù Minh. Tôi cho rằng tại Minh nên mình mới bị đánh mắng. Tôi nghĩ kế và chờ dịp hại Minh cho bõ ghét!

Một hôm thừa lúc trời nhá nhem tối, một khúc gỗ to được đặt ngoài vỉa hè, trước cửa nhà Minh. Tôi đứng ngoài ngõ gọi Minh ra chơi. Minh vội chạy ra, vấp phải khúc cây ngã chúi xuống đất. Bỗng Minh khóc ré lên! Anh ta nằm sóng soài trên mặt đất không dậy được. Ba Minh từ trong nhà vội chạy ra, ẵm Minh vào. Ông la lên: “Chết rồi! Minh té trúng cạnh cây, máu ra xối xả!” Mẹ Minh hớt hải chạy lên lấy bông và thuốc băng cho Minh. Cha mẹ tôi cũng chạy sang thăm hỏi. Bấy giờ tôi đã ân hận. Tôi không ngờ việc làm của mình lại làm cho Minh bị thương nặng như thế!

Vết thương, hậu quả trò chơi ác của tôi, đã hành hạ Minh cả tháng trời. Minh phải nghỉ học và phải ở lại lớp. Thế mà anh không hề hé môi trách tôi đã rủ anh ra chơi khiến anh phải bị tai nạn. Anh lại còn đối xử với tôi hết sức tử tế mỗi khi tôi đến thăm.

Về nhà, lúc nào chợt nhớ đến hành động không đẹp đối với Minh, tôi lại áy náy trong lòng. Lắm lúc tôi thờ thẫn, nằm vắt tay lên trán ngẫm nghĩ việc làm ác của mình. Có đêm tôi thổn thức không sao ngủ được! Có bữa tôi ăn không ngon. Lần đầu tiên tôi cảm thấy thế nào là lương tâm cắn rứt. Thế rồi, thời gian trôi qua, Minh dọn nhà đi ở chỗ khác. Câu chuyện đáng tiếc đó đã đi vào quên lãng. Nay tình cờ lại đọc những lời lẽ thăm hỏi đầy thương nhớ của Minh, tôi cảm thấy đau khổ thêm.

Từ khi biết thế nào là hối hận, tôi đã tu tâm sửa tính để được hiền lành hơn. Tôi cố chừa những trò chơi tinh nghịch để khỏi phải gây nên những hậu quả tai hại không ngờ. Tôi nguyện sẽ tìm dịp giúp đỡ Minh hầu mong chuộc lại lỗi xưa.

(TRẦN VĂN TÂNG)

ĐỀ 3: Đã có lần em được cùng bố, mẹ (hoặc anh, chị) đi tảo mộ trong ngày Thanh minh. Hãy viết một bài văn kể về buổi tảo mộ đáng nhớ đó.

DÀN BÀI

1. Mở bài

Giới thiệu hoàn cảnh thời gian, không gian.

Em đi tảo mộ cùng với người thân ở đâu, vào dịp nào? (Có thể trong tiết Thanh minh hoặc những ngày cuối năm âm lịch hay một thời điểm khác).

2. Thân bài

- *Chuẩn bị vật dụng trước khi đi tảo mộ: nhang thơm, tiền giấy, vàng vó.*
- *Khi đến nghĩa trang, đài nghĩa trang phần mộ người thân: thắp nhang tưởng niệm ở đài nghĩa trang, quét dọn sửa sang phần mộ của người thân, thắp nhang, rắc vàng vó, đốt tiền giấy để tưởng nhớ người thân.*
- *Khi ra về.*

3. Kết bài

Suy nghĩ của em khi rời nghĩa trang. (Xúc động nhớ tới công ơn của những người đã khuất).

ĐỀ 4: Kể lại một giấc mơ, trong đó em được gặp lại người thân xa cách lâu ngày.

DÀN BÀI

1. Mở bài

Giới thiệu: Giấc mơ em được gặp lại người thân xảy ra ở đâu? Lúc nào?

2. Thân bài

Kể lại diễn biến giấc mơ.

- *Trò chuyện hỏi thăm tin tức.*
- *Kể về cuộc sống của mình.*
- *Thăm hỏi những người đang sống với người thân ấy.*
- *Lời nhắn gửi.*

3. Kết bài

Suy nghĩ cảm xúc khi chia tay với người thân.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Pa-ven đi đến cạnh trạm đỗ xe buýt điện. Anh mặc áo choàng, ngẩng đầu và bỗng nhìn thấy ngôi trường của mình ở một ngách phố – tòa nhà bốn tầng với những ô cửa sổ đen ngòm, vẫn đứng nguyên, như khi xưa... Nó vẫn như cũ, như trong thời thơ ấu, như bao năm về trước...

Pa-ven rảo bước theo hàng cây, tiến sâu vào khu vườn. Khi nhìn thấy mái nhà còn ẩn dưới những gốc cây cao, ánh đèn lờ mờ trong khung cửa sổ che lấp tấm rèm đỏ, anh hồi hộp đến nghẹt thở. Đã bao năm trời anh không được gặp cô! Liệu cô có còn ở đây không? Còn sống không? Đời cô ra sao rồi? Biết bao điều gắn bó với cái tên Ma-ri-a ấy!...

Pa-ven thận trọng, nín thở, bước lên thềm cửa. Anh gõ cửa:

– Ai đấy?

Đứng trong khung cửa sáng ánh đèn là một người đàn bà thấp bé, gầy gò. Ngay tức khắc, còn chưa nhìn rõ mặt, anh đã nhận ra cô...

– Thưa cô Ma-ri-a – Anh nói khẽ, tha thiết – Cô có nhận ra em không ạ?

– Mời anh vào – Cô nói, vẫn cái giọng lịch sự hơi nghiêm nghị mà chắc hẳn cô thường nói với phụ huynh học sinh khi họ đến gặp cô để "trình bày"...

Pa-ven bước vào phòng và nhìn thẳng vào đôi mắt cận thị mà cô giáo anh đang nheo lại như cố nhớ ra người đứng đó là ai. Anh nhắc lại:

– Cô có nhận ra em không? Thưa cô Ma-ri-a, em đây mà...

Mất mấy giây, cô ngước nhìn chăm chú vào tận mặt anh, và anh trông rõ gương mặt ốm yếu xanh xao của cô, già xọm hẳn đi, gần như hốc hác. Trong giây phút ấy, cố nén xót xa, anh thầm nhận xét: cô thay đổi quá nhiều, cô gầy hơn xưa, mảnh mai hơn xưa, chỉ có mái tóc bạc là vẫn cắt ngắn kiểu quen thuộc.

– Pa-ven... Pa-ven đấy à? – Cô thốt lên, giọng như thảng thốt – Em ngồi xuống đi... Bỏ quá cho cô, nhà cửa bề bộn thế này...

– Dạ... – Anh lấy làm lạ không hiểu vì sao một người đứng tuổi, bệ vệ như anh lại rụt rè, đỏ mặt như cậu học sinh năm xưa.

– Thế là Pa-ven, em đã về... Cô không thể nhận ra được. Em về công tác à? Có việc à?

– Em đi qua thôi, cô ạ!

– Chúng ta uống nước cái đã... Nào Pa-ven, giờ thì em kể về mình đi, em sống ra sao? Nói thế chứ cô cũng biết khá nhiều về em. Qua báo chí. Cô có đọc các bài viết về cuốn sách của em... Thế nào? Thành công chứ?

– Em chưa biết ạ... Nhưng thưa cô, ta nói chuyện cũ đi, chuyện trường ta đấy ạ...

Ma-ri-a lắc đầu, khẽ nói, giọng trầm ngâm:

– Cô nhớ rất rõ lớp em. Toàn những em trai nghịch ngợm nhưng thông minh... Em còn nhớ Mi-sa không?

– Thưa cô, nhớ chứ ạ! Em hay ganh tị với Mi-sa đó mà!

– Mi-sa đã trở thành nhà báo. Cô thường đọc bài của Mi-sa. Và thường nhớ lại những chuyện cũ...

– Cậu ta có về thăm cô không ạ?

– Không.

– Thưa cô, đã có những ai ở lớp cũ về thăm cô ạ? Cô có gặp ai trong lớp ta không ạ? – Pa-ven hồi hộp lục vấn – Cô có gặp Gri-sa không ạ? Cậu ta bây giờ là nghệ sĩ.

– Cô chỉ thấy Gri-sa trong phim thôi, em ạ.

– Em cũng thế. Vậy là cậu ta cũng không về ạ.

Ma-ri-a không trả lời. Cô cắm cúi quấy cái thìa trong tách trà và Pa-ven bất chợt trông thấy trên ngón tay cô có vết mực đỏ không bao giờ rửa sạch được. Anh nhìn lên gương mặt hốc hác của cô. Lòng xót xa, tình thương yêu đột ngột trào dâng trong anh khi anh phát hiện nhiều nếp nhăn cạnh khóe miệng cô, cái cổ mảnh khảnh, yếu ớt của cô, mái tóc cắt ngắn đã bạc trắng cả rồi. Nơi lồng ngực anh bỗng thắt lại, đau nhói. Anh chợt nghĩ: nếu cô chết đi trong những năm qua, hẳn anh đã không hề biết tới. Và các bạn cùng lớp với anh, chắc cũng không một ai biết tới...

– Thưa cô – Anh rụt rè hỏi rất khẽ, gần như thì thầm – thế Vit-ka không đến thăm cô ạ? Hình như năm ngoái cậu ta có ghé qua đây kia mà!

Cô vẫn ngồi cúi đầu như từ nãy đến giờ, chỉ có chiếc thìa quấy chậm trong tách.

– Không, Vit-ka, không đến, em ạ...

– Thưa cô, thế ai trong lớp đã đến thăm cô ạ?

– Em bảo sao cơ? Kìa em uống đi chứ! Trà nguội mất rồi.

– Không biết có đứa nào trong chúng em viết thư cho cô không ạ? Chắc cô còn nhớ Bôi-kôp, Ni-na, cả Bô-ri-a nữa? Cô có được tin gì về các bạn ấy không ạ?

Ma-ri-a lại không trả lời. Cô quay đi nhìn ra cửa sổ, khu vườn tối đen, lá cây rậm rạp...

– Cô không được tin gì cả, em ạ...

– Thưa cô – Anh nói khẽ, giọng nửa nghi vấn.

– Sao hả em?

– Cô cũng có sách của em ạ? – Anh thì thào hỏi và vội im bặt vì nhớ ra là anh đã không gửi biếu cô cuốn sách ấy.

– Ừ, cô có đọc.

Anh đứng dậy, với tay lấy ở trên giá cuốn "Kết cấu máy bay" của anh, lật giở vài trang. Cảm thấy mặt mình đang bắt đầu đỏ bừng. Anh vội nói, ngập ngượng, giọng đon đả đến lố bịch:

– Em xin đề tặng vào đây. Cô cho phép chứ ạ?

Bỗng từ trong sách rơi ra một tờ giấy nhỏ, anh vội cúi nhặt lên và trông thấy tấm ảnh mình, cắt trong báo ra. Anh sững sờ nhìn Ma-ri-a. Cô vừa quấy thìa trong tách trà, vừa hấp tấp nói:

– Cuốn sách khá đấy... Cô đã đọc một cách say sưa. Tấm ảnh ấy, cô cắt trong báo "Sự thật" đấy, em ạ. Nhân dịp ấy cô có gửi điện chúc mừng em.

Anh vội vã cất tấm ảnh vào quyển sách, như thể giấu đi một cái gì xấu xa, làm anh khó chịu. Giờ đây, vừa thấy xấu hổ, vừa thấy căm ghét bản thân mình, anh nhớ lại rành rọt hai năm trước đây anh quả có nhận được bức điện ấy trong số hàng trăm bức điện mừng khác, và anh đã không gửi điện cám ơn cô, mặc dù đã trả lời một số bức điện khác.

Pa-ven không còn nhớ rõ anh đã ghi những gì đề tặng cuốn sách, song anh nhớ rất rõ phút chia tay với cô giáo cũ: anh ngượng ngùng với lấy chiếc áo khoác trang trọng của anh treo cạnh tấm áo bành tô đã sờn vai của cô giáo già, rồi cúi chào cô mà lòng nặng trĩu một cảm giác khôn nguôi là mình có lỗi. Ma-ri-a bật đèn ở tiền sảnh, bước ra tiễn chân anh.

Anh nín thinh. Ma-ri-a cũng lặng im giây lát, rồi bỗng ngập ngừng hỏi:

– Cô muốn hỏi em một điều, Pa-ven: Liệu có một chút gì – dẫu chỉ bằng hạt cát – là đóng góp của cô trong những thành đạt của em không?

– Chết nỗi, sao cô lại hỏi thế? – Anh bàng hoàng thốt lên – Nếu như không có cô thì làm sao mà...

Cô nhìn thẳng vào mắt anh, nói với một giọng run run:

– Em tưởng cô không mừng ư? Hôm nay, cô đã được tiếp một người khách quý biết chừng nào! Em tưởng ngày mai lên lớp cô sẽ không kể lại cho học sinh của cô nghe về cuộc kì ngộ này ư? Em đi nhé, Pa-ven! Cô chúc em những thành công lớn hơn nữa! Cô chúc em luôn hạnh phúc.

Anh chia tay với cô giáo cũ. Anh rảo bước theo con đường mòn trong khu vườn khuya khoắt. Nhưng rồi không dằn nổi lòng mình, anh ngoái nhìn lại. Cánh cửa tiền sảnh vẫn mở, một vệt sáng vàng hắt ra khu vườn tối. Ma-ri-a đứng trên thềm cửa và hình dáng gầy gò lặng lẽ của cô in rõ nét trong khung cửa.

Suốt dọc đường đến tận Mát-xcơ-va, Pa-ven không sao bình tâm được, một cảm giác hổ thẹn đến rát mặt luôn giày vò anh. Anh nghĩ đến Vi-ka,

đến Sêkh-chê-rơ, đến Ax-môi-lôp, đến tất cả những người từng cùng học với anh ngần ấy năm ròng, anh muốn tìm địa chỉ của họ để viết cho họ những bức thư đầy lời lẽ giận dữ tồi tệ nhất. Nhưng anh đâu có địa chỉ của họ. Sau đó, anh định viết một lá thư thật dài xin lỗi cô Ma-ri-a, nhưng đau buồn sực nhớ ra rằng anh không biết số nhà của cô...

Đến một ga lớn, Pa-ven bước xuống, mặt cau có và lòng xúc động. Anh đến thẳng trạm bưu điện. Đứng lưỡng lự giây lát, anh gửi một bức điện đề địa chỉ trường và tên cô giáo Ma-ri-a. Bức điện ấy chỉ vẻn vẹn một câu:

"Xin cô tha lỗi cho chúng em!"

(*Xin cô tha lỗi cho chúng em* – BÔN-ĐA-RÉP)

***ĐỀ 5:** Hãy hồi tưởng và kể lại những gì em trông, nghe và cảm thấy trong lần tựu trường đầu tiên của em.*

DÀN BÀI

1. **Mở bài**

   Giới thiệu lần tựu trường đầu tiên của mình. Dịp nào khiến mình đã nhớ lại nó?

2. **Thân bài**

   Kể lại những sự việc liên tiếp xảy ra.

   – *Trên đường đến trường.*

   – *Tại sân trường.*

   – *Trong lớp học.*

3. **Kết bài**

   Sự việc sau cùng hay cảm nghĩ của em.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Mỗi khi thấy mấy em nhỏ đi học lần đầu, rụt rè, khúm núm bên người thân thì những kỉ niệm lờ mờ về ngày tựu trường đầu tiên bừng dậy trong trí tôi.

Buổi sáng hôm đó, tôi được gọi dậy sớm. Khác với ngày thường, tôi được mặc quần áo mới, đội nón mới, mang giày mới và cấp mấy quyển vở mới. Lòng tôi vui rộn lên! Thế rồi, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi, dẫn đi trên con đường làng quen thuộc. Tôi cảm thấy cảnh vật quanh đường như có cái gì mới lạ! Dọc đường, tôi thấy nhiều cô cậu trạc bằng tuổi tôi cũng cắp sách đến trường. Họ nhí nhảnh gọi tên nhau và trao sách vở cho nhau xem. Còn tôi, hình như tôi bơ vơ, lạc lõng! Tôi phải xa em tôi, xa mấy thằng bạn lối xóm, xa cả con Miêu, con Vện nữa.

Mải mê nhìn ngắm bâng quơ, chả mấy chốc tôi đã đến trường. Quang cảnh trước trường thật là ồn ào, nhộn nhịp. Học sinh lố nhố đầy sân. Ai nấy cũng ăn mặc sạch sẽ. Gương mặt họ tươi vui hẳn lên. Họ cười nói ríu ra ríu rít. Nhìn quanh, tôi chỉ thấy những khuôn mặt là lạ. Trước mặt tôi, dãy trường xinh xắn và oai nghiêm làm sao! Lòng tôi đâm ra lo sợ vẩn vơ!

Thế rồi, một hồi trống vang dội. Các thầy, các cô và học sinh cũ vội vã tiến lại, tụ họp ở hàng hiên, trước cửa lớp. Mẹ tôi dìu tôi đến sắp hàng cùng với những trò tôi chưa hề quen biết. Phần lớn họ đều vụng về, lúng túng. Một cô giáo trẻ tuổi, gương mặt hiền từ đón chúng tôi trước cửa lớp. Tôi không buồn đi. Tôi chỉ chiều theo sức đẩy của trò đi sau. Tôi cất bước nặng nề, chập choạng đến đỗi vượt qua bực thềm tôi cũng cảm thấy khó khăn. Chúng tôi đứng sát lại gần nhau như để san sẻ niềm cô độc. Hàng hiên, lòng lớp khá rộng nhưng hàng ngũ chúng tôi thường nghẽn lại.

Cuối cùng, tôi lạc vào một căn phòng xa lạ. Tôi ngửi thấy một mùi hương thoang thoảng. Từ cái bàn, chiếc ghế đến hình ảnh, khẩu hiệu... tất cả đều lôi cuốn tầm mắt tôi. Đâu đâu tôi cũng thấy mới lạ, hay hay!

Nhìn người bạn xa lạ ngồi bên cạnh, tự nhiên tôi đâm ra quyến luyến. Qua khung cửa sổ, tôi thấy vài con chim bay lượn ngoài sân. Một kỉ niệm cũ đi bẫy chim ngoài đồng nội sống lại trong trí tôi.

Bỗng tiếng thước gõ "lộp độp" trên bàn cô làm tôi giật mình, quay về với cảnh thật. Lần đầu tiên tôi nghe giọng nói đầy âu yếm của cô giáo mới. Sau lời hỏi han, dặn dò của cô, tôi cảm thấy vơi đi sự sợ sệt, xa lạ ban đầu!

(TRẦN VĂN TĂNG)

ĐỀ 6:	***Hãy tưởng tượng mình gặp lại người lính lái xe trong "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật. Viết bài văn kể về cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.***

DÀN BÀI

1. Mở bài

Giới thiệu sự việc: Cuộc gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.

Sự việc đó xảy ra ở đâu? Khi nào?

2. Thân bài

Kể lại diễn biến câu chuyện.

- *Gặp anh lính lái xe.*
- *Mắt em cay xốn xang vì gió và bụi.*
- *Trò chuyện với anh lính lái xe về những khó khăn, gian khổ khi lái chiếc xe không kính.*

– *Giật mình tỉnh dậy.*

3. Kết bài

Cảm nghĩ của em.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Tối qua, sau khi học xong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của nhà thơ Phạm Tiến Duật, em thiếp đi trên bàn học và thấy mình đang đứng bơ vơ ven đường giữa núi rừng Trường Sơn. Xa xa, xuất hiện một đoàn xe bụi tung mịt mù. Em vội vã giơ tay vẫy gọi... Một chiếc xe dừng lại và có tiếng gọi lên xe...

Em mừng quá, vội lên ngồi cạnh anh lái xe. Anh tươi cười hỏi:

– Chú bé đi đâu mà ở giữa nơi nguy hiểm này?

– Dạ, em bị lạc.

Anh bộ đội rồ máy, tiếp tục lên đường. Gió, bụi ập vào mặt, rất khó chịu. Em ngạc nhiên hỏi:

– Anh ơi, sao xe anh không có kính chắn gió?

– Xe hơi phải có kính chắn gió chứ. Đó là điều đương nhiên rồi. Nhưng xe của anh và xe của hầu hết trong đoàn đều không có kính chắn gió. Em có biết vì sao không? Vì bom giặc ầm ầm thả ngày đêm, nổ tứ phía làm cho kính vỡ hết...

– Không có kính, chắc anh phải khó chịu lắm, phải không? Em mới ngồi một chút mà đã không chịu nổi.

– Khó chịu lắm chứ! Gió thổi vào mà xe lại chạy nhanh làm mắt rất cay, rất xốn xang. Còn nữa, bụi đường tung mịt mù đến nỗi người nào người nấy cười nắc nẻ khi thấy ai cũng giống như những ông già tóc bạc...

– Xe không có kính chắn gió còn gây khó chịu nào nữa không, hả anh?

– Mùa nắng thì bụi, còn mùa mưa thì còn khổ hơn nhiều. Mưa tuôn, mưa xối vào người giống như đang đứng ngoài trời. Nhưng đâu có thì giờ thay quần áo. Thế là cứ lái tiếp đến khi mưa ngừng, gió thổi rồi cũng khô quần áo...

– Anh ơi, khổ như vậy, nhưng anh có kỉ niệm nào vui buồn không?

– Vui lắm chứ! Vui nhất là khi gặp bè bạn suốt dọc đường, mặc dù chỉ kịp bắt tay nhau qua cửa kính vỡ. Còn vui hơn nữa khi ngồi ăn chung, cùng bát đũa như một gia đình...

– Tại sao các anh chịu nhiều gian khổ mà vẫn lạc quan như thế?

– Em biết không? Dù phải chịu nhiều gian khổ hơn nữa, anh và các đồng chí lái xe chỉ có một quyết tâm duy nhất là lái xe nhanh chóng tiếp tế cho đồng bào miền Nam đang đứng trên tuyến đầu chống giặc.

Ầm! Một tiếng bom nổ vang lên. Em giật mình tỉnh dậy và cảm thấy mắt vẫn cay cay khó chịu như vừa lái một chiếc xe không kính mặc dù đó chỉ là giấc mơ.

Và giấc mơ này để lại trong em nhiều suy nghĩ và tình cảm quý báu về hình ảnh của những người lái xe trên tuyến đường Trường Sơn sáng ngời những phẩm chất cao đẹp: tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm bất chấp khó khăn nguy hiểm, niềm vui sôi nổi của tuổi trẻ và nhất là ý chí chiến đấu vì miền Nam.

(HOÀNG ĐỨC HUY)

ĐỀ 7: ***Bạn ơi đừng nghỉ học.***

BÀI LÀM THAM KHẢO

Ngày đầu tiên đến lớp vỡ lòng, tôi đã có cảm tình đặc biệt với Mai Hương. Hôm đó, tôi đánh rơi mất viên phấn trên đường đến lớp. Nếu không có nửa viên phấn của Mai Hương, chắc tôi không bao giờ viết nổi chữ *a* lên mảnh bảng đen. Dĩ nhiên đấy chỉ là một ý nghĩ tôi nói với Mai Hương khi hai đứa đã lớn.

Đường đến lớp vỡ lòng, chúng tôi gặp nhau ở ngã ba cây si, cùng đi qua cánh đồng. Khi về, đến ngã ba cây si, lại chia tay. Đi được một quãng, tôi quay lại nhìn xem Mai Hương đi tới đâu rồi. Có lần, chúng tôi bắt gặp cái nhìn của nhau. Hai đứa cùng cười tươi và vẫy tay với nhau.

Một hôm, đến ngã ba cây si, tôi không thấy Mai Hương trong lũ bạn xóm dưới. Tôi đứng chờ. Chờ lâu quá, tôi chạy một mạch qua cánh đồng. Mai Hương không có ở lớp. Tôi ngồi không yên. Rốt cuộc là tôi đã bỏ dở buổi học, chạy về làng. Tôi chạy thẳng tới nhà Mai Hương. Bố mẹ đi làm cả. Mai Hương nằm đắp kín chăn trên giường:

- Bạn làm sao thế? – Tôi hỏi.

- Tớ bị cảm từ đêm qua – Mai Hương đáp – Bạn không đến lớp à?

- Không thấy Mai Hương ở lớp, tớ bỏ học chạy về.

Mai Hương nghe tôi nói thế, cảm động nói:

- Thế thì từ nay, nếu bị ốm tớ cũng sẽ đi học, để bạn khỏi bỏ học giữa buổi. Được không?

- Được.

Sau lần ấy, Mai Hương không nghỉ học buổi nào. Tôi cũng vậy. Chúng tôi đi học đều đặn, và hầu như hôm nào hai đứa cũng đi tới ngã ba cây si là vừa gặp nhau.

Có những hôm bị cảm, trời rét, suýt nữa tôi đã gửi giấy xin phép nghỉ học. Nhưng tôi đã cố gắng dậy, cắp sách tới trường. Tôi không muốn Mai Hương phải bỏ học về tìm tôi.

Chúng tôi học cùng lớp cho đến cấp ba. Điều ấy ngoài sự tưởng tượng của Mai Hương. Mai Hương càng lớn càng xinh và ngoan nữa. Không đứa bạn nào trách cứ Mai Hương được điểm gì. Thật là một người bạn "lí tưởng".

Càng ngày, chúng tôi càng thân thiết nhau hơn. Tôi đã biết đóng một quyển sổ bằng giấy trắng loại tốt, bọc bìa cứng, thật đẹp, tặng Mai Hương để chép những bài hát chúng tôi ưa thích. Trang đầu cuốn sổ, tôi ghi nắn nót những dòng chữ: "Đời không có tiếng hát, khác nào cuộc sống không ánh sáng mặt trời. Mong tình bạn đẹp mãi như tiếng hát không ngừng."

Mai Hương tặng tôi một chiếc khăn trắng muốt, thêu một bông hoa trắng cùng với dòng chữ trắng: "Đẹp mãi tuổi thơ".

Có những buổi sáng, chúng tôi đi qua cánh đồng sương giăng trắng như sữa, nghe đồng lúa vang lên âm thanh rạo rực: Bạn ơi, đừng nghỉ học, bạn ơi...

Rồi một hôm, Mai Hương không đến lớp. Tôi ngóng bạn nao lòng. Giá hôm qua tôi cùng đạp xe rời nhà trọ về làng cùng với Mai Hương. Tôi tự trách mình và lo lắng cho Mai Hương. Mai Hương về làng chắc có gì trắc trở, sáng nay không đạp xe tới trường được. Tan học, tôi đạp xe về làng. Nửa làng tôi xác xơ, cây cối cháy rực lên. Máy bay Mĩ đã ném bom vào trạm sơ tán tàu hàng, những toa xăng đã cháy đêm qua. Nhiều ngôi nhà xóm Mai Hương trúng bom bốc cháy. Ngôi nhà của Mai Hương chỉ còn lại những hố bom sâu. Cả gia đình Mai Hương không còn ai. Tôi muốn nhìn thấy người bạn gái thân thương một lần cuối. Nhưng điều ấy không bao giờ có được nữa.

Tôi trở lại mái trường, cứ tin rằng Mai Hương đang chờ mình. Cuộc sống như thế đấy, chúng ta say sưa sống tốt mãi lên vì tin rằng có ai đó đang chờ đợi chúng ta ở phía trước. Và trong tôi cứ vang mãi âm thanh trong trẻo và rạo rực của tuổi học trò:

– Bạn ơi, đừng nghỉ học!...

(NGUYỄN TRỌNG TẠO, *Mảnh hồn làng*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1997)

ĐỀ 8: Nhân ngày 20–11, hãy kể cho các bạn nghe về một kỉ niệm đáng nhớ giữa mình và thầy (cô) giáo cũ.

DÀN BÀI

1. Mở bài

Giới thiệu một kỉ niệm đáng nhớ giữa mình và thầy (cô).

2. Thân bài

Kể lại diễn biến câu chuyện.

Mở đầu.

Mâu thuẫn.

Phát triển.

Kết thúc.

3. **Kết bài**

Nêu kết cuộc câu chuyện: Cảm nghĩ của em.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Ngày ấy, có được cây viết máy Hero của Trung Quốc là niềm mơ ước lớn lao của bất cứ đứa học trò nào. Cả khối lớp 7 trường tôi chỉ có khoảng năm đứa con nhà khá giả là có được diễm phúc ấy. Thế mà vào ngày sinh nhật của tôi, tôi lại được ba mẹ tặng cho một cái. Khỏi phải nói niềm sung sướng và kiêu hãnh của tôi khi mang cây viết đến lớp.

Khoảng một tuần sau – tôi còn nhớ hôm ấy là thứ bảy – ra chơi vào tôi rụng rời cả chân tay: cây viết của tôi đã không cánh mà bay. Cả lớp lập tức xôn xao, đứa bò xuống gầm bàn, đứa lục hộc bàn, ngăn cặp, đứa rũ tung sách vở của tôi xem cây viết có lẫn vào không. Tôi cũng máy móc làm theo đám bạn, mặc dù nhớ chắc chắn rằng trước khi ra khỏi lớp mình đã cất cây viết vào hộp. Đúng lúc đó thì cô Hoa bước vào lớp.

Sau khi nghe các tổ báo cáo tình hình xong, cô Hoa bảo tôi đứng lên kể chi tiết về sự việc cho cô nghe. Tôi hăm hở kể tất cả: nào là cây viết hiệu gì, màu gì, ai cho, thường hay để đâu, mất vào lúc nào... Thằng Kiệt nhanh nhảu:

– Cô cho xét cặp hết lớp mình là ra liền đó cô!

Cô Hoa hình như không nghe thấy lời nó:

– Ra chơi hôm nay ai ở lại canh lớp?

– Dạ, Thảo và Mai ạ.

Mai đứng lên:

– Thưa cô, em định ở lại canh lớp với Thảo cho vui, nhưng Thảo nói em cứ ra ngoài sân chơi đi, để mình Thảo ở lại canh lớp được rồi.

Lập tức trong lớp nổi lên tiếng nhao nhao:

– Xét cặp Hồng Thảo đi cô... Xét cặp Hồng Thảo đi cô...

Xung quanh tôi, đám bạn đang dồn mắt về phía Hồng Thảo, chỉ chờ cô ra lệnh là sẽ lục tung chiếc cặp kia ngay lập tức. Mà cô Hoa thì vẫn nổi tiếng là cô giáo nghiêm khắc nhất trường...

Mặt Hồng Thảo hết đỏ bừng lên rồi lại tái mét đi. Nó run rẩy lắp bắp:

– Em không lấy đâu cô... Không phải em...

– Thôi, các em, hết giờ rồi, sau tiết này cô còn bận họp giáo vụ. Thứ hai cô sẽ giải quyết tiếp. – Cô Hoa đột ngột lên tiếng rồi bước ra cửa, nhanh đến nỗi cả lớp ngơ ngác không kịp đứng dậy chào.

Sáng thứ hai, sau giờ chào cờ bao giờ nhà trường cũng dành khoảng mười lăm phút cho cô giáo chủ nhiệm dặn dò lớp. Cô Hoa bước vào, gật đầu ra hiệu cho chúng tôi ngồi xuống:

– Lớp mình tuần qua hạnh kiểm và học tập đều tốt, cô không cần nhắc gì thêm. Còn về chuyện cây viết của Nga...

Cả lớp chăm chú nhìn cô. Tôi liếc sang Hồng Thảo, tay nó run run bám chặt lấy mép bàn.

– ... Hôm thứ bảy cô họp xong thì bác lao công có đưa cho cô một cây viết, bảo rằng bác nhặt được khi quét lớp mình. Có phải cây viết của em đây không?

Tôi nhìn vào tay cô. Nắp vàng... thân xanh... chữ Hero lấp lánh... Đúng là cây viết của tôi rồi.

Tôi sung sướng nói:

– Thưa cô, đúng rồi. Em cám ơn cô.

– Em về chỗ đi. Lần sau nhớ giữ gìn dụng cụ học tập cẩn thận.

Cô đi rồi, tôi còn nghe trong lớp bàn tán:

– May quá, không thì mất rồi. Tội nghiệp, vậy mà cứ nghi cho Hồng Thảo.

Hôm ấy ra về lớp tôi lại ríu rít bên nhau, đám con gái cứ luôn miệng trò chuyện với Hồng Thảo như để bù lại sự lạnh nhạt hôm trước. Bất giác tôi thấy lòng mình vui vui và nhẹ nhõm kì lạ.

Nhưng có một điều mà tôi biết, và cả Hồng Thảo cũng biết là cây viết mà cô Hoa đưa cho tôi hôm ấy chỉ giống hệt, chứ không phải là cây viết của tôi. Ngay từ khi viết những dòng đầu tiên, tôi đã nhận ra điều đó.

Sau năm học lớp 7, tôi theo gia đình chuyển đi nơi khác. Bao nhiêu năm xa cách, không ngờ tôi và Hồng Thảo lại có dịp ngồi bên nhau. Nhắc lại chuyện xưa, Hồng Thảo mỉm cười:

– Thế mà cho đến nay mình vẫn chưa nói được lời cám ơn cô về chuyện ấy. Nga có thể tưởng tượng được không, mình đã định nghỉ học vì xấu hổ bởi hành động dại dột ấy.

– Còn mình, mình cũng biết ơn cô đã dạy cho mình một cách ứng xử trong cuộc sống.

Ôi, sao mà chưa bao giờ như lúc này, tôi nhớ cô giáo của tôi đến thế!

*

* *

Cuộc đời học trò của tôi có hai thầy tôi yêu quý.

Thầy Hưng, một ông thầy tính tình điềm đạm và hiền từ. Thầy không đánh đứa nào và cũng không hề nặng lời với ai. Không hiểu thầy buồn cái nỗi gì mà đêm nào cũng gõ mõ tụng kinh. Cũng mang giày, nhưng mỗi lần vào lớp, chân thầy bước nhẹ nhàng, không một tiếng động.

Có những lời thầy dạy, ngoài bài vở, nhưng lại là những lời khai hóa cho sự hiểu biết của chúng tôi. Thầy nói:

Nước Pháp là mẫu quốc, nói vậy thôi, chớ họ có đẻ ra mình được đâu? Người cộng sản là người yêu nước chống lại Pháp để giành lại đất nước.

Thầy nói vậy rồi nhìn cả lớp với đôi mắt buồn rầu, không nói gì thêm và cũng không bao giờ nhắc lại.

Thế là từ đó tôi hiểu. Sự hiểu biết ban đầu, như một hạt giống gieo xuống, nảy mầm, thành gốc, thành rễ, sâu xa trong trí não. Tôi cám ơn thầy biết bao.

Người thầy thứ hai, thầy giáo Ngọc. Hai thầy tính nết trái hẳn nhau. Thầy Ngọc chừng ba mươi tuổi, vừa cao lại vừa gầy, hai tay dài lòng thòng, đeo kính cận, lúc nào cũng vui nhộn. Chuyện gì thầy cũng cười được. Cái nụ cười của thầy rất lạ, khi thầy cười, mọi người muốn cười theo. Gặp mặt thầy, chưa cần thầy nói gì cũng đã thấy vui rồi. Mỗi chiều sau giờ học, cùng với cây đàn băng-giô, thầy ngồi chéo chân lên bàn, vừa đàn vừa dạy chúng tôi...

Tiếng hát đồng ca trong trẻo của đám học trò cùng với tiếng đàn băng-giô của thầy đã khuấy động phần nào không khí trầm lặng của cái thị trấn hẻo lánh này. Và những bài hát mà thầy đã dạy cho chúng tôi như: *Tiếng gọi thanh niên, Lên đàng, Xếp bút nghiên, Kinh cầu nguyện*... đã khuấy động lên trong tâm hồn chúng tôi tình non nước.

(NGUYỄN QUANG SÁNG, *Dòng sông thơ ấu*)

ĐỀ 9: Câu chuyện cảm động về một người thân yêu đã đi xa.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Hôm nay, trong lúc dọn phòng tôi chợt thấy chiếc khăn tay mà bà nội đã tặng tôi nhân ngày sinh nhật. Tôi ngồi xuống, nhìn chiếc khăn đang cầm trên tay mà biết bao hình ảnh của người bà yêu dấu cứ hiện về trong làn nước mắt xót xa.

Tối hôm đó là bữa tiệc sinh nhật của tôi, bạn bè kéo đến đông đến nỗi ngồi chật cả nhà. Chúng tôi ăn uống và trò chuyện hệt như một cái chợ vỡ. Tuy vậy, tôi rất vui vì các bạn đến đông đủ và được tặng rất nhiều quà. Một lát sau, từ trong phòng bà có tiếng dép lẹp xẹp, rồi bà tôi từ từ bước ra. Bà tôi năm nay đã ngoài bảy mươi rồi, bà không còn khỏe nữa, cứ mỗi độ trở trời là bà lại ốm và ho rũ rượi. Nhưng bà rất thương tôi, có những hôm tôi

ốm, bà vẫn thức trắng đêm trông nom tôi. Bà luôn bảo vệ, che chở, yêu chiều tôi, vì vậy nên tôi cũng rất quý bà. Thấy bà đi ra, chúng tôi vội đứng dậy chào và đỡ bà ngồi xuống ghế. Tôi nói với bà:

- Bà ơi, bà đang ốm, bà ra đây ồn lắm.

Bà ân cần đáp:

- Biết thế, nhưng sinh nhật cháu, bà phải ra chúc mừng cháu và tặng cháu món quà chứ.

Nói rồi bà đưa cho tôi một chiếc hộp giấy nhỏ được gói cẩn thận bằng giấy bóng màu hồng, phía trên còn thắt nơ nữa. Tôi rưng rưng đỡ lấy chiếc hộp. Xong, bà nói "Các cháu cứ vui tiếp đi" rồi lại đi vào phòng.

Nhìn món quà tôi muốn mở ra ngay, nhưng cuối cùng cũng đợi được đến hết buổi tiệc. Ngồi trong phòng mình, món quà đầu tiên tôi mở là của bà, tôi cẩn thận bóc từng lớp giấy mà trong lòng háo hức mong đợi. Rút ra trong hộp một chiếc khăn tay có thêu một chú chim nhỏ xinh, tôi thở dài hơi thất vọng. Để chiếc khăn ra một bên, tôi tiếp tục mở quà mà không hay chiếc khăn đã rơi xuống đất lúc nào.

Đêm đó, tôi ngủ giữa đống đồ chơi. Trong giấc ngủ mơ màng hình như có người nhẹ nhàng bước vào phòng đắp chăn cho tôi, hình như người đó còn đến bên bàn đồ chơi, cúi xuống làm gì đó. Sáng dậy, chưa kịp chui ra khỏi chăn thì đã thấy bố tôi đứng trước cửa phòng, bố đi vào nhìn tôi, chừng như giận dữ, bố nói: "Con có biết con đã làm gì không?". Tôi chẳng hiểu chuyện gì, nên đành thưa: "Con đã làm gì không phải ạ?". Mắt bố dịu đi đôi phần, khẽ lắc đầu: "Tại sao con có thể vô tâm trước món quà của bà, món quà mà bà đã thức trắng bao đêm để thêu cho con. Con có biết làm như vậy bà con sẽ buồn lắm không?". Tôi ấp úng quay ra nhìn chiếc khăn tay đã nằm ngay ngắn trên bàn. Thì ra đêm qua, bà là người đã vào phòng tôi.

Tôi vội tụt xuống đất, chạy ngay đến phòng bà, nhưng khi đến nơi tôi lại chỉ dám hé cửa nhìn bà. Tôi muốn vào xin lỗi bà, nhưng đôi chân nặng trĩu, cổ họng nghẹn ứ, không sao nói lên lời. Tôi từ từ quay đi về phòng, thầm nghĩ để chuyện nguôi đi rồi sẽ xin bà tha thứ. Ngồi bên đống đồ chơi tôi chẳng thiết, chỉ chăm chú nhìn chiếc khăn của bà mà thôi. Không đầy một tháng sau bà tôi phải nhập viện vì ốm quá nặng. Ngồi bên bà, tôi cảm thấy ân hận quá, lòng tôi đau nhói, khóe mắt tôi cay cay, rồi nước mắt cứ trào ra, tôi không dám khóc to vì sợ bà tỉnh giấc. Trước khi mất bà đã nói với tôi: "Những ngày ở trên giường bệnh là những ngày bà hạnh phúc nhất, vì bà đã được sống trong tình yêu thương của cháu. Bà muốn cháu hãy dũng cảm lên, đừng khóc nữa và phải học giỏi". Tôi hứa với bà như vậy và vội xin lỗi bà về chuyện chiếc khăn tay. Tôi chưa nói xong tay bà đã rời tay tôi, nhưng hình như trên môi bà thoáng nở nụ cười, tôi gục xuống ngực bà. Bà mất, tôi không khóc, không phải tôi không muốn khóc mà là bởi lời hứa thiêng liêng

của tôi với bà trước lúc bà ra đi mãi mãi. Tôi chỉ nắm chắc chiếc khăn tay đã thấm hết nước mắt xót xa ân hận và tình thương của tôi trong những ngày cuối cùng bên bà. Đứng bên mộ bà tôi thầm buồn: Vì lần lữa, có những việc không bao giờ ta kịp sửa chữa để phải ân hận suốt đời.

Bây giờ, cầm chiếc khăn trên tay, tôi thầm nghĩ: "Bà ơi! Cháu không bao giờ quên được bà đâu, bởi mỗi lần nhìn kỉ vật thiêng liêng này tâm hồn cháu sẽ bé lại để bay tới bên bà và được bà vỗ về yêu thương như lúc cháu còn thơ bé, và xin bà tha thứ cho những lỗi lầm của cháu; cháu biết bà luôn dõi theo cháu từng ngày".

(Học sinh PHẠM MẠNH QUANG)

ĐỀ 10: Kể lại truyện "Cô bé bán diêm" của An-đéc-xen, người kể là một nhân vật do em tưởng tượng ra.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Sáng ngày 30 Tết nhiệt độ trong cơ thể tôi lên đến gần 40 độ. Tôi nằm dài đến tối, trong người nóng như lửa và tôi mệt mỏi nhìn qua cửa sổ. Mặc dù ốm, tôi vẫn cố gượng đợi xem giao thừa ở ngoài đường như thế nào. Bỗng một cô bé đi tới bên đường và ngồi vào góc tường đối diện nhà tôi.

Cô bé ăn mặc rách rưới, trên tay là một giỏ đựng gì đó, hình như là bao diêm. Cô bé có khuôn mặt hơi gầy và đôi môi đang thâm lại vì rét, thật tội nghiệp. Nhưng tôi chẳng làm gì được, cơn sốt hành hạ tôi, tôi lúc mê man, lúc lờ mờ tỉnh, hình ảnh cô bé chẳng biết thật hay tôi đang mơ. Cô bé bán diêm ngồi đó, cố ép mình vào tường tránh gió, tay run lập cập. Những người qua đường vội vã lướt qua em, không ai mua cho em một bao diêm, thậm chí họ còn chẳng hề nhìn em đến nửa cái. Nhìn cô bé tôi thương quá, tôi vẫy cô đến và đưa cho tấm áo khoác. Nhưng... tay tôi đập vào thành cửa sổ đau điếng, góc tường trống trơn, mờ ảo dưới ánh đèn đường đỏ quạch, chẳng thấy cô bé bán diêm đâu. Tôi mê thật rồi.

Bỗng cô bé lấy một que diêm và quẹt lửa, ánh sáng xanh hiện ra rồi lóe đỏ. Cô bé nhìn không chớp mắt vào ngọn lửa đang tàn dần, giơ tay ra và giật mình. Tôi không thể tưởng tượng được cô bé thấy gì. Giá mà có thể,... Trong mắt cô bé rào lên một nỗi buồn tiếc nuối. Lần thứ hai, cô quẹt diêm, và cũng như lần đầu, cô giật mình, cô thất vọng.

Lần thứ ba cũng thế. Cô thất vọng.

Hết lần thứ tư thì cô chắp tay và nói điều gì đó, tai tôi lúc này ù lên, mắt hoa. Cô bé nói xong, quẹt hết thảy những que diêm còn lại. Những que diêm thi nhau cháy và sáng như ban ngày, một làn hơi ấm bao trùm khoảng không. Cô bé cười rất tươi, khi toàn bộ diêm cháy hết, cô bé dang hai tay,

nhón chân... Như vô thức, tôi cũng giơ tay, cất mình dậy, rồi cảm thấy đau khắp người và xung quanh tối sầm.

Tôi thấy mình nhẹ nhàng, bồng bềnh. Thấy cô bé bán diêm vẫy mình. Tôi cất lời:

– Chào cậu.

Cô đáp lại:

– Xin chào!

– Sao cậu biết tớ?

– Không, chúng mình chưa quen nhau. Nhưng tớ thấy cậu qua cửa sổ, cậu nhìn tớ quẹt diêm.

Tớ xin lỗi vì đã không làm gì được cho cậu.

– Không sao, tớ biết cậu đang ốm rất nặng.

– Sao cậu biết?

– Vì lúc đó mồm cậu ngậm nhiệt kế.

– Tớ hỏi một câu, nếu cậu cho là quá tò mò thì đừng giận tớ nhé. Cậu thấy gì lúc quẹt diêm?

– Tớ sẽ cho cậu thấy đây.

Rồi cô hất tay, hiện ra lò sưởi, ngỗng quay, cây thông nô-en và một bà cụ rất đẹp lão, rồi trong những tia hào quang, một con người hiền từ, tay cầm thánh giá hiện ra.

– Đây là bà tớ, còn đây là đức Chúa Trời tôn kính.

– Ôi! Vậy là tớ chết rồi ư? Tôi kêu lên sợ hãi.

Vừa đúng vừa không. Cậu có muốn về với mẹ không?

Có, tớ không muốn chết đâu.

– Tạm biệt! Cô bé nói và vẫy tay.

Tôi giật mình, một vầng sáng lòa. Một bàn tay mát dịu trên trán. Ôi! Mẹ thân yêu.

– Tối qua, muốn gì không gọi mẹ, để đến nỗi ngã xuống đất thế con. Đầu dịu rồi đây, con làm mẹ lo suốt đêm, vì chốc chốc lại giơ tay, ú ớ.

Tôi vội bò dậy, ngẩng đầu nhìn qua cửa sổ. Ở góc tường đối diện nhà tôi vẫn bình thường như mọi ngày. Chuyện cô bé bán diêm và cái chết đầy thương cảm của cô chỉ là giấc mơ trong lúc đau ốm của tôi.

(Học sinh NGUYỄN XUÂN BÁCH)

Đề 11: Hãy kể về một con vật có tình có nghĩa.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Như mọi hôm, tôi đi đến thăm mộ của Lan, người bạn thân thiết nhất của tôi và tôi cũng không lạ gì khi thấy chú chó Vàng đang ngồi trước đó. Bởi từ ngày Lan mất, hôm nào nó cũng ngồi đây và chúng tôi luôn gặp nhau vào mỗi chiều tối u buồn. Tôi đến bên nó, xoa đầu, vuốt ve nó. Nó khẽ ngoảnh đầu quay lại nhìn tôi với ánh mắt buồn và lúc ấy, tôi như nhìn thấy trong đôi mắt nó hiện về những câu chuyện ngày xưa.

Nhà Lan nghèo, ban ngày làm việc giúp mẹ, tối Lan đi học ở lớp học tình thương. Một hôm, Lan bị một tên cướp chặn đường, hăm dọa, nhưng được một con chó cứu thoát. Lan nhìn chú chó cảm phục như muốn nói lời cảm ơn. Ôm con chó, Lan mới thấy nó rất gầy, nó run run và thở dốc. Lan chợt hiểu hành động dũng cảm vừa rồi là một sự nỗ lực rất lớn.

Sau khi biết nó là một con chó lang thang. Lan đã mang nó về nuôi với tất cả tình yêu thương và lòng biết ơn của mình. Lông nó vàng ươm nên Lan đặt tên nó là Vàng. Và từ đó cứ mỗi tối, chú chó lại theo Lan đi học, rồi lại đưa Lan về như một vệ sĩ. Không những thế, khi thấy Lan làm việc giúp mẹ, chú Vàng cũng làm giúp việc tha củi, thổ rau lợn, bắt chuột... Những lúc Lan vui, buồn, chú cũng đến bên chia vui hoặc an ủi. Càng ngày tình bạn của họ càng thắm thiết hơn. Lan coi chú ta như người bạn, có gì ngon Lan cũng cho chú ăn cùng, mỗi lúc rảnh rỗi, Lan lại chơi đùa và bắt rận cho chú. Những lúc ấy, Vàng khẽ nhắm đôi mắt lại, cái lưỡi hơi thè ra trông đến yêu, còn cái đuôi thì ngoáy tít lên, hoan hỉ lắm.

Nhưng rồi Lan mắc bệnh rất nặng, Vàng bỏ ăn, bỏ uống, suốt ngày chỉ ngồi bên giường nhìn Lan một cách buồn bã. Rồi Lan phải nhập viện, Vàng không được đi theo, nó nằm đầu hè nhìn hút theo xe cứu thương mà rên khe khẽ và nước mắt chảy ướt lông má! Bệnh Lan ngày càng nặng, chắc không qua khỏi, Lan đòi về nhà, bác sĩ cũng đành ưng thuận. Thấy Lan được bế vào giường, Vàng không nhảy cẫng đón Lan mà lặng lẽ đi theo. Nhìn cô chủ nằm như bất động, khiến tim nó đau đớn vật vã. Đôi mắt nó sưng lên và đo đỏ. Đôi lúc tỉnh táo, Lan dùng bàn tay gầy gò vuốt đầu Vàng, người nó rung lên trong tiếng rên rỉ. Lan thương nó quá. Ôi! Ước gì Lan khỏi bệnh để cho căn nhà được trở lại đầm ấm như xưa, cho đồng ruộng lại vang lên tiếng cười giòn giã khi chú chó vui đùa bên Lan. Cứ mỗi đêm, Lan quằn quại đau đớn là Vàng lại đi quanh giường Lan, cổ vươn về phía cô chủ tru lên khe khẽ như khóc, chắc nó cũng đau từng khúc ruột. Ngày Lan mất, Vàng đứng trước mộ Lan, ngửa cổ lên trời mà tru lên những tiếng hú dài như than khóc. Mọi người lại òa lên khóc theo. Rồi nó kém ăn, lúc nào cũng lặng lẽ và cứ mỗi buổi chều tối nó lại ngồi trước mộ Lan kêu "ư... ử" buồn bã. Ai bảo cũng không nghe, ai dỗ cũng không nguôi.

Nén nhang thắp cho Lan đã gần tàn. Trong khói hương quyện với sương chiều, Lan như hiện về bên tôi và chú chó yêu quý của mình để an ủi, che lấp những nỗi buồn kia. Tôi nghe thấy Lan bảo tôi: "Thùy Linh ơi, cậu hãy thay mình nuôi nấng và chăm sóc Vàng nhé!". Bóng tối đã phủ mờ cánh đồng, tôi khẽ bảo con Vàng: "Chú chó tình nghĩa ơi! Về với chị nhé. Đó là em trả nghĩa chị Lan đấy!". Vàng ngoan ngoãn đứng lên đi theo tôi.

(Học sinh NGUYỄN THÙY LINH)

ĐỀ 12: Hãy kể một câu chuyện đáng nhớ nhất đối với em đã xảy ra trong tuần qua.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Từng đợt gió thổi như quất vào người tôi. Kéo lại chiếc cổ áo, tôi co người lại. Đang bước vào nhà bỗng có tiếng "choang" từ nhà bên vọng sang. Tiếng đổ vỡ đó làm tôi thấy lạnh thêm. Nó gợi lại trong tôi một kỉ niệm đáng nhớ trong tuần qua.

Hôm đó là một ngày rét nhất trong tuần. Buổi sáng, bố mẹ đi làm chỉ còn mình tôi với con Cún ở nhà. Mẹ có dặn tôi phải rửa ấm chén cho sạch rồi dọn nhà cửa. Từ trên giường lăn xuống đất, tôi rét run lên cầm cập. Cún từ trong buồng ngoe nguẩy đuôi chạy ra nhảy lên lòng tôi. Tôi âu yếm vuốt ve nó. Đó là một con chó rất đáng yêu. Mùa hè, mỗi khi tôi đi học về muộn lại thấy chú đứng ở cổng vẻ rất "sốt ruột". Ở nhà bao giờ cũng chỉ có mình tôi và nó nhưng mà vui đáo để. Nó thường nô đùa với tôi. Hiếm có một con chó nào thông minh như nó. Cún quấn lấy chân tôi, chạy theo tôi ra cửa. Chờ tôi đánh răng rửa mặt xong, nó lại theo tôi vào. Nó quấn quít với tôi suốt cả ngày. Tôi bắt đầu lôi vải ra may cho nó một cái nơ. Loay hoay suốt cả buổi sáng tôi mới làm xong. Tôi cẩn thận buộc vào cổ cho nó, trông nó lúc này thật ngộ nghĩnh. Nó vui mừng ra mặt. Tôi với nó nô đùa mãi cho tới khi mệt lử. Liếc nhìn đồng hồ tôi giật mình: đã 10 giờ rồi. Mẹ sắp về. Tôi vội vàng thu dọn nhà cửa. Lúc đó Cún nằm ngoan ngoãn cho tôi dọn. "Á! Còn rửa cốc chén", tôi chợt nhớ. Vội vàng, tôi chạy xuống múc nước lên. Con Cún tưởng tôi đùa, nó cũng chạy theo đùa giỡn. Tôi bực lắm, cố đuổi nó ra, nhưng tưởng tôi đùa nó lại tiếp tục nhảy lên. Đang rửa, tôi quay ra định vụt nó nhưng tay lại lôi chiếc khăn trải bàn. Thế là "choang" – một chiếc đĩa rơi xuống. Tôi sợ quá, cúi nhìn. Chiếc đĩa bằng pha lê rất quý do ông nội tôi để lại. Sợ quá tôi đã khóc. Con Cún trông thật tội nghiệp. Nó cúp tai xuống nằm im. Lúc đó tôi nhìn nó mà chỉ muốn đánh nó thật nhiều.

– Hoa ơi! Mở cửa cho mẹ với!

Tôi lo lắm, đầu rối bời lên. Tôi từ từ ra mở cửa cho mẹ. Trông thấy tôi giàn giụa nước mắt, mẹ hỏi:

- Con làm sao vậy?

- Dạ... dạ... cái đĩa pha lê bị... v...ỡ.

- Sao? Ai làm vỡ?

Giọng mẹ tôi nghiêm lại. Không kịp suy nghĩ, tôi trả lời:

- Con... Cún.

Dắt xe vào nhà, mẹ tôi lấy cán chổi đánh con Cún. Tôi thấy thương nó quá mà không làm gì được. Tại tôi cơ mà? Ánh mắt nó ngơ ngác như muốn hỏi tôi: "Tại sao mẹ lại đánh em?"

Tôi nhốt nó ngoài sân.

- Ơ mẹ... ơi... đừng...

- Đừng cái gì? Cho vào trong nhà để nó phá à!

Tôi biết mẹ rất giận bởi vì cả bộ đĩa có năm cái. Trước khi mất, ông để lại cho mỗi gia đình một chiếc và dặn bố.

- Cố gắng giữ đủ nghe con!

Thế mà tôi đã làm vỡ. Cả ngày hôm đó tôi cứ thấy trong lòng day dứt, bồn chồn. Con Cún không nô đùa như mọi ngày nữa, nó nằm im, mắt buồn buồn. Nó nhìn tôi với ánh mắt rất lạ. Đêm hôm đó, trời rét như cắt da cắt thịt. Gió từng trận ào ào quật vào lá chuối. Tôi đã xin nhưng mẹ bảo:

- Con không biết mẹ buồn thế nào đâu!

Tôi lẳng lặng lên giường nằm. Tôi không thể nào nhắm mắt nổi. Tiếng con Cún sủa ầm ĩ, nó cào cửa đòi vào. Chắc nó rét lắm! Nhớ lại ánh mắt nó, tôi thấy mình có lỗi vô cùng. Tôi ôm lấy mẹ khóc:

- Mẹ ơi! Hãy tha lỗi cho con!

- Có chuyện gì vậy? – Mẹ từ tốn hỏi.

- Mẹ ơi, nếu con có lỗi mẹ có tha thứ cho con không?

- Sao không hả con?

Giọng mẹ vẫn dịu dàng làm tôi bối rối. Tôi kể hết cho mẹ nghe.

- Mẹ ơi, mẹ cứ đánh con đi nhưng mẹ đừng để Cún ở ngoài.

- Con ạ, chuyện gì đã xảy ra thì cứ để cho nó trôi qua. Mẹ không giận con đâu, con biết lỗi vậy là tốt, con ạ!

Mẹ đứng dậy ra mở cửa. Còn tôi thấy lòng mình nhẹ nhõm hẳn. Bật đèn, tôi bước xuống giường. Con Cún đi vào, người nó run, lạnh cóng. Tôi ôm nó vào lòng ủ ấm.

- Cún ơi, hãy tha lỗi cho tao nhé!

Rồi tôi cùng mẹ đốt lò sưởi ấm cho nó. Trong ánh lửa tôi thấy ánh mắt nó sáng lên, cái đuôi ngoe nguẩy, đầu nó dụi dụi vào lòng tôi. Đưa tay tôi vuốt ve bộ lông mượt của nó. Đôi mắt nó lim dim mơ màng.

(Học sinh TRẦN THỊ TUYẾT MINH)

ĐỀ 13: *Cuộc đời của Bác Hồ là cả một pho truyện tuyệt vời. Hãy kể lại một câu chuyện mà em biết về Bác.*

BÀI ĐỌC THAM KHẢO

Trong cuộc kháng chiến thần thánh lần thứ nhất của nước ta, Bác Hồ đã chống gậy qua muôn nẻo đường rừng Việt Bắc cùng cán bộ và chiến sĩ. Con đường Bác đi không chỉ góp phần làm nên chiến công chấn động địa cầu mà còn để lại những bài học quý giá về cuộc sống. Một trong muôn ngàn câu chuyện đẹp đẽ về đời Bác là hòn đá dưới suối.

Hôm đó Bác cùng mấy chiến sĩ đi công tác. Mấy Bác cháu vượt đèo, luồn rừng. Bác vừa đi vừa kể chuyện. Vừa nhập vào lối mòn một đoạn thì gặp con suối. Đoạn suối không có cầu sang ngang.

Bác nhìn dòng suối rồi xắn quần lội trước. Bác chống gậy trúc dò đường. Mỗi bước Bác qua dòng suối trong vắt cuộn chảy dưới chân người...

Bác qua suối nhẹ nhàng, nhanh nhẹn.

Các chiến sĩ hối hả theo Bác.

Người chiến đi sau cùng vội vàng bước theo những người đi trước. Gần sang bờ bên kia anh bị trượt ngã ùm xuống suối. Anh vội vàng đứng lên lội ào lên bờ vắt áo quần sũng nước.

Bác Hồ quay lại hỏi người chiến sĩ tại sao bị ngã. Người chiến sĩ vội thưa tại có hòn đá bị cập kênh.

Bác bảo anh chiến sĩ lội xuống tìm hòn đá đó lăn nó đi.

Anh chiến sĩ nhanh nhẹn làm theo. Khi anh lên bờ, Bác ôn tồn nói:

– Mình bị trượt chân rồi, dọn nó đi cho người sau khỏi bị ngã.

Người chiến sĩ nhìn dòng suối cuộn chảy, anh định thưa với Bác:

– Sẽ chẳng còn ai phải bị trượt chân ở đây như anh do sự quan tâm của Bác...

Nhưng anh quay lại Bác đã chống gậy vượt lên dẫn đầu đoàn người.

(Trích Tập làm văn lớp 7)

ĐỀ 14: *Về lời nhắn gửi thấm thía của Nguyễn Duy trong bài thơ Ánh trăng.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Khi hòa bình lập lại, xã hội chuyển mình theo dòng chảy của thời gian thì con người cũng thay đổi theo. Nhưng sự thay đổi đó cũng nhiều khi đem lại những mất mát, mất dần những gì đáng quý mà họ vốn có trong thời chiến. *Ánh trăng* của Nguyễn Duy là một lời tâm sự về chuyện đó. Tác giả muốn qua hình ảnh ánh trăng làm thức dậy trong tâm hồn người lính lòng trung hiếu trọn vẹn với nhân dân, với quá khứ tình nghĩa trong thời chiến.

Bằng nghệ thuật nhân hóa, Nguyễn Duy đã khắc họa vẻ đẹp tình nghĩa, thủy chung của trăng đối với người lính. Tác giả gắn bó với trăng trong những năm dài kháng chiến khi còn là người lính:

Hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỉ

Cuộc sống trong rừng với biết bao gian khổ, khó khăn, nhưng trăng luôn đến với một tình cảm chân thành, không chút ngần ngại. Tình bạn giữa trăng và người lính gắn bó đằm thắm, họ là đôi bạn "tri kỉ". Tác giả đã biến trăng thành một con người thực sự, trăng tuy có tâm hồn nhưng vẫn mang vẻ hoang sơ, mộc mạc, vậy mới đáng yêu, đáng quý:

Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ

Trăng và người lính đều sống cuộc sống hồn nhiên, càng gian khổ thiếu thốn về vật chất thì cuộc sống tình cảm càng phong phú, càng giàu tình nghĩa. Trong rừng sâu nhiều lúc vắng vẻ, lạnh lẽo, trăng luôn ở bên người lính. Chính Hữu cũng đã từng nói giữa "rừng hoang, sương muối" người lính vẫn có vầng trăng làm bạn. Dường như trăng đã sưởi ấm tình cảm của họ.

Ngỡ không bao giờ quên

đối lập với:

Như người dưng qua đường

Tại sao lại có sự đổi thay phũ phàng ấy? Tại sao trăng đã được coi là "tri kỉ" lại trở thành "người dưng"? Tình cảm xưa đã bị chia lìa từ bao giờ vậy? Phải chăng từ ngày người lính đi ra khỏi cuộc chiến tranh, trở về sống với thành phố đầy đủ tiện nghi? Hình ảnh "ánh điện, cửa gương" không chỉ nói lên cuộc sống cao sang mà còn tượng trưng cho những cám dỗ của cuộc sống lòe loẹt, những vẻ đẹp không thực, trái ngược với cuộc sống giản dị hồn nhiên trước đây. Và khi anh "quen" với nó cũng có nghĩa là anh chỉ còn biết đến nó mà quên đi quá khứ ác liệt nhưng cao đẹp tình người. Chính sự lãng quên đáng trách đó đã phá vỡ tình bạn. Đúng là những câu thơ đối lập trước sau đã làm tăng vị chua xót bất ngờ!

Người lính như vậy, còn trăng thì sao? Lại một sự bất ngờ khác hiện ra trong bài thơ. Bị bạn lãng quên nhưng trăng không quên bạn. Trăng vẫn đến với bạn bằng một tình cảm tràn đầy, không mảy may sứt mẻ. Người lính chỉ nhận ra điều đó khi anh "vội bật tung cửa sổ" như một phản xạ tự nhiên khi mất điện, nhưng anh đã bất ngờ gặp lại vầng trăng:

Đột ngột vầng trăng tròn

Không đơn thuần nói về hình ảnh trăng tròn, nhà thơ còn muốn nói về sự tràn đầy tình nghĩa của trăng, trăng vẫn thủy chung với người bạn năm xưa. Tình cảm mà trăng dành cho người lính chân thành ở chỗ: trăng không hề đòi hỏi một điều gì, trăng chỉ biết yêu, biết thương hết mình. Con người từng quay lưng lại với quá khứ nhưng trăng đã kịp đến đánh thức tâm hồn họ:

Ngửa mặt lên nhìn mặt

có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

Ánh trăng đánh thức lại những kỉ niệm quá khứ, đánh thức lại tình bạn năm xưa, đánh thức những gì con người đã lãng quên. Giờ đây hai người bạn lại thực sự bình đẳng: "Ngửa mặt lên nhìn mặt". Hai gương mặt: gương mặt người lính và gương mặt trăng đang nhìn thẳng vào nhau, đang tìm lại sự đồng cảm. Tình nghĩa thủy chung của trăng đã khiến người lính phải xúc động: "Có cái gì rưng rưng". Anh đang hối hận hay đang nhớ đến kỉ niệm xưa?

Trăng tràn đầy tình người, đáng tiếc thay, cái tình nghĩa ấy lại bị con người bỏ rơi. Nhưng điều làm ta xúc động hơn là trăng không chỉ thủy chung mà trăng còn rất cao thượng, vị tha:

Trăng cứ tròn vành vạnh
Kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.

Không nói một lời nào cả, trăng chỉ nghiêm trang mà khoan dung, tha thứ cho người bạn đã từng lạnh lùng với mình. Trăng không trách móc không oán giận, nhưng đôi khi sự im lặng lại chính là sự trừng phạt nặng nề nhất. Chính vì thế mà người lính cảm thấy: "dù cho ta giật mình". Không một tòa án nào xét xử sự phản bội trong tình bạn, chỉ duy có tòa án lương tâm. Sự cao đẹp của trăng khiến người lính giật mình để nhìn lại chính mình, để nhận ra mình đã lãng quên một phần quan trọng của cuộc đời: quá khứ đẹp của đời mình và quá khứ đáng tự hào của dân tộc. Con người ta không thể sống thiếu quá khứ đáng tự hào ấy. Con người ta không thể không biết đứng trên quá khứ để vươn tới tương lai. Đó mới thật là cách sống của một con người.

Bằng sự thủy chung, cao thượng của ánh trăng, Nguyễn Duy đã nói lên chính tình cảm của nhân dân trong thời kì kháng chiến. Những người dân mộc mạc, vật chất của họ tuy nghèo nàn tâm hồn họ lại giàu có nghĩa tình. Họ đã bao bọc chở che cho người lính suốt những năm dài gian khổ bằng cả một tình cảm đầy tình nghĩa thủy chung son sắt. *Ánh trăng* chính là biểu tượng đẹp đẽ về họ.

Nguyễn Duy là một nhà thơ có phong cách viết rất gần gũi với người đọc, nên lời thơ dù có triết lí vẫn giản dị mà không kém phần sâu xa. Bài thơ đã khép lại, nhưng vẫn khiến cho người đọc biết bao trăn trở, nghĩ suy về cách sống làm người. Có lẽ bởi vậy bài thơ *Ánh trăng* vẫn luôn trụ vững trong lòng người đọc, neo lại với thời gian.

(Học sinh TRẦN THỊ TÚ HẰNG)

C. NGHỊ LUẬN

1. Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống

Để làm tốt bài văn nghị luận về một sự việc, một hiện tượng đời sống, ta phải tìm hiểu kĩ đề bài, phân tích sự việc, hiện tượng đó để tìm ý, lập dàn bài, viết bài và sửa chữa sau khi viết.

DÀN BÀI CHUNG

1. ***Mở bài:*** *Giới thiệu sự việc, hiện tượng.*
2. ***Thân bài:*** *Liên hệ thực tế, phân tích các mặt, đánh giá, nhận định.*
3. ***Kết bài:*** *Kết luận, khẳng định, phủ định, lời khuyên.*

2. Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí

Để làm tốt bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí ngoài các yêu cầu chung đối với mọi bài văn, ta cần chú ý vận dụng các phép lập luận, giải thích, chứng minh, phân tích và tổng hợp.

DÀN BÀI CHUNG

1. ***Mở bài:*** *Giới thiệu vấn đề nghị luận.*
2. ***Thân bài:*** *Giải thích, chứng minh nội dung vấn đề nghị luận.*
   Nhận định, đánh giá vấn đề nghị luận trong bối cảnh của cuộc sống riêng, chung.
3. ***Kết bài:*** *Kết luận, nêu nhận thức mới, tỏ ý khuyên bảo hoặc tỏ ý hành động..*

3. Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ là bàn luận, là trình bày nhận xét, đánh giá của mình về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ ấy.

Nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ được thể hiện qua ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu. Bài nghị luận cần phân tích các yếu tố ấy để có những nhận xét đánh giá cụ thể, xác đáng.

4. Nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích

Nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích là bàn luận, là nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện chủ đề hay nghệ thuật của một tác phẩm cụ thể.

DÀN BÀI CHUNG

1. ***Mở bài:*** *Giới thiệu tác phẩm (tùy theo yêu cầu cụ thể của đề bài) và nêu ý kiến đánh giá sơ bộ của mình.*

2. **Thân bài:** *Nêu các luận điểm chính có phân tích, chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu và xác thực.*

3. **Kết bài:** *Nêu nhận định, đánh giá chung của mình.*

ĐỀ 1: Hãy bàn luận về câu tục ngữ:
"Tốt gỗ hơn tốt nước sơn".

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Thể loại:** *Bình luận một vấn đề hoàn toàn đúng và được diễn đạt ngắn gọn, cô đọng.*
2. **Nội dung:** *Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức: quan hệ giữa chất liệu và hình thức, tài và sắc... Nội dung quyết định hình thức. Hình thức biểu hiện nội dung và góp phần nâng cao giá trị của nội dung.*
3. **Tư liệu:** *Thực tế đời sống.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

Trong cuộc sống, chúng ta nên theo nguyên tắc nào để đánh giá một vật thể, một con người?

Về vấn đề này, ông cha ta đã đúc kết được kinh nghiệm quý báu qua câu tục ngữ: "Tốt gỗ hơn tốt nước sơn".

II. THÂN BÀI

1. Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ

Nghĩa đen:

***Gỗ** là chất liệu bên trong.*

***Nước sơn** là chất liệu quét thêm lên đồ vật để làm cho vật ấy thêm đẹp, thêm bền. Đó là cái vỏ bên ngoài.*

Đánh giá một vật thể bằng gỗ, chúng ta cần chú ý đến chất gỗ của vật thể đó. Chất gỗ là quan trọng nhất, quyết định giá trị của vật thể chứ không phải là lớp sơn màu mè rực rỡ phết bên ngoài nó.

Nghĩa bóng:

Nên coi trọng cái thực chất bên trong, đừng để bị lóa mắt bởi vẻ hào nhoáng bên ngoài.

Nên sống bằng thực chất của mình, đừng sống bằng vẻ giả tạo hình thức bề ngoài.

2. Khẳng định câu tục ngữ là hoàn toàn đúng

Câu tục ngữ là một đúc kết đúng đắn sâu sắc từ những kinh nghiệm trong thực tế đời sống: Gỗ là chất liệu làm nên vật thể, gỗ tốt thì vật thể sẽ bền, dùng được lâu dài. Gỗ tạp, gỗ xấu thì vật thể chóng hư, thời gian sử dụng sẽ ngắn đi. Nước sơn dầu đẹp thì cũng chỉ là lớp vỏ phủ ngoài nhằm trang trí làm đẹp thêm chứ không thể nào cứu vãn được vật thể nếu vật thể ấy bị hư hỏng đi do chất liệu gỗ bên trong quá xấu.

Khi xem xét một con người cũng vậy, chúng ta cần xem xét nội dung (phẩm chất đạo đức và năng lực) là chính còn hình thức bên ngoài (cử chỉ, ngôn ngữ, đầu tóc, trang phục...) là thứ yếu.

Tuy nhiên, trong khi đánh giá vật thể và con người, chúng ta không được bỏ qua hoặc quá xem nhẹ hình thức.

3. Bàn bạc mở rộng

Câu tục ngữ thể hiện một quan niệm sống đẹp: chú ý rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, trí tuệ và tài năng những yếu tố thực chất của con người.

Ngoài ra, câu tục ngữ cũng cho ta một quan niệm đúng đắn: cái đẹp lí tưởng là sự kết hợp hài hòa giữa nội dung tốt và hình thức đẹp.

III. KẾT BÀI

Khẳng định giá trị của câu tục ngữ và nêu khái quát tác dụng của nó: cho thấy nội dung và hình thức có mối quan hệ khăng khít trong đó nội dung quyết định hình thức và hình thức biểu hiện nội dung có tác dụng góp phần nâng cao nội dung. Từ đó rút ra bài học đánh giá xem xét con người: đạo đức tài năng là quyết định.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Trong cuộc sống hàng ngày, để đánh giá một đồ vật, một con người đạt được mức độ chính xác, chúng ta nên dựa trên nguyên tắc hay cách thức nào? Đây cũng là vấn đề xưa nay được nhiều người quan tâm. Cha ông cũng từng có ý kiến hướng dẫn việc ấy trong câu tục ngữ:

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

Ta nên hiểu câu này như thế nào và đánh giá nó ra sao? Phải chăng đây chính là kinh nghiệm quý báu mà ông cha của chúng ta từ nghìn xưa đã để lại cho con cháu suy ngẫm và học hỏi.

Câu tục ngữ dùng hai sự vật *gỗ* và *nước sơn* để làm một phép so sánh. *Gỗ* là chất liệu để làm nên đồ dùng như tủ, bàn, ghế... Còn *nước sơn* là chất liệu để quét lên thêm lớp bên ngoài cho các đồ dùng ấy thêm đẹp thêm bền. Nhiều người chỉ chú ý đến lớp nước sơn bóng nhoáng bề ngoài mà đã mua

phải một đồ dùng bằng gỗ xấu hoặc gỗ mọt. Ông cha ta với kinh nghiệm sống của mình đã kết luận: *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn* là như vậy.

Đó là hiểu theo nghĩa đen. Chứ còn nghĩa bóng của câu tục ngữ này thì rộng lớn hơn nhiều. Câu này bao hàm một lời khuyên về cách nhìn nhận, đánh giá một sự vật, một con người đừng nên để cái vỏ hình thức hào nhoáng bên ngoài mê hoặc mà phải coi trọng cái thực chất bên trong. Ngoài ra, câu này còn bao hàm một lời khuyên về cách sống: hãy sống chân thật bằng thực chất của mình, chân thành trong cách đối nhân xử thế, đừng ba hoa, khoác lác lòe đời bằng cái vỏ hình thức giả tạo, *chớ khéo đem cái mã bề ngoài để che đậy cái sơ sài bề trong.*

Như mọi câu tục ngữ khác, câu tục ngữ này cũng là sự đúc rút kinh nghiệm của cha ông chúng ta trải qua biết bao thế hệ con người, với bao thành bại, nên hư, vấp váp mới đúc rút thành chân lí: *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.* Khi nhìn nhận đánh giá một sự vật ta phải thấy rằng giữa hình thức bên ngoài và nội dung bên trong (nói cách khác là thực chất) không phải lúc nào cũng thống nhất mà thông thường thì những sự vật có thực chất kém cỏi lại thường mang lấy một hình thức lôi cuốn hấp dẫn. Một vật dụng như chiếc tủ, chiếc bàn bằng gỗ tạp lại được sơn phết, tô điểm với nước sơn bóng nhoáng, màu mè. Một kẻ vô tài thường làm ra vẻ lịch duyệt, hiểu biết. Một kẻ *miệng nam mô bụng một bồ dao găm* là việc hết sức bình thường. Do đó, trong tiếp xúc thường ngày với mọi sự vật, mọi con người, chúng ta phải tỉnh táo nhất là khi nhìn nhận đánh giá, ta phải chú trọng vào chất lượng bên trong của sự vật, vào vẻ đẹp tâm hồn của con người chứ đừng vì bóng sắc hấp dẫn bên ngoài mà quên đi cái mục ruỗng, thối nát, xấu xa và vô vị bên trong. Bởi vì nghĩ cho kĩ, suy cho cùng, nếu chân giá trị của vật dụng là chất gỗ thì chân giá trị của con người chính là đạo đức tài năng và trí tuệ.

Nhưng trong thực tế cuộc sống, cũng không thể chỉ xem trọng nội dung mà lãng quên đi mặt hình thức. Một vật dụng, một món hàng đã có chất lượng tốt, gỗ tốt quý lại có bao bì, hay nước sơn xinh xắn tô điểm, trang trí đẹp đẽ thì giá trị vật dụng ấy, món hàng ấy càng được nâng thêm. Hình thức bên ngoài như thế đã góp phần làm tăng thêm cho giá trị bên trong. Một cái tủ, một chiếc bàn làm bằng gỗ gõ đỏ hay bằng lăng mà lại còn được sơn bóng nhoáng hẳn sẽ vừa ý vừa lòng người mua. Một con người cũng vậy, có học vấn, đạo đức lại nói năng lịch sử thanh nhã, ăn mặc gọn gàng, sạch đẹp dễ làm ta thêm quý trọng hơn hẳn người tuy cũng có tài năng, đạo đức nhưng ăn nói thô lỗ, cộc cằn, áo quần xốc xếch. Đúng là cái đẹp lí tưởng là phải hài hòa giữa nội dung và hình thức.

Vậy để đánh giá và nhận xét một vật dụng, một con người chúng ta phải dựa trên cơ sở cả nội dung lẫn hình thức. Hai mặt này kết hợp và bổ sung nhau làm nên giá trị của vật dụng ấy, con người ấy tuy là nội dung giữ vai

trò quyết định. Khi đánh giá, ta cần coi trọng chất lượng của sự vật cũng như đạo đức, tài năng trí tuệ của con người.

Tóm lại, *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn* không những chỉ giúp ta một phương châm đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá, chọn lọc ở đời mà còn giúp ta một phương châm trong cách đối nhân xử thế. Không nên dựa dẫm vào cái hình thức bên ngoài vay mượn, không phải của mình để vênh vang tự phụ với mọi người rồi không chịu tu dưỡng rèn luyện. Cũng đừng nên quá chú trọng hình thức bên ngoài, trang điểm mặt mày, chưng diện quần áo mà quên đi cái chân giá trị của con người là đạo đức, trí tuệ và tài năng. Bài học mà câu tục ngữ này dạy ta thật là đúng đắn và sâu sắc.

ĐỀ 2: ***Nhân dân ta thường nhắc nhở nhau:***

"Không thầy đố mày làm nên."

Nhưng có lúc lại khẳng định:

"Học thầy không tày học bạn."

Hai câu tục ngữ đó có chỗ nào mâu thuẫn nhau? Ở mỗi câu tục ngữ có điểm nào đúng, điểm nào chưa đúng?

Theo em, nên hiểu vấn đề học ở thầy và học ở bạn như thế nào cho đúng?

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Kiểu bài:** *Bàn luận một vấn đề.*
2. **Nội dung:** *Vai trò và tác dụng của thầy và bạn đối với việc học tập: Ai là người có vai trò quyết định?*
3. **Tư liệu dẫn chứng:** *Thực tế dạy và học ở nhà trường.*

- *Một ít tư liệu văn học:*

– *Nhất tự vi sư, bán tự vi sư.*

(Tục ngữ)

– *Trọng thầy mới được làm thầy,*
Những phường bội bạc sau này ra chi.

(Ca dao)

– *Muốn sang thì bắc cầu Kiều,*
Muốn con hay chữ phải yêu kính thầy.

(Ca dao)

– *Tôn sư trọng đạo.*

(Thành ngữ)

DÀN BÀI

1. Mở bài

- *Tôn sư trọng đạo là truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta.*
- *Thế nhưng đánh giá vai trò của người thầy có những quan điểm khác nhau.*
- *Dẫn hai câu tục ngữ.*
- *Hai ý kiến đó có gì khác biệt. Chúng ta nên hiểu thế nào cho đúng?*

2. Thân bài

a) Giải thích hai câu tục ngữ: không mâu thuẫn nhau vì đều nói về vai trò và tác dụng của người thầy.

b) Bàn luận

- *Khẳng định đúng sai:*
  - *Câu đầu quá đề cao vai trò, tác dụng của người thầy mà quên đi vai trò chủ động của trò, vai trò của gia đình bè bạn và xã hội.*
  - *Câu thứ hai lại quá hạ thấp vai trò, tác dụng của trò, đề cao không đúng mức vai trò, tác dụng của bạn bè (bạn bè chỉ hỗ trợ, giúp đỡ thôi).*
- *Mở rộng vấn đề:*

  Vận dụng vào việc học tập hiện nay: học ở thầy là chủ yếu cộng với sự nỗ lực chủ quan và sáng tạo của trò. Ngoài ra còn học ở bạn, ở cuộc sống.

3. Kết bài

- *Hai câu tục ngữ bổ sung ý nghĩa cho nhau.*
- *Chỉ cho chúng ta nơi học hỏi tốt nhất.*
- *Phải kính thầy, mến bạn, khiêm tốn, đoàn kết tương trợ, học tập ở bạn hữu.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Từ xưa đến nay, nhân dân ta vẫn gìn giữ nâng niu truyền thống tôn sư trọng đạo, luôn thuộc nằm lòng câu ca dao:

Muốn sang thì bắc cầu Kiều,
Muốn con hay chữ phải yêu kính thầy.

Bởi vì chính người thầy đã hướng dẫn, uốn nắn chúng ta trở nên người hữu ích cho xã hội. Khẳng định mạnh mẽ vai trò và tác dụng của người thầy, tục ngữ ta có câu:

Không thầy đố mày làm nên.

Trong khi đó, chính tục ngữ cũng lại có câu:

Học thầy không tày học bạn.

Vậy quan niệm trong hai câu tục ngữ trên có gì mâu thuẫn nhau hay có gì chưa thỏa đáng? Và người học sinh chúng ta nên hiểu việc học thầy và học bạn như thế nào cho đúng?

Qua câu tục ngữ: "Không thầy đố mày làm nên" ông bà chúng ta đề cao vai trò, vị trí tác dụng quyết định tuyệt đối của người thầy giáo đối với học sinh. Không có sự giáo dục uốn nắn của thầy thì chúng ta sẽ không bao giờ làm nên bất cứ việc gì cả.

Ngược lại, câu tục ngữ sau cũng không hoàn toàn phủ nhận vai trò của người thầy giáo nhưng lại quá đề cao vai trò của bạn bè trong quá trình học tập rèn luyện nên cho rằng học bạn là có kết quả hơn học thầy.

Như vậy, xét cho cùng, hai câu tục ngữ trên không hề mâu thuẫn nhau vì đều đề cập vai trò của người thầy giáo trong sự nghiệp đào tạo giáo dục con người nhưng có khác nhau ở mức độ: câu đầu quá đề cao, câu sau lại coi nhẹ vai trò và tác dụng đó.

Đúng là cả hai câu tục ngữ đều nhìn nhận vấn đề chưa được thỏa đáng. Cho rằng: *Không thầy đố mày làm nên* là coi người thầy giáo có vai trò quyết định tuyệt đối trong quá trình học tập, trong sự rèn luyện thành người của người học sinh thì đúng là quá đáng. Tuy người thầy giáo có vai trò rất lớn trong sự thành đạt làm nên của học trò mình nhưng không phải là quyết định tất cả. Chính nhờ thầy là bậc đàn anh đi trước truyền đạt lại mà học trò là người đi sau mới có được các kiến thức mới mẻ, mới hiểu ra bao điều hay lẽ phải, hướng dẫn cho học trò từng bước đi lên vững chắc hơn. Nhưng chỉ có sự làm việc của người thầy thôi chưa đủ. Bên cạnh sự tận tâm hướng dẫn của thầy đòi hỏi phải có sự nỗ lực chủ quan của trò. Người thầy dù có hết lòng hết sức và truyền đạt hay cách mấy mà trò thiếu ý thức, không chịu cố gắng học tập thì cũng không sao làm nên được. Hơn nữa, chỉ học ở trường thôi chưa đủ. Học trò còn phải học hỏi thêm ở cuộc sống ngoài xây dựng trong gia đình và cả bạn bè nữa.

Trái lại, nếu ta khẳng định: *Học thầy không tày học bạn* thì đúng là quá hạ thấp vai trò người thầy và đề cao quá đáng vai trò của bạn bè trong quá trình tiếp thu kiến thức và rèn luyện. Đúng ra, bạn bè chỉ có thể đóng vai trò giúp đỡ, hỗ trợ, trao đổi thêm để cùng tiến bộ chứ nếu *không tày* thì không ổn, là quá đáng. Vả lại, bạn bè chỉ giúp đỡ được nhau khi có sự bảo ban, hướng dẫn của thầy giáo, khi bạn bè biết thương yêu, thông cảm và đoàn kết với nhau, có cùng chí hướng, cùng quyết tâm nỗ lực đi lên. Khi ấy *học bạn* mới mong có kết quả được. Trong việc học tập của mọi người đâu phải lúc nào hay bất cứ ai cũng có thể gặp được bạn tốt sẵn sàng giúp đỡ mình một cách chân thành vô tư. Thành ra coi nhẹ vai trò tác dụng của

người thầy giáo và quá đề cao việc học tập ở bạn bè và kết luận rằng học bạn có kết quả hơn học thầy là không chính xác.

Thấu suốt ý nghĩa của hai câu tục ngữ trên, ta không thể hoàn toàn tán thành câu nào, bỏ câu nào. Phải biết khéo léo vận dụng cả hai câu vào quá trình học tập của mình. Cả hai câu tục ngữ trên sẽ bổ sung cho nhau về mặt ý nghĩa và đem lại cho ta những bài học bổ ích trong việc rèn luyện để vươn lên của mình. Ta phải xác định vai trò của người thầy giáo đối với việc hướng dẫn dạy dỗ chúng ta công lao thật to lớn. Muốn làm nên, nghĩa là thành đạt, chủ yếu là ta phải học ở thầy, nhưng về phía bản thân phải có sự nỗ lực phấn đấu không ngừng và đồng thời cũng phải biết học hỏi thêm ở thực tế cuộc sống ở gia đình và đặc biệt là ở bè bạn là những người luôn gần gũi sát cánh bên ta trong việc học tập. Phải làm sao tạo được tình đoàn kết tương thân tương ái trong bạn bè để hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện. Có như vậy mới mong đạt được kết quả tốt đẹp được.

Tóm lại, cả hai câu tục ngữ trên nếu đứng riêng ra thì mỗi câu đều không được đúng hoàn toàn và nhìn bề ngoài có vẻ mâu thuẫn nhau. Nhưng nếu chúng đi cùng với nhau chúng ta sẽ nhận được từ chúng một lời khuyên đầy đủ nhất, đúng đắn nhất. Phải coi trọng việc học thầy đồng thời cũng phải kính trọng thầy đúng theo tinh thần tôn sư trọng đạo của cha ông: "*Nhất tự vi sư, bán tự vi sư*". Bên cạnh đó, cũng phải biết thương yêu, đoàn kết, khiêm nhường học hỏi ở bè bạn cùng giúp đỡ nhau tiến bộ.

ĐỀ 3: ***Nhân dân ta thường khuyên nhau:***

"Nhiễu điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước thì thương nhau cùng."

(Ca dao)

Hãy bàn luận về câu ca dao trên.

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Kiểu bài:** *Bàn luận một vấn đề.*
2. **Nội dung:** *Dân cùng một nước phải đoàn kết, yêu thương nhau.*
3. **Tư liệu dẫn chứng:** *Thực tế lịch sử.*

- *Một ít tư liệu văn học:*

  – *Lá lành đùm lá rách.*
  – *Chị ngã em nâng.*
  – *Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ.*

  (Tục ngữ)

– *Khôn ngoan đối đáp người ngoài,*
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.
(Ca dao)

– *Bầu ơi thương lấy bí cùng,*
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
(Ca dao)

– *Quan san muôn dặm một nhà,*
Bốn phương vô sản đều là anh em.
(Hồ Chí Minh)

DÀN BÀI

1. Mở bài

Từ truyền thuyết "Bọc trứng trăm con" dẫn đến câu ca dao để nêu lên tầm quan trọng của vấn đề cần bàn luận.

2. Thân bài

a) Giải thích câu ca dao

- *"Nhiễu điều phủ lấy giá gương" gợi tả tấm lòng che chở đùm bọc lẫn nhau của nhân dân.*
- *Ca dao khuyên ta là người cùng một nước phải thương yêu đùm bọc lẫn nhau.*

b) Bàn luận

- *Khẳng định lời khuyên:*
  - *Cái riêng của mỗi người và cái chung của mọi người có quan hệ gắn bó với nhau cả về vật chất, tinh thần và tình cảm.*
  - *Thương yêu, đùm bọc lẫn nhau là nghĩa vụ của mỗi người dân.*
  - *Đó cũng là cơ sở của lòng yêu nước thương nòi, truyền thống quý báu của nhân dân ta.*
- *Mở rộng vấn đề:*
  - *Bộc lộ bằng hành động cụ thể.*
  - *Nhắc lại một số câu ca dao, tục ngữ cùng tư tưởng tình cảm trên.*
  - *Phê phán thái độ thờ ơ, lạnh nhạt, bàng quan trước các biến cố xảy ra ở các địa phương khác.*

3. Kết bài

- *"Đoàn kết thương yêu nhau" là bài học lớn nhất của dân tộc.*
- *Truyền thống ấy ngày càng được phát huy mạnh mẽ.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Từ nghìn xưa, nhân dân ta đã khẳng định dân tộc Việt Nam là anh em ruột thịt với nhau, là đồng bào nghĩa là cùng sinh ra từ một bọc trứng của mẹ Âu Cơ. Do đó, phải thương yêu đùm bọc lẫn nhau.

Truyền thống cao cả và tốt đẹp ấy còn biểu hiện trong câu ca dao gợi cảm:

Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước thì thương nhau cùng.

Ta thử tìm hiểu ý nghĩa và giá trị của câu ca dao này như thế nào?

Trước hết, từ câu ca dao ta thấy hiện lên một hình ảnh khá đẹp: tấm nhiễu điều bao phủ phía ngoài chiếc giá gương trải qua ngày này tháng kia hứng chịu biết bao bụi bặm bẩn nhơ của cuộc đời để chiếc gương phía trong mãi sáng trong ngời chiếu. Tác giả vô danh ở đây đã mượn hình ảnh đẹp đẽ, gợi cảm ấy để ngầm so sánh với tấm lòng rộng mở sẵn sàng chở che, đùm bọc lẫn nhau của nhân dân cả nước ta. Câu ca dao phản ánh một nguyện vọng, tình cảm của mỗi con người Việt Nam trong mọi hoàn cảnh đều phải đoàn kết *Lá lành đùm lá rách* một lòng giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau vươn lên trong cuộc sống.

Mỗi người Việt Nam dầu ở miền xuôi hay miền ngược, đồng bằng hay cao nguyên, rừng núi cũng đều có mối quan hệ là *"người trong một nước"*. *"Người trong một nước"* tuy khác nhau về nguồn gốc, hoàn cảnh và điều kiện sống riêng biệt nhưng vượt lên những cái khác nhau đó, mọi người vẫn có nhiều cái giống nhau, chung với nhau làm nên tình nghĩa. Chung Tổ quốc ấy là tình đồng bào. Chung xóm làng, thôn ấp ấy là tình đồng hương. Chung trường học ấy là tình đồng môn. Chung cảnh ngộ ấy là tình đồng cảnh. Chung một mục đích, một lí tưởng sống ấy là tình đồng chí. Chung một nghề nghiệp ấy là tình đồng nghiệp. Chung một họ hàng ấy là tình đồng tông...

Vượt lên trên các khác biệt nhỏ, vì sự giống nhau của một điều chung lớn hơn, người ta biết thương yêu, đỡ đần, đoàn kết với nhau. Trong thôn ấp, mối quan hệ tình làng nghĩa xóm thắt chặt mọi người lại với nhau thể hiện bằng lòng yêu thương, sự tương trợ lẫn nhau mỗi khi tắt đèn tối lửa. Tinh thần đoàn kết của nhân dân ta đâu chỉ gói gọn trong lũy tre thôn ấp mà còn được biểu hiện rộng rãi vượt ra phạm vi cả nước qua mối quan hệ trao đổi về vật chất lẫn tinh thần. Một hạt gạo, một tấm áo đầy nghĩa tình của địa phương này gửi đến địa phương khác khi biết đồng bào của mình nơi đó bị thiên tai, hoạn nạn đang lâm phải cảnh màn trời chiếu đất đều thấm thiết biết bao tình cảm *nhiễu điều giá gương*. Đặc biệt, mỗi khi đất nước có họa

ngoại xâm, mọi tầng lớp nhân dân ta ở mọi miền đều xông lên tận tâm, tận lực góp cả sức người sức của để giữ gìn từng ngọn rau tấc đất của ông cha. Các cuộc kháng chiến chống giặc thù xâm lược từ nghìn xưa đến nay đã cho thấy tinh thần đoàn kết một lòng của nhân dân ta. Tình đất nước nghĩa đồng bào mỗi khi nước nhà gặp cơn nguy biến được phát huy thắm đượm hơn lúc nào hết. Có thương yêu nhau, người ta mới cảm thấy đau đớn xót xa trước cảnh đồng bào mình bị giặc thù tàn hại hay trước sự lầm than của đồng bào mình trong xiềng xích gông cùm của bọn chúng. Chính trong hoàn cảnh ấy, lòng yêu nước, yêu đồng bào được khơi lên phát huy thành cao trào thể hiện mạnh mẽ bằng hành động cụ thể là góp lòng góp sức dẫn đến chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. Tinh thần đoàn kết của nhân dân ta nói theo Bác Hồ đó là một báu vật được gìn giữ truyền đời có sức phát huy tác dụng vượt cả không gian và thời gian.

Lúc nào cũng vậy, tình thương yêu đoàn kết giữa người trong một nước ấy không phải chỉ có lời nói đầu môi hay chỉ là ước mơ cho nhau được một đời sống vật chất và tinh thần sung túc ấm no mà phải được biểu lộ ra bằng hành động hay việc làm cụ thể và thiết thực. Chính các hành động hay việc làm cụ thể thiết thực ấy làm cho tình yêu thương đoàn kết thắm thiết và cao quý hơn bội phần.

Đất nước Việt Nam có ba miền nhưng vẫn là một. Cần liên kết gắn bó nhau, giúp đỡ nhau từng bước cùng đi lên vững chắc. Khi biết miền nào gặp phải việc không hay, nhân dân ở các miền còn lại với tinh thần: *Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ* sẽ cảm thấy xót xa trong cảnh *máu chảy ruột mềm* từ đó mở lòng ra để góp sức người sức của tương trợ đồng bào mình. Đặc biệt khi quê hương bị giặc ngoài xâm lấn tàn hại, thì chính tình yêu thương đoàn kết của người trong một nước với nhau là cơ sở phát sinh lòng yêu nước, lòng căm hận giặc thù biểu hiện cụ thể thành bão dông, sấm sét, quét sạch bọn chúng ra khỏi bờ cõi của cha ông. Trong các thời kì đất nước bị ngoại bang thống trị, người Việt Nam trước cảnh khổ chung của người dân mất nước, đều có một niềm mong ước chung là quê nhà sớm được giải phóng, do đó, dã thương yêu lẫn nhau, bảo vệ nhau, đoàn kết với nhau, đó đâu chỉ là đòi hỏi của tình cảm *nhiễu điều giá gương* mà còn là yêu cầu sống còn trước sự ức hiếp đe dọa của kẻ thù chung.

Thế nhưng trong xã hội không phải không có một ít người cả đời chỉ bo bo nghĩ đến lợi ích riêng một cách vị kỉ của mình. Họ có thể sống phè phỡn trên sự thiếu đói của bao nhiêu người khác mà vẫn không chút gì xao động. Đó biểu hiện của lối sống ích kỉ, đáng phê phán.

Theo em, câu ca dao trên đã ra đời từ nghìn xưa ngay từ lúc dân tộc mình phải đương đầu với nhiều kẻ thù, đối phó với nhiều tai họa. Do đó, cha ông ta đã tổng hợp biết bao kinh nghiệm sống phong phú qua biết bao năm lao

động cực nhọc và đấu tranh bền bỉ cật lực thành câu hát truyền đời. Còn bao câu hát nữa cũng có tác dụng khuyên răn kêu gọi như thế:

Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Hay:

Khôn ngoan đối đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

Hơn lúc nào hết, mỗi người Việt Nam hiện nay trong giai đoạn phải vượt qua khó khăn gian khổ để xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh, cần phải suy nghĩ là hành động theo lời nhắn nhủ của câu ca dao mà chúng ta vừa phân tích.

ĐỀ 4: ***"Công cha như núi Thái Sơn,***
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra,
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con."

(Ca dao)

Hãy bàn luận về bài ca dao trên.

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Kiểu bài:** *Bàn luận về một bài ca dao.*
2. **Nội dung:** *Hiếu với cha mẹ. Hiếu ngày xưa và ngày nay.*
3. **Tư liệu dẫn chứng:** *Thực tế đời sống.*

- *Một ít tư liệu văn học:*

– *Công cha như núi ngất trời,*
Nghĩa mẹ như nước ngời ngời biển Đông,
Núi cao biển rộng mênh mông,
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!

(Ca dao)

– *Ngó lên trời, trời cao lồng lộng*
Ngó xuống đất, đất rộng mênh mông
Biết răng chừ cá gáy hóa rồng
Đền ơn thầm mẹ ẵm bồng ngày xưa.

(Ca dao)

– *Ra Thanh bổ quế*
Vào Nghệ bổ sâm

Lên non ngậm ngải tìm trầm
Đền công ơn phụ mẫu đã lao tâm sinh thành.

(Ca dao)

Đói lòng ăn hạt chà là
Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.

(Ca dao)

– *Thiên hữu tứ thời xuân tại thủ*
Nhân sinh bách hạnh hiếu vi tiên.

(Tục ngữ)

– *Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa*
Miệng nhai cơm búng, lưỡi lừa cá xương.

(Ca dao)

– *Chiều chiều chim vịt kêu chiều*
Bâng khuâng nhớ mẹ, chín chiều ruột đau.

(Ca dao)

– *Lên non mới biết non cao,*
Nuôi con mới biết công lao sinh thành.

(Ca dao)

– *Chiều chiều ra đứng ngõ sau*
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.

(Ca dao)

– *Duyên hội ngộ, đức cù lao*
Bên tình bên hiếu, bên nào nặng hơn?
Để lời thệ hải minh sơn
Làm con trước phải đền ơn sinh thành.

(Nguyễn Du)

– *Mẹ già như chuối ba hương*
Như xôi nếp mật như đường mía lau.

(Ca dao)

DÀN BÀI

1 Mở bài

- *Có hiếu đối với cha mẹ là truyền thống đạo đức của nhân dân ta.*
- *Dẫn bài ca dao.*
- *Quan niệm này ngày nay còn phù hợp nữa không?*

2. Thân bài

a) Giải thích bài ca dao

- *Với hình ảnh so sánh gợi tả, nhân dân ta khẳng định công ơn cha mẹ là vô cùng lớn lao không sao kể xiết.*
- *Làm con phải hiếu nghĩa là "Một lòng thờ mẹ, kính cha."*

b) *Bàn luận*

- *Khẳng định ý tưởng bài ca dao:*
  - *Hiếu phải như thế nào? (kính trọng, vâng lời, làm vui lòng đẹp mặt rỡ mày cha mẹ, săn sóc phụng dưỡng khi song thân đau yếu).*
  - *Tại sao phải hiếu? (cha mẹ sinh thành, dưỡng dục...; hiếu là đạo lí làm người, nền tảng của đạo đức xã hội...)*
- *Mở rộng vấn đề*
  - *Hiếu không phải chỉ là biểu hiện của đạo đức phong kiến. Đây chính là truyền thống đạo đức tốt đẹp của cha ông ta.*
  - *Nhưng phải quan niệm "hiếu" một cách rộng rãi hơn: không những phải hiếu cha mẹ mà còn phải hiếu với dân như Bác Hồ đã dạy: một người con hiếu đồng thời phải là người công dân tốt trung thành với Tổ quốc, hết lòng hiếu với dân phục vụ tận tụy với dân, khi cần, gác tình nhà lo nghĩa nước.*

3. Kết bài

- *Hiếu là đạo làm con.*
- *Bài ca dao có tác dụng giáo dục đạo đức cho mọi người mọi thời.*
- *Kết hợp được hiếu với cha mẹ và hiếu với dân, trung với nước mới là con người, mới có đạo đức toàn diện.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Thiên hữu tứ thời xuân tại thủ
Nhân sinh bách hạnh hiếu vi tiên.
(Trời có bốn mùa, mùa xuân đứng đầu
Người đời có trăm tánh tốt, hiếu là trước hơn hết).

(Tục ngữ)

Đủ thấy *"hiếu"* với cha mẹ vốn là nền tảng nhân cách của cá nhân, là cơ sở đạo đức của xã hội. Để khuyên răn về đạo làm con phải hiếu, từ xưa, ông cha ta đã có một bài ca dao ngắn rất nổi tiếng mà dường như bất cứ người Việt Nam nào cũng thuộc lòng:

Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra,
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Ngày nay, Bác Hồ lại dạy quân đội ta: *Trung với nước, hiếu với dân*. Như vậy, quan niệm về chữ hiếu ngày xưa và ngày nay phải hiểu như thế nào cho đúng?

Bài ca dao mở đầu bằng hai hình ảnh so sánh thật đẹp và thật trang trọng để ca ngợi công ơn lớn lao của cha mẹ. Tác giả dân gian dùng lối nói ví quen thuộc của ca dao để biểu hiện, lấy những cái to lớn mênh mông vĩnh hằng của thiên nhiên làm hình ảnh so sánh, vì chỉ những hình ảnh to lớn không cùng và vĩnh hằng ấy mới diễn tả nổi.

Trước hết công cha được so sánh với chiều cao ngất trời của ngọn Thái Sơn sừng sững. Núi Thái Sơn là ngọn núi cao nổi tiếng của Trung Quốc. Xưa nay, trong thơ văn người ta thường dùng hình ảnh này để so sánh nêu bật sự lớn lao của sự vật. Tiếp đến, nghĩa mẹ được so sánh với nước trong nguồn chảy ra nghĩa là nguồn nước không bao giờ cạn, ý chỉ sự vô tận, vô cùng của nghĩa mẹ, của công mẹ.

Những hình ảnh so sánh ấy có cả bề cao, bề rộng, bề sâu nhưng không thể nào đo được cũng như công cha nghĩa mẹ đối với con cái.

Bài ca dao khẳng định công lao cha mẹ là vô cùng to lớn không gì hơn được. Ca ngợi như vậy, là nhằm nhắc nhở mọi người đạo làm con phải hiếu với cha mẹ nghĩa là phải thờ mẹ kính cha.

Bài ca dao đã làm sáng đẹp thêm một nét son rực rỡ và thiêng liêng nhất trong tâm hồn con người Việt Nam. Lời khuyên của bài này hoàn toàn đúng, vì đây là một chân lí hiển nhiên đã bám rễ vào huyết mạch, tâm cảm của mọi người.

Vì sao làm con phải hiếu? Điều này dễ hiểu. Đó trước hết là vì cha mẹ là người sinh thành ra chúng ta. Không có cha mẹ nhất định là không có chúng ta. Do vậy, ơn cha nghĩa mẹ có từ khi bắt đầu của cuộc đời ta. Mẹ mang nặng đẻ đau, chín tháng cưu mang vất vả, đau đớn. Cha cũng hết lòng, hết sức nuôi nấng chăm sóc chúng ta khi khỏe mạnh cũng như lúc ốm đau. Làm sao kể hết bao nỗi gian lao, khổ nhọc, bao sợi tóc bạc đầu, bao vết nhăn vầng trán cứ nhiều thêm, cứ sâu thêm của cha mẹ do vất vả, lo âu vì con cái:

Chim trời ai dễ đếm lông
Nuôi con ai dễ kể công tháng ngày.

Cha mẹ cũng là người uốn nắn, dạy dỗ chúng ta từ nhỏ bé đến lúc lớn khôn. Từ bước chập chững ban đầu, từ lời bi bô tập nói, con cái đã có cha mẹ cầm dắt, bảo ban. Ai tạo mọi điều kiện tốt nhất để chúng ta đến trường hàng ngày nghe lời thầy cô giảng dạy bao điều hay lẽ phải nếu không phải là cha mẹ của chúng ta. Đủ thấy công lao trời biển của hai đấng sinh thành!

Hơn nữa, làm con phải hiếu là đạo lí làm người, là nền tảng nhân cách của mỗi cá nhân, là cơ sở đạo đức của mọi quan hệ trong gia đình và ngoài

xã hội. Do vậy, xã hội không còn là xã hội văn minh nữa khi đạo hiếu không được nâng niu, giữ gìn.

Thế nhưng, một người con hiếu thảo với cha mẹ là phải như thế nào?

Trước hết, người con có hiếu là người biết yêu thương, kính trọng cha mẹ, biết vâng lời cha mẹ, biết tuân theo những lời dạy bảo đúng đắn của song thân. Người con có hiếu là phải làm cho cha mẹ vui lòng bằng những việc làm tốt đẹp của mình, nghĩa là biết chăm chỉ học tập, rèn luyện tâm trí, lúc nhỏ là con ngoan trò giỏi để sau này trở thành người công dân tốt giúp ích thiết thực bản thân cho gia đình và xã hội.

Bài ca dao khuyên dạy ta phải thờ mẹ kính cha nghĩa là không chỉ bằng lời nói suông mà phải bằng cả hành động cụ thể: khi cha mẹ còn khỏe mạnh, chúng ta phải phụ giúp đỡ đần, khi cha mẹ già yếu, chúng ta phải tận tình chăm sóc phụng dưỡng. Có như thế, chúng ta mới mong đền đáp được phần nào ơn nghĩa sinh thành. Nói đền đáp phần nào vì công đức cha mẹ vô cùng lớn lao dù chúng ta có đáp trả đến thế nào cũng không sao đủ được.

Xưa nay, trong xã hội, đôi khi có nhiều hiện tượng đau lòng về việc con cái bất hiếu đối xử phũ phàng và tệ bạc với cha mẹ. Các hiện tượng xấu này cần phải được xã hội phê phán đúng mức, thậm chí trừng phạt công minh để bảo vệ đạo lí làm người, phong hóa đạo đức của xã hội. Không gì sai lầm cho bằng có người cho rằng đạo hiếu chỉ là đạo đức phong kiến, tàn dư của chế độ cũ, một quan niệm lỗi thời, lạc hậu. Họ đã quên rằng đạo hiếu của chế độ phong kiến là tình cảm nghĩa vụ khô cứng, còn đạo hiếu của nhân dân ta là tình cảm rất tự nhiên. Xưa nay, đạo hiếu vốn là truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta.

Ngày nay, chúng ta phải kế thừa và phát huy truyền thống quý báu đã có từ lâu đời đó. Phải coi đạo hiếu là một nét son của đạo đức, hơn thế nữa, là một trong các chuẩn mực của con người Việt Nam trong xã hội mới.

Ngày nay, chúng ta cũng cần hiểu nội dung chữ hiếu rộng lớn sâu sắc hơn. Hiếu đâu chỉ thu hẹp trong phạm vi gia đình mà cần được mở rộng ra. Đó là hiếu với dân, trung với nước như Bác Hồ của chúng ta đã dạy. Một người có hiếu trong gia đình còn phải là người công dân tốt của đất nước, người con trung thành với sự nghiệp của Tổ quốc. Khi Tổ quốc và nhân dân cần người con ấy sẵn sàng tạm gác công việc phụng dưỡng cha mẹ để hết lòng phục vụ cho nhân dân cho đất nước. Trong trường hợp này, hiếu với nhân dân cũng là hiếu với cha mẹ. Lâu nay, biết bao chiến sĩ cách mạng đã gác lại tình nhà lao vào cuộc đấu tranh sống chết với kẻ thù, lòng vẫn canh cánh một chữ hiếu chưa trọn. Tuy không được sớm thăm tối viếng phụng dưỡng cha mẹ nhưng họ vẫn là người con chí hiếu.

Tóm lại, bài ca dao trên nhắc nhở mọi người phải biết nhớ ơn, tôn kính và chăm sóc cha mẹ, phải xứng với đạo làm con. Lời khuyên này có tác dụng

giáo dục đạo đức con người mọi thời đại, ngày xưa, ngày nay và cả mai sau nữa. Có điều muốn trở thành con người đạo đức toàn diện chúng ta phải biết kết hợp nội dung hiếu với cha mẹ với nội dung hiếu với dân, trung với nước theo lời dạy của Bác Hồ kính yêu.

ĐỀ 5: ***Giải thích câu tục ngữ: "Uống nước nhớ nguồn".***

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Kiểu bài:** *Giải thích một vấn đề.*
2. **Nội dung:** *Phải nhớ ơn những người đã tạo nên thành quả cho mình được hưởng.*
3. **Tư liệu dẫn chứng:** *Thực tế cuộc sống.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

Nhớ ơn những người đã giúp đỡ mình, hơn thế nữa, đã tạo nên thành quả cho mình được hưởng, xưa nay vốn là một truyền thống đạo lí tốt đẹp của nhân dân ta. Bởi vậy, tục ngữ có câu: "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng". Cũng cùng ý nghĩa trên, tục ngữ còn có câu: "Uống nước nhớ nguồn".

Ngày trong cuộc sống hôm nay, lời dạy đạo lí làm người này càng trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết.

II. THÂN BÀI

1. **Giải thích:** *Uống nước nhớ nguồn*

   Uống nước: thừa hưởng hoặc sử dụng thành quả lao động, đấu tranh của các thế hệ trước.

   Nguồn: chỗ xuất phát dòng nước. Nghĩa bóng: Nguyên nhân dẫn đến, con người hoặc tập thể làm ra thành quả đó.

   Ý nghĩa: *Lời nhắc nhở, khuyên nhủ của ông cha ta đối với con cháu, những ai đã, đang và sẽ thừa hưởng thành quả công lao của người đi trước.*

2. **Tại sao uống nước phải nhớ nguồn**

   - *Trong thiên nhiên và xã hội, không có một sự vật, một thành quả nào mà không có nguồn gốc, không do công sức lao động tạo nên.*
   - *Của cải vật chất đều do bàn tay người lao động làm ra. Đất nước giàu đẹp do cha ông gầy dựng, con cháu gìn giữ tiếp truyền. Con cái là do các bậc cha mẹ sinh thành dưỡng dục. Vì*

thế, nhớ nguồn là đạo lí tất yếu.

- *Lòng biết ơn là tình cảm đẹp xuất phát từ lòng trân trọng công lao những người "trồng cây" phục vụ cho biết bao người "ăn trái".*

"Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần."

Khi "bưng bát cơm đầy", ta phải biết trân trọng, nhớ ơn những ai đã "một nắng hai sương", "muôn phần cay đắng" để làm nên "dẻo thơm một hạt". Nói cách khác, được thừa hưởng cuộc sống tự do, thanh bình, no ấm ta phải khắc ghi công lao các anh hùng liệt sĩ.

... *Uống nước nhớ nguồn là nền tảng vững chắc tạo nên một xã hội thân ái đoàn kết. Lòng vô ơn, bội bạc sẽ khiến con người ích kỉ, ăn bám gia đình, xã hội.*

3. Phải làm gì để "nhớ nguồn"

- *Tự hào với lịch sử anh hùng và truyền thống văn hóa vẻ vang của dân tộc, ra sức bảo vệ và tích cực học tập, lao động góp phần xây dựng đất nước.*
- *Có ý thức gìn giữ bản sắc, tinh hoa của dân tộc Việt Nam mình, và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa nước ngoài.*
- *Có ý thức tiết kiệm, chống lãng phí khi sử dụng thành quả lao động của mọi người.*

III. KẾT BÀI

- *Khẳng định giá trị của câu tục ngữ trong tình hình thực tế đời sống hiện nay.*
- *Nhớ nguồn trước hết là nhớ ơn cha mẹ, thầy cô những người đã sinh thành, dưỡng dục, dạy dỗ chúng ta thành người hữu dụng. Ngoài ra, còn phải nhớ ơn xã hội đã giúp đỡ ta.*
- *Phải sống sao xứng đáng trọn nghĩa trọn tình theo đúng truyền thống đạo lí tốt đẹp của cha ông.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Sống trong xã hội, con người cần có thái độ như thế nào đối với những người đã giúp đỡ mình. Trước mắt ta, thiếu chi những kẻ trâng tráo vô ơn làm nên những hiện tượng *"ăn cháo đá bát"* mà nhân dân ta ai cũng cực lực phê phán. Những kẻ ấy đã không hiểu được một đạo lí truyền thống của dân tộc ta đã được đúc kết từ thực tế, một mối quan hệ cần thiết trong đời sống con người đó là: *Uống nước nhớ nguồn*. Ta nên hiểu câu tục ngữ này ra sao? Trong cuộc sống hiện nay, ý nghĩa của câu trên càng trở nên sâu sắc hơn như thế nào?

Trước tiên, ta cần hiểu thế nào là *uống nước nhớ nguồn*. Câu tục ngữ đã bắt đầu bằng một hình ảnh cụ thể, dễ thấy và dễ hiểu đó là *uống nước*. *Uống nước* là thừa hưởng hoặc sử dụng thành quả lao động hay thành quả đấu tranh cách mạng của các thế hệ trước đã qua rồi còn để lại. *Nguồn* là nơi xuất phát dòng nước. Nói rộng hơn, là nguyên nhân dẫn đến, là con người: Cá nhân hay tập thể đã đổ tâm huyết và công sức làm ra thành quả đó. *Uống nước nhớ nguồn* là lời khuyên nhủ, nhắc nhở của ông cha chúng ta đối với lớp người đi sau, đối với tất cả những ai, đang và sẽ thừa hưởng thành quả được tạo nên do công lao của bao thế hệ người đi trước.

Có điều là vì sao *uống nước* phải *nhớ nguồn* cũng như ăn trái phải nhớ kẻ trồng cây? Điều này thật là dễ hiểu! Bởi vì trong thiên nhiên cũng như trong xã hội, không có bất cứ một sự vật nào, một thành quả nào mà không có nguồn gốc, không do công sức lao động làm nên cả. Giống như hoa thơm trái ngọt phải có người trồng cây đổ biết bao mồ hôi công sức, đôi khi cả xương máu nữa cũng phải để cây cối xanh non, tươi tốt. Của cải vật chất trong xã hội cũng vậy, cũng đều cần đến bàn tay khối óc cần lao của người lao động khổ công nhọc trí làm ra.

Ngay cả đến một dải đất nước giàu đẹp của chúng ta hiện nay cũng chính là thành quả của biết bao thế hệ cha ông đã đổ máu xương công sức ra gây dựng tiếp truyền cho. Trong phạm vi hạn hẹp hơn là gia đình, thì con cái là "thành quả" do các bậc cha mẹ đã sinh thành dưỡng dục. Người thừa hưởng sử dụng các thành quả đó phải biết đến công lao của những người tạo ra chúng. Vì thế *nhớ nguồn* là đạo lí tất yếu. Ân nghĩa, thủy chung, không quên công lao của tổ tiên từ đó đã là một trong những phẩm chất tốt đẹp đã trở thành truyền thống cao quý của con người Việt Nam. Ta đã từng bắt gặp tình cảm ấy trong ca dao, tiếng nói tâm tình của dân tộc ta:

Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Khi *bưng bát cơm đầy* ta phải biết trân trọng, nhớ ơn những ai đã *một nắng hai sương, muôn phần cay đắng* để làm nên *dẻo thơm một hạt*. Nói cách khác, được thừa hưởng cuộc sống thanh bình, no ấm hiện nay nhất thiết ta phải khắc ghi công lao của các vị anh hùng liệt sĩ đi trước đã hi sinh biết bao xương máu mồ hôi và nước mắt.

Do đó, *Uống nước nhớ nguồn* chính là nền tảng vững chắc tạo nên một xã hội thân ái đoàn kết đầy đạo lí làm người. Ai chẳng biết là lòng vô ơn, bội bạc, thái độ *ăn cháo đá bát* sẽ làm con người trở nên nhỏ nhen ích kỉ ăn bám gia đình và xã hội.

Thế nhưng để *nhớ nguồn*, chúng ta phải làm gì? Là người Việt Nam, tự hào với lịch sử anh hùng và truyền thống văn hóa vẻ vang của dân tộc, chúng ta phải ra sức góp phần bảo vệ đất nước, tích cực học tập và lao động để góp phần xây dựng đất nước trở nên giàu đẹp hơn.

Không những chỉ có ý thức giữ gìn bản sắc, tinh hoa của dân tộc Việt Nam mình, mà chúng ta chớ không phải ai khác, phải ý thức tiếp thu một cách chọn lọc tinh hoa nhân loại để làm giàu thêm nền văn hóa nước nhà.

Ngoài ra, để *nhớ nguồn,* chúng ta còn phải có ý thức tiết kiệm chống lãng phí khi sử dụng thành quả lao động của mọi người. Có như thế mới sống xứng đáng trọn nghĩa trọn tình đúng với truyền thống đạo lí *Uống nước nhớ nguồn* tốt đẹp của cha ông.

Tóm lại, câu tục ngữ trên là lời khuyên, lời nhắc nhở ngắn gọn, súc tích, hình tượng rõ ràng đơn giản dễ hiểu mà ý nghĩa thật sâu sắc. Từ bao đời nay, cha ông chúng ta vẫn lấy câu tục ngữ này để giáo dục chúng ta đạo lí làm người Việt Nam.

Là học sinh, hơn ai hết, chúng ta phải khắc ghi trong lòng công ơn sinh thành nuôi nấng của cha mẹ và công lao tận tâm dạy dỗ của thầy cô giáo. Phải biết bảo vệ các thành quả vật chất lẫn tinh thần của bao thế hệ cha ông để lại, và đồng thời cũng biết kế thừa phát huy và giữ gìn giá trị vật chất, tinh thần của những thành quả đó.

ĐỀ 6: Bàn luận về câu tục ngữ: "Lá lành đùm lá rách".

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Kiểu bài:** *Bàn luận.*
2. **Nội dung:** *Con người sống với nhau phải biết thương yêu, đùm bọc, đỡ đần nhau.*
3. **Tư liệu dẫn chứng:** *Thực tế đời sống và lịch sử.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

Đoàn kết, tương thân tương ái là một tình cảm đặc biệt nổi bật trong nhân sinh quan của người xưa. Bởi vậy, tục ngữ ca dao có những câu: "Nhiễu điều phủ lấy giá gương, Người trong một nước phải thương nhau cùng" hoặc "Thương người như thể thương thân". Cũng có câu ngắn gọn hơn, đầy hình tượng hơn như:

"Lá lành đùm lá rách."

Đó là một bài học về đạo lí làm người thể hiện rõ nét mối quan hệ tình cảm đậm đà trong xã hội ta ngày xưa.

II. THÂN BÀI

1. Giải thích câu tục ngữ

Nghĩa đen: *Dùng lá cây để gói hàng, nếu lá bị rách, người ta lấy tấm lá lành bọc thêm bên ngoài.*

Nghĩa bóng: Lá lành, lá rách: con người lúc yên ổn, thuận lợi và lúc khó khăn thất thế.

Câu tục ngữ khuyên ta nên biết giúp đỡ, đùm bọc những người gặp cảnh cùng khốn gieo neo.

2. **Đánh giá vấn đề**

- *Ông cha ta nhắc nhở cháu con đừng thờ ơ, ghẻ lạnh trước khổ đau, thiếu may mắn của người khác mà trái lại, phải hết lòng đùm bọc đỡ nâng người sa cơ lỡ vận giúp họ qua bước khốn cùng, thể hiện cao đẹp trong mối quan hệ người với người.*
- *Giữa dòng đời, hoàn cảnh con người biến đổi thăng trầm. Do đó, cần hiểu biết nhau trong tương thân tương ái với nhau tạo tình đoàn kết, tránh chia rẽ, xung đột.*
- *Lòng nhân ái là một đức tính mà mỗi con người đều cần phải có để làm nền móng xây dựng một xã hội tốt đẹp, công bằng bác ái. Quay lưng hay ngoảnh mặt trước nỗi đau của người khác là ích kỉ vô nhân.*
- *Đặc biệt trong hoàn cảnh đất nước hiện nay nhiều khó khăn, gian khổ, hơn lúc nào hết, "lá lành đùm lá rách" là việc làm rất cần thiết, là ý thức tự giác của mỗi người chúng ta.*

3. **Mở rộng, bổ sung thêm vấn đề**

- *Truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái "lá lành đùm lá rách" là truyền thống cao quý về đạo lí làm người của dân tộc ta. Chính truyền thống này là cơ sở tạo nên sức mạnh đoàn kết để bao đời nay, dân tộc ta chiến thắng thù trong giặc ngoài giữ vững đất nước.*
- *Lòng nhân ái này phải xuất phát từ tình cảm chân thành, thấu hiểu, cảm thông giữa người với người chớ không phải lối ban ơn, trịch thượng.*
- *Người được đùm bọc, dỡ đần cũng phải biết vươn lên chớ không phải ỷ lại sống nhờ vào lòng thương người của kẻ khác để mình trở nên thụ động, biếng nhác.*

III. KẾT BÀI

Nhấn mạnh ý nghĩa và giá trị của câu tục ngữ trong đời sống thực tế hiện nay.

***Liên hệ bản thân**: Cần có lòng nhân ái, ý thức đoàn kết tương thân tương ái. Tuy nhiên phải cương quyết chống lại tư tưởng trông chờ, ỷ lại. Cần đề cao, khuyến khích tinh thần tự lực cánh sinh.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Thực tế lịch sử đã cho thấy trong bốn ngàn năm sống còn trên dải đất bên bờ biển Đông đầy sóng gió này, dân tộc Việt Nam chúng ta đã từng gánh chịu biết bao là thiên tai, địch họa vô cùng ác liệt. Phép lạ nào đã giúp tổ tiên chúng ta vượt qua được mọi khó khăn, điêu đứng ấy để đứng vững cùng bè bạn năm châu? Phải chăng là nhờ ở sức mạnh của tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau. Nhân dân ta đã thực hiện đúng như câu tục ngữ mà từ bao đời nay cha ông ta đã truyền đời: *Lá lành đùm lá rách.*

Nội dung chứa đựng trong câu ấy có thể xem như một bài học về đạo lí làm người, đồng thời phản ánh mối quan hệ tình cảm đậm đà trong xã hội ta ngày trước.

Đọc câu tục ngữ ấy lên, chúng ta hình dung được ngay một hiện tượng rất bình thường trong sinh hoạt hàng ngày của nhân dân ta. Đó là dùng lá cây – lá chuối chẳng hạn – để gói hàng. Nếu lá bị rách, người ta sẽ lấy một tấm lá khác lành lặn bọc lại bên ngoài cho thêm chắc chắn.

Đó chính là nghĩa đen, nghĩa thực của câu tục ngữ. Thế nhưng, về mặt nghĩa bóng thì sao? Hình ảnh "lá lành", "lá rách" ở đây tượng trưng cho con người trong những hoàn cảnh riêng khác nhau. *Lá lành* ý chỉ con người lúc yên ổn, thuận lợi, cuộc sống xuôi chèo, mát mái. Trái lại *lá rách* ý chỉ con người lúc khó khăn, sa cơ lỡ vận. Bằng lối nói tượng trưng, dùng hình ảnh cụ thể và giản dị ấy, câu tục ngữ ngụ ý khuyên chúng ta nên biết chia sẻ, giúp đỡ, thông cảm, xót thương những người bị rơi vào cảnh ngộ cùng quẫn, gieo neo.

Với nội dung vừa nói, câu tục ngữ trên đã biểu hiện mối quan hệ tình cảm tốt đẹp, đậm đà của nhân dân ta từ xưa trong xã hội. Thật vậy, đoàn kết tương thân tương ái vốn là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Ngoài câu tục ngữ trên, người xưa còn truyền đời các câu: *Chị ngã em nâng; Nhiễu điều phủ lấy giá gương, Người trong một nước phải thương nhau cùng; Bầu ơi! Thương lấy bí cùng, Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*... Các câu trên đều khuyên nhủ ta: hễ là đồng bào thì nên đoàn kết, hợp tác, chặt chẽ với nhau trong tinh thần tương thân tương ái, không nên thờ ơ, ngoảnh mặt, quay lưng trước nỗi bất hạnh của người khác mà trái lại, phải luôn luôn quan tâm giúp đỡ, đùm bọc, chở che người khó khăn, thất thế. Những người giàu có nên thương yêu giúp đỡ cho những người nghèo khổ, nhất là trong những khi họ gặp hoạn nạn, tai ương như lụt lội, cháy nhà, bệnh tật... Những người có địa vị to, trách nhiệm lớn nên tạo điều kiện, giúp đỡ quần chúng được sống một đời no ấm, hạnh phúc. Đúng như tinh thần của người xưa đã từng khuyên dạy:

Thấy ai đói rách thì thương,
Rét thường cho mặc, đói thường cho ăn.

Trong đời sống xã hội, hoàn cảnh con người dễ thay đổi bất thường, khi thành công khi thất bại. Có cái tình *thương người như thể thương thân* ấy, thì cuộc sống xã hội mới tránh được mầm mống chia rẽ, xung đột, xây dựng được tình đoàn kết, tương thân tương ái. Điều đó đủ cho thấy lòng nhân ái hay tình cảm nhân đạo chính là một phẩm chất tốt đẹp mà mỗi cá nhân cần phải có để lấy đó làm nền tảng xây dựng nên một xã hội bình đẳng, thân ái. Cũng phải thấy rằng thờ ơ trước nỗi đau bất hạnh của kẻ khác là một thói xấu, một thái độ ích kỉ, vô lương tâm.

Trong đời sống còn nhiều khó khăn của buổi đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, hơn lúc nào hết, lòng nhân ái, tình cảm thương yêu, đùm bọc lẫn nhau ấy phải được nâng lên thành ý thức tự giác ở mỗi con người chúng ta.

Câu tục ngữ này đã được truyền tiếp bao đời nay đủ để khẳng định truyền thống cao quý trong đạo lí làm người của dân tộc ta. Chính nhờ sự đoàn kết keo sơn, tinh thần tương thân tương ái đậm đà nên trải qua bao thời Bắc thuộc, Pháp thuộc và Mĩ thuộc, nhân dân ta vẫn bảo vệ được nền độc lập, bảo vệ được sự sống còn, vững mạnh cho đến ngày nay.

Tuy nhiên, chúng ta cũng cần phải nhận định, đánh giá đúng tinh thần của câu tục ngữ này *Lá lành đùm lá rách* nghĩa là người khỏe mạnh, bình yên phải giúp đỡ người yếu đuối, khó khăn là một bổn phận cần thiết nhưng phải không được xuất phát từ động cơ cá nhân thấp hèn và cũng không phải là hành động ban ơn trịch thượng kiểu bố thí: mà nhất thiết phải bắt nguồn từ lòng nhân ái hay tình cảm nhân đạo mà chúng ta vừa phân tích ở trên. Cả người được giúp đỡ cũng vậy, không nên ỷ lại, hoàn toàn sống nhờ vào tình thương xót của người khác để trở nên thụ động, biếng lười. Họ phải vươn lên xứng đáng để làm nên mối quan hệ bình đẳng, thân ái với người khác.

Tóm lại, tình yêu thương, đùm bọc nhau là một truyền thống đẹp đẽ về đạo lí làm người đã được dân tộc ta giữ vững và phát huy truyền lại nhiều thế hệ trải qua các giai đoạn lịch sử của đất nước nhất là trong khó khăn, hoạn nạn, dịch họa, thiên tai...

Ngày nay, truyền thống ấy cần được kế thừa và mạnh mẽ phát huy hơn nữa. Mỗi người chúng ta phải có ý thức đoàn kết tương ái tương thân, tương trợ nhau trong sinh hoạt, học tập và sẵn sàng tích cực tham gia các công tác cứu trợ xã hội. Tuy nhiên, hơn ai hết thanh niên chúng ta cần chống tư tưởng ỷ lại, đề cao tinh thần tự lực cánh sinh.

ĐỀ 7: ***Vương Dương Minh, một học giả của Trung Hoa ở cuối thế kỉ XV đã nói: "Người không có chí như thuyền không lái, như ngựa không cương trôi dạt lông bông không ra thế nào cả."***

Em hãy bàn luận về câu nói trên.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Ở đời có người gặp sao hay vậy, không có một quan niệm rõ ràng, vì thế nên dễ mất phương hướng trong việc lập chí, khiến trong đời cứ mua hết thất bại này đến thất bại khác. Bởi thế, khích lệ sự lập thân bằng một đường lối chắc chắn, Vương Dương Minh, một học giả của Trung Hoa ở cuối thế kỉ XV đã nói: *"Người không có chí như thuyền không lái, như ngựa không cương trôi dạt lông bông không ra thế nào cả."*

Vậy chí là gì mà học giả họ Vương đã quan niệm một cách tha thiết như vậy? Ta hãy xét sau đây:

Đối với một con người về phần nội tại thì *"chí"* để chỉ một nghị lực tinh thần, nó có sức mạnh thúc đẩy người ta theo đuổi con đường đã vạch ra để liên tục hành động cho kì đến mục đích. Nhờ đó con người không chán nản trước trở lực, khó khăn, hầu thực hiện được một lí tưởng, một sự nghiệp.

Nếu thiếu chí tức là thiếu mọi ý thức hành động cho đời sống tinh thần cũng như vật chất của mình, suốt đời lông bông thay đổi, nay ngắm đường này, mai ngắm đường kia, có khác nào con thuyền không lái thì dù có được dùng sức mạnh trăm chèo cũng không thể nào hướng nó đến cái đích của bến mà mình đã định được, hay con ngựa không cương thì dù ngựa hay, người cưỡi giỏi cũng chỉ tung bụi mà chạy chứ không biết phải dừng lại nơi chốn nào. Vậy cái lái của thuyền kia, cũng như cái cương của con ngựa nọ là những bộ phận thiết yếu khiến cho thuyền đi, cho ngựa tiến đúng lối đã định.

Bộ phận ấy được học giả Vương Dương Minh ví với cái chí của con người, chỉ có chí quyết định, chí vững tiến mới khiến người ta khỏi lông bông trên đường mới.

Lời nói của Vương Dương Minh rất đúng với sự thật. Ta cứ xem trong lịch sử danh nhân có ai thiếu chí mà xây dựng được nghiệp lớn hay lí tưởng cao đẹp đâu. Trái lại, tất cả những kẻ thành công trong đời phải là những kẻ có chí lớn cả. Cứ xem Lê Lợi mười năm gian khổ trong rừng sâu hiểm trở để tìm cách diệt quân Minh đủ thấy rõ cách lập chí của bậc anh hùng, hay thấp hơn nữa. Nguyễn Công Trứ, mặc cho hoàn cảnh lao lung cơ hàn cấu xé vẫn thẳng một đường tiến tới theo chí đã vạch ra. Hoặc giả như ông Nansen, nhà thám hiểm Bắc Cực đã không nản chí, suốt ba năm trời chịu đựng đói rét để thực hiện công việc của mình. Bởi vậy, thiếu đi cái chí có thể coi như là thiếu tất cả các phương tiện tiến bộ, bất cứ ở trong phương diện nào: khoa học, văn chương, kinh tế... khiến cho cuộc đời mình không có hướng đi nữa.

Nhận định được giá trị tư tưởng trên, ta không thể không suy nghĩ kĩ về cách lập luận của mình trong việc vạch rõ một đường tiến và luyện lấy cái chí kiên quyết để hành động. Trên bước đường tiến ấy, ta mới tìm thấy sự say mê, hào hứng, mặc dù chưa đạt hay không đạt được mục đích muốn.

Đề 3: ***Ngày trước, trong xử thế, có người cho rằng:***

"Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau."

Em hãy giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ đó. Em có tán thành cách xử thế đó không? Vì sao?

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Thể loại:** *Giải thích và bàn luận về câu tục ngữ. Nêu lên một quan niệm sống, một cách xử thế đúng.*
2. **Nội dung:** *Phê phán. Đó là một quan niệm sống ích kỉ, cá nhân: quyền lợi và hưởng thụ thì xông lên trước, khó khăn gian khổ thì tụt lại sau.*
3. **Tư liệu:** *Lấy thực tế cuộc sống để dẫn chứng nhằm phê phán cái sai và khẳng định cái đúng.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

Hưởng thụ và cống hiến? Hai vấn đề đáng quan tâm đầy mâu thuẫn đó phải được kết hợp trong xử thế ra sao?

Dẫn câu tục ngữ.

II. THÂN BÀI

A. Giải thích

- ***Nghĩa đen:*** *Khi ăn cỗ thì lo đi trước mọi người để có được miếng ngon, còn khi lội nước thì tính việc đi sau hơn hết mọi người để tránh hiểm nguy cho bản thân mình.*
- ***Nghĩa bóng:*** *Khi hưởng quyền lợi thì tranh thủ đến trước nhất, nhanh nhất nhưng trước khó khăn, gian khổ, hiểm nguy thì tụt lại sau để người khác làm trước mình đỡ phải nguy hiểm.*

B. Bàn luận

1. Đánh giá câu tục ngữ

Đây là lời phê phán một cách gián tiếp quan niệm sống ích kỉ, cá nhân thể hiện bằng thái độ xử thế của loại người ranh ma trong cuộc sống hàng ngày.

2. Bàn bạc mở rộng

Thái độ xử thế vừa nói đáng được phê phán vì:

- *Lấy cá nhân mình làm điểm xuất phát, cách xử thế khôn vặt của hạng người ích kỉ, hèn kém chỉ chăm chăm tranh giành quyền lợi.*
- *Chỉ lo đòi hưởng thụ mà không chịu cống hiến đóng góp gì cho xã hội. Trước khó khăn gian khổ thì trốn tránh trách nhiệm.*
- *Nếu ai cũng: "Lội nước theo sau" thì làm gì xây dựng thành công được một cuộc sống ấm no hạnh phúc nước mạnh, dân giàu, văn minh, hiện đại được.*

  Nên xây dựng cho mình một thái độ xử thế đúng đắn.
- *Là thành viên của xã hội, chúng ta có nghĩa vụ phải góp sức, góp công ra sức xây dựng cộng đồng, xã hội vững mạnh, no ấm, hạnh phúc.*
- *Khi cộng đồng, xã hội được hạnh phúc mỗi thành viên cũng sẽ được hạnh phúc.*

Đây chính là nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội: "Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người."

Người cán bộ, người đảng viên, người đoàn viên phải nêu cao tinh thần: "Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ."

III. KẾT BÀI

Lẽ sống cao đẹp: *Sống vì mọi người biết san sẻ hi sinh vì mọi người mỗi người là lối sống mà chúng ta hướng tới phấn đấu rèn luyện để có được.*

Sống vì mọi người mới là cái sống đầy ý nghĩa và hạnh phúc. Sống cá nhân, ích kỉ chỉ biết có quyền lợi riêng của mình là sống đáng buồn.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Nếu là con chim chiếc lá
Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh
Lẽ nào vay mà không có trả
Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.

(TỐ HỮU)

Với mấy câu thơ trên, nhà thơ Tố Hữu nêu lên quan niệm của mình sống là cống hiến. Đông đảo thanh niên ta lâu nay đặc biệt là trong thời kì chống Mĩ cứu nước cũng đã dấy lên phong trào thi đua *"Đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì mà Tổ quốc cần"*. Các anh đã xung phong gương mẫu sẵn sàng lao đến những điểm nóng gian khổ nhất, những công việc nặng nề khó khăn nhất và cũng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình.

Lẽ sống cao đẹp này hoàn toàn trái ngược với câu tục ngữ quen thuộc: "*Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau*".

Câu đó có giá trị như một lời khuyên nhủ răn dạy hay một lời phê phán thói khôn ranh thủ lợi.

Chúng ta hiểu và tiếp nhận câu tục ngữ này như thế nào?

Nghĩa đen của câu này là khi được mời đi ăn cỗ thì đi trước mọi người để dành lấy miếng ngon. Đến trước sẽ được ăn trước các món ăn nóng sốt và đầy đủ không lo ai tranh giành. Nhưng khi nào phải lội nước thì phải đi sau, nhường cái khó khăn, nguy hiểm lại cho người khác. Đi sau chắc chắn sẽ biết rõ chỗ cạn chỗ sâu, không khi nào phải sa xuống hố cả.

Ai cũng biết câu tục ngữ không bao giờ dừng lại ở nghĩa đen cả. Bởi vậy, ta dễ dàng nắm bắt ngay nghĩa bóng. Câu này ý nói khi hưởng quyền lợi thì tranh thủ để đến nhanh nhất, trước nhất để khỏi mất phần nhưng trước khó khăn, gian khổ, nguy hiểm thì tụt lại sau nhường cho người khác làm trước.

Như thế câu tục ngữ này nói về vấn đề hưởng thụ và cống hiến. Cụ thể hơn, câu này phản ánh và phê phán một cách sống khôn ranh, thực dụng xưa nay trong xã hội.

Điều chúng ta cần phải khẳng định là câu này chỉ đúng khi dùng với mục đích phê phán nhằm chê bai chỉ trích cái thói khôn vặt, láu cá, một lối sống thực dụng chỉ chăm chăm vào việc thủ lợi cho riêng mình.

Nhưng nếu được dùng làm một lời khuyên bảo, răn dạy về một cách sống thì câu này hoàn toàn sai trái. Chúng ta không sao chấp nhận được ý nghĩa đó. Vì sao? Ai cũng biết tục ngữ là túi khôn của cha ông ta, là lời hay, ý đẹp, cỏ lạ, hoa thơm tư tưởng từ ngàn xưa lắng đọng, đúc kết lại nhằm nêu ra những bài học có ý nghĩa sâu sắc về lẽ sống ở đời, về đạo lí làm người, nhất định là không thể cổ vũ cho lối sống thấp hèn như thế. Do đó mà câu tục ngữ chỉ có mục đích phê phán.

Ai lại không tán thành thái độ phê phán cách sống *Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau?* Đó chính là lối xử thế của những người chỉ biết có quyền lợi cá nhân của mình nên sẵn sàng lấy đó làm xuất phát điểm để hành động. Không bao giờ họ chịu mở mắt ra, nới tầm suy nghĩ ra để nghĩ cho người khác, mở rộng lòng ra để quan tâm đến người khác. Họ là hạng người tự tư tự lợi, vị kỉ, hèn kém chỉ biết có hưởng thụ không hề nghĩ đến cống hiến, chỉ biết nhận chứ không biết cho. Trước một nhiệm vụ khó khăn, họ sẵn sàng lẩn tránh, không chút ý thức trách nhiệm nào cả. Đó là những kẻ *Ăn thì ăn những miếng ngon. Làm thì chọn việc cỏn con mà làm*, vì tôn thờ chủ nghĩa cá nhân nên họ cố vun vén, giành giật quyền lợi, bổng lộc về riêng cho mình. Số người ấy thời nào cũng có nhưng không nhiều bởi lẽ nếu xưa nay ai cũng *Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau* cả thì chúng ta làm sao có được cuộc sống như ngày hôm nay.

Lối sống ranh ma, khôn vặt vừa phân tích trên hoàn toàn đối lập với đạo đức xã hội chủ nghĩa của chúng ta ngày nay. Sống trong xã hội mới này, chúng ta mỗi người đều là thành viên, nghĩa là đều có trách nhiệm phải đóng góp công sức để xây dựng cuộc sống xã hội mới ngày một tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn. Với lẽ sống cao đẹp: *Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người* khi đời sống của xã hội được nâng cao lên thì đời sống mỗi cá nhân cũng được nâng cao.

Hiểu được ý nghĩa sâu sắc của câu tục ngữ này, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, chúng ta phải ra sức rèn luyện phấn đấu để có được một lối sống vị tha, cao đẹp, biết nhận nhưng cũng biết cho, biết hưởng thụ nhưng cũng sẵn sàng cống hiến. Là cán bộ, là đảng viên, là đoàn viên, hơn ai hết, chúng ta phải tâm niệm lời dạy của người xưa *Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ* và sẵn sàng làm theo lời Bác dạy: *Đảng viên đi trước, làng nước đi sau.*

Tóm lại, hai quan niệm sống: *Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau* và *Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ* đối lập nhau hoàn toàn. Chúng ta không thể nào chấp nhận thái độ sống ích kỉ, cá nhân vụ lợi. Nói theo nhà thơ Thanh Hải, mỗi con người chúng ta phải là một *mùa xuân nho nhỏ* cống hiến sức lực và cuộc đời của mình để góp phần làm nên mùa xuân chung của đất nước, của toàn dân tộc.

ĐỀ 9: ***Nói chuyện với học sinh, Hồ Chủ tịch đã dạy: "Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó."***

Em hãy bàn luận về lời dạy đó.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Bác Hồ – vị Cha già muôn vàn kính yêu của dân tộc ta, luôn quan tâm đến việc rèn luyện nhân cách cho thế hệ trẻ, đặc biệt là lứa tuổi học sinh. Trong một lần nói chuyện với học sinh, Bác đã dạy: *Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó.*

Lời dạy của Bác đã khắc sâu trong tâm hồn trí tuệ thế hệ trẻ, trụ lại mãi với thời gian. Cho đến bây giờ lời dạy của Bác vẫn vang vọng trong tâm hồn mọi người. Muốn hiểu rõ ý nghĩa lời dạy của Bác, trước hết ta phải hiểu khái niệm "đức" và "tài". Theo em, nói về *tài* là nói về mặt trí tuệ, kiến thức, kinh nghiệm và năng lực. *Tài* là khả năng hoàn thành nhiệm vụ với kết quả cao, giải quyết tốt mọi khó khăn xảy ra và luôn sáng tạo trong việc làm. *Đức* là đạo đức, là tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, là cần, kiệm, liêm chính, dũng cảm khắc phục khó khăn, chịu đựng gian khổ và luôn luôn sống với phương châm: *Mỗi người vì mọi người.*

Từ khái niệm "tài" và "đức", từ yêu cầu của cuộc sống, Bác đã đưa ra kết luận *Có tài mà không có đức là người vô dụng*. Một con người có tài mà không có đức thì con người đó không có ích cho cuộc sống. Trong thực tế cuộc sống và trong văn học, em đều thấy lời dạy của Bác hoàn toàn đúng, nó thể hiện cách đánh giá đúng chân giá trị của con người. Có tài, có hiểu biết, có kinh nghiệm nhưng lại không mang sự hiểu biết đó phục vụ nhân dân, làm đẹp giàu cho đất nước thì cái tài đó hoàn toàn vô ích. Một người có tài mà chỉ thu vén cho lợi ích cá nhân thì người đó cũng trở thành vô dụng mà thôi! Mặt khác, con người có tài mà làm việc xấu, trái với đạo đức, trái với lương tâm thì không những chỉ là vô ích mà còn có hại, cái tài ở đây không đáng được trân trọng nữa. Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đất nước ta còn gặp rất nhiều khó khăn. Nó đòi hỏi phải có nhiều người có tài, có đức. Song, người có tài chỉ nghĩ đến lợi ích cá nhân, không mang sự hiểu biết và kinh nghiệm của mình để tạo ra của cải cho đất nước, thì những con người đó đều là vô ích, cái tài của họ đáng bỏ đi... Thực tiễn cho thấy con người có tài năng càng cao mà không có đạo đức thì tác hại của nó thật to lớn. Một người có tài, trong khi đất nước đang gặp khó khăn, đang cần họ mà họ lại chỉ lo thu vén cá nhân thì họ không những đã không góp phần làm đẹp cho đất nước mà có khi còn mang lại những thiệt hại to lớn cho đất nước... Bác nói *Có tài mà không có đức là người vô dụng* thật không sai chút nào!

Trong thực tế, từ xưa tới nay đạo đức là phẩm chất không thể thiếu được đối với mỗi người. Đạo đức, tính cách con người là cái quý nhất. Mất đạo đức, con người khác nào loài vật! Song, không có tài năng thì con người làm việc cũng rất khó khăn, chật vật. Tài năng giúp cho chúng ta hoàn thành tốt mọi công việc. Có đức, muốn phục vụ tốt cho đất nước nhưng tài năng không có thì họ không đạt được những ý muốn của mình. Nhiều khi vì không có tài năng, họ đã làm hỏng việc và làm hại cả đến sự nghiệp chung. Một người cán bộ quản lí hợp tác xã có tinh thần, ý chí và trách nhiệm cao nhưng tài năng kém sẽ làm cho công việc lúng túng, sai sót và vất vả... Trong một nhà máy, người lãnh đạo sống mẫu mực nhưng không có tài thì nhà máy sẽ làm ăn thua lỗ và dẫn đến bờ vực phá sản. Quả thật, ngoài đạo đức, tài năng cũng là một vấn đề rất cần thiết, nó phục vụ cho chính cuộc sống của chúng ta. Vì vậy, "tài" luôn luôn đi đôi với "đức", một con người có "đức" chưa đủ mà còn phải có cả tài năng và khi chúng ta rèn luyện thì phải rèn luyện cả "đức" lẫn "tài".

Rõ ràng "đức" và "tài" là hai mặt không thể thiếu được trong phẩm chất của con người lao động kiểu mới. Hai mặt này không loại trừ nhau mà bổ sung cho nhau, tạo nên phẩm chất của con người phát triển toàn diện. Từ xưa các cụ đã thường nói *Tiên học lễ*, điều trước tiên đối với con người phải là vấn đề

đạo đức. Vấn đề đó là gốc, là yếu tố quyết định, "tài" là biểu hiện cụ thể của "đức", không có khái niệm đạo đức chung chung, tách rời hiệu quả việc làm...

Vì vậy "tài" và "đức" phải hài hòa trong phẩm chất của con người lao động kiểu mới, giúp họ làm giàu đẹp cho quê hương và đất nước. Anh Hồ Giáo là một hình ảnh điển hình. Anh tận tụy, say mê với công việc, đem hết tài năng, sức lực của mình vào công việc lai tạo giống bò cho đất nước. Đó là hình ảnh anh thanh niên trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long. Anh đã chọn cho mình công việc cống hiến thầm lặng cho đất nước mặc dù phải xa cuộc sống của con người đô thị, chịu cái giá rét, cô đơn trên ngọn núi cao hai nghìn sáu trăm mét. Với lòng say mê nghề nghệp, anh đưa những hiểu biết, những kinh nghiệm áp dụng vào việc làm, góp phần không nhỏ vào công cuộc chiến đấu bảo vệ đồng quê xanh tươi của Tổ quốc... Đó cũng chính là hình ảnh cô kĩ sư trẻ đã dám rời bỏ cuộc sống thành thị, dám dứt bỏ mối tình đầu mà cô cho là nhạt nhẽo để đến với vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, đem hết tài năng và sức lực để phục vụ nhân dân và đất nước... Họ là những hình ảnh con người lao động kiểu mới có tài và có đức. Những hình ảnh trên một lần nữa khẳng định được tính đúng đắn trong lời dạy của Bác: Những con người có tài, có đức đều là những con người có ích cho đất nước và cho xã hội. Hình ảnh những con người đó đáng kính trọng và đáng mến biết bao!

Bác Hồ là một tấm gương sáng về tài và đức. Với lời dạy trên, Bác muốn nói với thế hệ trẻ rằng: Con người có ý nghĩa nhất đối với cuộc sống là con người được tu dưỡng, rèn luyện toàn diện cả về tài và đức. Một nhân cách toàn diện, cao đẹp là sự kết hợp hài hòa giữa tài năng và phẩm chất đạo đức... Lời dạy của Bác là kim chỉ nam cho mọi hoạt động rèn luyện của thế hệ trẻ, tạo nên những chuyển biến về chất trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của chúng ta... Lời dạy đó vừa có ý nghĩa lí luận, vừa có giá trị thực tiễn nên đã vạch ra được phương hướng tu dưỡng cho mọi người là phải rèn luyện cả tài lẫn đức để trở thành một con người toàn diện.

Tuy giờ đây Bác Hồ đã đi xa nhưng lời dạy của Bác về tài và đức vẫn vang vọng cho đến tận bây giờ và ngàn đời sau: tài, đức phải được kết hợp hài hòa để tạo nên nhân cách con người mới. Thực hiện lời dạy của Bác Hồ, em thấy mình phải ra sức trau dồi, rèn luyện cả đức lẫn tài để trở thành người lao động toàn diện, có ích cho đất nước, cho cuộc sống.

(Học sinh TRẦN THỊ THÌN)

> **ĐỀ 10:** *Nhân dân ta thường khuyên bảo nhau:*
>
> *"Ai ơi giữ chí cho bền*
> *Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai."*
>
> *Hãy bàn luận về câu ca dao trên.*

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Thể loại:** *Bàn luận một vấn đề trong hình ảnh so sánh của một câu ca dao.*
2. **Nội dung:** *Vấn đề đó là: Kiên trì với tư tưởng tình cảm của mình không vì người khác thay đổi mà mình đổi thay.*
3. **Tư liệu:** *Lấy dẫn chứng trong thực tế đời sống hoặc lịch sử để làm sáng tỏ thêm lí lẽ của mình.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

Sống trong xã hội, con người thường bị tác động của hoàn cảnh khách quan. Nếu không kiên định ý chí sẽ dễ hoang mang nản lòng.

Dẫn câu ca dao và nêu hướng bàn luận.

II. THÂN BÀI

1. Giải thích câu ca dao

Nghĩa đen: *Hướng nhà và nền nhà là hai yếu tố quan trọng nhất khi xây nhà.*

Khi đã toan tính nghĩ suy kĩ lưỡng và quyết định rồi thì nhất quyết không thay đổi trước những lời bàn ra tán vào.

Nghĩa bóng: *Kiên định tư tưởng và tình cảm trước sau như một.*

Không hoang mang dao động thay đổi chính kiến đối với công việc chính mình đã quyết định rồi.

2. Bàn luận về câu ca dao

Khẳng định câu ca dao trên là hoàn toàn đúng:

- *Làm bất cứ một công việc lớn nhỏ nào chúng ta cũng đều phải cân nhắc suy tính kĩ càng, chu đáo trước khi quyết định.*
- *Trong quá trình tiến hành, nhất định không thể tránh khỏi bao nhiêu trở ngại khó khăn từ các phía khách quan tác động. Muốn hoàn thành công việc, chúng ta phải giữ vững ý chí, kiên định tư tưởng và tình cảm thì công việc mới hoàn thành được.*

Bàn bạc mở rộng:

Phải kiên trì tư tưởng và tình cảm của mình khi việc làm có mục đích đúng đắn, tốt đẹp, phù hợp với thực tế khách quan chớ không

vin vào truyền thống để bảo thủ và vin vào kiên trì để cố chấp.

Phải sẵn sàng tiếp thu ý kiến đóng góp xây dựng của người khác để điều chỉnh, thay đổi công việc của mình nếu xét thấy ý kiến đóng góp đó chính xác và có thiện ý chớ nhất định là không bảo thủ, ngoan cố.

III. KẾT BÀI

Câu ca dao là một lời khuyên thiết thực giúp ta kiên trì với công việc, giữ gìn những bản chất tốt đẹp tinh hoa bản sắc của dân tộc. Tuy nhiên phải biết chọn lọc cái hay của người khác để tiếp thu học hỏi và tự đổi mới mình để tiến bộ.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Ai chẳng rõ vai trò của ý chí trong mọi công việc hàng ngày. Không có ý chí, người ta dễ bị lung lay bởi những lời bàn ra tán vào vu vơ vô căn cứ. Không có ý chí người ta dễ bị dao động bởi những hoàn cảnh khách quan tác động vào trong mọi việc từ lớn đến nhỏ.

Bởi vậy, ca dao khuyên ta:

Ai ơi giữ chí cho bền
Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.

Đây là một lời khuyên đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề phải suy nghĩ.

Ý nghĩa của câu ca dao trên là gì?

Ta thấy ngay tác giả dân gian đã mượn một hình ảnh gần gũi, cụ thể để làm vật so sánh cho dễ hiểu: đó là ngôi nhà. Mỗi ngôi nhà đều phải có cái nền vững chắc và được dựng theo một hướng nào đó chủ định: hướng đông nam, tây nam, chính nam, hướng đông bắc... Cái hướng ấy được chọn theo một yêu cầu lợi ích hay thẩm mĩ nào đó của người chủ. Tương tự, con người phải có *chí* hay chí hướng. Nói theo cách nói ngày nay, có thể gọi đó là quan điểm, lập trường hay đúng hơn là mục đích sống, lí tưởng sống của mình.

Câu ca dao khuyên ta khi đã xác định được chí hướng đúng đắn của mình rồi thì phải kiên gan bền chí với bản lĩnh vững vàng *giữ chí cho bền* thì mới mong thực hiện được hoài bão lí tưởng của mình. Chống lại mọi sự thay đổi *xoay hướng, đổi nền*, câu ca dao cũng ca ngợi lòng chung thủy, sự kiên định với cái cũ, nếp cũ, gợi ta nhớ đến lời thơ Tố Hữu trong bài *Ta đi tới* nổi tiếng:

Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

Phải có bản lĩnh vững vàng nếu không sẽ dễ ngả nghiêng theo ý kiến người này, người khác giống như anh chàng *đẽo cày giữa đường* trong truyện cười dân gian đã nhọc lòng mệt sức tốn công chẳng đạt được kết quả mà còn làm trò cười cho mọi người nữa.

Câu ca dao đúng là một lời khuyên răn chí lí chí tình, một bài học được rút ra từ biết bao kinh nghiệm thành công và thất bại ở đời của biết bao người, tương tự những câu: *Có chí thì nên, Có công mài sắt, có ngày nên kim.* Có thừa nhận *giữ chí cho bền* thì mới có thể gặt hái được kết quả. Điều này xác đáng trong mọi trường hợp, đúng với việc thực hiện sự nghiệp lớn như cứu nước, làm cách mạng mà cũng hoàn toàn đúng với cả những công việc nhỏ nhặt hàng ngày của đời học sinh chúng ta như làm một bài tập, đọc một quyển sách... Bởi vậy, Bác Hồ từng khẳng định:

Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên.

Câu ca dao cũng còn là một bài học về sự thủy chung trong tình cảm: tình bạn, tình đồng chí, tình yêu... Đó cũng là lời nhắn nhủ đối với những ai *như ngựa không cương, như thuyền không lái, trôi dạt lông bông* (Vương Dương Minh) dễ dao động, dễ bị hoàn cảnh khách quan chi phối dẫn đến đổi hướng xoay dòng phản lại mục đích sống lí tưởng mà mình từng xác định từ đầu.

Trong lịch sử của dân tộc ta, chính nhờ tinh thần *giữ chí cho bền* mà ông ta đã chống lại được âm mưu đồng hóa nham hiểm của giặc thù để sau hơn một ngàn năm đô hộ giặc Tàu vẫn có một đất nước Đại Việt độc lập, hùng cường sau gần "một trăm năm nô lệ giặc Tây và hơn hai mươi năm miền Nam bị Mĩ hóa từng ngày về chính trị và kinh tế mà vẫn giữ vững được một đất nước Việt Nam, một con người Việt Nam theo đúng truyền thống dân tộc Việt Nam."

Tuy nhiên, điều cần lưu ý là từ đầu chúng ta phải xác định đúng đắn mục đích và lí tưởng sống, nói một cách khác là chí hướng của mình sao cho phù hợp với chân lí cuộc đời và đạo lí con người. *Giữ chí cho bền* hoàn toàn không phải là bảo thủ hay ngoan cố, không tôn trọng chân lí khách quan, không chịu đổi mới trong suy nghĩ. Không nên vin vào truyền thống để bo bo bảo thủ *xưa làm sao, nay làm vậy* rồi duy trì những hủ tục lỗi thời trong đời sống. Không nhắm mắt làm theo người khác một cách mù quáng là đúng nhưng không thèm xem xét người ta đổi thay như thế nào, vì sao lại phải đổi thay như thế thì chẳng qua đó cũng là thái độ cố chấp một cách mê muội mà thôi.

Tóm lại, trong cuộc sống, bất kì ai, làm bất cứ việc gì khi đã xác định mục đích và phương hướng đúng đắn rồi thì phải kiên định *giữ chí cho bền,* quyết tâm phấn đấu đến cùng mặc dầu đây đó xung quanh có bao kẻ *xoay hướng đổi nền* cũng không thể nào nao núng hay dao động mà nửa đường bỏ cuộc hoặc thay hướng đổi dòng, chỉ có thế mới dẫn đến thành công mà thôi.

Câu ca dao đúng là kinh nghiệm sống đẹp trong kho tàng kinh nghiệm phong phú của cha ông ta. Đó vừa là lời động viên khuyến khích mọi người cần có chí hướng và phải kiên định giữ vững ý chí vừa là lời nhắn nhủ răn bảo những kẻ *dễ thì làm khó thì bỏ* dễ chùn bước khi gặp khó khăn trở ngại hay thất bại liên tiếp nhiều lần...

ĐỀ 11: Hãy bàn luận về câu tục ngữ: "Con hơn cha là nhà có phúc."

BÀI LÀM THAM KHẢO

Mối quan hệ giữa cha và con trong một gia đình, giữa thế hệ trước và thế hệ sau trong một xã hội là vấn đề bức thiết được mọi thời đại, mọi dân tộc chăm lo giải quyết. Từ xưa, nhân dân ta đã đúc kết được những kinh nghiệm quý báu, đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ này. Kho tàng ca dao tục ngữ đã có nhiều câu ghi lại những kinh nghiệm quý báu đó. Câu tục ngữ *Con hơn cha là nhà có phúc* là một trong những câu tiêu biểu và có ý nghĩa sâu sắc.

Câu tục ngữ rất ngắn gọn nhưng nội dung ý nghĩa thật phong phú. *Con* và *cha* ở đây ngoài việc nêu mối quan hệ máu thịt trong gia đình, còn có ý nghĩa tượng trưng cho thế hệ trước và thế hệ kế cận trong xã hội. Do đó *nhà* ngoài nghĩa đen là một gia đình, còn có nghĩa rộng là đất nước, dân tộc. Và *hơn* ở đây là hơn về mặt năng lực, hơn về trình độ, hơn về cách sống, cách làm ăn. Cách diễn đạt của câu tục ngữ mang tính khẳng định rõ rệt: Con phải hơn cha thì nhà mới ấm no sung sướng, thế hệ sau phải hơn thế hệ trước thì xã hội mới tiến bộ, dân tộc mới hạnh phúc phồn vinh.

Trước tiên, ta thấy câu tục ngữ đã khái quát được một vấn đề xã hội hoàn toàn đúng. Con hơn cha, thế hệ sau hơn thế hệ trước là một hiện tượng phù hợp với quy luật phát triển của xã hội. Trong cuộc sống, mỗi thế hệ đều học tập quá khứ và tích lũy thêm những kinh nghiệm của thế hệ mình. Vì vậy trình độ thế hệ sau thường cao hơn thế hệ trước và cứ như thế xã hội phát triển không ngừng. Trong lịch sử phát triển, xã hội loài người đã trải qua nhiều giai đoạn, từ thô sơ mông muội tiến dần lên trình độ văn minh như hiện nay. Quá trình phát triển đó đã khẳng định thế hệ sau ngày càng tiến bộ hơn thế hệ trước và làm cho xã hội con người tiến bộ. Ngược lại ta thử đặt một giả dụ, nếu thế hệ sau không hơn thế hệ trước, chỉ bằng thế hệ trước thôi thì xã hội sẽ như thế nào? Chắc chắn xã hội sẽ dẫm chân tại chỗ, thời gian trước như thế nào, thời gian sau vẫn y nguyên như vậy và xã hội loài người vẫn chìm trong tối tăm lạc hậu mà thôi. Còn nếu thế hệ sau lại kém thế hệ trước? Một tai họa sẽ đến, xã hội loài người sẽ lùi dần về thời kì đồ đá cũ. Trong một gia đình cũng vậy, con giỏi hơn cha tức là con đã học tập hết được những kinh nghiệm do cha truyền dạy và đúc kết thêm được những kinh nghiệm của bản thân mình. Con hơn cha như vậy thì con sẽ lao động tốt hơn cha, làm việc đạt hiệu quả hơn cha và do đó cuộc sống của gia

đình sẽ ấm no hơn, hạnh phúc hơn. Trái lại, nếu con kém cha thì chẳng những con không làm được gì hơn cha mà những thành quả cha làm được cũng có nguy cơ bị con phá tán. Rõ ràng nội dung câu tục ngữ đã là một chân lí phù hợp với sự phát triển của xã hội loài người nói chung, phù hợp với thực tế trong từng gia đình nói riêng.

Như vậy câu tục ngữ đã khẳng định một chân lí để làm bài học cho mọi người, mọi thời. Có lẽ bài học đó là: muốn nhà có phúc thì phải làm cho con hơn cha, muốn xã hội phồn vinh thì phải làm cho thế hệ sau giỏi hơn thế hệ trước. Để đạt được điều đó, cha phải dạy bảo, rèn luyện con, đồng thời khuyến khích, động viên con nỗ lực phát triển. Nói rộng ra trong xã hội, thế hệ đi trước phải chăm lo giáo dục thế hệ kế cận, thế hệ tương lai, đồng thời phải tin tưởng, giúp đỡ thế hệ kế cận, thế hệ tương lai suy nghĩ, sáng tạo. Mặt khác, thế hệ con phải trân trọng học tập, tiếp thu những kiến thức, kinh nghiệm và toàn bộ kho tàng văn hóa của thế hệ cha, đồng thời phát huy tính chủ động sáng tạo để nâng cao, bổ sung và phát triển những kiến thức, kinh nghiệm của các thế hệ trước. Câu tục ngữ đã phản đối thái độ thờ ơ, vô trách nhiệm của thế hệ cha anh đối với việc giáo dục thế hệ con em, đặc biệt phản đối tâm lí và thái độ coi thường hoặc tị hiềm của thế hệ trước đối với thế hệ sau, không muốn thế hệ sau vượt mình. Câu tục ngữ cũng không đồng tình với hiện tượng thế hệ con em coi thường, phủ nhận thế hệ cha anh, đặc biệt không đồng tình với thái độ lười biếng, dựa dẫm vào thế hệ đi trước để đến nỗi cửa nhà tan nát. Rõ ràng câu tục ngữ đã là bài học sâu sắc cho mọi thế hệ, cả thế hệ cha anh và thế hệ con em trong việc làm cho *con hơn cha* để *nhà* có hạnh phúc.

Do có ý nghĩa lớn lao như vậy nên câu tục ngữ đã được lưu truyền từ nhiều đời nay và đã có tác dụng to lớn đến từng gia đình và đến toàn xã hội ta trong trường kì lịch sử. Hiện tượng cha mẹ hi sinh tất cả cho con, chịu vất vả gian lao để con được học hành, để con khôn lớn hơn mình là hiện tượng phổ biến trong các gia đình Việt Nam. Hiện tượng con cái trong nhà chăm chỉ học tập rèn luyện theo lời khuyên bảo, dạy dỗ của bố mẹ để nối nghiệp nhà, để làm vẻ vang cho dòng họ cũng không hiếm ở khắp nơi. Rộng ra trong phạm vi cả nước và toàn xã hội, ngay từ ngày xưa, việc chăm lo bồi dưỡng cho thế hệ trẻ, thế hệ kế cận cũng được đặt ra thường xuyên và cấp thiết. Nếu không có điều đó thì làm sao trong triều Trần, các thế hệ kế tiếp nhau ba lần đánh thắng được giặc Nguyên hùng mạnh? Và liên tiếp các thời đại về sau, các thế hệ sau đã kế thừa và phát huy được trí tuệ và kinh nghiệm của thế hệ trước, liên tiếp đánh đuổi kẻ thù ngoại xâm, giữ vững bờ cõi và xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh hơn? Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, theo tư tưởng của Bác Hồ, việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau được đặt ra một cách toàn diện và đồng bộ. Thế hệ cha anh đã vừa làm tấm gương chói sáng về tinh thần chiến đấu, lao động để

bảo vệ và xây dựng đất nước, vừa hết lòng chăm lo giáo dục bồi dưỡng thế hệ mai sau để thế hệ mai sau có đủ đức đủ tài tiếp tục sự nghiệp cách mạng mà mình đã suốt đời theo đuổi. Và các thế hệ kế cận cũng không phụ lòng tin của lớp người đi trước, đã không ngừng học hỏi, tu dưỡng đạo đức và tài năng, tiếp nối con đường các thế hệ trước đã đi và đã lập được những chiến công thần kì trong cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc cũng như trong sự nghiệp xây dựng đất nước ngày càng ấm no hạnh phúc. Có được điều đó, phải chăng ít nhiều do câu tục ngữ đã thấm vào nếp nghĩ, nếp làm của các thế hệ chúng ta.

Tóm lại, câu tục ngữ đã là một hạt ngọc quý trong kho tàng châu báu các kinh nghiệm sống và chiến đấu của dân tộc ta. Câu tục ngữ cũng như cả kho tàng kinh nghiệm quý đó đã giúp dân tộc ta sống, tồn tại và phát triển trước trăm ngàn khó khăn và thử thách. Học tập vốn quý của người xưa, chúng ta quyết tâm làm hết sức mình để *con hơn cha*, để thế hệ sau trưởng thành hơn thế hệ trước, để đất nước XHCN muôn quý ngàn yêu của chúng ta ngày càng giàu mạnh, dân tộc bất diệt của chúng ta ngày càng hạnh phúc tự do.

(Học sinh BÙI XUÂN HOÀNG)

ĐỀ 12: Phân tích nét nổi bật của tính cách nhân vật Lục Vân Tiên trong đoạn trích "Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga" của Nguyễn Đình Chiểu.

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Kiểu bài:** *Phân tích tính cách nhân vật.*
2. **Nội dung:** *Lục Vân Tiên là người hào hiệp, hào hùng, người có phẩm chất tốt đẹp, mang sẵn truyền thống trọng nghĩa khinh tài của dân tộc ta.*
3. **Tư liệu dẫn chứng:** *Bám vào đoạn thơ trích và tác phẩm "Lục Vân Tiên".*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

- *Giới thiệu nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu cũng là nhà thơ ca ngợi đạo lí làm người, đề cao tiết hạnh của người con gái và lòng trung hiếu, hành động vị nghĩa của bậc nam nhi.*
- *Dẫn vào đoạn trích thể hiện phẩm chất tốt đẹp của Lục Vân Tiên đánh cướp cứu dân lành.*

II. THÂN BÀI

1. Hoàn cảnh xuất hiện của Lục Vân Tiên

Trên đường về kinh ứng thi, thấy dân làng than khóc bỏ chạy, Lục Vân Tiên hỏi chuyện mới biết là bọn cướp Phong Lai đã bắt đi hai cô gái. Chàng liền vì dân mà ra tay trừ họa.

2. Tính cách Lục Vân Tiên

- *Chủ động ra tay đánh cướp (dù chỉ có một mình, dù dân làng đã khuyên chàng nên lánh đi kẻo dính vào mà mang họa): "Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô".*

- *Tài kiêm văn võ:*

  "Vân Tiên tả đột hữu xung
  Khác nào Triệu Tử mở vòng Đương Dương".

- *Giữ lễ với phụ nữ:*

  "Khoan khoan ngồi đó chớ ra..."

- *Cứu người vì nghĩa chớ không vì vụ lợi. Khi thoát nạn, Nguyệt Nga tự nguyện đền ơn, nhưng:*

  "Vân Tiên nghe nói liền cười
  Làm ơn há dễ trông người trả ơn."

  Đó là nụ cười, lời nói của người mang sẵn truyền thống trọng nghĩa khinh tài của dân tộc ta.

- *Lục Vân Tiên trong đoạn thơ là người sống đúng lí tưởng làm việc nghĩa:*

  "Nhớ câu kiến ngãi bất vi
  Làm người thế ấy cũng phi anh hùng."

III. KẾT BÀI

- *Lục Vân Tiên làm sáng tỏ quan niệm đạo đức của cụ Đồ Chiểu.*
- *Ngày nay, tinh thần và hành động vị nghĩa giúp người cũng rất cần thiết. Lục Vân Tiên vẫn là tấm gương sáng cho thế hệ trẻ soi chung.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Nói đến Nguyễn Đình Chiểu là nói đến một nhà thơ yêu nước tiêu biểu nhất của thời kì đất nước ta bị thực dân Pháp xâm lược.

Nhưng ông cũng còn được nhân dân biết đến như một nhà thơ lớn ca ngợi đạo lí làm người, đề cao tiết hạnh của người phụ nữ, ca ngợi lòng trung hiếu và hành động vị nghĩa của nam giới mà tác phẩm *Lục Vân Tiên* là một minh chứng hùng hồn.

Lục Vân Tiên – nhân vật chính của tác phẩm – hơn ai hết đã biểu hiện rõ nét lí tưởng của người anh hùng. Đặc biệt là đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* đã để lại trong lòng người đọc một ấn tượng khó phai mờ về hình ảnh một trang nghĩa sĩ đánh cướp, cứu người.

Nói theo Hoài Thanh "Trong cuộc đấu tranh giữa cái Thiện và cái Ác trong một xã hội suy tàn, Nguyễn Đình Chiểu đã đưa vào trận cả một đạo quân

bừng bùng khí thế, kiên quyết vì chính nghĩa mà chiến đấu và chiến thắng" thì thủ lĩnh đạo quân đó phải là Lục Vân Tiên chớ không phải là ai khác.

Chính Lục Vân Tiên tiêu biểu cho lí tưởng sống đạo đức cao đẹp của nhân dân ta lúc bấy giờ. Chàng là người học rộng, tài cao, văn võ kiêm toàn lại luôn luôn sẵn sàng ra tay cứu giúp người khi hoạn nạn. Vừa từ tạ tôn sư xuống núi, định về kinh ứng thí, trên đường đi, chợt thấy một đám người khóc than bỏ chạy, chàng liền dừng lại hỏi chuyện mới hay có một bọn cướp dữ vừa cướp phá làng xóm và bắt đi hai cô gái. Lục Vân Tiên không chịu được cảnh bất bình, đã nổi giận:

Vân Tiên nổi trận lôi đình
Hỏi thăm lũ nó còn đình nơi nao
Tôi xin ra sức anh hào
Cứu người cho khỏi lao đao buổi này.

Thấy người mắc nạn, Lục Vân Tiên liền ra tay:

... ghé lại bên đàng,
Bẻ cây làm gậy, nhắm làng xông vô.

Dầu chỉ mỗi một mình, bọn cướp thì đông, dầu trước đó dân làng hết sức khuyên chàng tuổi trẻ không nên dính vào việc này e sẽ mang họa vào thân, nhưng Lục Vân Tiên vẫn chủ động đi kiếm lũ cướp, đánh tan chúng, để cứu người yếu đuối. Hành động *Bẻ cây làm gậy, nhắm làng xông vô* của chàng trai này thật đẹp đẽ vì đã khắc họa được hình ảnh của một trang nghĩa sĩ sẵn sàng trừ ác giúp dân.

Bất chấp bọn cướp hung bạo bao vây tứ phía, Lục Vân Tiên đã dũng cảm *tả đột hữu xung, Khác nào Triệu Tử mở vòng Đương Dương.*

Ngay phần mở đầu truyện thơ, cụ Đồ Chiểu đã giới thiệu Vân Tiên là người *Văn đà khởi phụng đằng giao. Võ thêm tam lược lục thao ai bì.* Thì lúc này chính là cơ hội để chàng thi thố tài năng võ nghệ của mình. Hình ảnh Vân Tiên tung hoành chiếc gậy trong tay, tạo được một ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc mọi thế hệ. Sức mạnh của chàng trai trẻ ấy đã khiến bọn lâu la khiếp sợ:

Lâu la bốn phía vỡ tan
Đều quăng gươm giáo tìm đàng chạy ngay.

Bọn lâu la phải quăng cả vũ khí để chạy tháo thân. Còn tên đầu đảng thì:

Phong Lai trở chẳng kịp tay
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong.

Thế là, chỉ một mình, Vân Tiên đã dẹp xong lũ cướp.

Nhưng điều đáng quý hơn của chàng nghĩa sĩ này là ngoài bản lĩnh, tài năng, còn có thái độ vô tư. Làm xong việc nghĩa, chàng đã không coi đó là công ơn và

khảng khái từ chối việc đền ơn. Kiều Nguyệt Nga khi thoát nạn, cảm tạ chàng và tự nguyện xin được đền ơn:

Hà Khê qua đó cũng gần
Xin theo cùng thiếp đền ơn cho chàng
Gặp đây đang lúc giữa đàng
Của tiền chẳng có bạc vàng cũng không
Tướng câu báo đức thù công
Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng người!

Nhưng Lục Vân Tiên đã khẳng khái chối từ mọi sự đền đáp:

Vân Tiên nghe nói liền cười
Làm ơn há dễ trông người trả ơn...

Nụ cười của trang nghĩa sĩ này mới đẹp làm sao! Trong nụ cười ấy bao hàm cả sự thông cảm lẫn sự bao dung.

Vân Tiên đã làm việc nghĩa một cách vô điều kiện và coi đó là lẽ tự nhiên: ở đời là phải thế, không thể nào khác hơn được. Với Vân Tiên, cứu người mắc nạn là vị nghĩa. Đó là lí tưởng mà chàng nghĩa sĩ này đã từng ôm ấp và thực hiện:

Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

Tóm lại, Lục Vân Tiên là mẫu người hào hiệp, sẵn mang trong huyết mạch truyền thống trọng nghĩa khinh tài của dân tộc ta. Phẩm chất cao đẹp ấy đáng được người đời sau học tập và phát huy. Lục Vân Tiên cho ta một bài học lớn về tinh thần nghĩa hiệp, không thể làm ngơ trước tai họa và đau khổ của người khác. Trong xã hội ngày nay, mẫu người như thế không phải không có. Đọc báo, nghe đài, ta vẫn gặp họ ở chỗ này, chỗ khác. Họ xứng đáng được xã hội biểu dương.

Gấp trang sách lại, hình ảnh hào hùng của chàng nghĩa sĩ sẵn sàng ra tay *trừ thói hồ đồ hại dân* vẫn cứ còn hiện rõ.

Từng lời thơ mộc mạc của cụ Đồ Chiểu như âm vang mãi, nêu lên cho mọi người chúng ta một tấm gương sáng trong đẹp đẽ. Ngày nay, đâu phải việc "*cứu khốn phò nguy*" là không còn cần thiết nữa. Lục Vân Tiên, do đó, vẫn góp phần giúp cho chúng ta sống đẹp hơn và xứng đáng hơn với lời tâm niệm:

Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

ĐỀ 13: *Phân tích nhân vật ông Hai trong truyện ngắn "Làng" của nhà văn Kim Lân.*

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Kiểu bài:** *Phân tích đặc điểm của nhân vật ông Hai trong truyện ngắn "Làng" của nhà văn Kim Lân. (Tìm đặc điểm nổi bật và phân tích những đặc điểm đó).*
2. **Nội dung:** *Ông Hai là một người yêu say đắm làng quê của mình, nên gắn liền với tình yêu đất nước.*
3. **Tư liệu dẫn chứng:** *Đọc kĩ "Làng", chú ý những chi tiết về ý nghĩ, hành động, lời nói của nhân vật ông Hai.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

- *"Làng" là một truyện ngắn đặc sắc, được nhà văn Kim Lân viết trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.*
- *Truyện miêu tả sinh động những biến đổi tâm lí của nhân vật chính là ông Hai, một người luôn yêu mến, gắn bó với làng quê của mình. Đặc điểm trên đã thể hiện rõ qua các trạng thái tình cảm khác nhau của ông đối với làng của mình.*

II. THÂN BÀI

* *Phân tích đặc điểm của nhân vật*

1. **Ông Hai yêu mến và tự hào về làng Dầu**

   Ông Hai có tính hay khoe về làng, lấy làm hãnh diện về làng của mình.

   - *Trước Cách mạng tháng Tám, ông khoe làng, chỉ khoe về cái lăng của viên tổng đốc, coi đó là niềm kiêu hãnh của làng.*
   - *Ông đã khoe cái không đáng khoe. Điều này, sau Cách mạng, ông mới hiểu ra, chính cái lăng đó "nó đã làm khổ ông, nó còn làm khổ bao nhiêu người làng này nữa."*
   - *Sau Cách mạng tháng Tám, ông khoe làng ông trong những ngày khởi nghĩa dồn dập. Ông khoe những ngày ông và anh em trong làng ở lại chuẩn bị đánh Pháp, khi dân làng đã tản cư.*

2. **Ông Hai sướng vui đau khổ vì làng Dầu của mình**

   - *Khi nghe tin làng Dầu theo Việt gian, ông và gia đình đau khổ, ngượng ngùng. Ông thấy tủi nhục quá, sợ gặp người khác.*
   - *Khi biết làng Dầu vẫn là làng kháng chiến, ông bỗng trở nên vui sướng, cho dù nhà ông đã bị giặc đốt cháy.*

Ông nói lại lời ông chủ tịch xã, cái chính tin làng Dầu theo giặc. Ông lại đi khoe về làng của ông.

Tình yêu trong làng quê sau Cách mạng tháng Tám và trong cuộc kháng chiến chống Pháp là một biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước, tấm lòng son sắt đối với Cách mạng.

III. KẾT BÀI

Ông Hai là người yêu quê hương đất nước, yêu Cụ Hồ. Ông tích cực tham gia kháng chiến. Đây là hình ảnh đẹp của những người chân đất, giàu lòng yêu nước, trong cuộc kháng chiến chống Pháp vừa qua.

Nhận xét về truyện "Làng" có ý kiến cho rằng: "Kim Lân từng diễn tả rất hay những biến đổi tâm lí trong một con người như ông Hai. Trước, ông Hai hay có lối khoe hão về làng mình, rằng làng xưa quan cách thế này, chơi bời thế này. Ngay thay vào đó, là niềm tự hào chân chính, tự hào vì tấm lòng son sắt của quê hương và kháng chiến."

BÀI LÀM THAM KHẢO

Người nông dân Việt Nam yêu mến, khăng khít đặc biệt với làng xóm, quê hương của mình. Chính tình yêu này là nền tảng của tình yêu đất nước, nhân dân, cũng là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của nhân dân Việt Nam ta trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Tình cảm sâu đậm ấy được nhà văn Kim Lân khắc họa sinh động qua nhân vật ông Hai, trong truyện ngắn "*Làng*" nổi tiếng của mình.

Ông Hai, thật vậy, đã yêu cái làng Chợ Dầu của mình bằng một tình yêu đặc biệt. Đấy là nơi tổ tiên, cha mẹ ông đã từng sinh trưởng và cũng là nơi chôn nhau cắt rốn của ông. Do vậy, ông yêu làng này bằng một tình yêu vốn có từ lâu, sâu sắc và bền bỉ như tình yêu của một nông dân gắn bó với quê hương; nói cụ thể hơn, là gắn bó với cảnh vật và con người của mảnh đất quê hương ấy. Bởi thế, mỗi lần nói đến cái làng Chợ Dầu ấy, ông đều nói với giọng say mê, náo nức lạ thường: *Hai con mắt sáng hẳn lên. Cái mặt biến chuyển hoạt động*... Ông yêu tất cả cảnh vật ở làng ông, nên mạnh dạn tự hào: *Nhà ngói san sát sầm uất như tỉnh*, đường trong làng *toàn lát đá xanh, trời mưa đi, bùn không dính đến gót chân, phơi thóc phơi rơm thì tốt thượng hạng*. Đôi khi ông cường điệu. Ông tự hào mãnh liệt đến cả cái sinh phần của cụ Thượng *vườn hoa cây cảnh nom như động ấy*.

Mãi đến sau Cách mạng tháng Tám, ông mới nhận ra chính cái dinh cơ của quan Tổng đốc ấy đã đem lại bao nỗi khổ ải cho dân làng. Có người bệnh, có người chết, bao nhiêu người phải làm không công. Riêng phần ông, đã bị một chồng gạch đổ vào, bại một bên hông. Cả cái chân ông sau này khập khiễng, đi đứng không ngay ngắn bình thường được cũng là do cái lăng tai ác ấy... Dưới mắt ông, cái gì của làng Dầu cũng lớn, cũng đẹp hơn hẳn

của người thiên hạ. Từ cái phòng thông tin triển lãm *sáng sủa và rộng rãi nhất vùng*, đến cái chòi phát thanh trong làng, cả đến cây lúa ngoài đồng... Cái gì của làng ông cũng làm ông say mê, hãnh diện, tự hào.

Lúc cuộc kháng chiến của cả dân tộc bùng lên, lòng yêu làng của ông Hai đã có những chuyển biến rõ rệt. Nếu trước kia, ông hãnh diện vì làng Dầu giàu có, tươi đẹp, cái sinh phần của cụ Thượng tốt tươi, mới lạ thì sau Cách mạng, nhờ giác ngộ chính trị, ông lại tự hào về không khí cách mạng sôi nổi ở làng ông, từ những buổi tập quân sự, những hố, những ụ, những giao thông hào chiến đấu. Ông đã bộc lộ niềm sung sướng của mình trước những sự thay đổi ở đó, sự xuất hiện của phòng thông tin, chòi phát thanh. Đúng là cuộc đời, số phận ông, thực sự gắn liền với những bước thăng trầm của làng Chợ Dầu yêu dấu của ông.

Đối với ông Hai, khi ấy, tình yêu làng mạc và tình yêu đất nước đã chan hòa làm một trong tình cảm và nhận thức của ông. Những ngày đầu kháng chiến, ông luôn tự hào về việc làng Dầu của mình cũng đã tham gia vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc. Ngay bản thân ông cũng đã nhiệt tình cùng với mọi người đi đào đường, đắp ụ để cản giặc và tha thiết muốn ở lại làng để được trực tiếp chiến đấu.

Nhưng sau đó, ông Hai phải theo vợ con tản cư đến một làng khác. Nỗi nhớ làng khôn nguôi, ở nơi tản cư, ông theo dõi tin tức về kháng chiến. Không đọc được báo, ông tìm hỏi tin cho bằng được. Trước tin *một em bé ban tuyên truyền xung phong dũng cảm cắm cờ lên Tháp Rùa, một anh trung đội trưởng giết được bảy tên giặc đã tự sát bằng quả lựu đạn cuối cùng*, ông Hai cứ tấm tắc khen: *Khiếp thật, tinh những người tài giỏi cả.* Ngoài việc khâm phục những người anh hùng trong kháng chiến, ông Hai còn hả hê trước thất bại của địch: *chỗ này giết được tên Pháp với hai Việt gian, chỗ kia phá đổ một xe tăng và một xe díp... Ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!*

Nhưng không có gì đau đớn, nhục nhã cho ông Hai bằng khi nghe một người đàn bà mới tản cư từ dưới xuôi lên, nói: *Cả làng chúng nó* (làng Dầu) *Việt gian theo Tây,... Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi cơ ông ạ. Cổ* ông Hai *nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân.* Ông *lặng đi tưởng như đến không thở được.* Niềm tự hào bao lâu bỗng chốc tan tành, sụp đổ. Giá không yêu nơi sinh trưởng của mình, ông đâu cảm thấy đau đớn và nhục nhã đến thế. Ông vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng *cúi gằm mặt xuống mà đi.* Về đến nhà, *ông nằm vật ra giường.* Nước mắt ông *cứ tràn ra.* Khi nhìn đàn con chưa khi nào ông đau đớn đến thế, nghĩ rằng: *Chúng nó là trẻ con làng Việt gian đấy ư?*

Ông Hai căm ghét bọn đã phản bội làng, phản bội Tổ quốc. Nỗi đau đớn, nhục nhã và lo sợ của ông lên tới cao độ khi nghe tin nhân dân địa phương có người làng Dầu tản cư đến, họ tẩy chay dân làng ông: *Đâu đâu cũng có*

người Chợ Dầu, người ta cũng đuổi như đuổi hủi... Ngay mụ chủ nhà cũng đã đuổi khéo vợ chồng con cái ông ra khỏi nhà. Trước tình cảnh ấy, ông Hai bế tắc, nhưng nhất định là không thể trở về làng. Về làng là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ. Cũng không thể đi đâu, vì ở đâu, người ta cũng đuổi người làng Chợ Dầu của ông.

Từ đau đớn, nhục nhã như thế, ông Hai biết bao vui sướng khi nhận được tin làng ông bị giặc phá, nhà ông bị giặc đốt. Nghĩa là làng Dầu của ông không hề theo giặc. *Tây nó đốt nhà tôi rồi, ông chủ ạ! Đốt nhẵn.* Ông Hai *cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy cho mọi người.* Vui mừng vì nhà mình bị đốt! Một niềm vui vô tiền khoáng hậu, thể hiện một cách đau xót và đầy xúc động tinh thần yêu nước, yêu cách mạng của người nông dân Việt Nam, trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Nỗi vui mừng của ông Hai ở đây thật vô bờ bến. Ông hào phóng mua quà bánh về cho các con. Ông muốn san sẻ niềm vui lớn ấy cho mọi người, trong đó có cả mụ chủ nhà từng gieo cho ông nhiều nỗi bực dọc, căm tức.

Từ một người yêu đắm say làng của mình, tự hào về làng đôi lúc quá đáng, ông Hai đã gắn liền tình yêu ấy với tình yêu đất nước. Chính vì thế mà làng Dầu của ông có như thế nào đi nữa, ông vẫn một lòng một dạ ủng hộ kháng chiến, ủng hộ Cụ Hồ.

Ai quên cho được mái tranh nâu
Luống đất bờ ao với nhịp cầu
Mồ mả ông bà nằm giữa đất
Lòng người, lòng đất cảm thông nhau.

(KIÊN GIANG)

Đủ thấy lòng yêu đất nước không phải là một tình cảm trừu tượng chung chung mà chính là bắt nguồn từ những cảnh vật cụ thể, từ mái tranh nâu, nhịp cầu, luống đất, bờ ao như bốn câu thơ trên của nhà thơ Kiên Giang đã diễn tả... Đúng như nhà văn I-li-a Ê-ren-bua nói: *Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu đồng quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.* Ông Hai, hình ảnh đẹp, tiêu biểu cho những người nông dân trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, quả đúng là một con người có tình yêu như thế.

ĐỀ 14: Phân tích nhân vật Nhuận Thổ trong tác phẩm "Cố hương" của Lỗ Tấn.

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Kiểu bài:** *Phân tích đặc điểm nhân vật Nhuận Thổ trong hai giai đoạn khác nhau của cuộc đời ông.*
2. **Nội dung:** *Khi còn là một cậu bé: Nhuận Thổ đẹp và khỏe mạnh, sống hồn nhiên, mạnh dạn, chân tình, thông minh, lanh lợi, tháo vát, dũng cảm. Nhưng khi đã lớn, trái lại, Nhuận Thổ trở thành chậm*

chạp, đần độn, thô kệch, nặng nề. Đã vậy lại rụt rè, khép nép và sống bất lực, cam chịu. Sở dĩ có sự thay đổi như vậy là do cuộc sống bị áp bức bóc lột.

3. **Tư liệu:** *Lấy những chi tiết miêu tả, tự sự về Nhuận Thổ, cũng như những cảm nghĩ trữ tình của tác giả trong truyện ngắn "Cố hương" của Lỗ Tấn để làm sáng tỏ.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nhân vật cần phân tích: Lỗ Tấn, Cố hương, Nhuận Thổ.

II. THÂN BÀI

A. Phân tích đặc điểm nhân vật: Nhuận Thổ

Sự biến đổi về diện mạo, tinh thần của Nhuận Thổ qua hình dung, ngôn ngữ, động tác và đặc biệt là quan hệ với Tấn (nhân vật xưng tôi).

1. Hồi nhỏ (Gặp lần đầu)

- *Đẹp và khỏe mạnh: khuôn mặt hồng hào, bầu bĩnh, chiếc mũ trên đầu, những vòng bạc trên cổ.*
- *Hồn nhiên, mạnh dạn, chân tình: nhanh chóng kết thân với cậu bé con chủ nhà, gọi nhau bằng anh em, khi xa nhau còn gửi cho nhau bọc vỏ sò, lông chim.*
- *Thông minh, tháo vát, lanh lợi, dũng cảm: biết nhiều thứ, làm được nhiều việc, bắt chim, nhặt sò, dũng cảm đâm con tra giữa ruộng dưa hấu.*

2. Khi đã lớn (Gặp lần sau)

- *Chậm chạp, đần độn, thô kệch, nặng nề: khuôn mặt vàng vọt đầy nếp nhăn, đôi mắt mọng đỏ, chiếc mũ rách, lủng lỗ chỗ, chiếc áo bông cũ mỏng manh.*
- *Rụt rè, sợ hãi, cung kính, khép nép: xưng hô "Thưa ông...", ý thức rõ sự phân chia đẳng cấp.*
- *Sống bất lực, cam chịu: khuôn mặt im lìm như tượng đá, sùng bái tượng gỗ, tin ở thần linh.*

B. Đánh giá nhân vật

Tưởng như có hai Nhuận Thổ. Do đâu có sự thay đổi đó? Chính những sự hà khắc, bóc lột, áp bức của xã hội tạo nên sự sa sút kinh khủng trong tính cách của Nhuận Thổ. Anh chỉ là nạn nhân, cũng như biết bao người nông dân Trung Quốc khác ngày ấy.

III. KẾT BÀI

Thông qua việc tường thuật chuyến về quê lần cuối cùng của Tấn (nhân vật xưng tôi) thể hiện những rung cảm của Tấn trước sự thay đổi ghê gớm của Nhuận Thổ nói riêng, của làng quê nói chung, tác giả đã lên án tội ác của chế độ phong kiến đối với nông dân, chỉ cho mọi người thấy xã hội phân chia giai cấp là do con người làm ra. Từ đó, ông chuyển sang ý nghĩa là phải xây dựng một xã hội mới, trong đó con người với con người không bao giờ phải cách bức nhau cả.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Một trong những truyện ngắn viết về nông dân thành công của nhà văn Lỗ Tấn là *Cố hương*. Truyện kể về cuộc trở lại quê nhà của tác giả, sau hơn hai mươi năm dài xa cách. Bây giờ, cảnh vật và con người nơi đây thay đổi, tàn tạ đi rất nhiều. Nét tàn tạ thay đổi đó thể hiện rõ nét trên diện mạo, ngôn ngữ, động tác của những con người quen thân mà ông đã gặp lại, trong đó có Nhuận Thổ, người bạn thiếu thời của ông. Điều làm cho ông cay đắng nhất, xót xa nhất là sự đổi thay trong tính cách của người bạn cũ.

Nhuận Thổ! Chỉ mới nghe lại cái tên này trong ý nghĩ của nhà văn đã hiện lên một hình ảnh thân yêu với biết bao kỉ niệm đẹp của thuở ấu thơ. Đó là một cậu bé đẹp trai, khỏe mạnh và thông minh. Tuy chỉ là con của một người nông dân lao động nghèo, làm thuê, nhưng được bố mẹ cưng chiều nên khuôn mặt Nhuật Thổ vẫn hồng hào, bầu bĩnh. Từ chiếc mũ lông đội trên đầu đến những vòng bạc lấp lánh trên cổ đủ cho thấy điều đó. Ngày ấy, nhìn vào dáng vẻ đẹp trai và cường tráng của cậu bé này, hẳn ai cũng chắc chắn là một tương lai tốt đẹp đang hứa hẹn với cậu.

Ngày ấy, Nhuận Thổ hồn nhiên, chân tình, sống mạnh dạn. Dầu là con của một người làm thuê đến nhà chủ, nhưng chỉ thoáng qua những bẽn lẽn ban đầu, sau đó cậu đã nhanh chóng, chỉ trong nửa ngày đã làm thân với đứa con của chủ nhà. Tình bạn của hai đứa trẻ này thân thiết với nhau chẳng qua là vì hòa hợp với nhau, yêu mến nhau, nên gọi nhau là anh em. Đến lúc chia tay lần cuối, cả hai còn tặng nhau bọc vỏ sò, mấy thứ lông chim thật đẹp. Khi ấy, cả hai đều đau đớn khóc òa lên.

Sống mãi trong trí nhớ của nhà văn là cậu bé Nhuận Thổ, một cậu bé thông minh, tháo vát và lanh lợi vô cùng. Cậu bé có cả một kho hiểu biết mà vô vàn đứa trẻ cùng lứa tuổi khác không làm sao có được. Nhà văn của chúng ta đã kêu lên đầy khâm phục: *Trời ơi! Nhuận Thổ hiểu biết nhiều chuyện lạ lùng lắm, kể không xiết. Những chuyện đó, bạn bè tôi từ trước đến nay không ai biết cả*. Những chuyện đó là những chuyện gì? Đó là cách bắt chim sẻ, sẻ đồng, chào mào, bột cô, sẻ xanh lưng, nào là nhặt vỏ sò, sò mặt quỷ, sò mặt phật, màu đỏ có, màu xanh có. Đã thế, Nhuận Thổ còn biết

được khi nào, chỗ nào, bằng phương cách nào thì có thể bắt lượm được chúng dễ dàng nữa.

Bởi vậy, nghe mẹ nhắc đến Nhuận Thổ, trong trí tưởng tượng của nhà văn bỗng sống ngay lại hình ảnh một cậu bé nhanh nhẹn, tay cầm chiếc đinh ba, lăm lăm tận lực đâm theo con tra giữa ruộng dưa của bố. Hình ảnh thật đẹp ấy được lồng vào một khung cảnh khá hùng vĩ của một vầng trăng tròn vàng thẫm treo lửng lơ, một bên là bãi cát phẳng lặng và biển cả mênh mông, một bên là ruộng dưa hấu dàn trải cả một màu xanh bát ngát. Khung cảnh ấy càng đẹp, càng làm tôn thêm nét oai hùng, dũng cảm của con người.

Một đứa bé dũng cảm như vậy, khi lớn lên sẽ trở thành một con người như thế nào? Hẳn ai cũng nghĩ như nhà văn là Nhuận Thổ sẽ trở thành *một người lao động cần cù, lương thiện, có đủ khả năng để sống đầy đủ, phóng khoáng và hạnh phúc*.

Khi nhà văn trở lại cố hương, lòng bồi hồi mong đợi sẽ gặp lại một Nhuận Thổ, người bạn thuở ấu thời sẽ như vậy. Thế nhưng, thực tế đã không phải như vậy. Không gì xót xa, cay đắng hơn cho ông, khi thấy một Nhuận Thổ khác hẳn với ý nghĩ của mình lâu nay.

Nhuận Thổ bây giờ đã lớn, cao gấp hai ngày trước, đã có gia đình và đã có con. Chuyện đó hẳn nhiên đâu có chi là lạ. Nhưng chuyện khác thường là bây giờ Nhuận Thổ chậm chạp, đần độn, thô kệch, nặng nề. Chẳng còn đâu nữa nét lanh lợi, khỏe mạnh của ngày nào. Kể cả cái khuôn mặt hồng hào bầu bĩnh thuở trước cũng đã mất đi, thay vào là khuôn mặt vàng vọt đầy nếp nhăn sâu và một đôi mặt mọng đỏ đờ đẫn. Thay vào chỗ cái mũ lông chim và cái vòng bạc lấp lánh thời tuổi thơ là chiếc mũ rách lỗ chỗ, là chiếc áo bông cũ mong manh, không sao che nổi gió lạnh, khiến anh phải co ro cóm róm một cách tội tình. Hai bàn tay ngày nào đỏ hồng rắn chắc thì bây giờ đã trở thành sần sùi nứt nẻ như vỏ cây thông. Các chi tiết đổi thay về ngoại hình của Nhuận Thổ cho thấy anh đã phải hứng chịu những tháng ngày lao lực với cuộc sống thiếu đói, lạnh lẽo.

Nhà văn và Nhuận Thổ ngày nào là đôi bạn thân thiết bình thường, hòa đồng với nhau thì bây giờ một bức tường ngăn cách ai đã dựng lên. Gặp lại nhau, Nhuận Thổ đã không còn hồn nhiên, mạnh dạn, chân tình như thời tuổi nhỏ, trái lại, bây giờ, người nông dân nghèo khổ này rụt rè, sợ hãi, cung kính đến cóm róm, khiến cho nhà văn phải rùng mình kinh hãi khi nghe người bạn xưa đã xa cách nhau hơn hai mươi năm mới gặp lại, khép nép *"Thưa ông!"*. Rõ ràng Nhuận Thổ đã có ý thức sâu sắc về sự phân chia giai tầng, cách biệt vị thứ của xã hội lúc ấy giữa mình với người bạn thân cũ vừa gặp lại, người mà hơn hai mươi năm trước, khi chia biệt đã cùng mình đau đớn, nức nở khóc òa lên.

Rõ ràng là bây giờ không sao tìm lại được nơi Nhuận Thổ nét nhanh nhẹn, hoạt bát đầy sức mạnh của ngày nào. Chỉ có ở đây một Nhuận Thổ đờ đẫn, đần độn, cam chịu, cả những nếp nhăn trên khuôn mặt vàng vọt của anh cũng tưởng chừng như bất động. Người thiếu niên đẹp trai, dũng cảm, lăm lăm chiếc đinh ba... ngày nào, giờ đây chỉ là một nông dân chỉ biết dốc lòng sùng bái tượng gỗ và cả tin rằng chỉ có tượng gỗ mới cứu thoát được mình ra khỏi cảnh lầm than, cơ cực ấy thôi.

Do đâu mà có sự thay đổi dữ dội trong tính cách của Nhuận Thổ trong hai giai đoạn khác nhau của cuộc đời anh như vậy?

Lần qua lời của Nhuận Thổ, ta hiểu được rằng, nguyên nhân ấy là do đời sống khó khăn vì thiên tai, mất mùa, sưu cao thuế nặng, xã hội nhiễu nhương loạn lạc, nhưng cũng phải hiểu ấy là do chính sự hà khắc của một xã hội áp bức, bóc lột nặng nề. Nhà văn của chúng ta đã xót xa cay đắng cho thân phận của Nhuận Thổ, một nạn nhân của xã hội ấy.

Đọc truyện ngắn *Cố hương* của nhà văn Lỗ Tấn ai cũng thấy ngay sự thay đổi trong tính cách con người của Nhuận Thổ và dễ dàng đồng cảm sâu sắc với nỗi buồn của nhà văn. Nỗi buồn ấy cũng là nỗi buồn của nhân dân Trung Quốc trong những năm đất nước còn đau thương, đen tối... Tuy xót xa cay đắng như thế, nhưng nhà văn vẫn hi vọng và tin tưởng ở khả năng cải tạo xã hội của thế hệ con cháu mình: *Tôi và Nhuận Thổ, tuy cách bức đến như thế này, nhưng con cháu chúng tôi vẫn còn thân thiết với nhau. Tôi mong ước chúng nó sẽ không giống chúng tôi, không bao giờ phải cách bức nhau cả...*

ĐỀ 15: Đọc xong đoạn trích "Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang", em có cảm nghĩ gì? Hãy phát biểu.

TÌM HIỂU ĐỀ

1. **Kiểu bài**

   Phát biểu cảm nghĩ về nhân vật trong một tác phẩm văn học nước ngoài qua đoạn trích.

2. **Nội dung**

   - *Kinh ngạc vì bản lĩnh lạc quan, tự tin của Rô-bin-xơn.*
   - *Khâm phục đức tính cần cù, khéo léo, thông minh sáng tạo trong nhiều công việc của Rô-bin-xơn.*
   - *Thích thú với tính cách hài hước của Rô-bin-xơn.*

3. **Phương hướng phát biểu**

   - *Đoạn trích không dài, cần đọc kĩ và suy nghĩ từ sự kiện nhỏ nhất để hiểu được tính cách của Rô-bin-xơn. Anh là con người như thế nào để có thể sống được một mình trên đảo hoang mười mấy năm trời? Những tình tiết nào chứng minh cho các phẩm chất ấy? Từ*

đó xác định cảm nghĩ của em.

- *Các cảm nghĩ nên trình bày men theo trình tự phát triển của các sự kiện trong đoạn trích. Cần chú ý sử dụng các chi tiết trong đoạn trích làm nổi rõ các cảm xúc. Mỗi cảm xúc có thể gắn với một số đặc điểm tính cách Rô-bin-xơn. (Ví dụ việc Rô-bin-xơn sống một mình trên đảo hoang hàng chục năm trời thật đáng kinh ngạc. Để sống được từng ấy năm trời một mình không có sự giao lưu với đồng loại, để chống lại sự cô độc, chắc chắn Rô-bin-xơn phải có tính lạc quan, một niềm tin vững chắc, một bộ thần kinh thép. Phương thuốc hữu hiệu nhất là làm việc, tìm thú vui trong công việc).*

DÀN Ý

I. MỞ BÀI

Giới thiệu nhân vật Rô-bin-xơn và cảm nghĩ chung của em (khâm phục những phẩm chất tốt đẹp).

II. THÂN BÀI

1. Kinh ngạc vì bản lĩnh lạc quan, tự tin của Rô-bin-xơn

- *Rô-bin-xơn lạc trên đảo hoang trên mười năm song vẫn sống đàng hoàng, luôn tìm cách sống cho ra sống.*
- *Kinh ngạc vì sức sống, vì niềm lạc quan, tự tin mạnh mẽ của Rô-bin-xơn. Liều thuốc quý đó là làm việc.*

2. Khâm phục đức tính cần cù, khéo léo, thông minh, sáng tạo trong nhiều công việc của Rô-bin-xơn

- *Rô-bin-xơn đã làm nhiều việc, việc nào cũng thể hiện tính cần cù, khéo léo, thông minh, sáng tạo (từ việc nặn bát đĩa, nặn tẩu, đan sọt đến việc nuôi dê, vắt sữa, chế bơ, pho mát...)*
- *Khâm phục tính cần cù, khéo léo, sáng tạo đó. Nguyên nhân: do bản chất chăm chỉ, yêu lao động.*

3. Thích thú với tính cách hài hước của Rô-bin-xơn

- *Rô-bin-xơn tự hài hước về mình qua y phục và bộ dạng ông chúa đảo.*
- *Thích thú với tính hài hước đó. Nó là liều thuốc bổ giúp Rô-bin-xơn vượt qua mọi thử thách.*

III. KẾT BÀI

Rô-bin-xơn là một tấm gương đáng quý.

Liên tưởng đến nhân vật An Tiêm.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Em mê nhân vật Rô-bin-xơn từ ngày đọc truyện cùng tên của nhà văn Đ.Đi-phô. Được học đoạn trích *Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang* em càng thấy mê

hơn, thích hơn nhân vật này. Đó là một tấm gương sống lạc quan, sáng tạo say mê làm việc với nhiều phẩm chất tốt đẹp.

Trong đoạn trích, Rô-bin-xơn sống đã trên mười năm ngoài hoang đảo. Điều làm em kinh ngạc là hơn mười năm không gặp đồng loại, không trò chuyện cùng ai ngoài những câu ngắn nói với con chó mà Rô-bin-xơn vẫn sống bình thường, cân bằng. Chỉ riêng việc chiến thắng nỗi cô độc, sự cô đơn đã là một kì tích của Rô-bin-xơn. Chắc chắn anh phải có bí quyết sống mạnh mẽ, một bộ thần kinh thép mới có thể đạt tới kì tích ấy. Liều thuốc thần dược, bí quyết sống của anh thật đơn giản: làm việc và làm việc. Trong đoạn trích, anh đã kể *suốt thời gian đó, tôi không ngồi rồi, bằng lòng với những thứ mình đã có. Tôi vẫn làm việc không mệt mỏi. Tôi say sưa với công việc, không còn nghĩ vẩn vơ.* Như vậy, công việc không chỉ mang lại cho Rô-bin-xơn những sản phẩm bảo đảm cuộc sống. Nó còn tạo nên niềm vui, sự hứng khởi, nuôi dưỡng niềm hi vọng vào ngày gặp lại đồng loại, trở về với bạn bè, gia đình, xã hội.

Rô-bin-xơn ngày càng lành nghề trong nhiều công việc thủ công. Sự kiên trì, khéo léo, trí thông minh, tài sáng tạo của anh làm em luôn luôn đi từ sự ngạc nhiên này đến sự ngạc nhiên khác, cuối cùng chỉ còn biết bái phục. Anh kể, trước kia không biết nặn nhưng cuộc sống buộc anh phải sáng tạo ra các thứ đồ dùng để chứa thức ăn, thức uống, lương thực. Anh tập nặn và cuối cùng nặn rất khéo. Ngoài bát đĩa, bình vò thường dùng, anh còn nặn một cái tẩu hút thuốc. Phải nói đó là một công trình sáng tạo đặc biệt dù nó còn thua xa thứ tẩu vẫn bán ở phố. Anh thấy tự hào *tôi rất thích thú với cái tẩu hút thuốc, tôi đã có thuốc lá nay lại có cả tẩu để hút*. Cũng trong hoàn cảnh đó, anh là người thợ đan giỏi. Bằng một thứ miến liễu, anh đã đan được thúng, được bồ và nhiều đồ dùng khác. Anh còn trở thành người thuần dưỡng dê và kiên trì nhân số lượng dê từ hai con lên đến trên bốn mươi con dê. Anh tự mày mò tập vắt sữa, làm phó mát... Bằng bàn tay khéo léo và khối óc thông minh, Rô-bin-xơn đã làm cuộc sống từ chỗ thiếu thốn đến chỗ no đủ. Anh đã sống và biết làm cho cuộc sống đó ngày càng đàng hoàng, hạnh phúc. Anh đã có đủ lương thực, thực phẩm, hoa quả dùng cho bữa ăn không kém ở những khách sạn bình thường tại các thành phố lớn. Kết quả việc làm của Rô-bin-xơn làm em liên tưởng đến kì tích của một nhân vật trong truyện cổ Việt Nam: anh chàng Mai An Tiêm. Bị đày ra đảo hoang, An Tiêm với hai bàn tay sáng tạo và cần cù của mình cũng tạo lập nên cuộc sống no đủ, và còn phát hiện ra giống dưa quý. Đó là hai con người, ở hai chân trời khác nhau, nhưng đều là hai thần tượng của em, từng cổ vũ em trong những lúc gặp khó khăn.

Rô-bin-xơn còn là một người có tính hài hước. Em đã thích thú, thậm chí có lúc cười thành tiếng khi đọc đoạn anh miêu tả bộ quần áo kì dị của ông "chúa đảo", bộ quần áo đến con chó cũng kinh ngạc, nghi nghi hoặc hoặc. Đó

là thành quả của tài năng và sức lao động kiên trì của anh trong bao nhiêu lâu. Vì thế, em vừa thích thú song lại vừa khâm phục anh khi ngẫm nghĩ về bộ quần áo ấy. Chi tiết vui nhộn nhất có lẽ là bộ ria kiểu Thổ Nhĩ Kì của anh. Nó vừa dài, vừa rậm, tô thêm nét cổ quái cho khuôn mặt anh.

Rô-bin-xơn là một nhân vật văn học song em cứ nghĩ như mình đã gặp anh đâu đó trong cuộc sống. Bởi những đức tính của anh, lạc quan, thông minh, sáng tạo, cần cù, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để tạo lập nên cuộc sống đàng hoàng, có ích, là đức tính cần thiết cho mọi người ngay cả khi họ sống trên đảo hoang và giữa đồng loại. Em càng yêu quý nhân vật này.

(TRẦN ĐÌNH SỬ)

ĐỀ 16: ***"Lão Hạc là một lão nông dân gặp nhiều nỗi khổ tâm và bất hạnh vì nghèo đói, nhưng chất phác, đôn hậu và thương con."***
Em hãy phân tích các đặc điểm ấy trong truyện ngắn Lão Hạc của Nam Cao và cho biết cảm nghĩ của em.

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Kiểu bài:** *Phân tích đặc điểm nhân vật.*
2. **Nội dung:** *Lão Hạc là một lão nông dân gặp nhiều nỗi khổ tâm và bất hạnh vì nghèo đói, nhưng chất phác, đôn hậu và rất thương con.*
3. **Tư liệu:** *Các tình tiết, chi tiết về lão Hạc trong truyện ngắn trên.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

Giới thiệu truyện ngắn "Lão Hạc" của nhà văn Nam Cao, từ đó dẫn tới giới thiệu lão Hạc, nhân vật chính của truyện ngắn ấy, một con người dù trong hoàn cảnh ngặt nghèo vẫn giữ vẹn nhân cách cao thượng của mình.

II. THÂN BÀI

A. Phân tích đặc điểm nhân vật

1. Lão Hạc là một lão nông gặp nhiều nỗi khổ tâm và bất hạnh vì nghèo đói

- *Sống lam lũ, vất vả như hầu hết các nông dân khác thời thuộc Pháp.*
- *Đã vậy: vợ mất sớm mà nghèo khó, con trai quẫn chí, bán mình cho sở mộ phu đồn điền để lão Hạc ở lại trong cảnh già hiu quạnh, đói nghèo.*

2. Lão Hạc là một lão nông chất phác, đôn hậu và đặc biệt là rất thương con

- *Chất phác, đôn hậu: thương vợ, dành dụm cho con, lúc nào*

cũng quên mình, chỉ nghĩ đến người khác.

- *Rất thương con:*

+ *Đau xót vì nghèo, không cưới vợ được cho con, phải cắt lòng để con bán mình cho sở mộ phu đồn điền cao su.*
+ *Quyết tâm dành dụm tiền cho con, giữ gìn mảnh vườn cho con.*
+ *Chịu đói chứ không ăn vào tiền của con.*

B. Đánh giá nhân vật

- *Hoàn cảnh khổ cực, đau xót, ngặt nghèo.*
- *Vẫn giữ vẹn nhân cách cao thượng.*

III. KẾT BÀI

- *Xúc động, thương xót, khâm phục một tấm gương giữ gìn phẩm giá trong sạch, cao thượng của lão Hạc.*
- *Ước mong xã hội tốt đẹp để cuộc đời không còn những con người khổ cực, đau xót, ngặt nghèo như lão Hạc.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

1. Một trong những tác phẩm văn học hiện thực phê phán đặc sắc trước Cách mạng tháng Tám 1945, phải kể đến *Lão Hạc* của nhà văn Nam Cao.

Qua truyện ngắn này, tác giả tái hiện một cách trung thực và xúc động số phận bi thảm của người nông dân thời ấy, tiêu biểu là lão Hạc và những phẩm chất đáng quý trọng của ông: tuy bị bức bách đến chỗ bế tắc, nhưng ông vẫn vươn lên, dù là vươn lên một cách đầy đau xót để giữ gìn phẩm giá của mình.

Cũng như hầu hết mọi nông dân khác thời Pháp thuộc, lão Hạc sống lam lũ, vất vả. Vợ mất sớm, lão dồn mọi tình thương của mình cho đứa con trai duy nhất. Lão sẵn sàng làm tất cả mọi việc để con mình được hạnh phúc. Thế nhưng, không thể nào lão chấp nhận cho con đem bán đi mảnh vườn để cưới vợ. Bởi lẽ bán vườn rồi thì lấy gì sinh sống. Bị người yêu phụ tình chỉ vì nghèo, con trai lão phẫn chí, tự bán mình cho sở mộ phu đồn điền, dấn thân vào chốn rừng sâu, nước độc.

Cao su đi dễ khó về
Khi đi trai tráng khi về bủng beo.

Lão Hạc ở lại một mình nuôi dưỡng những ngày bóng xế của mình bằng đói nghèo, hiu quạnh. Là một lão nông chất phác, đôn hậu, lão Hạc sao khỏi xót xa trước tình cảnh đó. Nhưng quá thương con, lão đành ngậm miệng, đứt ruột xa con mà không sao tưởng tượng nổi ngày cùng con đoàn tụ. Một thân một bóng lủi thủi giữa làng quê, mỗi lần kể lại chuyện đứa con trai trước lúc ra đi còn để lại cho cha ba đồng bạc, lão *rân rấn nước mắt*. Tuy đói thiếu, nhưng lão vẫn nhất định không tiêu vào số tiền đó. *Bây giờ tiêu một xu cũng là tiêu vào số tiền của cháu. Tiêu lắm chỉ chết nó.* Lão phải cố gắng

làm thêm để kiếm miếng ăn. Tiền hoa lợi của khu vườn, lão chắt chiu dành dụm cho con. Khu vườn không chỉ là quyền lợi cần được giữ gìn mà đó còn là kỉ vật thiêng liêng của con, không thể nào bán đi hay để mất được. Nói làm sao xiết tình thương con của lão Hạc. Thương con, lão thương cả con chó Vàng, con vật mà con trai lão đã nuôi khi ra đi còn để lại cho lão. Tình cảm của lão đối với con chó Vàng có sự thể hiện gián tiếp tình yêu thương sâu nặng của lão đối với con trai mình. Những lời âu yếm, mắng yêu, nói nựng của lão đối với con chó, thực chất là sự biểu lộ tình cảm nhớ thương con da diết của lão đối với đứa con đi biền biệt, không một cánh tin về. Những ngày tháng sống trơ trọi, tha thẩn một mình, lão có con chó làm bạn sớm khuya. Nhưng đau xót, cuối cùng lão đã phải bán nó, bán nguồn an ủi cuối cùng của mình, vì không nuôi nó nổi, lại sợ tiêu lạm vào số tiền lão đã dành dụm cho con. Đây là nỗi đau lớn của lão. Vì vậy lão do dự, đắn đo mãi rồi mới quyết định. Và khi buộc lòng phải thực hiện ý định, lão vô cùng đau xót: *Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão như mếu và đôi mắt ầng ậng nước.* Lão tự thấy mình sẽ bất nhân, sẽ là tên lừa đảo đối với con vật vốn tin yêu của mình. *Mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu máo như con nít. Lão hu hu khóc...*

Là một người nghèo khổ, đói thiếu, nhưng lão Hạc rất biết tự trọng, quyết không để một ai coi khinh mình. Không có cơm gạo, lão dùng các loại rau quả, rễ cây, chế biến làm thức ăn. Đến khi không còn gì nữa để ăn, lão sẵn sàng tìm đến cái chết bằng bả chó chứ nhất định không nhận của người khác cho, dứt khoát từ chối sự giúp đỡ chân thành của người hàng xóm tốt bụng. Chắc là lão đã suy nghĩ: nhận sự giúp đỡ một lần rồi các lần sau thì làm sao? Chẳng lẽ sống bám vào người khác mà người ta có khác gì mình đâu? Cuối cùng, lão đã nhận lấy cái chết để được mãi sống trung thực, để được bảo đảm tài sản còn nguyên vẹn cho con trai. Lão Hạc chấp nhận cái chết, đón nhận nó bằng một sự tỉnh táo, sáng suốt của một con người nhân hậu, trung thực, chớ không phải vì một cơn tuyệt vọng bế tắc nhất thời. Cái chết của lão Hạc là bi kịch của một con người muốn sống trung thực mà không được, nên phải mượn cái chết để bảo toàn danh dự của mình.

Đây là hình ảnh tập trung của một nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám gánh chịu đủ cả mọi thứ cùng khổ, nỗi tuyệt vọng, tình thương người và đặc biệt là khát vọng muốn sống trung thực.

Nhà văn Nam Cao khi xây dựng nhân vật này, nhằm giúp cho chúng ta biết là dưới thời Pháp thuộc, nỗi khổ đau cùng cực của người nông dân không phải chỉ là đói nghèo mà còn là bị cướp mất quyền sống, quyền làm người của mình.

Nhưng dầu sống trong hoàn cảnh khổ cực, đau xót, ngặt nghèo đến đâu đi nữa, những người nông dân lương thiện như lão Hạc cũng phấn đấu vươn lên để giữ vẹn nhân cách của mình.

Gấp trang sách lại rồi, lòng người đọc vẫn còn chưa nguôi xúc động. Ai không khỏi xót thương cho thân phận lão Hạc và đặc biệt là quý trọng tấm lòng và tâm hồn cao đẹp của lão nói riêng, của người nông dân Việt Nam nói chung. Phải chăng tấm lòng ấy, tâm hồn ấy, làm nên hình ảnh con cò trong lời ca dao kêu thương:

Cò xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.

2. Ai đã đọc qua *Lão Hạc*, một truyện ngắn xuất sắc viết về người nông dân trước Cách mạng tháng Tám của nhà văn Nam Cao, hẳn là không thể nào quên được hình ảnh một lão nông gầy guộc, râu tóc bơ phờ, cặp mắt nhìn xuống đầy u uẩn và khuôn mặt hằn sâu bao nhiêu là nếp nhăn của suy tính, muộn phiền về nhiều nỗi cơ cực ở đời.

Đây là một lão nông như bao người chân lấm tay bùn không tuổi không tên khác trong các làng quê hẻo lánh tiêu điều thời ấy, lão Hạc nghèo khổ bất hạnh nhưng lại là một con người rất mực lương thiện, có tấm lòng yêu thương sâu sắc, tự trọng, đặc biệt là có nhân cách cao thượng hơn người.

Trang sách tuy đã khép lại nhưng hình ảnh và tính cách của lão vẫn cứ lồ lộ hiện ra thật tội nghiệp.

Đó là một nông dân nghèo khổ cùng quẫn. Vợ mất sớm, lão sống một thân một mình trong những tháng ngày xế bóng cô đơn và vất vả. Đứa con trai duy nhất của lão chỉ vì quá nghèo mà cô gái anh yêu thương trở thành vợ người khác. Người ấy hơn anh chỉ vì có nhiều tiền. Quá phẫn chí, anh ra đi nuôi mộng: *cố chí làm ăn bao giờ có bạc trăm mới về. Không có tiền sống khổ, sống sở ở cái làng này nhục lắm.* Nhưng nơi anh đến lại là đồn điền cao su tận Nam Kì, một địa ngục trần gian: *Cao su đi dễ khó về.* Lão Hạc chỉ còn một cách thui thủi với cậu Vàng làm bạn cho khuây nỗi mỏi mắt nhớ mong con. Ngày lại ngày lão lo làm thuê kiếm sống. Nhưng rồi bị một trận ốm mạng phải tiêu sạch cả khoản tiền dành dụm từ hoa lợi mảnh vườn mà lão có ý định để riêng cho con trai khi nó trở về. Sau trận ốm, sức khỏe lão sút hẳn đi, không làm thuê nổi nữa thì lại gặp bão, hoa màu bị phá sạch, giá gạo lại lên cao nghe chừng còn đói dai dẳng... vì thế lão làm một việc trái lòng là phải bán cậu Vàng, người bạn thân thiết trong ngày tàn bóng xế cô đơn của lão. Hơn thế nữa, đó còn là con vật gợi nhớ về đứa con trai đi xa... Thế mà lão phải dứt ruột bán cậu Vàng đi chỉ vì không thể nào có được mỗi ngày ba lạng gạo cho cả lão và con chó.

Lúc này, lão không còn có thể làm ra tiền nên *tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu.* Tình cảnh của lão thật khốn quẫn.

Sau khi bán chó, lão chỉ ăn khoai, củ chuối, sung luộc, rau má, củ ráy, con trai, con ốc và cuối cùng lão tự tử bằng bả chó. Thật ít ai gặp nhiều nỗi khổ tâm và bất hạnh vì nghèo đói như lão.

Nhưng cao đẹp thay con người bất hạnh một cách bi thảm ấy lại có một nhân cách vô cùng cao quý bề ngoài không dễ thấy. Thật vậy, lão Hạc là con người nhân hậu rất mực. Tình cảm đối với cậu Vàng của lão làm ta thực sự xúc động. Lão gọi nó là cậu Vàng, lão âu yếm nó, chuyện trò với nó, nựng yêu nó, bảo vệ nó. Đến lúc phải tính việc bán nó thì trong lão diễn ra một sự dằn vặt đau khổ. Lão đã kể lại cho ông giáo nghe với tâm trạng vô cùng đau đớn: *Lão cười như mếu và đôi mắt ầng ậng nước.* Khi nhắc đến việc cậu Vàng bị lừa rồi bị bắt: *Mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc.* Ông lão quá lương thiện và nhân hậu rất mực ấy cảm thấy lương tâm mình đau nhói khi thấy trong đôi mắt con chó bất ngờ bị trói có cái nhìn trách móc. Lão bị dày vò lương tâm đau đớn chỉ vì thế.

Con người nghèo khổ ấy có tấm lòng người cha thật sâu sắc. Lão Hạc thương con mình nhưng vì nghèo quá không lo được tiền cưới vợ cho con. Cũng vì tương lai của con, lão không thể để cho con bán vườn để cưới vợ *Thấy con "có vẻ buồn"... lão thương con lắm, nhưng biết làm sao được!.* Lúc kể lại với ông giáo việc đứa con trai mình phẫn chí ra đi, *lão rân rấn nước mắt... Tôi chỉ còn biết khóc chứ làm sao được nữa? Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó người ta đã chụp rồi... Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con của tôi.*

Ở lại nhà một mình, lão lủi thủi kiếm sống không một phút nào nguôi ngoai được hình bóng đứa con đang vật lộn với số phận ở chốn xa xôi. Lương tâm của một người cha nhân hậu khiến lão cảm thấy mình có trách nhiệm với việc bỏ xứ của con. Thế nên lão quyết giữ mảnh vườn cho con bằng mọi giá. Lão cũng quyết không đụng chạm đến tiền bòn nhặt được từ mảnh vườn đó. Tất cả dành dụm lại cho con khi nó về. Còn lão thì lặn lội làm thuê kiếm ăn. Đến khi thấy không còn làm thuê làm mướn gì được nữa, mà còn sống thì còn phải ăn, lão phải suy tính. Sự suy tính ấy lặng thầm mà dữ dội: lão sẽ tự tìm đến cõi chết để dành nguyên vẹn cho con. Lão suy tính kĩ lưỡng đến mức chỉ tự tử sau khi đã nhờ cậy ông giáo đứng tên trông nom mảnh vườn đó để sau này ông trao lại cho anh con trai của lão. Thế là vì lòng thương con vô bờ bến, lão Hạc đã quyết chết để bảo vệ mảnh vườn cho con trai mình.

Con người nhân hậu, giàu tình thương yêu ấy còn có lòng tự trọng cao độ và một nhân cách cao thượng đặc biệt. Thật vậy, lão Hạc đã tự tử trong khi trong tay còn mấy chục bạc và cả mảnh vườn. Khi chết không muốn hàng xóm phải phiền lụy, lão gửi ông giáo toàn bộ số tiền nhịn ăn của mình nhờ

hàng xóm lo giúp cho lão. Lão kiên quyết từ chối cả mọi sự giúp đỡ của người khác kể cả sự giúp đỡ chân tình của ông giáo. Con người hết sức tự trọng ấy cương quyết không nhận của bố thí, chỉ biết sống nhờ sức cần lao của mình mà thôi.

Như thế, đúng như lời nhà văn Kim Lân nhận định: *Lão Hạc không chỉ là một người nghèo, đó còn là một con người có nhân cách, tự trọng và bất khuất.* Hình ảnh của lão không khỏi làm ta nhớ hình ảnh con cò trong ca dao:

Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.

Từ khi truyện ngắn *Lão Hạc* của nhà văn Nam Cao xuất hiện trong văn học Việt Nam đến nay đã hơn nửa thế kỉ qua rồi. Ngày nay, xã hội Việt Nam đã đổi khác. Tuy vậy, hình ảnh của lão nông gầy guộc, râu tóc bơ phờ, khuôn mặt hằn sâu bao nhiêu là nét ưu sầu ấy nhắc nhở ta nghĩ đến những người nông dân thời xưa với một tình cảm trân trọng và yêu quý...

3. Nam Cao hi sinh trong một lần đi công tác thời kháng chiến chống Pháp nhưng ông đã để lại trong lòng người đọc biết bao ấn tượng chẳng phai mờ. Viết về những người nông dân vô cùng thống khổ và đau thương, ngòi bút Nam Cao không lạnh lùng khách quan mà tha thiết gắn bó, không châm biếm mỉa mai mà chân thành xúc động. Trong số các tác phẩm đó, truyện *Lão Hạc* là một điển hình với nhân vật lão Hạc – người nông dân có cuộc sống đầy đau khổ, lầm than nhưng tấm lòng chứa chan những phẩm chất tốt đẹp.

Cuộc sống đối với lão Hạc như tù ngục và sự nghèo đói là những bức tường của nhà tù ấy. Không có ruộng, hàng ngày lão phải đi cày thuê cuốc mướn. Dành dụm, chắt chiu đồng tiền công ít ỏi mà cực khổ, lam lũ, lão cũng mua được mảnh vườn nho nhỏ – tài sản duy nhất giúp lão có thêm chút hoa màu. Ấy nhưng sự đời vẫn thường như vậy đấy. Con trai lão bỗng nhiên đòi lấy vợ. Tiền ăn hàng ngày còn chật vật, vất vả mới kiếm được thì nay lão lấy đâu ra bạc trăm cưới vợ cho con. *Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách cưới nặng quá. Nguyên tiền mặt cũng phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu... Cả cưới nữa phải mất đến cứng hai trăm.* Ánh sáng sự sống, tia hi vọng cuối cùng tắt ngọn lửa lòng lão. Bên cạnh cuộc sống đầy vất vả, khó khăn, cơ cực, lão Hạc còn luôn thiếu thốn tình cảm. Lưỡi hái tử thần đã cướp đi người vợ yêu quý của lão. Bà qua đời, để lại cho lão đứa con trai duy nhất. Vậy mà, không cưới được vợ, con trai lão đã thất tình bỏ đi phu cao su, gửi lão vài đồng bạc *ăn quà* và con chó Vàng. Vợ mất, con đi biệt xứ, lão cô đơn giữa tuổi già hiu quạnh, chỉ có con Vàng làm bầu bạn. Ngòi bút nhà văn bùi ngùi xúc động: *Già rồi mà ngày cũng như đêm, thui thủi một mình thì ai chả buồn. Những lúc đó có con Vàng làm bạn cũng đỡ hơn một chút.* Vậy mà vì đồng tiền, con

Vàng phải xa lìa lão. Lão cười. Trong cái cười gượng gạo ấy chan chứa biết bao nước mắt cay đắng, xót xa cho số phận. *Thì ra cậu Vàng ăn khỏe hơn tôi, ông giáo ạ. Mỗi ngày cậu ăn thế thì tôi lấy đâu ra tiền mà nuôi. Thôi thì bán phắt đi, đỡ được đồng nào hay đồng ấy.* Chua xót thay cho cuộc đời những người như lão Hạc. *Lão Hạc ơi! Ta có quyền giữ riêng cho ta tí gì đâu!*. Đúng vậy. Sự bon chen, khắc nghiệt trong xã hội đã cướp đi tất cả của lão, và trút biết bao tai họa lên đôi vai lão vốn nếm đủ mùi cơ cực. Cơn bão khắc nghiệt nhẫn tâm phá trụi hoa màu trong vườn. Rồi trận ốm hai tháng mười tám ngày đẩy lão xuống tận cùng cơ cực, nghèo đói. Lão chọn cái chết khốc liệt, chua chát – tự tử bằng bả chó. *Lão Hạc đang vật vã trên giường, đầu tóc rũ rượi, hai mắt long lên sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, chốc chốc lại giật lên một cái.* Cuộc đời lão Hạc như những con sóng ngoài biển khơi, lúc dịu dàng êm ả, lúc cuồn cuộn muốn nhấn chìm tất cả. Rồi con sóng ấy cứ lịm dần, lịm dần, đến khi hòa vào biển xanh, để lại đám bọt trên bờ cát trắng.

Tấm lòng Nam Cao luôn hé mở để ngòi bút sâu sắc tìm đến biết bao phẩm chất tốt đẹp của lão Hạc, như ánh lửa tỏa sáng trong bóng tối nghèo khổ, cô đơn. Khác với Chí Phèo, khi say rượu thường đến nhà Bá Kiến dọa dẫm, xin tiền, lão Hạc phải cày thuê, cuốc mướn, bon chen mới kiếm được miếng ăn qua ngày. Tuy vất vả, khó khăn nhưng có lẽ bản tính cần cù, chăm chỉ không cho phép lão ngửa tay xin đồng tiền thiên hạ bố thí. Thật đáng khâm phục. Và lòng khâm phục sâu đậm hơn bao giờ hết nếu ta biết được lão yêu con đến nhường nào. Vợ mất, lão sẵn sàng hi sinh quãng đời còn lại nuôi con khôn lớn. Vậy mà, không lấy được vợ, con trai lão bỏ đi phu cao su, lão chẳng trách con một lời, chỉ khóc: *Tháng mười năm ấy, con kia lấy chồng. Thằng con tôi đâm quẫn chí, ra tỉnh kí giấy xin làm đồn điền cao su. Tôi chỉ biết khóc chứ còn làm sao nữa.* Từ đó, bao nhiêu tiền bòn vườn, lão dành hết cho con. Cuộc đời đau khổ, tối tăm, mù mịt càng tôn thêm vẻ đẹp tâm hồn lão. Trong cảnh cô đơn, hiu quạnh, lão chỉ có "cậu Vàng", kỉ vật của con làm bầu bạn: "Cậu Vàng" – tiếng gọi sao tình cảm tha thiết đến thế! Phải chăng, trong câu chuyện nói với Vàng, lão vẫn ấp ủ hi vọng con trai sẽ trở về: *Cậu có nhớ bố cậu không, hả cậu Vàng? Bố cậu lâu lắm không viết thư. Chẳng biết cuối năm nay có về không?* Và, với trái tim nhân hậu, lão quyết tâm để lại cho con mảnh vườn, dù phải hi sinh quãng đời còn lại. Thật là một con người đáng kính trọng biết nhường nào. Kết thúc thiên truyện ngắn, tấm lòng chân thành hết mực của tác giả đã viết lên trang sách những lời thiêng liêng: *Lão Hạc ơi! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo: "Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã để lại cho anh trọn vẹn. Cụ thà chết chứ không bán đi một sào!"*. Người tốt đã mất đi, số phận họ bi thảm quá! Một niềm xúc động mãnh liệt trào dâng trong tâm hồn ta khi hiểu rằng: Lão Hạc

có lòng tự trọng vô cùng lớn lao. Lão chẳng muốn sống mà trộm cắp như Binh Tư, từ cỏ vô thân như Chí Phèo. Lão cũng không muốn khi chết phải nhờ cậy hàng xóm. Thế là, sau khi gửi tiền ông giáo để làm ma, lão tự tử. Đối với lão, thà chọn cái chết đột ngột, khốc liệt nhưng trong sạch, còn hơn cuộc sống bẩn thỉu, đê hèn, lưu manh, đúng như câu tục ngữ: *Chết trong còn hơn sống đục.*

Cách viết của Nam Cao về nhân vật lão Hạc khi lặng lẽ thâm trầm, lúc mạnh mẽ dữ dội. Nhưng đó chính là cung bậc khác nhau của cõi lòng chân thành, xúc động khi ông viết về những người nông dân khốn khó, phải chăng là tình cảm xuất phát từ lòng nhân đạo yêu thương con người. Nam Cao luôn để nhân vật tìm được giá trị làm người dù bằng cái chết bi thảm. Với xúc cảm nghệ thuật sâu sắc, nhà văn đã đưa lão Hạc trở thành nhân vật điển hình trong dòng văn học hiện thực 1930-1945.

Dù năm tháng trôi qua, nhưng hình ảnh lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao với biết bao phẩm chất tốt đẹp sẽ sống mãi như ánh lửa tỏa sáng rực rỡ trên bóng tối cuộc đời nghèo khổ. Tuy kết thúc còn bi thảm nhưng lão Hạc đã bộc lộ được nét trong sáng của lòng tự trọng, của giá trị con người luôn ngự trị trong trái tim nhân hậu.

(Học sinh ĐOÀN BÍCH NGỌC)

ĐỀ 17: Trong các tác phẩm văn thơ cổ, cận đại và hiện đại đã học (và đọc thêm), bài văn nào, bài thơ nào đã làm cho em thích thú hơn cả. Hãy phân tích bài văn hoặc bài thơ để nói rõ vì sao em thích bài văn, bài thơ đó?

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

- *Trong các tác phẩm văn thơ cổ, cận đại và hiện đại đã học và đọc thêm, bài "Bạn đến chơi nhà" của nhà thơ Nguyễn Khuyến đã làm cho em thích thú hơn cả.*
- *Đằng sau bài thơ, từng câu chữ thấp thoáng ẩn hiện nét vui đùa trào lộng nhẹ nhàng của nhà thơ.*

II. THÂN BÀI

- ***Hai câu đầu**: Nỗi vui mừng lâu ngày mới gặp lại bạn và hoàn cảnh khó khăn, nỗi lúng túng của nhà thơ khi tiếp đãi bạn.*
- ***Hai câu thực và hai câu luận**: Cường điệu hóa hoàn cảnh khó khăn của mình không có gì để tiếp đãi bạn:*

  "Ao sâu nước cả khôn chài cá
  Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà

Cải chưa ra cây cà mới nụ
Bầu vừa rụng rốn mướp đương hoa.

- ***Hai câu kết**: Cả miếng trầu cũng không có. Nhưng từ những chỗ không có gì cả để nêu bật lên một cái có đó là tình bạn chân thành thắm thiết.*

Tình bạn trong thơ Nguyễn Khuyến xuất phát từ tấm lòng chân thành của nhà thơ.

III. KẾT BÀI

Em thích bài thơ "Bạn đến chơi nhà" vì đây là một bài thơ đặc sắc viết về tình bạn của nhà thơ Nguyễn Khuyến. Bài thơ cho thấy tài nghệ vận dụng lời văn tiếng nói dân gian của ông.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Trong các tác phẩm văn thơ cổ, cận đại và hiện đại, em thích hơn cả bài thơ *Bạn đến chơi nhà*, một bài thơ hay viết về tình bạn của nhà thơ Nguyễn Khuyến.

Đã bấy lâu nay bác tới nhà
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa
Ao sâu nước cả khôn chài cá
Vườn rộng, rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà mới nụ
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa
Đầu trò tiếp khách trầu không có
Bác đến chơi đây ta với ta.

Một phần lớn thơ Nguyễn Khuyến dượm đầy dáng dấp trào phúng khi nhà thơ nói về mình, đành rồi, mà cả khi nói về bạn thân sơ hay tình bạn đằm thắm, thắm thiết chân thành luôn luôn là thấy thấp thoáng một nụ cười của nhà thơ, một nụ cười thông minh và ý nhị, cũng là nụ cười của một nhà hiền triết.

Bởi vậy bài thơ này bộc lộ tình cảm của tác giả một cách cởi mở, vui đùa mà chân thành thắm thiết.

Mở đầu bài thơ là nỗi vui mừng lâu ngày mới gặp lại bạn. Cách vào đề của nhà thơ hết sức tự nhiên. Câu đầu: *Đã bấy lâu nay bác tới nhà* vừa như một thông báo vừa bộc lộ một tình cảm vui mừng, thân mật lại tỏ ý trân trọng, quý mến đối với bạn mình.

Câu thơ kế chuyển giọng nói đến hoàn cảnh khó khăn và sự lúng túng của mình khi tiếp đãi bạn: *Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa*. Cách nói của nhà thơ vừa tế nhị vừa dí dỏm cho thấy trong tình huống ấy tất phải tiếp đãi

bạn theo kiểu *cây nhà lá vườn* của mình. Nhà thơ đã cường điệu hóa hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn của mình đến nỗi cái gì cũng không có:

Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa
Ao sâu nước cả khôn chài cá
Vườn rộng, rào thưa, khó đuổi gà
Cải chửa ra cây, cà mới nụ
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa

Chợ thời xa, trẻ thời đi vắng, cải, cà, bầu, mướp, gà, cá... đều không sẵn. Lời thơ trôi chảy, tự nhiên như lời nói. Sự khó khăn, thiếu thốn nhiều nỗi mà không đơn điệu. Bao thứ ngon lành, sang trọng đều có cả đấy nhưng cá không bắt được vì ao nước cả, gà không đuổi được vì vườn rộng, rào thưa. Cả rau quả thông thường thì vườn nhà cũng có sẵn, khốn nỗi, cả mướp mới có nụ và đang hoa, cải chưa thành cây, bầu vừa rụng rốn. Tác giả kể lể, phân bua về hoàn cảnh thiếu thốn, khó khăn của mình lan sang cả câu thứ bảy:

Đầu trò tiếp khách trầu không có.

Câu này khép lại nội dung đã được phân bua ở trên. Bạn thân lâu ngày mới gặp, từ các món sang trọng một chút như cá, gà đến các món tầm thường như cải, cà, mướp cho chí đến *miếng trầu làm đầu câu chuyện* cũng không có nốt. Nhà thơ nói nhiều đến những cái không có để làm nổi bật một cái có thiêng liêng, cao quý đó chính là tình bạn chân tình, thắm thiết. *Bạn đến chơi nhà* lâu ngày mới gặp, chẳng có gì để tiếp đãi bạn nhưng chỉ có tình bạn của tôi với bác là đủ thay cho mọi thứ không có đã nói bên trên:

Bác đến chơi đây ta với ta.

Ba tiếng: *Ta với ta* trong bài thơ gợi ta nhớ đến câu kết bài thơ *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan:

Một mảnh tình riêng ta với ta.

Tuy nhiên *ta với ta* trong câu thơ của Bà Huyện là *một mình với chính mình* biểu lộ sâu sắc và thấm thía sự cô đơn của tác giả trước khung cảnh thiên nhiên, trời đất mênh mông hoang vắng giữa nơi xứ xa, còn *ta với ta* trong thơ Nguyễn Khuyến là *tôi* với *bác*, là *chúng ta* với nhau. Từ *ta* lặp lại, chồng chất lên nhau nâng đỡ và bổ sung làm tăng trọng lượng cho nhau, thể hiện một tình cảm gắn bó keo sơn vừa kín dáo bộc lộ chút tự hào chân chính về tình bạn ấy. *Ta với ta* trong bài thơ của Nguyễn Khuyến đúng là sự gặp gỡ giao lưu của một đôi bạn tri âm, tri kỉ. Đại từ *ta* trong bài thơ có nghĩa là chúng ta, khách với chủ, bạn với mình đều là ta cả nghĩa là bạn với mình *tuy hai mà là một*, mình với bạn *tuy một mà là hai*. Đúng là chí tình biết mấy!

Bạn lâu ngày mới đến chơi nhà, tuy mọi thứ dùng để tiếp đãi bạn đều không có sẵn nhưng đã có bạn, có ta là đã có tất cả: Tình bạn là điều quý nhất. Không có của cải vật chất nào có thể so sánh được. Bài thơ trong sáng, đẹp đẽ và cao quý như tình bạn ấy vậy.

Ta còn nhớ rằng trong một lần khóc bạn, nhà thơ Nguyễn Khuyến đã viết:

Rượu ngon không có bạn hiền
Không mua, không phải không tiền không mua
Câu thơ nghĩ, đắn đo không viết
Viết đưa ai, ai biết mà đưa
Giường kia treo cũng hững hờ
Đàn kia, gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn!

Giá trị nghệ thuật của đoạn thơ này và cả bài thơ trên đều xuất phát từ tấm lòng chất phác, chân thành của nhà thơ.

Tóm lại, *Bạn đến chơi nhà* là một trong những bài thơ đặc sắc của Nguyễn Khuyến viết về tình bạn. Phía sau từng câu thơ ta như thấy được thấp thoáng đâu đây nụ cười nhã đạm, hóm hỉnh, thâm trầm của nhà thơ. Phê bình bài thơ này về nhiều mặt, nhà văn Ngô Tất Tố đã nhận xét: *Nếu không phải là tay văn chương lão luyện thì không đạt nổi*. Phải chăng điểm đặc sắc nhất của bài thơ là tài nghệ vận dụng đưa tiếng nói hàng ngày của người nông dân lao động vào thơ ca một cách tự nhiên, giản dị, trong sáng và đầy chất thơ như thế.

ĐỀ 18: Hãy phân tích nhân vật Bơ-men trong truyện "Chiếc lá cuối cùng" để làm rõ lòng yêu thương con người sâu sắc của một nghệ sĩ nghèo.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Chiếc lá cuối cùng là kiệt tác duy nhất của nhân vật Bơ-men, nhân vật chính trong truyện ngắn cùng tên của O.Hen-ri, nhà văn Mĩ xuất sắc đầu thế kỉ XX. Với kiệt tác đó, nhân vật Bơ-men đã bộc lộ rõ lòng nhân đạo cao cả và đã gây xúc động sâu sắc cho hết thế hệ này đến thế hệ khác suốt gần 100 năm qua và đã góp phần làm cho tên tuổi của O.Hen-ri trở thành bất tử.

Là nhân vật chính nhưng bác Bơ-men chỉ xuất hiện có một lần ở giữa truyện còn lại là được nhắc tới qua lời dẫn truyện của tác giả giới thiệu về bác và lời của Xiu-đi nói với Giôn-xi về cái chết và tác phẩm kiệt xuất của bác. Tuy xuất hiện không nhiều, nhưng phẩm chất, tính cách của Bơ-men rất nổi bật, rất sâu sắc.

Trước tiên, người đọc thấy Bơ-men là một nghệ sĩ nghèo, không thành đạt nhưng sống rất lương thiện và luôn khát vọng sáng tạo một kiệt tác. Đã ngoài sáu mươi, nhưng bác Bơ-men vẫn sống cô độc *trong một gian buồng tối om om ở tầng dưới*. Chỉ có những người nghèo mới phải ở trong một gian buồng như thế. Trong một gian buồng như thế thì vẽ thế nào được tranh, cho nên trên giá vẽ ở góc buồng của bác vẫn là một tấm vải trống trơn chưa có một nét vẽ. Không có tranh để bán, hàng ngày bác *kiếm được chút ít bằng cách ngồi làm mẫu cho các nghệ sĩ trẻ không đủ tiền thuê người làm mẫu*

chuyên nghiệp. Là họa sĩ nhưng Bơ-men lại sống bằng việc làm người mẫu không chuyên cho những họa sĩ nghèo. Cuộc sống của bác thật khổ và thật bấp bênh. Tuy vậy bác vẫn sống trong sạch, không phiền hà đến ai, không để cho sự nghèo khổ làm sa sút phẩm chất, làm mềm yếu tinh thần. Chả thế mà bác *hay chế nhạo cay độc sự mềm yếu của bất kì ai.* Hóa ra bác không chấp nhận sự yếu đuối về tinh thần, về ý chí của bản thân và của những người xung quanh. Phẩm chất đó thật cao đẹp, thật trong sáng. Chính vì có phẩm chất đó, nên tuy sống trong nghèo khổ, suốt đời chỉ uống loại rượu nặng rẻ tiền, nhưng ước mơ sáng tạo lúc nào cũng cháy bỏng trong lòng bác. Bác luôn *có ý định vẽ một bức tranh kiệt tác* và tuy *uống rượu nặng quá độ mà vẫn nói về cái tác phẩm kiệt xuất sắp tới của mình.* Ước mơ, khát vọng của bác thật đẹp, thật chân chính. Đã ngoài sáu mươi, nhưng bác vẫn không thực hiện được ước mơ, khát vọng đó, có lẽ chủ yếu do bác quá nghèo, chứ không phải do bác thiếu tài năng. Người đọc thương bác, yêu quý bác chứ không coi thường bác chính vì lẽ đó.

Song cái đáng quý nhất ở bác Bơ-men là tuy sống trong nghèo khổ, nhưng bác luôn quan tâm đến mọi người, muốn đem lại điều tốt lành cho người khác. Trong cuộc sống, bác không muốn mọi người xung quanh mềm yếu, bác chế nhạo họ là mong họ tốt đẹp, cứng rắn lên. Đối với những người nghèo, thực sự yếu đuối, bác luôn quan tâm chăm sóc. Người đọc thật cảm động và quý mến bác, khi biết bác tự coi mình có nhiệm vụ gác cửa bảo vệ hai nữ nghệ sĩ nghèo *nhỏ bé, thiếu máu* ở phòng vẽ tầng trên. Khi Xiu, một trong hai nữ nghệ sĩ đó báo tin cho bác biết Giôn-xi, cô nghệ sĩ *yếu đuối và mảnh mai như một chiếc lá* bị bệnh sưng phổi và ý nghĩ tuyệt vọng kì quặc của cô, *bác Bơ-men cặp mắt đỏ ngầu, nước mắt chảy ròng ròng.* Đó là những giọt nước mắt xót xa thương cảm. Bác đã coi hai cô gái nghèo như con mình. Khi biết Giôn-xi nghĩ rằng mình sẽ chết khi cây thường xuân rụng hết lá, bác *hét lên, quát to* nhạo báng ý nghĩ ngớ ngẩn của cô. Bác hét, bác quát nhưng lòng đầy thương cảm vì sau lời quát là lời dịu dàng xót xa: *Chà, tội nghiệp cô bé Giôn-xi.* Thật cảm động khi nghe bác nói với Xiu khi theo cô lên phòng vẽ có Giôn-xi đang nằm: *Trời, đây không phải chỗ cho một con người tốt như cô Giôn-xi nằm. Một ngày kia tôi sẽ vẽ một tác phẩm kiệt xuất và tất cả chúng ta sẽ đi khỏi nơi này. Trời, nhất định thế.* Vẫn là ước mơ tốt đẹp, nhưng ước mơ đó gắn liền với một lòng yêu thương sâu sắc. Bác muốn sáng tạo, muốn có kiệt tác để giúp đỡ mọi người, để đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người. Động cơ sáng tạo của bác thật cao cả.

Có lẽ do động cơ sáng tạo cao đẹp đó, nên khi nhìn qua cửa sổ, thấy cây thường xuân rụng lá dần dưới cơn mưa lạnh lẽo pha tuyết đang đổ xuống, bác đã nghĩ đến việc dùng bút vẽ để cứu Giôn-xi... và *chiếc lá cuối cùng* vẫn không rụng, vẫn đơn độc bám lấy cái cuống của nó trên tường, mặc cho mưa gió vùi dập qua mấy đêm kinh khủng. Chiếc lá cuối cùng không rụng đó đã

đem lại niềm tin vào sự sống cho Giôn-xi, đã cứu sống Giôn-xi. Nhưng chiếc lá cuối cùng đó đã giết bác Bơ-men, bởi vì chiếc lá rất giống những chiếc lá khác nhưng chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi tới là do bác Bơ-men vẽ trong cái đêm rét khủng khiếp, khi chiếc lá cuối cùng đã rụng xuống. Do dầm mình trong mưa tuyết giá lạnh, bác Bơ-men đã nhiễm bệnh sưng phổi và đã qua đời sau đó hai ngày. Bác đã chết sau khi sáng tạo tác phẩm duy nhất là *chiếc lá cuối cùng* để cứu sống một cô gái bị bệnh hiểm nghèo. Chắc chắn khi dầm mình trong mưa tuyết để vẽ chiếc lá, bác không phải không cảm thấy giá buốt, không phải không cảm thấy nguy hiểm cho tính mạng mình. Nhưng lòng thương yêu Giôn-xi, ý muốn dùng cây bút và bảng màu để cứu sống cô đã thúc đẩy bác vượt lên trên giá buốt, hiểm nguy để vẽ chiếc lá cuối cùng. Đó là một kiệt tác thực sự vì nó chứa đựng tất cả tâm hồn, tài năng của một nghệ sĩ chân chính, vì nó được tạo nên bằng cả cuộc đời của một con người và vì nó đem lại cuộc sống cho những người nghèo khổ và lương thiện.

Bác Bơ-men đã chết, nhưng tác phẩm kiệt xuất của bác vẫn sống mãi với hai cô gái nghèo, vẫn sống mãi trong lòng các thế hệ bạn đọc. Bởi vì tác phẩm đó đã biểu hiện tất cả phẩm chất cao đẹp của bác: nghèo nhưng vô cùng nhân hậu, thất bại nhưng vẫn ước mơ, sẵn sàng xả thân vì người khác.

(Học sinh VŨ LAN HƯƠNG)

ĐỀ 19: Hãy phân tích nhân vật Phi-líp trong truyện "Bố của Xi-mông" của Guy đơ Mô-pa-xăng.

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Kiểu bài:** *Phân tích đặc điểm một nhân vật: Phi-líp trong truyện "Bố của Xi-mông" của Guy đơ Mô-pa-xăng.*
2. **Nội dung:** *Tấm lòng nhân hậu của Phi-líp đã giải thoát cho Xi-mông thoát khỏi nỗi đau của em và mang lại cho em hạnh phúc.*
3. **Tư liệu:** *Truyện "Bố của Xi-mông". Chú ý đến các chi tiết là lời nói việc làm... của Phi-líp.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

Giới thiệu tác phẩm, tác giả và nhân vật cần phân tích.

II. THÂN BÀI

1. Phân tích nhân vật

Tấm lòng nhân hậu của chú Phi-líp:

Mang lại niềm sung sướng, hạnh phúc cho Xi-mông, cứu em thoát khỏi cái chết:

- *Xi-mông đau khổ nhiều khi bị các bạn học chế giễu là không có bố. Em chỉ có tên, không có họ của bố để ghép vào cho đầy đủ. Bị các bạn đùa cợt và cả đánh đập, em đã ném đá vào chúng và bỏ chạy. Rất đau khổ, em ra bờ sông với ý định nhảy xuống sông cho chết đuối. Chú Phi-líp đã xuất hiện đúng lúc, dẫn em về nhà, trước mặt mẹ em, chú đã trả lời câu hỏi của em: "Chú có muốn làm bố cháu không?" bằng lời khẳng định: "Có chứ, chú có muốn". Lần thứ nhất chú Phi-líp đã cứu Xi-mông khỏi cơn tuyệt vọng, giúp em thoát khỏi tay thần chết.*
- *Chú Phi-líp lúc này chỉ nghĩ đây là một việc làm nhất thời để giúp Xi-mông thoát khỏi phút giây tuyệt vọng. Nhưng Xi-mông đến lò rèn nói với chú: "Bố Phi-líp này, lúc nãy thằng con bác Mi-cốt bảo rằng bố không phải là bố của con hẳn hoi, vì bố không phải là chồng của mẹ". Lúc này, Xi-mông có thể lâm vào tình thế tuyệt vọng lần nữa, nếu biết là chú Phi-líp coi lời nói lần trước chỉ là lời nói đùa. Là những người lao động nhân hậu, các bác thợ rèn đã giúp chú Phi-líp thoát khỏi định kiến đối với mẹ Xi-mông, để chú đi đến quyết định: ngỏ lời cầu hôn với mẹ Xi-mông, để Xi-mông hạnh phúc thực sự khi tuyên bố với các bạn: "Bố tớ là Phi-líp Rê-mi – bác thợ rèn, và bố tớ hứa sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt tớ".*

2. **Đánh giá nhân vật**

Chú Phi-líp và các bác thợ rèn được nhà văn miêu tả như các vị phúc thần. Chính họ đã giải thoát cho Xi-mông khỏi nỗi khổ đau của em và mang lại cho em hạnh phúc. Việc làm của chú Phi-líp thật tốt đẹp vô cùng, vì đã thấy được những đức tính tốt đẹp của mẹ Xi-mông. Lầm lỡ trong quá khứ không phải do lỗi ở chị. Chú Phi-líp và các bác thợ rèn đã nói và làm theo tiếng gọi của lương tri, thoát ra khỏi các thành kiến hẹp hòi cổ hủ. Họ như đại diện cho sự công bằng, cho lòng nhân ái. Họ hào hiệp và nhân hậu biết bao.

III. KẾT BÀI

Có ý kiến cho rằng việc làm của chú Phi-líp ở đây là dại. Không đúng. Đây là một việc làm nhân đạo cao cả, xuất phát từ một tấm lòng yêu thương rộng lớn, đồng cảm sâu sắc đối với cảnh ngộ đáng thương của Xi-mông. Chú đã khơi dậy trong lòng người đọc tình cảm quý mến đối với việc làm tốt đẹp của một người lao động nhân hậu cao cả.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Bố của Xi-mông là một truyện ngắn hiện thực khá hay của Guy dơ Mô-pa-xăng. Truyện nói lên nỗi đau khổ của em bé Xi-mông và mẹ em vì những thành kiến, thói tục cổ lỗ, khi Xi-mông không rõ bố mình là ai và niềm sung sướng tràn ngập khi em được nhận chú Phi-líp làm bố. Đặc biệt, truyện đã đề cập tấm lòng nhân hậu của Phi-líp, người thợ rèn đáng quý.

Hành động nhận làm bố Xi-mông của chú bị một số người cười chê là khờ dại. Thật ra, đó là một việc làm nhân đạo, cao cả. Vì chính việc làm này đã mang lại nhiều sung sướng, hạnh phúc cho Xi-mông, cứu em này thoát khỏi cái chết. Bởi lẽ ngay từ ngày đầu tiên học ở trường, Xi-mông đã bị đám bạn bè độc ác, vô ý thức đùa cợt, trêu chọc về việc em không có bố. Bị chế giễu, bị đánh đập, Xi-mông tức giận nên ném đá vào bọn chúng rồi bỏ đi ra bờ sông. Em đã khóc ròng và nghĩ đến việc nhảy xuống sông cho chết đuối. Em ngắm đàn cá bơi lội, em bắt con nhái chơi, nhưng cái ý định tự tử ấy cứ lởn vởn mãi. *Em lại khóc. Người em rung lên, em quỳ xuống và đọc kinh cầu nguyện như trước khi đi ngủ. Nhưng em không đọc hết được, vì những cơn nức nở lại kéo đến, dồn dập, xốn xang, choán ngợp lấy em.* Đang lúc đau khổ như thế thì Xi-mông gặp chú Phi-líp. Biết được tình cảnh của em, chú ấy đã dẫn em về nhà. Trước mặt mẹ Xi-mông, chú đã trả lời câu hỏi của em: *Chú có muốn làm bố cháu không?* bằng lời khẳng định mạnh mẽ và dứt khoát: *Có chứ, chú có muốn.* Thế là lần thứ nhất chú Phi-líp đã cứu Xi-mông ra khỏi cơn tuyệt vọng giành em ra khỏi tay thần chết.

Tuy nhiên đối với chú Phi-líp, lúc đầu, chú nghĩ đây là một việc làm nhất thời, cốt để an ủi cho Xi-mông trong phút giây thoát khỏi cơn tuyệt vọng. Nhưng sau đó, đến lúc Xi-mông đến nói với chú tại lò rèn: *Bố Phi-líp này, lúc nãy thằng con bác Mi-cốt bảo cho rằng bố không phải là bố của con hẳn hoi vì bố không phải là chồng của mẹ* thì sự việc không còn là nhất thời nữa rồi! Vấn đề đặt ra trước chú Phi-líp lúc này là một vấn đề nghiêm túc. Xi-mông lại có thể đứng trước tình thế tuyệt vọng một lần nữa, nếu như chú Phi-líp xem lời nói của mình lần trước là lời nói đùa. Chính các bác thợ rèn đồng nghiệp của chú Phi-líp, những vị thần khổng lồ ấy đã giúp chú vượt qua định kiến đối với mẹ Xi-mông. Chị ta lầm lỗi không phải do lỗi ở chị ta, để đi đến quyết định cuối cùng: ngỏ lời cầu hôn với người phụ nữ đáng thương mến này. Việc làm của chú Phi-líp đã mang lại cho Xi-mông hạnh phúc thật sự, cậu bé nhờ đó có đủ nghị lực để tuyên bố với các bạn cùng lớp: *Bố tớ là Phi-líp Rê-mi (bác thợ rèn) và bố tớ hứa sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt tớ.*

Chú Phi-líp và các bác thợ rèn trong truyện ngắn này được G.Mô-pa-xăng miêu tả như các vị phúc thần. Chú đã giải thoát cho Xi-mông khỏi nỗi đau khổ và mang lại cho em hạnh phúc. Việc làm ấy cũng giúp cho mẹ Xi-mông

thoát khỏi khổ đau do lầm lỡ. Chú Phi-líp và các bác thợ đã nói và làm theo tiếng gọi của lương tri, thoát khỏi những thành kiến hẹp hòi, cổ hủ. Việc làm của họ như là đại diện cho sự công bằng, cho lòng nhân ái, giúp cho các nhân vật bị đau khổ, bất hạnh thoát khỏi đau khổ và có hạnh phúc. Hình ảnh của họ thật đẹp, thật hào hùng mà cũng nhân hậu xiết bao.

Có ý kiến cho rằng việc làm của chú Phi-líp: nhận làm bố của Xi-mông và làm chồng của mẹ em bé này thật là khờ dại. Không đúng. Phải nói đây là một việc làm nhân đạo, cao cả, xuất phát từ một tấm lòng yêu thương rộng lớn, đồng cảm sâu sắc đối với cảnh ngộ đáng thương của Xi-mông và của em bé này. Chú đã khơi dậy trong lòng người đọc tình cảm quý mến đối với việc làm tốt đẹp, thấm đẫm tình người của một người lao động nhân hậu, cao cả.

ĐỀ 20: Em hãy trình bày những hiểu biết và suy nghĩ của mình về nhân vật Đôn Ki-hô-tê mà em được tiếp xúc qua các đoạn trích mà em đã đọc.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Tác phẩm *Đôn Ki-hô-tê* của nhà văn Tây Ban Nha Xéc-van-téc đã để lại trong em nhiều cảm xúc sâu sắc. Nhân vật chàng quý tộc nghèo Ki-ha-da – sau là hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê đáng quý và cũng đáng thương vì những ý tưởng tốt đẹp và hành động mù quáng điên rồ.

Điều đáng nói ở chàng hiệp sĩ này trước tiên là những ước mơ cao đẹp. Qua say mê những tiểu thuyết kiếm hiệp rẻ tiền, trong tâm tưởng của Đôn Ki-hô-tê chỉ có những hành động cao thượng trừ gian, diệt ác, bảo vệ dân lành của những chàng hiệp sĩ lừng danh ẩn hiện trong thế giới giang hồ.

Chao ôi! Từ một con người bình thường, chỉ vì không biết giới hạn niềm yêu mến của mình mà Đôn Ki-hô-tê đã trở thành người u mê, suốt ngày vùi đầu vào sách vở. Đến bản thân mình, chàng cũng chẳng chú ý tới đến nỗi *gầy xơ xác chỉ còn da bọc xương, đầu óc teo đi*. Nhưng dù sao đi nữa chúng ta cần phải trân trọng mơ ước của Đôn Ki-hô-tê. Mơ ước tuy lãng mạn nhưng lại thể hiện một khát vọng phiêu lưu mạo hiểm, tiêu diệt cái ác, cái xấu, cứu giúp mọi người, để lại tiếng thơm muôn đời. Đôn Ki-hô-tê một mình một ngựa xông thẳng vào lũ khổng lồ (những cối xay gió) không một chút sợ sệt, chứng tỏ chàng dũng cảm biết bao. Bị ngã ngựa *nằm không cựa quậy*, nhưng chàng không kêu đau. Điều đó thật đáng khâm phục. Nhưng Đôn Ki-hô-tê cũng thật là ngây thơ và mù quáng. Ngay cả mơ ước bình thường là có người yêu mến mà chàng cũng không đạt được. Chàng tôn thờ nàng Đun-xi-nê-a làng Tô-bô-xô mặc dầu người con gái ấy không hề biết Đôn Ki-hô-tê là ai. Giám mã Xan-trô can ngăn thế nào chàng cũng khăng khăng coi những cối xay gió là những tên khổng lồ và quyết giao đấu. Trên đời này có ai lại ngu ngốc như hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê không? Chắc chẳng có ai đem sinh mạng mình để điên rồ đánh nhau với cối xay gió. Kết quả của hành động mù

quáng đó là Đôn Ki-hô-tê đã thất bại thảm hại: ngọn giáo gẫy tan, con ngựa Rô-xi-nan-tê còm cõi chỉ còn da bọc xương thì chổng bốn vó lên trời. Còn hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê ư? Chàng bị văng ra xa bởi cú ngã như trời giáng. Thật là tội nghiệp. Ta thương cảm, buồn cười và thấy xấu hổ cho chàng. Cái gì cũng bắt chước sách vở. Đau đớn không kêu. Thức một đêm nghĩ đến tình nương, nhịn ăn vì *nghĩ đến người yêu cũng đủ no rồi*. Con người ảo tưởng và u mê của chàng lại được dịp bộc lộ khi gặp hai tu sĩ và cỗ xe ngựa chở một phu nhân. Bất chấp lời khuyên tỉnh táo của Xan-trô, chàng đinh ninh đó là hai gã phù thủy bắt cóc một nàng công chúa. Thế là lao vào giao đấu. May mà thắng hai thầy tu. Nhưng kị sĩ tỉnh Vi-xcai-a không chịu đựng nổi sự gàn dở của Đôn Ki-hô-tê đã quyết đấu. Bao nhiêu căm giận, tức tối và lòng dũng cảm không đúng chỗ của chàng đã khiến chàng lao vào chiến đấu *như điên như dại*. Chàng nhận được gì qua hành động điên cuồng mù quáng đó? Mất một nửa tai trái ư? Hay là sự tự hào về lòng cao thượng đã tha chết cho kẻ bại trận? Hoặc lời cầu xin của phu nhân, sự cảm ơn giả vờ và hứa bừa rằng sẽ thi hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh của chàng?

Đôn Ki-hô-tê là hiệp sĩ chiến đấu cho cái thiện, diệt trừ cái ác. Chàng là con người cương trực, dũng cảm, dám xả thân vì nghĩa lớn. Nhưng chàng hành động một cách điên rồ, ảo tưởng, mù quáng. Em vừa yêu mến, kính trọng, vừa thương hại, tức giận Đôn Ki-hô-tê, mẫu người chỉ sống bằng mơ ước viển vông, bất chấp thực tế. Em tự rút ra bài học: Không nên lún sâu vào một điều gì thái quá. Những sách kiếm hiệp, sách chưởng đọc quá nhiều sẽ có hại. Cần phải suy nghĩ thực tế, hành động đúng đắn và sáng suốt để không rơi vào tình trạng như Đôn Ki-hô-tê trong tác phẩm bất tử của Xéc-van-téc.

(*Học sinh* NGUYỄN HỒNG MINH)

ĐỀ 21: Hãy phân tích đoạn thơ sau:

Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về
Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.

(Sang thu – HỮU THỈNH)

TÌM HIỂU ĐỀ

1. **Kiểu bài:** *Phân tích tác phẩm (một đoạn thơ).*

2. **Nội dung:** *Cảm xúc phút sang thu và nghệ thuật của đoạn thơ.*

3. **Tư liệu:** *Trích đoạn và thơ văn tự chọn.*

DÀN BÀI

1. **Mở bài:**

Từ đề tài mùa thu trong thơ ca Việt Nam dẫn đến giới thiệu đoạn thơ cần phân tích.

2. **Thân bài:**

a) Cảm xúc trước cảnh sang thu

Nhiều tín hiệu: hương ổi trong gió se, sương giăng, sông chảy, chim bay vội vã, mây vắt sang thu.

Cảm nhận thật tinh tế của tác giả.

b) Nghệ thuật của đoạn thơ:

Từ láy gợi cảm.

Âm điệu thanh thoát nhẹ nhàng.

3. **Kết bài**

"Sang thu" là một hình ảnh về quê hương, bài thơ ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Nếu mùa xuân là mùa hội tụ của những bàn tay nghệ sĩ tài hoa thì mùa thu bước vào thơ ca cũng tự nhiên và gần gũi. Trước đây Nguyễn Khuyến nổi tiếng với ba bài thơ thu: *Thu điếu, Thu vịnh, Thu ẩm*, sau này Xuân Diệu có *Đây mùa thu tới*. Nhỏ nhẹ, khiêm nhường, Hữu Thỉnh cũng góp vào cho mùa thu đất nước một góc quê hương sang thu:

Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về
Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.

Đoạn thơ có cái hương vị ấm nồng của chớm thu ở một miền quê nhỏ. Tín hiệu đầu tiên để tác giả nhận ra là hương ổi phả vào trong gió. Mùi hương quê nhà mộc mạc được gió đưa trong không gian cứ lan tỏa, thoang thoảng bay. Cảm giác bất chợt đến với nhà thơ *Bỗng nhận ra*, một sự bất ngờ mà như đã đợi sẵn, đợi từ lâu rồi, để giờ đây có dịp là buông ra ngay. Trong số chúng ta chắc chắn không ai chưa một lần nếm vị ổi giòn giọt, chua chua nơi

đầu hơi. Cái dư vị của hương thơm đó cứ vấn vít vương lại trong ta khi chợt đọc câu thơ của Hữu Thỉnh. Có hương ổi. Và gió. Và sương. Mùa thu lại về. Mùa thu mang theo hương quê và mang theo sương mờ ướt lạnh. Dường như có thêm sương nên thu dễ nhận hơn *Sương chùng chình qua ngõ. Chùng chình* hay là đợi chờ gì đây? Cứ dần như thế, cứ nhẹ nhàng, mềm mại như thế, thu đến tự lúc nào không hay. *Hình như thu đã về.* Nhà thơ giật mình, hơi bối rối. Tự bao giờ nhỉ? Thu về? Từ hương ổi hay từ gió, hay từ sương? Hữu Thỉnh cũng hơi ngỡ ngàng trước thoáng đi bất chợt của mùa thu. Thu về, thu lại về trên quê hương, trên những con đường bờ đê và trên cả những con sông, cánh chim trời.

Cái bỡ ngỡ ban đầu vụt tan biến đi nhường chỗ cho sự rung cảm mãnh liệt trước mùa thu:

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.

Con sông quê hương dềnh nước chở mùa thu. Những cánh chim bay đi vội vã. Tất cả đều hối hả, xôn xao khi thu về. Không còn cái gay gắt của mùa hè nóng nực, chỉ còn lại một bầu không gian ẩm ướt và se se lạnh. Một thoáng rối lòng để rồi nhường lại cho thu. Mùa thu vừa mới chớm rất nhẹ, rất dịu, rất êm, mơ hồ như cả đất trời đang rùng mình thay áo mới. Hữu Thỉnh không tả trời thu *xanh ngắt mấy từng cao* như Nguyễn Khuyến mà chỉ điểm vào bức tranh thu một chút mây vương lại của mùa hè vừa qua:

Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.

Mây trời vắt nửa mình sang thu. Lối diễn đạt của nhà thơ thật độc đáo. Hình như trong đám mây đó còn lại một vài làn nắng ấm mùa hè nên mới *vắt nửa mình*. Thu về làm cho bao cảnh vật đổi thay và đám mây cũng khác lạ.

Với một đoạn thơ ngắn vẻn vẹn hai khổ mà nhà thơ đã dựng lại một bức tranh thu nồng đượm hơi ấm cuộc đời, hơi ấm quê nhà. Những hình ảnh sang thu thân quen, giản dị mà tươi tắn, sống động. Với những từ ngữ láy: *chùng chình, dềnh dàng, vội vã* và một giọng thơ vừa có thoáng ngỡ ngàng, vừa vui sướng. Hữu Thỉnh đã đưa ta về một miền quê dân dã mà ấm áp tình người.

"Sang thu" - một hình ảnh quê hương tự nó đã tôn thêm vẻ đẹp cho đất nước, cho quê nhà, cho đồng quê trong mùa thu chung của cả đất trời Việt Nam.

(Học sinh NGUYỄN THỊ ANH TRÚC)

ĐỀ 22: *Hãy phân tích đoạn thơ sau:*

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến
Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.

(Mùa xuân nho nhỏ – THANH HẢI)

TÌM HIỂU ĐỀ

1. **Kiểu bài:** *Phân tích tác phẩm (một đoạn thơ).*
2. **Nội dung:** *Tâm sự về nỗi riêng chung của tác giả. Cách dùng từ hình ảnh, cấu tứ.*
3. **Tư liệu:** *Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải)*

DÀN BÀI

1. **Mở bài:**

Giới thiệu đoạn thơ cần phân tích từ xuất xứ và đại ý của nó.

2. **Thân bài:**

- *Tự nguyện cống hiến, sự cống hiến khiêm tốn của mình cho đất nước.*
- *Đó cũng là sự cống hiến suốt cả cuộc đời, đó là sức xuân của mỗi người.*
- *Cách dùng từ: ta, tôi và ta thống nhất, dùng các hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng: con chim, cành hoa, nốt trầm, tóc bạc... thể hiện sự khiêm tốn của tác giả khi nói về ước vọng của riêng mình.*
- *Đoạn thơ là tiếng nói chân thành của nhà thơ với mọi người với lời thơ bình dị mà đẹp đẽ, chắt lọc và tinh tế.*

3. **Kết bài**

- *Đây là một đoạn thơ đặc sắc trong một bài thơ đặc sắc.*
- *Cảm nghĩ của bản thân.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Công cuộc xây dựng xã hội mới đòi hỏi những con người mới biết cống hiến, biết hi sinh. Nhà thơ Thanh Hải, một nhà thơ cách mạng đã thấm nhuần quan điểm trên. Bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* đã thay ông nói lên niềm tâm sự, khát vọng được cống hiến cho mùa xuân của đất nước. Chỉ với hai đoạn thơ, tác giả cũng đã nêu bật được niềm khát vọng thiết tha, cháy bỏng của mình:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.

Trong sức xuân mạnh mẽ của đất trời, trong khí thế bừng bừng sức sống của đất nước vào xuân, tác giả đã cảm nhận được một mùa xuân trỗi dậy tự đáy tâm hồn mình. Đó là mùa xuân của lòng người, mùa xuân của sức sống tươi trẻ, mùa xuân của cống hiến và hi sinh.

Tác giả không mơ một giấc mơ vĩ đại, chẳng tưởng một viễn cảnh lạ kì, mà tâm hồn của tác giả nguyện những ước mơ đơn sơ, bình dị:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến

Tác giả ước mơ được hi sinh, được cống hiến. Ước mơ cháy bỏng của tác giả sôi tràn nhiệt huyết, căng tràn nhựa hi sinh, thổi phồng lên một niềm tin bất diệt. Tác giả mơ ước nhưng lại nguyện "làm" là một cành hoa, làm một con chim hót. Tác giả như nguyện rằng mình sẽ làm, vâng, sẽ làm một tiếng chim, một cành hoa để góp vào vườn hoa muôn hương muôn sắc, rộn rã tiếng chim. Một cành hoa, một tiếng chim để tô điểm cho phong cảnh mùa xuân tươi đẹp. Đó là ước nguyện đẹp lạ thường, không phải nó cao siêu vĩ đại mà tại nó gần gũi quá, đáng yêu quá. Ước được tô điểm cho mùa xuân, được góp phần tạo dựng mùa xuân là tác giả đã nguyện hi sinh, nguyện cống hiến cho sự phồn vinh của đất nước.

Tác giả nguyện sẽ cống hiến, cống hiến những gì đơn sơ, giản dị, nhưng lại có ích cho đời:

Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến

Tác giả không mơ được làm một cánh đại bàng lướt gió giữa trời xuân, không mơ được làm một nốt nhạc vút cao trong dàn hòa ca bay bổng. Tác giả chỉ nguyện làm một tiếng chim hót, một nốt trầm nhưng xao xuyến lòng người. Một ước mơ nho nhỏ, chân tình. Và nó sẽ là sự thật không phải trong tâm hồn tác giả, mà ở ngoài đời, ngoài cuộc sống đang chuyển mình vươn

tới. Điệp từ "ta" vừa như một lời khẳng định, vừa như một tiếng lòng, như một lời tâm sự nhỏ nhẹ, chân tình.

Tâm hồn của tác giả hòa vào mùa xuân đất nước, thôi thúc từng hồi, mạnh mẽ nhưng âm thầm, lặng lẽ:

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.

Đầu đề của bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* là như vậy. Mùa xuân nho nhỏ trong mùa xuân lớn lao của đất nước. Đó là ước nguyện của tác giả, nguyện sẽ mãi mãi được làm việc, được hi sinh, cống hiến. Tác giả muốn góp vào mùa xuân chút công sức nhỏ bé của mình. Đó là ý thức, tạo niềm tin vào cuộc sống tốt đẹp, cũng là tấm lòng chân tình của tác giả. Tác giả không mơ ước xa xôi:

Một mùa xuân nho nhỏ

Vâng! Mùa xuân nho nhỏ, rất nhỏ nhưng lại có ý nghĩa lớn lao. Bởi tấm lòng tác giả luôn hướng tới sự cống hiến tốt đẹp, bởi một mùa xuân nho nhỏ sẽ vẽ nên mùa xuân đất trời rộng lớn. Mùa xuân của tác giả chẳng ồn ào náo nhiệt mà âm thầm lặng lẽ hiến dâng, chẳng phô trương, không cần ai biết đến:

Lặng lẽ dâng cho đời

Ý thức của tác giả từ một ước nguyện hi sinh, thể hiện sâu hơn bởi tấm lòng nhân hậu, muốn giúp đời trong âm thầm lặng lẽ.

Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.

Tuổi trẻ cống hiến hi sinh, tuổi già cũng âm thầm cống hiến. Ý thức về trách nhiệm với quê hương, đất nước; khát vọng được sống, được cống hiến trở thành một ý thức bất diệt trong tâm hồn tác giả. Tác giả sẽ sống và cống hiến. Còn sống là còn cống hiến. Lời thơ nhỏ nhẹ, chân tình quá! Tuổi hai mươi căng tràn nhựa sống hay tuổi già tóc bạc – ý thức trách nhiệm với đất nước vẫn không thay đổi. Điệp từ "dù là" như là một lời hứa, cũng là một lời tự nhủ với lương tâm sẽ mãi mãi làm mùa xuân nho nhỏ trong mùa xuân rộng lớn của quê hương đất nước.

Thấm nhuần tâm tư, ước nguyện của tác giả, được sống trong một xã hội hòa bình thống nhất, ta phải làm sao để với lương tâm ta, ta không hổ thẹn là người đã thoái bỏ trách nhiệm với đất nước, quê hương. Như Thanh Hải, ta cũng nguyện được là một *Mùa xuân nho nhỏ.*

(Học sinh LÊ HOÀNG PHÚC)

ĐỀ 23: ***Phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải:***

Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ôi! Con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời!

Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng...
...Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến
Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc...

TÌM HIỂU ĐỀ

1. **Thể loại:** *Phân tích một đoạn thơ trữ tình.*
2. **Nội dung:** *Cảm xúc và những suy tư sâu lắng của nhà thơ thể hiện bằng các biện pháp và thủ pháp nghệ thuật đã sử dụng: hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ, âm thanh, nhịp điệu.*
3. **Tư liệu:** *Cần bám sát vào hình ảnh ngôn ngữ, lời thơ để phân tích.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

Giới thiệu tác giả: Thanh Hải, một nhà thơ được đông đảo bạn đọc yêu thích.

"Mùa xuân nho nhỏ" là bài thơ được ông sáng tác khi nằm trên giường bệnh, có nhiều đoạn gợi cảm sâu lắng, đáng yêu.

II. THÂN BÀI

1. ***Mùa xuân của đất trời:*** Một *bông hoa, một tiếng chim hót đơn giản nhưng lại đẹp. "Hót chi mà"... yêu tha thiết. "Từng giọt đưa tay hứng": trân trọng.*
2. ***Mùa xuân nho nhỏ:*** *Lời ước nguyện của nhà thơ.*

   Góp vào mùa xuân lớn: Một cành hoa, một tiếng chim.

   Một nốt trầm: khiêm nhường.

Mùa xuân nho nhỏ: ước mong giản dị mà cảm động.

Dù là: Giả định nhấn mạnh thêm lời nguyện ước.

III. KẾT BÀI

Mấy khổ thơ là một tấm lòng đáng trân trọng của tác giả, thể hiện tình yêu thanh sạch đơn giản mà cao cả, một niềm tin, một niềm lạc quan thật mạnh mẽ, lâu bền.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Mùa xuân là mùa khởi đầu cho một năm mới, tượng trưng cho khoảng thời gian đẹp nhất, tràn trề sức sống nhất của thiên nhiên trong chu kì ba trăm sáu mươi lăm ngày của trái đất. Khí trời ấm áp, cây cỏ non tơ, nảy mầm, đâm lộc, ra hoa... Cũng vì đó mà xưa nay, mùa xuân cũng là đề tài quen thuộc, gợi nguồn cảm hứng cho biết bao văn nhân thi sĩ. Ngay cả nhà thơ Thanh Hải, trong khi nằm trên giường bệnh sắp trở về với cát bụi, hình ảnh mùa xuân cũng làm ông xao xuyến viết nên bài thơ dịu ngọt, nhỏ nhẹ, chân tình, có nhiều đoạn gợi cảm sâu lắng:

Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi! Con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời!
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng...

...Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến
Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc...

Bài thơ ấy có nhan đề là *Mùa xuân nho nhỏ* thể hiện sự gắn bó thiết tha, sâu nặng của tác giả với cuộc đời, đặc biệt là các khổ thơ trích trên.

Đọc kĩ đoạn thơ, ta thấy khổ thơ đầu mở ra khung cảnh mùa xuân. Với nhịp điệu ngắn gọn, lời thơ hàm súc, chấm phá được cảnh sắc thiên nhiên:

Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi! Con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời!
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng...

Mọc giữa dòng sông xanh. Tại sao lại là dòng sông xanh mà không phải là *dòng sông trong mát* của Hoài Vũ hay *dòng sông đỏ nặng phù sa* của Nguyễn Đình Thi? Phải chăng màu xanh của dòng sông ở đây và sắc tím của bông hoa hòa hợp làm nên một cảm giác dịu mát lạ thường và đặc biệt là rất Huế? Chỉ với đôi nét điển hình đặc sắc đó của đất kinh đô thơ mộng đã đủ để nhà thơ dựng lên một không gian mùa xuân. Không gian ấy phóng khoáng, bay bổng nhưng đằm thắm, dịu dàng, tươi mát và đầy chất thơ. Tiếng hót vang trời của con chim chiền chiện – một loài chim quen thuộc thường xuất hiện vào mùa xuân – càng làm cho không gian ấy thêm nao nức lạ thường. Tấm lòng của nhà thơ trước khung cảnh mùa xuân tưởng như hiện rõ ra mồn một:

Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng...

Tiếng chim nao nức được nhà thơ hình tượng hóa thật đẹp và thật gợi cảm. Giọt gì mà rơi long lanh? Tiếng chim hay mùa xuân nhỏ giọt? Âm thanh vốn chỉ được nghe thấy, ở đây nhà thơ cảm nhận được, nhìn thấy được long lanh rơi và đặc biệt hơn nữa là tiếp xúc được: *Tôi đưa tay tôi hứng. Hứng* là động tác thể hiện sự trân trọng, nâng niu của nhà thơ đối với từng giọt mùa xuân, từng giọt hạnh phúc lắng đọng kết tinh của trời và sông, của chim và hoa. Qua đoạn thơ mở đầu này, ta hình dung được tâm trạng say mê, hào hứng của nhà thơ khi mùa xuân đến.

Từ xúc cảm dạt dào ấy, tác giả đã tâm niệm về mình:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.

Ta ở đây là nhà thơ mà cũng có thể là mọi người. Bốn câu thơ phải chăng là lời ước nguyện: *Ta làm con chim, ta làm cành hoa, làm một nốt nhạc trầm* nhập vào bản hòa ca, mang niềm vui đến cho cuộc đời. Ước nguyện ấy sao mà nhỏ bé và khiêm tốn! Trong cái lớn lao của cả một mùa xuân đẹp, nhà thơ chỉ tự nguyện làm một tiếng chim hòa trong giọng hát của muôn loài chim, một loài hoa lẫn trong hương sắc của muôn hoa, một nốt trầm trong bản nhạc hòa ca xao xuyến lòng người... Nghĩa là *ta* là người mang lại niềm vui cho đời. Chỉ là một nốt trầm thôi nhưng là một nốt trầm có khả năng gây xao xuyến lòng người. Bốn câu thơ là một lời bày tỏ khát vọng muốn sống hữu ích cho đời.

Nốt trầm xao xuyến ấy cũng là tiếng hát lí tưởng cao cả của một con người muốn cống hiến sức mình cho nhân dân đất nước.

Khổ thơ tiếp theo giúp ta hiểu rõ tựa đề bài thơ:

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.

Nhà thơ muốn mình là một *Mùa xuân nho nhỏ*, bé bỏng hòa vào mùa xuân bao la vô hạn, vô biên của cuộc đời, của mọi người, dù tuổi đang xuân hay khi đầu đang chớm bạc. Điệp từ *dù là* như một lời khẳng định, hay tự nhủ lòng mình kiên định dù phải đối mặt với tuổi già hay là bệnh tật. Nghĩa là dù trong bất cứ hoàn cảnh khắc nghiệt nào cũng phải nghĩ về cuộc đời, làm việc có ích cho xã hội. *Lặng lẽ dâng cho đời* là như vậy.

Cao quý xiết bao tấm lòng của nhà thơ!

Thật vậy, Thanh Hải đã để lại cho đời một tấm lòng xiết bao cao quý!

Ông viết bài thơ này vào tháng 11 năm 1980, trong thời gian bị bệnh nặng và sau đó ít lâu, ông đã từ trần.

Bài thơ có tựa đề là *Mùa xuân nho nhỏ*, nhưng lại chứa đựng một tình cảm lớn, một xúc động lớn, cả tình yêu đời trong sáng, thanh cao, cả niềm tin và lạc quan mạnh mẽ của chính tác giả mà cũng là của cả một thời đại!

ĐỀ 24: *Phân tích "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.*

TÌM HIỂU ĐỀ

1. **Thể loại**: *Phân tích tác phẩm văn học là một bài thơ.*
2. **Nội dung:** *Tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm vượt khó, tình đồng đội bạn bè và ý chí chiến đấu vì miền Nam ruột thịt của anh chiến sĩ lái xe đường Trường Sơn chống Mĩ.*
3. **Tư liệu:** *Bài thơ.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ: Cuộc chiến đấu gian khổ của người chiến sĩ lái xe đường Trường Sơn.

II. THÂN BÀI

Từ hình ảnh độc đáo xe không kính, tiểu đội xe không kính, bài thơ ánh lên vẻ đẹp tinh thần dũng cảm, tâm hồn trong sáng lạc quan của anh chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn.

a) **Tư thế hiên ngang của người chiến sĩ**

Cuộc chiến đấu ác liệt được thể hiện bằng giọng thơ đậm chất văn xuôi độc đáo và cô đọng:

"Không có kính, không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi."

Tư thế hiên ngang của người chiến sĩ lái xe thể hiện trong các hình ảnh: ung dung, nhìn thẳng, thấy gió, thấy con đường, sao trời, cánh chim tuy chỉ quan tâm đến nhiệm vụ, bình thản trong chiến đấu, không sợ hãi, hốt hoảng nhưng rất nhạy cảm, dễ xúc động trước nét đẹp của đời thường. Nhịp thơ rắn rỏi nhanh gấp diễn tả tâm tình phơi phới lạc quan.

b) **Tinh thần dũng cảm vượt qua khó khăn**

Người chiến sĩ lái xe ngoài hiểm nguy ác liệt của chiến trường bom đạn còn gánh chịu bao vất vả: bụi bặm (tóc trắng như người già), mưa gió (mưa tuôn, mưa xối). Nhưng anh vẫn vượt lên, coi thường gian khổ, trẻ trung (cười ha ha, khô mau thôi...).

c) **Tình đồng đội bạn bè chiến đấu**

Gắn bó lạc quan: Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.

d) **Ý chí chiến đấu vì miền Nam ruột thịt:**

Cho dầu gian khổ còn nhiều thêm gấp bội: Không có kính, không có đèn, không có mui xe...

Nhưng người chiến sĩ vẫn quyết tâm chiến đấu bởi vì:

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

III. KẾT BÀI

Đây là một trong những bài thơ tiêu biểu cho văn học thời kì chống Mĩ cứu nước, có sức truyền cảm lớn gợi lại những kỉ niệm hào hùng của người chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn thuở ấy: "Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước. Mà lòng phơi phới dậy tương lai" (thơ Tố Hữu).

BÀI LÀM THAM KHẢO

Là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ nhà thơ trẻ những năm kháng chiến chống Mĩ: *Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước. Mà lòng phơi phới dậy tương lai*, Phạm Tiến Duật có một giọng điệu thơ khỏe khoắn, tự nhiên dạt dào sức sống, rất tinh nghịch, vui tươi mà lại giàu chất suy tưởng: *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* là một bài thơ như thế của ông.

Nổi bật lên trong bài thơ là hình ảnh những chiếc xe không kính. Đây cũng chính là nguồn cảm hứng độc đáo của nhà thơ. Càng độc đáo hơn nữa là *tiểu đội xe không kính!*. Hình ảnh này có sức hấp dẫn đặc biệt vì nó chân thực mà mới lạ. Xưa nay, hình ảnh xe cộ đi vào thơ ca thường được mĩ lệ hóa hoặc mang tính chất tượng trưng, ước lệ chớ chẳng mấy khi được miêu tả

một cách cụ thể và chi tiết như lần này. Bom đạn của chiến tranh ác liệt đã khiến cho những chiếc xe không chỉ *không có kính* mà còn trần trụi hơn nữa *không có đèn, không có mui xe, thùng xe có xước...*

Không có kính, không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi.

Đây vốn là một hình ảnh chân thực, có thực không phải là hiếm trong chiến tranh trên tuyến đường Trường Sơn đầy lửa đạn. Nhưng phải thật sự là một chiến sĩ, một nghệ sĩ nhạy cảm sống thực tế gần gũi với các chiến sĩ lái xe thì mới phát hiện ra chất thơ của hình ảnh ấy để đưa vào nghệ thuật thơ ca được.

Nhà thơ miêu tả *những chiếc xe không kính* là nhằm mục đích nêu bật lên hình ảnh những người lái xe trên đó. Tuy công việc đầy hiểm nguy gian khổ, nhưng những anh chiến sĩ trẻ này dưới bom đạn vẫn ung dung lạc quan và tươi trẻ. Nhà thơ miêu tả những cảm xúc rất cụ thể của họ khi ngồi trên chiếc xe không có kính:

Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng
Nhìn thấy gió xoa vào mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái.

Những câu thơ tuy có nhịp điệu nhanh gấp mà vẫn nhịp nhàng đều đặn dễ khiến người đọc liên tưởng đến nhịp tiếng bánh xe lăn bon bon trên đường dài. Có thật sự *ung dung nhìn đất, nhìn trời* không chút lo âu, hốt hoảng thì anh chiến sĩ trẻ của chúng ta mới có thể "nhìn" và "thấy" đủ đầy như thế. Anh từ nhìn thấy *gió*, nhìn thấy *con đường* đến nhìn thấy cả *sao trời và cánh chim...* từ buồng lái đã vỡ hết kính chắn gió *Gió xoa vào mắt đắng*. Làn gió ùa vào như để làm giảm đi vị đắng nơi mắt. *Mắt đắng* là vì mắt đã thức nhiều đêm để lái xe liên tục từ đêm này sang đêm khác. Tất cả thế giới bên ngoài ấy đã ùa vào buồng lái của anh với tốc độ làm chóng mặt. Đó là những cảm giác rất mạnh và đột ngột cảm nhận được trên một chiếc xe chạy nhanh và không có kính chắn gió. Cũng chính vì xe bon nhanh nên con đường tưởng như chạy ngược về phía người lái và trở thành: *Con đường chạy thẳng vào tim*, một liên tưởng đẹp biết bao! Nhất là hình ảnh những cánh chim đến "đột ngột" ùa vào buồng lái thật sinh động và gợi cảm. Điều này cho thấy một hồn thơ bén nhạy dễ xúc động trước nét đẹp của đời thường.

Trong tư thế hiên ngang chủ động ấy, anh chiến sĩ lái xe bình thản, coi thường mọi khó khăn nguy hiểm và gian khổ.

Không có kính ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già

Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.

Cũng vậy các câu thơ tiếp theo có ngôn ngữ đậm chất văn xuôi gần với lời nói thường ngày:

Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay lái trăm cây số nữa
Mưa rừng, gió lùa mau khô thôi!

Một giọng điệu tự tin pha chút ngang tàng thể hiện trong các cấu trúc lặp lại *(không có... ừ thì... chưa cần...)*. Phong cách ấy chính là tính cách bất chấp khó khăn, coi thường nguy hiểm và gian khổ của các anh chiến sĩ lái xe trẻ trên đường Trường Sơn. Dường như mọi thứ ấy không ảnh hưởng mảy may nào đến tinh thần của họ. Trái lại, họ đã xem đây là cơ hội để thử thách sức mạnh ý chí của mình. Các anh còn là những chàng trai trẻ sôi nổi vui nhộn và lạc quan thể qua cái nhìn *Bụi phun tóc trắng như người già* và đặc biệt là tiếng cười sảng khoái đầy trẻ trung, hồn nhiên và yêu đời: *Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha* tuy là sinh hoạt từ cái ăn, cái ngủ bình thường của các anh đều có tính tạm bợ, nhiều gian khổ:

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi, trời xanh thêm.

Trời xanh thêm phải chăng bởi vì lòng người đã phơi phới thêm, say mê thêm trước những chặng đường đã đi, những chặng đường đang đến.

Cái gì đã làm nên sức mạnh ấy? Đấy chính là ý chí chiến đấu để giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, là tình yêu nước nồng nàn của tuổi trẻ Việt Nam thời đánh Mĩ.

Khổ thơ cuối cùng, sau đó, như một lời kết luận có tính khái quát:

Không có kính, rồi không có đèn
Không có mui, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim.

Đây cũng là sự đối lập giữa hai mặt vật chất và tinh thần, giữa vẻ bên ngoài và bên trong chiếc xe. Tuy bị bom đạn Mĩ làm cho biến dạng: *Không có kính, không có mui xe, thùng xe bị xước* nhưng chiếc xe ấy *vẫn chạy vì miền Nam phía trước* vẫn băng băng thẳng ra tiền tuyến. Nhà thơ lí giải về điều ấy thật bất ngờ mà cũng chí lí biết bao: *Chỉ cần trong xe có một trái tim.* Đó là trái tim nồng nàn yên nước, sôi nổi yêu đời, một trái tim dũng cảm. Một cái *có* ấy đủ sức để đương đầu với bao nhiêu là cái *không có* đã kể bên trên.

Câu thơ cuối cùng lắng đọng, kết tinh, ánh lên lời giải thích cho cả bài thơ đẹp.

Bài thơ về tiểu đội xe không kính thông qua hình ảnh độc đáo của những chiếc xe không kính chắn gió để khắc họa và ngợi ca hình ảnh các chiến sĩ lái xe đường Trường Sơn nói riêng và cả thế hệ trẻ trong thời kì chống Mĩ, cứu nước nói chung.

Cuộc kháng chiến đã thành công hơn ba mươi năm qua, nhưng lời thơ này đủ sức làm sống lại khung cảnh hào hùng của một thời bằng những hình ảnh chân thực, sinh động và độc đáo bằng cả nhịp thơ, giọng thơ nhanh, vui, khỏe khoắn, tự nhiên, tràn ngập sức sống rất tinh nghịch mà lại giàu chất suy tưởng.

ĐỀ 25: ***Phân tích truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long.***

TÌM HIỂU ĐỀ

1. **Thể loại:** *Phân tích một tác phẩm trọn vẹn (một truyện ngắn hiện đại Việt Nam: "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long).*
2. **Nội dung:** *Cuộc gặp gỡ của những con người biết sống đẹp trên đỉnh núi ở Sa Pa. Đó là anh thanh niên quan trắc khí tượng, ông họa sĩ già, cô kĩ sư nông nghiệp trẻ tuổi mới ra trường và bác lái xe. "Lặng lẽ Sa Pa" là bài ca ca ngợi cuộc sống và tình người.*
3. **Tư liệu:** *Các tình tiết, nhân vật của truyện (chú ý đến suy nghĩ lời nói và hành động của các nhân vật).*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

Giới thiệu tác giả và tác phẩm: "Lặng lẽ Sa Pa" là một truyện ngắn nhẹ nhàng nhưng thú vị và ẩn chứa nhiều ý nghĩa sâu sắc. Nhà văn Nguyễn Thành Long đã thành công lớn trong cách xây dựng nhân vật, từng bước, từng bước để các nhân vật hiện hình ra mỗi lúc mỗi rõ rệt hơn với các đường nét độc đáo gây được tình cảm sâu sắc với người đọc. Có thể xem đó là một bài ca ca ngợi cuộc sống và tình người.

II. THÂN BÀI

Sa Pa, địa danh gợi nhớ sự nghỉ ngơi. Nhưng "Lặng lẽ Sa Pa" lại ca ngợi những con người âm thầm hiến dâng cuộc đời mình cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng con người.

a) Cuộc gặp gỡ

Một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi của bốn con người biết sống đẹp giữa Sa Pa hư ảo, làm hiện lên các phẩm cách đáng quý của họ. Đó là anh thanh niên quan trắc khí tượng, ông họa sĩ già, cô kĩ sư nông nghiệp trẻ tuổi mới ra trường và bác lái xe.

b) Đó là những con người nhân hậu trong sáng

- *Anh thanh niên làm công tác nghiên cứu về khí tượng và vật lí địa cầu, sống cô độc ở đỉnh núi cao hai nghìn sáu trăm mét vẫn chủ động gắn chặt mình với đời sống xã hội, cô độc nhưng không hề cô đơn. Anh quan tâm thương yêu con người, thương yêu cuộc sống tận tụy say mê công việc, đặc biệt là có một nếp sống tươi vui, giản dị, khiêm tốn, ngăn nắp và cầu tiến. Đó là hình ảnh của con người mới, sống với khát vọng và cao quý, vì hạnh phúc của mọi người, sống có tinh thần trách nhiệm cao.*
- *Ông họa sĩ già, cô kĩ sư nông nghiệp trẻ tuổi mới ra trường và bác lái xe đều là những con người nhân hậu với tâm hồn trong sáng, đời sống tinh thần phong phú và cao đẹp.*

c) Ý nghĩa của cuộc gặp gỡ

Đó là những người bình thường nhưng có phẩm chất cao đẹp, trung thực, yêu đời, biết yêu thương và quan tâm đến người khác.

III. KẾT BÀI

Đây là một truyện ngắn rất thành công của nhà văn Nguyễn Thành Long viết về những con người mới, với lối văn vừa hiện thực vừa trữ tình, tạo được một ấn tượng tốt đẹp và sâu đậm nơi người đọc.

Đọc "Lặng lẽ Sa Pa" ta thấy cuộc đời thật là đáng sống và con người thật là tốt đẹp. Mỗi người chúng ta cần phải sống tốt đẹp. Bởi vì sống tốt đẹp và sống trong tình người là một hạnh phúc.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Lặng lẽ Sa Pa là một truyện ngắn nhẹ nhàng đầy chất thơ thú vị và ẩn chứa bên trong nhiều ý nghĩa sâu xa nồng đượm. Nhà văn Nguyễn Thành Long đã thành công lớn trong cách xây dựng nhân vật, từng bước từng bước để các nhân vật xuất hiện mỗi lúc mỗi rõ rệt hơn với những đường nét độc đáo gây được ấn tượng sâu sắc với người đọc. Nhiều người đều xem đây là bài ca ca ngợi cuộc sống và tình người sâu đậm.

Truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* là cốt truyện đơn giản xoay quanh một tình huống gặp gỡ bất ngờ giữa ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ và anh thanh niên làm công tác ở trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn cao hai ngàn sáu trăm thước, ở Sa Pa một nơi có khung cảnh thiên nhiên đẹp như những bức tranh. Cuộc gặp gỡ ấy tuy ngắn ngủi – chưa đầy ba mươi phút đồng hồ – tại một vùng đất mà địa danh gợi nhớ đến sự nghỉ ngơi nhưng lại gây nên xôn xao trong lòng biết bao người đọc vì hình ảnh của những con người biết sống đẹp đã âm thầm hiến dâng cuộc đời mình cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước.

Gây một cảm xúc mạnh mẽ nhất trong lòng người đọc là anh thanh niên, nhân vật chính trong truyện. Anh sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa. Công việc của anh là *đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu.* Cái gì đã giúp anh có thể vượt lên được hoàn cảnh, làm việc một cách cô đơn, vắng vẻ ấy? Trước hết đó là do ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề, thấy được công việc thầm lặng ấy là hữu ích cho cuộc sống, cho mọi người. Anh suy nghĩ... *Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao lại gọi một mình được? Huống chi việc của ta lại gắn liền với công việc của bao anh em, đồng chí dưới kia.*

Không chỉ tìm vui trong công việc của mình, anh còn có một nguồn vui khác đó là niềm vui đọc sách mà anh thấy như lúc nào cũng có người bạn để tâm tình, trò chuyện. Ngoài giờ làm việc, anh tổ chức sắp xếp cuộc sống một mình ở trạm khí tượng thật là ngăn nắp, chủ động: nào trồng hoa, nào nuôi gà, tự học và đọc sách.

Dầu là một người vô danh (nhà văn không đặt tên cho nhân vật của mình hẳn là dụng ý) nhưng anh thực là một con người với tất cả sắc thái ý nghĩa tốt đẹp của danh từ ấy bởi vì anh đã sống với ý thức trách nhiệm đầy đủ của con người.

Thật là thú vị khi nhà văn đưa vào truyện một vườn hoa đủ loại: hoa mẫu đơn, hoa thược dược vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong, tạo nên màu sắc rực rỡ trong bó hoa đẹp của anh.

Đó đâu chỉ là hoa của đất trời. Đó còn là tinh hoa phát tiết của cuộc đời, là tâm hồn của chính anh. Bởi thế, anh đã hào phóng tặng nó cho mọi người: cho ông họa sĩ sắp về hưu, cho cô kĩ sư trẻ mới tốt nghiệp ra trường hình như có cả lời nhắn nhủ hãy sống tốt đẹp, hãy đến với mọi người bằng tất cả anh hoa phát tiết của tâm hồn mình.

Các nhân vật còn lại, mỗi người mỗi vẻ nhưng tất cả đều đáng yêu, đáng quý trọng.

Ông họa sĩ già sắp về hưu, trong những năm tháng cuối cùng của cuộc săn tìm cái đẹp vẫn không mệt mỏi tìm kiếm.

Cô kĩ sư trẻ mới tốt nghiệp ra trường đang hăm hở lo âu trước ngưỡng cửa cuộc đời. Trong cuộc gặp gỡ tốt lành này, sau khi nhận được bó hoa tươi của anh cán bộ khí tượng trao tặng, cô đã cảm thấy "bàng hoàng". Hình như cô đã nhận ra rằng: cuộc sống vẫn tốt đẹp lắm vì trong đời sống vẫn có bao nhiêu người tốt. Hãy sống cho có ý nghĩa với công việc của mình, với mọi người bằng tất cả những gì tốt đẹp nhất của mình.

Lặng lẽ Sa Pa là một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi mà đầy thú vị vì đó là cuộc gặp gỡ của những con người trong sáng, nhân hậu, đặc biệt là có đời sống

tinh thần phong phú và cao đẹp. Cũng có thể nói cuộc gặp gỡ ấy kéo dài vô tận vì âm vang tác động của truyện đối với mỗi người rất lớn lao.

Với lời kể chuyện duyên dáng về những sự việc, những con người bình thường vẫn diễn ra trong cuộc sống bình thường này, nhà văn như muốn nói với người đọc: *Trong cái lặng im của Sa Pa... có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước.* Đặc biệt là qua câu chuyện về anh thanh niên, nhà văn cũng gợi ra vấn đề ý nghĩa và niềm vui của lao động tự giác dù trong hoàn cảnh đơn độc và vắng lặng quanh năm, con người vẫn tìm thấy ý nghĩa của công việc và cuộc sống của mình.

ĐỀ 26: Phân tích hai khổ thơ:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.
......
Câu hát căng buồm với gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

(HUY CẬN – *Đoàn thuyền đánh cá*)

Nêu rõ hai khổ thơ có những nét gì giống nhau và khác nhau như thế nào?

TÌM HIỂU ĐỀ

1. **Thể loại:** *Phân tích đối chiếu thấy được nét giống và khác nhau của hai khổ thơ đó.*
2. **Nội dung:** *Khung cảnh, khí thế của đoàn thuyền ra khơi và trở về, niềm vui và vẻ đẹp của đoàn thuyền đánh cá, tinh thần khỏe khoắn, hăng say, tràn đầy lạc quan của những ngư phủ mới.*
3. **Tư liệu:** *Sử dụng bài "Tràng giang" của cùng tác giả để so sánh*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

Giới thiệu bài thơ, làm nổi bật hai khổ thơ, trong đề bài và đặc điểm của chúng.

II. THÂN BÀI

1. Phân tích

a) Khổ đầu:

- *Hoàn cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi: đêm tối (nhân hóa – so sánh).*
- *Khí thế đoàn thuyền ra khơi: hăng hái, vui tươi, mạnh mẽ (hình ảnh nhân hóa).*

b) Khổ cuối:

- *Khí thế đoàn thuyền trở về: hào hùng, mạnh mẽ (hình ảnh nổi bật).*
- *Khung cảnh đoàn thuyền trở về: hết sức tươi đẹp (hình ảnh mặt trời đội biển, mắt cá huy hoàng).*

2. So sánh

- *Cùng có các yếu tố mặt trời, đoàn thuyền, câu hát, nhưng khác xuống và lên, đêm tối và bình minh.*
- *Chỉ có "câu hát căng buồm cùng gió khơi" là giống nhau, để diễn tả tinh thần, khí thế của ngư dân.*
- *Có thể so sánh với bốn câu đầu bài "Tràng giang" của cùng tác giả, viết trước Cách mạng tháng Tám.*

III. KẾT BÀI

Thể hiện được tinh thần khỏe khoắn, hăng say đầy lạc quan của ngư dân trong nhịp thơ khỏe, tứ thơ sáng, hồn thơ ấm.

Đó chính là nét đổi mới của tâm hồn thơ Huy Cận.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Thơ là tiếng nói tâm tình, phản ánh sự rung động của tâm hồn, nên dễ phù hợp với việc miêu tả nội tâm trữ tình hơn là ca ngợi lao động. Thơ ca viết về lao động cũng nhiều, nhưng có rất ít bài hay. *Đoàn thuyền đánh cá* của nhà thơ Huy Cận có thể xem như một ngoại lệ.

Năm 1958, nhà thơ đi thực tế, hòa mình vào công việc lao động một cách thực sự với công nhân vùng mỏ. Sau đó, trong chuyến đi thăm vịnh Hạ Long, vào một buổi chiều đẹp, nhìn các đoàn thuyền nối nhau ra khơi đánh cá, ông đã viết bài thơ ấy với hai khổ thơ đặc sắc nhất là:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

......

Câu hát căng buồm với gió khơi

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

Hai khổ thơ vừa nêu giống và khác nhau như thế nào?

Cả bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* ca ngợi vẻ đẹp, chất thơ của đêm đánh cá trên biển khơi. Đánh cá đêm mà rực sáng: sử dụng trăng, ánh sao và cả ánh sáng của vầng dương mới đội biển nhô lên... Có thể nói ánh sáng tươi đẹp ấy đã bao trùm nhuần thấm cả bài thơ. Đêm đánh cá cũng vang lên tiếng hát vui say, âm hưởng ấy vang lên suốt cả bài thơ.

Khổ thơ đầu là hoàn cảnh của đoàn thuyền ra khơi, không gian khoáng đạt, cảnh vật bao la, hùng vĩ, trời biển vô tận, vô cùng:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.

Cảnh ngày tàn, tất cả như đóng khép lại. Điều đó biểu hiện trong cách nhân hóa và so sánh chính xác trong hai câu thơ trên. Từ "sập" cho thấy ý nhanh và mạnh. Sự đóng khép lại của đêm xuống nặng nề, vững chắc và nhanh mạnh với hình ảnh "then sóng". Vũ trụ đi ngủ, nhưng con người lại thức. Đoàn thuyền lại ra khơi với khí thế hăng hái, vui tươi và mạnh mẽ. Khí thế ấy biểu hiện trong hình ảnh *câu hát căng buồm*, một cách nhân hóa đặc biệt của nhà thơ. Đã vậy, hai vần bằng liền nhau *khơi* – *khơi* rất nhẹ nhàng. Ngân dó, khiến cho tất cả được mở ra:

Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

Từ *lại* cho thấy cảnh lao động trên biển với vẻ đẹp của thiên nhiên và sự hào hứng, khẩn trương của con người trong công việc đánh cá nơi đây đã diễn ra thành quy luật. Nghĩa là cứ mỗi lần ra khơi để đánh cá là mỗi lần niềm vui lao động lại tới. Thật có khác gì kiểu nói của Chế Lan Viên:

Mặt trời đến mỗi ngày như khách lạ.

Trong lúc khổ thơ đầu miêu tả khí thế của đoàn thuyền ra khơi lúc ngày tàn thì trái lại, nội dung của khổ thơ sau là khí thế của đoàn thuyền trở về lúc ban mai:

Câu hát căng buồm với gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.

Câu thơ đầu là câu thơ được lặp lại, tạo nên âm vang vừa lạc quan vừa hào hùng của điệp khúc bài ca lao động. Sau một đêm đánh cá cật lực trên biển, con người và đoàn thuyền vẫn tràn đầy niềm vui và sức mạnh. Các ngư dân vẫn cất cao tiếng hát và tiếng hát vẫn mạnh mẽ căng buồm. Mặt trời vượt lên, đoàn thuyền vượt trên mặt biển, như một cuộc chạy đua khẩn trương và hùng vĩ biết bao!

Sau đó là khung cảnh đoàn thuyền trở về hết sức tươi đẹp với các hình ảnh gợi cảm:

Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

Mặt trời ướt ngời nhô lên từ mặt biển như *đội biển* mà nhô lên, đem đến bao làn ánh sáng mới mẻ khiến người đọc tưởng chừng ánh sáng ấy là niềm vui lao động của ngư dân mang lại. Nhưng đặc biệt nhất là hình ảnh *mắt cá huy hoàng*, một cách ẩn dụ táo bạo và bất ngờ. Màu mới của mặt trời chiếu rọi vào mắt cá làm cho tất cả lấp lánh, rực rỡ hẳn lên. Đẹp làm sao hình ảnh của đoàn thuyền trở về trong không gian bát ngát đầy màu sắc của thiên nhiên và cả màu sắc của thành quả lao động do bàn tay con người đem lại.

Cả hai khổ thơ đều có các hình ảnh: mặt trời, đoàn thuyền và câu hát. Có điều, ở khổ đầu là mặt trời xuống, cảnh ngày tàn, đêm tới; khổ cuối là mặt trời lên, cảnh ban mai rực rỡ. Nếu trong khổ đầu, đoàn thuyền mở cánh cửa đêm đen mà ra khơi thì trong khổ cuối, đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời rạng sáng. Chỉ có *Câu hát căng buồm cùng gió khơi* ở cả hai khổ là hoàn toàn giống nhau để cùng diễn tả một tinh thần hào hùng, hăng hái và một khí thế vui tươi mạnh mẽ của những người lao động trên biển. Đặc biệt hơn cả, ở khổ thơ cuối, tác giả chọn điểm nhạy sáng: *mắt cá huy hoàng* để thể hiện kết quả lao động gắn với việc đánh cá với thiên nhiên đất trời làm câu thơ thêm đẹp, sáng ý, sáng lời, sáng cả bài thơ.

Tóm lại, cả hai khổ thơ trên không chỉ là niềm vui mà còn là vẻ đẹp của đoàn thuyền đánh cá lúc ra khơi và lúc trở về. Cả hai khổ nói riêng và cả bài thơ nói chung là khúc hát ngợi ca lao động đánh cá trên biển đầy ánh sáng và tiếng hát và con người ở đây lồng lộng giữa trời cao biển rộng. *Đoàn thuyền đánh cá* là một bức tranh đẹp và là một bài ca hào hùng về thiên nhiên và con người, về biển cả và lao động.

Cùng cảm hứng về vũ trụ và con người, nhưng thơ Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám có khác. Khi ấy, vũ trụ lớn lao, vô tận đã đè bẹp con người, khiến con người cảm thấy rợn ngợp cô đơn:

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song
Thuyền về, nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng.
...
Nắng xuống trời lên sâu chót vót
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

Cũng con thuyền, cũng dòng nước với khung cảnh mênh mông của vũ trụ, nhưng các câu thơ này sao mà quạnh vắng, dượm buồn đến vậy.

So sánh với hai khổ thơ trên, chúng ta mới thấy được sự đổi mới phong cách của tác giả trên đường hòa nhập cái tôi riêng lẻ của nhà thơ với cái ta chung của đất nước.

Đâu chỉ với *mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi* mà còn nhiều hình ảnh độc đáo khác của bài thơ còn lấp lánh mãi trong lòng người đọc một bài thơ lao động khó quên.

***Đề 27:** Em hãy phân tích đoạn thơ sau đây trong bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận:*

"Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.
Cá nhụ, cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.

Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.
Biển cho ta cá như lòng mẹ,
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.
Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng..."

TÌM HIỂU ĐỀ

1. **Kiểu bài:** *Phân tích tác phẩm (một đoạn thơ).*
2. **Nội dung:** *Công việc lao động trên biển cả của ngư dân được thể hiện bằng bút pháp vừa tả thực vừa lãng mạn với nhiều hình ảnh vừa thực vừa hư ảo.*
3. **Tư liệu:** *Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá."*

DÀN BÀI

1. **Mở bài**

Giới thiệu "Đoàn thuyền đánh cá" và bốn khổ thơ miêu tả cảnh đánh cá trên biển của đoàn thuyền cần phân tích.

2. **Thân bài**

- *Khổ 1: Lời ca ngợi biển cả hùng vĩ, công việc đánh cá hùng tráng.*
  + *Vẻ đẹp hùng vĩ của biển cả được thể hiện với gió, trăng, mây với cả chiều cao, chiều rộng và chiều sâu.*
  + *Công việc đánh cá tập thể trên khơi thật hùng tráng: lái gió, buồm trăng, lướt giữa mây cao với biển bằng, dàn đan thế trận...*
- *Khổ 2, 3, 4: Lời ngợi ca biển đẹp đầy ân tình, công việc đánh cá tập thể trên biển đầy thi vị, bay bổng và hết sức hào hùng.*
  + *Biển đẹp đầy ánh trăng vàng với vẻ lấp lánh của những con cá song trên biển. Biển đầy ân tình sâu nặng như người mẹ bao đời đã đùm bọc cưu mang con trẻ.*
  + *Công việc đánh cá trên khơi thật khẩn trương hào hứng.*

3. **Kết bài**

Đoạn thơ khơi dậy tình cảm yêu mến quê hương bằng cảnh đẹp rực rỡ, bay bổng và hào hùng của cảnh đánh cá trên biển của đoàn thuyền thật đặc sắc và đầy gợi cảm.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Đoàn thuyền đánh cá là bài thơ hay của nhà thơ Huy Cận. Bài thơ được sáng tác năm 1958 nhân một chuyến nhà thơ đi thực tế ở Hồng Gai giữa lúc miền Bắc nước ta phấn khởi bước vào công cuộc lao động xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Bài thơ gồm bảy khổ miêu tả nhiều cảnh của một chuyến ra khơi đánh cá của một đoàn thuyền từ lúc *mặt trời xuống biển* chiều hôm trước, đến tận lúc *mặt trời đội biển nhô màu mới* sáng hôm sau mới trở về. Trong đó bốn khổ thơ miêu tả cảnh đánh cá trên biển của đoàn thuyền là hay và đặc sắc hơn cả.

Mở đầu đoạn thơ, ta thấy hình ảnh một đoàn thuyền đánh cá bề thế, hùng dũng đang băng băng lướt sóng:

Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng.

Đoàn thuyền ấy có gió làm lái, có trăng làm buồm. Dường như thiên nhiên cũng hòa vào không khí lao động khẩn trương của đoàn thuyền. Đoàn thuyền ấy *lướt* giữa *mây cao với biển bằng*, lướt giữa một không gian bao la khoáng đạt. Thiên nhiên như mở ra, bát ngát, mênh mông, trên là trời cao có trăng sáng tỏ, dưới là biển rộng bao la và ở giữa là đoàn thuyền đang lướt rất nhanh giữa khoảng không cao rộng ấy. Con thuyền như hòa nhập vào thiên nhiên, nhưng không mất hút trong thiên nhiên. Giữa không gian bao la, con thuyền không hề bị lấn át, không hề trở nên nhỏ bé, trái lại trở thành một hình ảnh trung tâm vừa đẹp vừa khỏe khoắn, vừa nên thơ. Đoàn thuyền càng đẹp, càng thơ khi gió biển thổi làm lái dẫn thuyền và trăng đậu

trên cánh buồm khiến tác giả tưởng như trăng làm buồm dựng gió kéo thuyền lướt sóng. Con thuyền không phải chỉ của *ta*, của con người mà đã trở thành của cả thiên nhiên. Dường như thiên nhiên đã cùng với con người, thay thế con người chỉ huy điều khiển con thuyền. Nếu như ở đoạn đầu, thiên nhiên đã chìm vào trạng thái nghỉ ngơi *mặt trời xuống biển, sóng đã cài then, đêm sập cửa*, thì ở đây con người đã đánh thức thiên nhiên, làm sống động vũ trụ, để thiên nhiên, vũ trụ cùng lao động với con người. Lòng tin yêu con người, trí tưởng tượng bay bổng đã giúp nhà thơ xây dựng được một hình ảnh thơ tuyệt đẹp và nhiều ý nghĩa.

Hai câu thơ tiếp đã miêu tả cụ thể những công việc của đoàn thuyền đánh cá:

Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Công việc đầu tiên của những người đánh cá là đi tìm luồng cá trong lòng biển. Và giữa biển khơi mênh mông, khi đã tìm được luồng cá, những chiếc thuyền tỏa ra, thả lưới bủa vây. Đó là những công việc, những hoạt động bình thường của người dân chài. Nhưng qua cách miêu tả của tác giả, ta thấy những hoạt động đó giống như những hoạt động chuẩn bị cho một trận đánh. Người dân chài bước vào lao động bình thường như bước vào một trận chiến đấu với vũ khí là những tấm lưới, với sức khỏe của cơ bắp, với trí thông minh và với tâm thế của người đã nắm chắc phần thắng.

Lưới đã thả và đàn cá hiện ra. Những con cá được nhà thơ miêu tả thật đẹp: *Cá nhụ, cá chim cùng cá đé*. Cá có rất nhiều loại và ta có thể nhận thấy, đó là những loại cá rất quý. Trong tầm nhìn, từng đàn cá chen nhau đông đúc. Dưới ánh trăng, thân hình cá lấp lánh lung linh, và giữa các đàn cá đó, nổi bật lên hình ảnh:

Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.

Huy Cận đã từng viết: *Cá song đốt đuốc dẫn thơ vào*, và bây giờ ông lại viết: *Cá song lấp lánh đuốc đen hồng*. Câu thơ đã cho ta thấy đầy đủ sắc màu rực rỡ của cá song. Đặc biệt hình ảnh đuôi cá được miêu tả thật độc đáo

Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe.

Giữa muôn ngàn cá, con nào cũng đẹp, nhưng cá song nổi bật lên không chỉ ở màu sắc rực rỡ như ngọn đuốc lung linh mà còn ở cử động mềm mại, uyển chuyển như múa. Cử động của cá làm cho trăng đẹp hơn, sáng hơn. Chính cử động ấy đã tạo nên nét thơ mộng làm tâm hồn nhà thơ rung động và bật lên tiếng *em* trìu mến.

Trăng đã lên cao, cá đang vào lưới. Người đánh cá cất cao tiếng hát để gọi cá:

Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.

Cùng với tiếng hát, ánh trăng cùng gõ vào mạn thuyền làm nhịp cho lời hát. Trăng trên cao rất sáng in hình xuống nước. Nước biển đẫm ánh trăng vỗ sóng như gõ nhịp vào mạn thuyền xua cá. Hình ảnh vừa thực vừa hư ảo do trí tưởng tượng phong phú của nhà thơ sáng tạo nên làm cho cảnh lao động vừa đẹp, vừa nên thơ, vừa vui và mang nhiều ý nghĩa. Đắm mình trong cảnh lao động thơ mộng đó, nhà thơ nhận thấy *biển như lòng mẹ*. Mẹ là người sinh ra ta, nuôi nấng, dạy bảo ta. Biển cũng vậy, biển cho ta cá như nguồn sữa mẹ nuôi lớn đời ta:

Biển cho ta cá như lòng mẹ,
Nuôi lớn đời ta tự thuở nào.

Biển được so sánh như lòng mẹ, biển luôn luôn ưu đãi con người. Ta thấy ở đây toát lên lòng yêu mến, biết ơn biển cả của những người đánh cá và của cả nhà thơ.

Cá đã vào lưới, trời cũng đã chuyển dần về sáng. Mọi hoạt động càng trở nên khẩn trương gấp rút hơn:

Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông
Lưới xếp, buồm lên đón nắng hồng...

Sao mờ đi, trời sắp sáng. Mẻ lưới cuối cùng được kéo lên. Công việc không nhẹ nhàng chút nào. Người dân chài phải "*xoăn tay*" kéo lưới vì mẻ lưới đầy cá. Hình ảnh đàn cá trong lưới rực rỡ sắc màu tươi rói lấp lánh ánh bình minh vừa thể hiện sự giàu đẹp của biển quê hương, vừa thể hiện hiệu quả cao của buổi lao động. Và giờ đây công việc đã kết thúc, lưới xếp vào khoang thuyền, buồm lại căng lên rạng rỡ đón ánh nắng mặt trời.

Thực ra bài thơ có thể kết thúc ở đây vì hình tượng thơ đã được phát triển, nâng cao trọn vẹn. Cả đoạn thơ là bức tranh sơn mài rực rỡ sắc màu, màu của trăng sao, sóng nước, màu của những con cá vảy bạc đuôi vàng, màu của những con người lao động xoăn tay kéo lưới... Đoạn thơ với bút pháp vừa tả thực vừa lãng mạn, đã phối hợp hài hòa giữa cảnh thực với sức tưởng tượng bay bổng, giữa chất hiện thực và chất trữ tình, tạo nên những hình ảnh thơ lung linh kì vĩ vừa nhiều tầng bậc ý nghĩa, vừa thấm đậm tình người. Qua đó, hình ảnh những người dân chài được nâng lên ngang tầm vũ trụ và công việc đánh cá trở thành công việc nên thơ.

Trước Cách mạng, thơ Huy Cận thường mang một nỗi buồn u uất. Nhưng từ khi trở thành nhà thơ cách mạng, Huy Cận say sưa ca ngợi con người mới, cuộc sống mới nên thơ ông trở nên ấm áp, đằm thắm và dào dạt niềm vui. Bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* ra đời trong mạch cảm xúc ấy nên có thể xem đó là một *món quà đặc biệt của vùng mỏ Hồng Gai – Cẩm Phả cho vào túi thơ Huy Cận*. (Xuân Diệu)

(Học sinh TẠ THANH HƯƠNG)

ĐỀ 28: *Phân tích bài thơ "Đồng chí" của nhà thơ Chính Hữu.*

TÌM HIỂU ĐỀ

1. **Thể loại:** *Phân tích một tác phẩm hoàn chỉnh (một bài thơ ngắn).*
2. **Nội dung:** *Những người lính cùng xuất thân từ các vùng nông thôn nghèo khổ, nên dễ thân thiết tri kỉ với nhau. Họ lại có cùng cảnh ngộ ở quê hương hậu phương nên dễ trở thành đồng chí với nhau chung vai sát cánh trong cuộc chiến đấu cao đẹp bảo vệ Tổ quốc.*
3. **Tư liệu:** *Bài thơ.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

Từ nội dung chủ yếu nhất của thơ ca kháng chiến chống Pháp dẫn tới bài "Đồng chí" của nhà thơ Chính Hữu.

II. THÂN BÀI

- **Đoạn một:** *Nguồn gốc xuất thân của những người lính cùng từ các vùng nông thôn nghèo khổ (nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá) nên họ dễ thân thiết, trở thành tri kỉ của nhau. Giá trị câu thơ "Đồng chí".*
- **Đoạn hai:** *Hoàn cảnh riêng, tình cảm quê hương thiết tha sâu nặng của những anh bộ đội chân đất này. Cùng cảnh ngộ ở quê hương, hậu phương, gia đình nên họ trở thành đồng chí với nhau, cùng vượt qua mọi gian khổ, thiếu thốn.*
- **Đoạn ba:** *Hình ảnh một đêm phục kích chờ giặc tới đầy thi vị: "đầu súng trăng treo". Ý nghĩa cao đẹp của cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của anh Bộ đội Cụ Hồ.*

III. KẾT BÀI

Các hình ảnh thực, chi tiết thực, chắt lọc từ cuộc sống gian khổ, thiếu thốn, khốc liệt tạo nên sức lay động lòng người về tình đồng chí, đồng đội trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Thơ ca kháng chiến của ta tập trung khắc họa hình ảnh anh hùng nhân dân, đặc biệt là hình ảnh anh bộ đội và mối tình keo sơn gắn bó giữa những người lính với nhau trong những năm kháng chiến chống Pháp. *Đồng chí* của nhà thơ Chính Hữu chính là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất.

Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo, đất cày lên sỏi đá.
Anh với tôi, đôi người xa lạ,

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,
Súng bên súng, đầu sát bên đầu,
Đêm rét chung chăn, thành đôi tri kỉ.
Đồng chí!
Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.
Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau, tay nắm lấy bàn tay.

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

Nhà thơ Chính Hữu sáng tác bài thơ này vào năm 1948, khi cuộc kháng chiến đang hết sức gay go quyết liệt. Bằng bút pháp hiện thực, nhà thơ đã chắt lọc từ cuộc sống gian khổ của những người lính tham gia chiến dịch Việt Bắc lúc ấy. Cảnh đi tắt đường rừng từ Bắc Cạn đến Thái Nguyên bám địch. Bộ đội chưa có dép, quần áo bà ba mỏng manh, trời đầy sương muối. Những đêm phục kích rải lá nằm rừng. Những cơn sốt rét dữ dội. Tình đồng đội lớn lao. Thấm thía với những chi tiết, những hình ảnh tươi rói của đời sống ấy, nhà thơ đã viết bài *Đồng chí*. Với lời thơ mộc mạc, tự nhiên nhưng gây được cho người đọc những suy tư sâu sắc, những xúc động sâu lắng...

Mở đầu bài thơ là những hình ảnh đầy tính khái quát:

Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

Hai câu thơ cho thấy những người lính tham gia cuộc kháng chiến đều xuất thân từ nông thôn, họ không hề quen biết nhau trước. Đúng như Hồng Nguyên trong bài thơ *Nhớ* đã viết: *Lũ chúng tôi, bọn người tứ xứ...* Họ đến từ những miền quê hương khác nhau: người từ miền biển *(nước mặn đồng chua)*, người từ vùng đồi núi *(đất cày lên sỏi đá)*. Nói chung, những chiến sĩ bộ đội này đều lớn lên từ cảnh nghèo khó, lam lũ, vất vả. Đây chính là một trong những nguyên nhân làm cho họ từ xa lạ bỗng trở nên gần gũi với nhau.

Anh với tôi, đôi người xa lạ
Từ phương trời chẳng hẹn quen nhau.

Tuy đến từ các quê nghèo khác nhau, *chẳng hẹn quen nhau* nhưg vì họ đã sống và chiến đấu gian khổ với nhau trong cùng một đội ngũ nên những người lính này đã cùng chung một lí tưởng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, một ý chí, tình cảm, sự gắn bó càng thêm sâu đậm và thắm thiết hơn khi họ đắp chung chăn để trở thành đôi tri kỉ với nhau:

Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn, thành đôi tri kỉ.

Đoạn đầu của bài thơ được khép lại với câu bảy chỉ có một từ *đồng chí* nhưng đã làm sáng thêm ý tình sâu sắc nhất của đoạn thơ, giải thích được vì sao những người lính ấy gắn bó khăng khít, thân thiết như máu thịt. Hai tiếng *Đồng chí* tạo nên một âm vang ấm áp trong bài thơ có sức lay động tâm hồn người như một tiếng gọi thiết tha của đồng đội.

Tiếp theo mạch thơ, khi cái chăn đắp lại thì tâm sự họ mở ra: những người lính ấy soi lòng vào nhau, anh hiểu tôi, tôi hiểu anh đến tận nỗi lòng sâu kín của nhau. Nếu trong hai câu đầu của bài thơ đã cho biết những người lính này ra đi từ các miền đồng quê nghèo khổ nước mặn đồng chua đồi núi hoang vu đất cày lên sỏi đá thì các câu thơ sau đây giúp ta hiểu thêm hoàn cảnh riêng của họ:

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay.

Những người lính, những người đồng chí ấy đã ra đi chiến đấu trong tinh thần tự giác, tự nguyện. Dù gắn bó sâu nặng, thiết tha với mảnh ruộng, căn nhà, nhưng họ đã sẵn sàng rời bỏ tất cả để ra đi đánh giặc giữ nước. Tình cảm quê hương đáp lại đối với những người lính này cũng thật là sâu nặng, tha thiết:

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

Nhà thơ dùng những hình ảnh tiêu biểu và phổ biến của mọi làng quê Việt Nam như biểu tượng của quê hương những người lính gốc nông dân. Cảnh vật ở đây được nhà thơ tạo cho một linh hồn để hướng theo bước chân người lính.

Nhưng còn gì chân thực, gợi tả đầy xúc động bằng những câu thơ kế tiếp:

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày...

Những người lính gốc nông dân ấy có cùng chung cảnh ngộ ở quê hương, gia đình, tại đơn vị đã trở thành đồng chí với nhau lại thêm một lần nữa chia bùi sẻ ngọt với những thiếu thốn gian khổ trong cuộc chiến đấu khi ấy.

Đoạn thơ thứ hai kết thúc bằng câu thơ:

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Câu thơ là một hình ảnh gợi tả của sự cảm thông ấm áp giải thích được nguồn sức mạnh nào khiến những người chiến sĩ này vượt qua được mọi sự gian khổ, thiếu thốn lúc bấy giờ.

Sau cùng là đoạn cuối với ba dòng thơ một khung cảnh thực:

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

Đó là hình ảnh một đêm phục kích chờ giặc tới, tại một cánh rừng hoang vắng đầy sương muối có một vầng trăng treo trên đầu súng của những người chiến sĩ đang *đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*. Câu thơ cuối bài: *Đầu súng trăng treo*, bốn tiếng là một sự bất ngờ đầy thú vị. Thú vị biết bao và bất ngờ biết mấy khi nhận thấy súng và trăng, cứng rắn và dịu hiền, chiến sĩ và thi sĩ sao lại hòa quyện với nhau đẹp đến như thế. Một câu thơ bốn tiếng thôi nhưng đủ làm sáng lên ý nghĩa cao đẹp của cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của anh Bộ đội Cụ Hồ.

Toàn bộ bài *Đồng chí* là các hình ảnh, các chi tiết chân thực, chắt lọc từ một hoàn cảnh đời sống chiến đấu gian khổ, khốc liệt được tác giả phát hiện ra chất thơ bay bổng làm lay động lòng người, tạo nên được những suy tư sâu sắc, những xúc động lắng sâu về tình đồng chí, đồng đội giữa những người lính trong những năm kháng chiến chống Pháp.

Lời thơ vừa mộc mạc, giản dị, vừa cô đọng hàm súc, có sức khái quát cao tiêu biểu cho phong cách thơ Chính Hữu.

ĐỀ 29: *Phân tích bài thơ "Viếng lăng Bác" của nhà thơ Viễn Phương.*

TÌM HIỂU ĐỀ

1. **Thể loại:** *Phân tích tác phẩm.*
2. **Nội dung:** *Bài thơ cho thấy sự xúc động tôn kính đối với Bác, niềm lưu luyến và ước muốn của nhà thơ khi đứng trước lăng Người.*
3. **Tư liệu:** *Hình ảnh và các biện pháp nghệ thuật của bài thơ.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

Từ tình cảm của Bác đối với miền Nam làm nổi rõ tình cảm của người miền Nam đối với Bác, dẫn tới giới thiệu nhà thơ Viễn Phương, nêu bật hoàn cảnh ra đời của bài thơ "Viếng lăng Bác", một bài thơ về Bác đầy xúc động.

II. THÂN BÀI

1. Cảm xúc của nhà thơ khi đến thăm lăng Bác (Khổ đầu):

Cảm xúc chân thành, cách xưng hô thân mật gần gũi.

"Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát.
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng."

Hình ảnh cây tre tượng trưng cho dân tộc Việt Nam kiên cường bất khuất: "Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng."

2. Sự tôn kính của nhà thơ đối với Bác khi được đứng trước lăng Người (Khổ hai và khổ ba):

"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân."

"Mặt trời" ở câu 2 là ẩn dụ: Công đức của Bác là mặt trời soi tỏ đường dân tộc đi lên:

"Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân."

Hình ảnh hoán dụ mang ý nghĩa tượng trưng:

"Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!"

"Vầng trăng", "trời xanh": hình ảnh kì vĩ, vĩnh hằng để ca ngợi Bác vô cùng cao cả.

3. Niềm lưu luyến và ước nguyện chân thành của nhà thơ:

"Mai về miền Nam thương trào nước mắt."

"Thương trào nước mắt": cảm xúc dâng đến cao trào.

"Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này."

Ước nguyện chân thành của nhà thơ và cũng là của mọi người Việt Nam.

III. KẾT BÀI

Bài thơ nhẹ nhàng, tha thiết, thể hiện tình cảm chân thành của nhà thơ đối với Bác.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà.

Sinh thời, Bác Hồ đặc biệt dành tình thương yêu vô vàn cho miền Nam, miền đất *đi trước về sau*. Bác thường bảo: *Miền Nam luôn luôn ở trong trái tim tôi*. Người Cha già của nhân dân Việt Nam, đặc biệt là của nhân dân miền Nam ấy đã đi xa, để lại vô vàn niềm tiếc nuối trong lòng mỗi người nơi đây.

Tháng tư năm một ngàn chín trăm bảy mươi sáu, nhà thơ Viễn Phương trong dịp *về nguồn* đã xúc động bồi hồi đến Ba Đình Hà Nội để viếng lăng Bác: *Viếng lăng Bác*, bài thơ đặc sắc của nhà thơ đã ra đời trong dịp ấy:

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát.
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!

Mai về miền Nam thương trào nước mắt.
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

Bài thơ là một dồn nén kết tinh tình cảm chân thành thương nhớ Bác không chỉ riêng của nhà thơ Viễn Phương mà còn là tình cảm lớn của hàng triệu chiến sĩ, đồng bào miền Nam, những người cũng như nhà thơ, tuy chưa một lần gặp Bác trong thực tế, nhưng đã nghìn lần gặp Bác trong mơ, trong hoài vọng và lí tưởng cao đẹp nhất của mình.

Câu mở đầu bài thơ giản dị mà chân chất nói lên hoàn cảnh *Viếng lăng Bác*, mở ra một không khí thân mật, trang nghiêm:

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác.

"Ở miền Nam" là từ mảnh đất mấy chục năm trời chiến đấu gian khổ với một ước mong sớm đến ngày chiến thắng, nước nhà thống nhất, để được một lần thấy Bác. Giờ đây, ngày ấy đã đến, nhưng Bác đã đi xa. Lòng ai tránh khỏi dạt dào bao xúc động... Cái đầu tiên tới đây nhà thơ bắt gặp là gì?

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát.

Cây tre từ bao đời chính là biểu tượng của đất nước, của con người Việt Nam với biết bao đức tính Việt Nam đặc biệt cao quý *Thân gầy guộc, lá mỏng manh. Mà sao nên lũy nên thành tre ơi!* (Nguyễn Duy). Từ thời bình minh lịch sử nước ta, Thánh Gióng đã nhổ tre đằng ngà đuổi sạch giặc Ân. Gần đây hơn, nhân dân miền Nam từ gậy tầm vông đã làm nên chiến thắng vang dội địa cầu.

Bởi vậy, cây tre là hình ảnh tiêu biểu sinh động cho tinh thần bất khuất, chí khí anh hùng của dân tộc ta:

Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

Trên cái nền hàng tre trong sương cội nguồn dân tộc ấy, nhà thơ đã tả lăng Bác với những đoàn người nườm nượp đến viếng ngày ngày với lòng tôn kính đặc biệt:

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.

Mặt trời trên lăng là mặt trời của trời đất, tự nhiên. Mặt trời trong lăng chính là trái tim của Bác, một người đã dành trọn đời mình cho nước, cho dân. Cách so sánh ở đây thật sinh động, tự nhiên và nhuần nhuyễn. Bằng lối ẩn dụ, nhà thơ đã cho thấy Bác Hồ là vầng thái dương rạng rỡ không những soi tỏ đường chúng ta đi mà còn sưởi ấm trái tim của mỗi con người Việt Nam chúng ta nữa:

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.

Hình ảnh những *dòng người đi trong thương nhớ, kết tràng hoa...* vừa tả thực vừa có ý nghĩa tượng trưng. Cuộc đời của dòng người bất tận này đã nở hoa dưới ánh sáng của mặt trời Bác. Những bông hoa tươi thắm ấy đang tiến dâng lên Người.

Khổ thơ tiếp theo là hình ảnh Bác trong lăng, khi nhà thơ bước vào được thấy:

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim.

Ở đây là một so sánh ngầm thú vị. Cuộc đời Bác như mặt trời. Giấc ngủ Bác như vầng trăng. Bác trở nên bất tử hòa nhập vào trời xanh. Các hình ảnh vĩnh hằng kì vĩ *vầng trăng, trời xanh*... nối tiếp nhau trong bài thơ cho thấy cái mãi mãi, cái vô cùng cao cả ở một con người. Ở đây lại có sự mâu thuẫn giữa lí trí và tình cảm: lí trí thì biết trời xanh là mãi mãi, còn tình cảm thì mà sao nghe nhói ở trong tim!... Đủ thấy nỗi tiếc thương, sự mất mát không gì bù đắp được trong lòng ai.

Khổ thơ cuối liền mạch với cảm xúc dào dạt của tác giả, là niềm lưu luyến dâng lên. Tuy còn đứng bên Bác, nhà thơ đã bịn rịn nghĩ đến phút chia xa:

Mai về miền Nam thương trào nước mắt.

Tình cảm ở đây chân thành và bộc trực biết bao! Câu thơ không chút gì chải chuốt. Vậy mà đọc lên không thể nào không xúc động.

Kết thúc trọn vẹn bài thơ và ước vọng thành kính của nhà thơ nhưng cũng là ước nguyện chung của bất cứ một người Việt Nam nào:

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này...

Khép lại bài thơ là hình ảnh cây tre, hình ảnh đã xuất hiện từ đầu thật là tự nhiên. Đúng là nhận xét của Đức Thảo *từ hàng tre* là khách thể ở *bên trên* đã tan hòa vào *cây tre* là chủ thể ở cuối bài.

Viếng lăng Bác là bài thơ hay về Bác của nhà thơ Viễn Phương. Tuy mộc mạc, giản dị như sự thật nhưng bài thơ không những giàu hình ảnh mà còn giàu chất suy tưởng, chất lãng mạn trữ tình đằm thắm cộng với nghệ thuật luyến láy ngôn ngữ của nhà thơ làm nên sức gợi cảm sâu lắng, không dễ lãng quên...

ĐỀ 30: *Hãy phân tích bài thơ "Những cánh buồm" của Hoàng Trung Thông.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Nhà thơ Nguyễn Duy đã từng đề cao tinh thần *tiếp bước nhau của các thế hệ* một cách tài tình trong bài thơ *Tre Việt Nam* qua câu thơ:

Tre già măng mọc có gì lạ đâu.

Trải qua biết bao những nếp gấp của cuộc đời, con người dễ dàng bị chìm đắm trong cõi nhân gian nhưng những mơ ước sống một thời vẫn mãi đeo đuổi, bay bổng vượt thời gian đến với các thế hệ sau một cách tuyệt vời. "Hương vị" của tinh thần tốt đẹp ấy vẫn lan tỏa, hòa quyện trong không gian, đọng lại trên trang thơ những vần thơ nhẹ lâng lâng bay bổng, mơ ước, đến với người đọc những cảm xúc dạt dào, những suy tư, hoài bão xa xăm trong bài thơ *Những cánh buồm* căng đầy ước mơ xa bay của nhà thơ Hoàng Trung Thông:

Hai cha con bước đi trên cát
Ánh mặt trời rực rỡ biển xanh
Bóng cha dài lênh khênh
Bóng con tròn chắc nịch
Sau trận mưa đêm rả rích
Cát càng mịn, biển càng trong
Cha dắt con đi dưới ánh nắng hồng
Nghe con bước mà lòng vui phơi phới,
Con bỗng lắc tay cha khẽ hỏi:
Cha ơi! Sao xa kia chỉ thấy nước, thấy trời
Không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người ở đó?
Cha mỉm cười xoa đầu con nhỏ:
Theo cánh buồm đi mãi đến nơi xa
Sẽ có cây, có cửa, có nhà
Vẫn là đất nước của ta
Những nơi đó cha chưa hề đi đến.
Cha lại dắt con đi trên cát mịn
Ánh nắng chảy đầy vai
Cha trầm ngâm nhìn mãi cuối chân trời
Con lại trỏ cánh buồm xa nói khẽ:
Cha mượn cho con buồm trắng nhé
Để con đi...
Lời của con hay tiếng sóng thầm thì
Hay tiếng của lòng cha từ một thời sâu thẳm?
Lần đầu tiên trước biển khơi vô tận
Cha gặp lại mình trong tiếng ước mơ con.

(*Những cánh buồm* - HOÀNG TRUNG THÔNG)

Bài thơ giàu chất suy tư, trầm lắng trong từng nhịp thơ, thầm thì như tiếng vỗ êm đềm của đại dương, nhưng vẫn huyền diệu trong hình ảnh thơ *hai cha con* với những hoài bão trong sáng như một huyền thoại. Hoàng Trung Thông gửi gắm ước mơ được bay xa tới những vùng trời mơ ước của hai thế hệ trong hình tượng *cánh buồm* căng phồng lao đi trên mặt biển trong hơi gió chứ không phải trong các con thuyền đồ sộ.

Bài thơ mở đầu trong một "khí thế" như câu chuyện cổ tích với thiên nhiên chan hòa màu sắc rực rỡ:

Hai cha con bước đi trên cát
Ánh mặt trời rực rỡ biển xanh
Bóng cha dài lênh khênh
Bóng con tròn chắc nịch.

Hình ảnh *hai cha con* tiếp bước song song nhau trên bãi cát dài chan chứa một hơi ấm lan truyền chan hòa trong sắc trời đại dương thật kì diệu. Không gian khoáng đãng rực rỡ, lóng lánh màu hạnh phúc như mở ra, mời gọi con người. Bóng dáng *hai cha con* như nổi bật hẳn bởi sự nhỏ bé của con người giữa khung cảnh thiên nhiên bao la sóng nước. Người cha bỗng trở nên già dặn, tuổi đời như trải dài trong ước mơ vô tận của biển khơi trong bóng *lênh khênh*, trong tầm mắt tác giả. Còn đứa con như thế gói gọn trong tiếng gọi của biển, bé bỏng nhưng tràn đầy một tương lai mới đang chờ đợi. Hình ảnh đôi thật ngộ nghĩnh, dễ thương càng khắc sâu thêm sự khác biệt giữa hai thế hệ: cha - con, nhưng họ cùng hướng về ước muốn nhất định, cùng tồn tại song song trong tiếng gọi của đại dương buổi sớm mai. Khung cảnh đại dương dưới mắt nhà thơ chói chang, huyền diệu:

Sau trận mưa đêm rả rích
Cát càng mịn, biển càng trong
Cha dắt con đi dưới ánh nắng hồng.

Đọc câu thơ, ta cảm nhận được trước mắt ta, cảnh vật bỗng tươi đẹp hơn. Bãi cát trải dài mịn màng như được một bàn tay thần kì nào đó đêm qua vuốt ve. Nước biển *trong* một màu biếc ngọc khơi gợi trong ta một cảm xúc dạt dào, như muốn chạy ùa vào lòng biển. Khung cảnh tươi đẹp ấy chỉ có được sau một trận mưa đêm dai dẳng, *rả rích* liên tục. Biển đẹp và càng trong sáng bao nhiêu thì trận mưa đêm qua càng kéo dài, da diết bấy nhiêu. Cũng như hai cha con trong bài thơ, bóng người cha có dài và gầy đi thì sự *chắc nịch* mới có được ở người con. Đó là quy luật của tạo hóa. Những điều gì mà trước đó con người làm chưa tốt, chưa xong như sự *rả rích* của trận mưa thì ngày sau mới có được vẻ đẹp vừa *mịn* vừa *trong* mà con người nhận thức được. Hai thế hệ dìu dắt nhau đi như thế truyền cho nhau những mơ ước của mình. Người cha chỉ dẫn cho con bước đi trong một thế giới tràn ngập màu hồng của một chân trời tương lai đang mở rộng. *Ánh mai hồng* như những sợi tơ nắng đang nhẹ nhàng chiếu sáng mở đầu cho một ngày mới. Phải chăng trong tầm mắt nhà thơ, người con đang được thừa hưởng những gì cao quý, đẹp nhất của người cha và trong lòng chợt lóe lên những tia mơ ước đầu tiên về một tương lai sáng, một màu hồng hạnh phúc. Một tâm trạng náo nức thúc giục cậu bé thốt ra một câu hỏi thơ ngây:

Con bỗng lắc tay cha khẽ hỏi:
Cha ơi! Sao xa kia chỉ thấy nước, thấy trời
Không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người ở đó?

Đọc khổ thơ tiếp theo, ta hình dung được tâm hồn người đi trước chợt dạt dào niềm cảm xúc, tưởng như *say* trong niềm vui khi cảm nhận được bước chân đang nhịp *chắc nịch* trên bờ của tuổi trẻ, một cánh cửa rộng mở, một chân trời mới của thế hệ sau mình. Chính người cha đã dệt cả vẻ đẹp tiềm ẩn của biển vào lòng con mình khi dìu dắt cậu bé bước đi trên nền của biển

mà chỉ cần một chút nữa thôi con mình sẽ ùa ra biển được. Người con náo nức *lắc tay cha*, một phản xạ thật nhanh trước những gì cha đã gợi cho mình. Tiếng *Cha ơi!* thốt lên sao trìu mến lạ lùng, cậu bé hồn nhiên hỏi cha khi thấy trước mắt mình bao la sóng nước mà *nhà cửa, cây cối, con người* sao không thấy đâu cả? Câu hỏi tu từ như dội vào lòng người đọc bởi điệp từ *không thấy*. Thật hạnh phúc khi cả hai cha con đều trong một tâm trạng phơi phới, háo hức muốn tìm hiểu về biển. Chính cái *không thấy* ấy sẽ tạo cho đứa con một mơ ước mình sẽ đi tìm tại sao biển chỉ toàn một màu *trời, nước* bao la.

Với một thái độ trìu mến, người cha tâm sự:

Cha mỉm cười xoa đầu con nhỏ:
Theo cánh buồm đi mãi đến nơi xa
Sẽ có cây, có cửa, có nhà
Vẫn là đất nước của ta
Những nơi đó cha chưa hề đi đến.

Người cha không hề tỏ ra một sự ngạc nhiên nào trước câu hỏi của con mà còn khẽ mỉm cười giảng giải cho con, từng bước nâng đỡ ước mơ của con. Con sẽ giải đáp được thắc mắc của mình khi chính con đã trở thành một thủy thủ, gắn bó với đại dương. Lúc đó biển sẽ đáp lời con. Thế nhưng cha vẫn chưa từng đi đến mặc dù cha biết biển ở tận một nơi xa xăm nào đó sẽ có *cây, cửa, nhà,* chứng tỏ ở người cha cũng đã từng ấp ủ ước mơ như người con và có lần tìm hiểu về điều đó nhưng vẫn chưa tận mắt giải đáp được câu hỏi của mình. Khổ thơ hoàn toàn là lời tâm sự của người cha đối với con. Mỗi một con người, ai cũng từng trải qua tuổi thơ ngây ngô với những ước mơ vô tận nhưng chưa hẳn đã có khả năng thực hiện được.

Tiếp tục theo những cánh buồm của hai cha con:

Cha lại dắt con đi trên cát mịn
Ánh nắng chảy đầy vai
Cha trầm ngâm nhìn mãi cuối chân trời.

Vẫn với tư cách người dẫn đường, người cha từng bước tiếp tục tạo điều kiện chắp cánh cho ước mơ của con trên *nền* của một hoài bão lớn. Họ đã bước đi rất lâu, như hòa nhập trong lòng biển, trong nhịp bước song song trên cát từ buổi bình minh của ngày mới đến lúc nắng đã lên cao. Hình ảnh nắng *chảy* trên vai là hình ảnh vừa thực vừa trừu tượng. Hai cha con như say sưa đến nỗi nắng đã tỏa rạng và như tung tăng đùa giỡn bên họ càng tô đậm thêm hình ảnh bền bỉ bước đi của cha và con. Vẻ mặt *trầm ngâm* của người cha làm câu thơ như *dừng* hẳn lại pha lẫn ánh mắt tiếc nuối trước mơ ước xa xăm mà mình vẫn chưa đạt được. Ngay từ thời gian đầu bước đi trên cát, người con đã tiếp nhận một vẻ đẹp kì bí của biển, trong lòng chợt lóe lên những mong muốn được bay bổng giữa biển khơi. Bước những bước xa và

dài hơn thì *ánh mai* đó giờ đây đã là những *ánh nắng* chững chạc thực sự. Cậu bé giờ đây như lớn hơn khi thốt lên:

Con lại trỏ cánh buồm xa nói khẽ:
Cha mượn cho con buồm trắng nhé
Để con đi...

Lời thì thầm vang lên từ chính nơi sâu thẳm của tâm hồn trẻ thơ. Chính vì biển quá bao la mà cậu bé muốn khám phá nó trên một cánh buồm "trắng" đầy ước mơ tuổi thơ. Con đã "trỏ" cánh buồm, phải chăng cậu bé đã xác định cho mình một tương lai nhất định, một mục tiêu mà mình sẽ theo đuổi trong đời. Ở người cha, tư tưởng, mơ ước của ông còn bó hẹp trong khuôn khổ *đất nước của ta* nhưng vẫn chưa đạt đến. Riêng đứa con, chỉ với ba từ *để con đi* thì hoàn toàn không gò bó trong một khoảng trời nào. Người con muốn đi khắp nơi, muốn "xông pha" trên biển cả. Lời nói của trẻ thơ quá đỗi hồn nhiên nhưng ấp ủ một hoài bão đáng yêu, đáng ca ngợi. Thế đấy! Nhà thơ Hoàng Trung Thông quả tinh tế khi so sánh hai thế hệ già – trẻ. Cùng là một mục đích, niềm say mê cuộc sống, nhưng người đời sau vẫn nổi bật hơn với mong muốn vượt xa hơn trong tương lai. Lời nói của con như làm bừng tỉnh tâm hồn người cha, khơi gợi trong ông những hồi ức xa xôi:

Lời của con hay tiếng sóng thầm thì
Hay tiếng của lòng cha từ một thời sâu thẳm?
Lần đầu tiên trước biển khơi vô tận
Cha gặp lại mình trong tiếng ước mơ con.

Ôi! Câu thơ tha thiết quá! Tâm sự của người cha như trải dài trong suốt khổ thơ gợi cho ta một niềm xúc động thực sự. Biết đâu từ thuở xa xưa nào đó, chính người cha đã từng ngây thơ gửi hồn mình trong ước mơ được gắn bó, sống với biển? Cha đã nuôi ước mơ của mình từ những lời ru ngọt ngào muôn thuở của biển khơi, đã từng bước đi trong lòng ưu ái của thiên nhiên nơi đại dương; đã một thời thắc mắc về sự thiếu vắng cuộc sống đông vui của con người trên mặt biển bao la... Người cha như thể đứng lặng người trước ước mơ của con. Con ơi! Có lẽ nào cha đã *gặp lại mình trong tiếng ước mơ con*. Ngày xưa từ trong một khoảng thăm thẳm của hồn mình, cha đã từng mơ ước như con, nhưng cha chỉ mong được đi trên những nơi mà *vẫn là đất nước của ta* mà thôi. Ngày nay cũng với mơ ước đó nhưng con mong muốn được vượt xa hơn, theo cánh buồm căng phồng tiếng sóng của lòng mình lao đi đến nơi tận cùng của biển khơi vô tận...

Nhà thơ Hoàng Trung Thông đã sống thực sự với những ước mơ con người mới thể hiện được một cách tinh tế và đặc sắc một khát vọng sống như "cháy bỏng" trong mỗi thế hệ con người. Bài thơ vừa trầm lắng vừa bay bổng trong nhịp thơ tự do như giàn trải ào ạt những xúc cảm dạt dào của tác giả. *Cánh buồm* là một phương tiện chấp cánh cho con người bay xa trong chân

trời rộng mở bao la như *biển cả*. Tuy nhiên, ta đừng nên hiểu bài thơ theo một khuôn khổ chật hẹp là Hoàng Trung Thông chỉ ca ngợi những ước mơ khám phá biển khơi thôi, mà bất cứ một hoài bão nào của con người đều đáng trân trọng một khi đó là những suy tưởng có ích xây dựng cuộc đời, xã hội ngày một tươi đẹp hơn khiến cho cuộc sống trở nên mịn màng hơn để xã hội luôn tưng bừng nếp sống vui tươi trong sáng. Tuổi thơ thường khát khao một hoài bão lớn nhưng không nhất thiết là hướng về biển khơi. Có thể đó là những nhà máy, công trường... nhưng tất cả đều xa vợi, rộng lớn như biển cả và ước mơ đó sẽ được nuôi dưỡng, đưa đẩy theo sức căng của từng cánh buồm. Muốn vậy, mỗi con người cần lao vào khám phá, hãy cố gắng thực hiện mơ ước của mình như người con trong bài thơ đáng yêu trong ngữ *Để con đi...* mặc dù cậu bé vẫn còn đang bỡ ngỡ trước bậc thang của ước mơ, hãy còn bước đi trên bãi cát nhưng đã mong muốn được bay theo cánh buồm đến tận khơi xa.

Nhà thơ Hoàng Trung Thông ơi! Phải chăng từ một nơi xa xôi nào đó, anh đã gieo vào lòng chúng em – những thế hệ sau này – một khát vọng sống tốt đẹp cho cuộc đời đó chăng? Anh đã "thổi" cho "cánh buồm" của chúng em một phần nào đó hơi gió cuộc sống mà mai sau chúng sẽ căng phồng vượt xa trong chân trời mới đang mở rộng mà nhà thơ Nguyễn Duy đã từng tâm huyết trong ước mơ *mai sau, mai sau, mai sau* của một đất nước ngập tràn màu xanh của *tre Việt Nam* chăng?... Hi vọng rằng sẽ có thật nhiều, thật nhiều cánh buồm no gió lao đi trên biển khơi quê hương Việt Nam dấu yêu.

ĐỀ 31: *Hãy trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Thúy Vân, Thúy Kiều, Kim Trọng và nêu nhận xét nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Trong kho tàng văn học cổ Việt Nam, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là tác phẩm kiệt xuất nhất. Tác phẩm không chỉ nổi tiếng vì cốt truyện hay, lời văn trau chuốt, giá trị tố cáo đanh thép, giá trị nhân đạo cao cả, mà còn vì các nhân vật trong truyện được ngòi bút sắc sảo của Nguyễn Du miêu tả vô cùng đẹp đẽ, sinh động. Đặc biệt là các nhân vật mà tác giả tâm đắc nhất như Thúy Vân, Thúy Kiều, Kim Trọng.

Ngay phần đầu của *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã khắc họa bức chân dung xinh đẹp của hai chị em Thúy Kiều và Thúy Vân rất thành công. Đầu tiên tác giả giới thiệu chung về cả hai chị em:

Đầu lòng hai ả tố nga
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân

Mai cốt cách, tuyết tinh thần
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.

Nói đến *mai* là nói đến sự mảnh dẻ, thanh tao; nói đến *tuyết* là nói đến sự trong trắng, tinh sạch. Cả *mai* và *tuyết* đều rất đẹp. Tác giả đã ví vẻ đẹp thanh tao, trong trắng của hai chị em như là *mai*, là *tuyết*. Tiếp đó tác giả giới thiệu về vẻ đẹp của Thúy Vân:

Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.

Nhà thơ đã sử dụng phương pháp ước lệ kết hợp với ẩn dụ để miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân. Nàng có một vẻ đẹp mà hiếm thiếu nữ nào có được với khuôn mặt đầy đặn như trăng rằm, lông mày cong hình cánh cung như mày ngài. Miệng cười như hoa nở, giọng nói của nàng trong như ngọc. Lại nữa, mái tóc của nàng đen dài mềm mại đến nỗi mây cũng phải chịu thua, làn da trắng mịn đến tuyết cũng phải nhường. Thật là một vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu ít ai có được. Nguyễn Du đã miêu tả bức chân dung nàng Thúy Vân có thể nói là tuyệt đẹp. Đọc đoạn này ta thấy rung động trước vẻ đẹp tuyệt vời của Thúy Vân và thêm thán phục thiên tài của Nguyễn Du. Ông đã vận dụng phương pháp tu từ ước lệ của văn thơ cổ vừa đúng dắn, vừa sáng tạo.

Nguyễn Du miêu tả Thúy Vân đã khiến cho ta rung động đến vậy, ông miêu tả Thúy Kiều thì ta còn bất ngờ hơn nữa. Bất ngờ đến kinh ngạc. Bắt đầu từ câu:

Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn.

Nàng Vân tuyệt diệu như vậy rồi, nàng Kiều lại còn đẹp hơn nữa ư? Có thể như vậy được không? Ta hãy xem ngòi bút của Nguyễn Du viết về nàng Kiều:

Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh
Một hai nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.

Đến đây chắc hẳn ta sẽ hài lòng và vô cùng thán phục. Nguyễn Du miêu tả vẻ đẹp của Thúy Kiều không dài, chỉ vài câu thôi, vậy mà ta như thấy hiện ra trước mắt một thiếu nữ "tuyệt thế giai nhân". Mắt nàng thăm thẳm như làn nước mùa thu, lông mày uốn cong xinh đẹp như dáng núi mùa xuân: dung nhan đằm thắm đến hoa cũng phải ghen, dáng người tươi xinh mơn mởn đến mức khiến liễu cũng phải hờn. Khi đọc đoạn thơ này, ta không chỉ thấy rung động, thán phục, mà còn có một cảm giác xốn xang, khó tả bởi nàng Kiều xinh đẹp quá. Phương pháp ước lệ, nhân hóa là biện pháp tu từ phổ biến trong văn học cổ được tác giả sử dụng xuất sắc, kết hợp với phương

pháp dùng điển cố *nghiêng nước nghiêng thành*, tác giả đã làm cho ta không chỉ đọc, chỉ nghe, chỉ cảm nhận, mà như thấy tận mắt nàng Kiều. Nàng quả là có một vẻ *sắc sảo mặn mà*, ta có thể nói là *có một không hai* làm mê đắm lòng người. Đọc hết những câu trên, ta mới hiểu được dụng ý của Nguyễn Du khi miêu tả vẻ đẹp *đoan trang phúc hậu* của Thúy Vân trước vẻ đẹp *sắc sảo mặn mà* của Thúy Kiều. Nhà thơ đã sử dụng biện pháp đòn bẩy, dùng vẻ đẹp của Thúy Vân để làm tôn thêm vẻ đẹp yêu kiều, quyến rũ của Thúy Kiều rất có hiệu quả.

Sắc đã như vậy, còn tài của nàng Kiều thì sao? Ta sẽ không cảm nhận được hết vẻ đẹp hình thể cũng như vẻ đẹp tâm hồn của Thúy Kiều nếu như ta không biết đến tài năng của nàng, mặc dù Nguyễn Du đã nói *Sắc đành đòi một, tài đành họa hai*. Về sắc thì chắc chắn là chỉ có mình nàng là đẹp như vậy, về tài thì họa chăng có người thứ hai sánh kịp:

Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm
Cung thương lầu bậc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt Hồ Cầm một trương
Khúc nhà tay lựa nên chương
Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân.

Nàng có cả tài thơ, tài họa, tài đàn. Tài nào cũng xuất sắc, cũng thành "nghề" cả. Riêng tài đàn, nàng còn sáng tác cả một bản nhạc mang tiêu đề *Bạc mệnh* rất cuốn hút lòng người.

Với hai nhân vật Thúy Kiều và Thúy Vân, Nguyễn Du đã sử dụng các phương pháp tu từ phổ biến trong văn thơ cổ như ước lệ, ẩn dụ, nhân hóa, dùng điển cố. Qua đó, ta thấy được vẻ đẹp *sắc sảo mặn mà* của Thúy Kiều. Hai bức chân dung của hai chị em Thúy Kiều, Thúy Vân mà Nguyễn Du khắc họa phải nói là rất thành công. Đặc biệt là Thúy Kiều, nhà thơ đã dành toàn bộ tâm huyết, sức lực tài năng để sáng tạo nên nàng; bởi nàng là nhân vật chính của *Truyện Kiều*, nàng là nhân vật mà Nguyễn Du gửi gắm nhiều tâm sự của mình.

Nhân vật thứ ba mà ta nói đến ở đây là nhân vật Kim Trọng. Kim Trọng xuất hiện trong *Truyện Kiều* với mối tình đầu tiên của Thúy Kiều - cô gái họ Vương đa tình, đa cảm. Nhân vật Kim Trọng cũng là nhân vật được Nguyễn Du ưu ái. Bức chân dung nhà thơ miêu tả Kim Trọng có những nét đặc sắc và độc đáo riêng. Qua hình ảnh Kim Trọng, ta thấy có những nét vừa quen thuộc, vừa mới lạ.

Kim Trọng gặp lại hai chị em Thúy Kiều bên mộ Đạm Tiên, khi ba chị em Thúy Kiều, Thúy Vân, Vương Quan đi tảo mộ nhân ngày Tết Thanh minh. Phong cảnh bên mộ Đạm Tiêu quả là đẹp:

Nao nao dòng nước uốn quanh
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

Lúc đó, chàng Kim xuất hiện thật bất ngờ:

Dùng dằng nửa ở nửa về
Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần.

Tiếng nhạc vàng lanh lảnh như xua đi âm khí nặng nề bên nấm mồ vô chủ làm không khí như bừng sáng hẳn lên. Chàng Kim Trọng hiện ra trong dáng hình một thư sinh:

Trông chừng thấy một văn nhân
Lỏng buông tay khấu bước lần dặm băng
Đề huề lưng túi gió trăng
Sau chân theo một vài thằng con con.

Nói bức chân dung Kim Trọng có vẻ quen chính là ở chỗ này. Dưới thời phong kiến mà nói tới "thư sinh" thì phải có "tuấn mã, tiểu đồng", phải "lưng túi gió trăng". Những nét quen đó không làm ta nhàm chán mà khiến ta thấy được phong thái hào hoa, trang nhã của Kim Trọng. Điều đó thể hiện rõ hơn ở câu tiếp:

Tuyết in sắc ngựa câu giòn
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.

Với phương pháp hoán dụ, câu thơ đã khiến người đọc cảm nhận được vẻ khôi ngô, tuấn tú của chàng Kim qua vẻ đẹp của con ngựa trắng và màu áo xanh. Không những thế, chàng Kim còn là một chàng trai rất lịch sự:

Nẻo xa mới tỏ mặt người
Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình.

Hành động của chàng khác thói thường của các bậc nam nhi phong kiến nhưng đồng điệu với cô gái họ Vương đa tình đa cảm. Vẻ đẹp của chàng làm bừng sáng cả một vùng:

Hài văn lần bước dặm xanh
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.

Thật lạ, quả thật ta chưa thấy một trang nam nhi nào lại lạ đến như thế. Lạ từ vẻ đẹp trang nhã, hào hoa đến thái độ hào hiệp, lịch sự. Đã như vậy, chàng Kim lại có gia cảnh thật cao quý:

Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh
Nền phú hậu, bậc tài danh
Văn chương nết đất, thông minh tính trời.

Đã đẹp đẽ, chàng Kim Trọng lại là con một gia đình thế phiệt trong vùng, bản thân chàng cũng theo đòi nghiệp văn chương, bản tính chàng thông minh vốn sẵn. Đó chắc chắn là một mẫu người lí tưởng của các trang

nam nhi phong kiến, chàng lọt vào mắt xanh và chiếm vị trí tình đầu của Thúy Kiều là điều hợp lí.

Tác giả Nguyễn Du đã dành cho Kim Trọng những tình cảm ưu ái nhất cũng như ông đã dành cho Thúy Kiều. Họ là cặp nhân vật "xứng đôi vừa lứa" mà ông gửi gắm nhiều tình cảm.

Khác với Thúy Kiều và Thúy Vân, Nguyễn Du đã dành hẳn một phần để giới thiệu thì đối với Kim Trọng, ông lại giới thiệu chàng trong cảnh gặp gỡ với chị em Thúy Kiều. Đó là hoàn cảnh hợp lí khiến ta thấy chân dung Kim Trọng không chỉ khôi ngô, tuấn tú là người phát ngôn của tình yêu muôn thuở. Đến với nhân vật Kim Trọng, cảm nhận được vẻ đẹp của chàng, ta thêm khâm phục tài năng của Nguyễn Du với bút pháp tả người rất sắc sảo tài tình.

Như đã nói, *Truyện Kiều* thu hút người đọc một phần lớn là nhờ nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du. Quả vậy, nghệ thuật tả người của Nguyễn Du có thể gọi là bậc thầy trong nền văn học cổ Việt Nam. Tả hình dáng bên ngoài của nhân vật, ông luôn làm toát lên cái tính cách, tâm hồn bên trong của nhân vật đó.

Với Thúy Vân, ông thực hiện biện pháp ước lệ miêu tả vẻ đẹp:

Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.

Tất cả các từ ngữ, các hình ảnh được ông sử dụng trong các câu thơ trên đều tập trung làm cho người đọc thấy được vẻ đẹp đoan trang thùy mị của Thúy Vân. Ông cũng như dự báo số phận bình lặng, êm ả của nàng qua từ *thua*, từ *nhường* một cách êm ả.

Với Thúy Kiều, tác giả dùng nhiều biện pháp tu từ để miêu tả vẻ đẹp *sắc sảo mặn mà* của nàng. Những câu thơ miêu tả nàng có thể gọi là tuyệt bút:

Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

Nhưng Nguyễn Du đã dự báo số phận bấp bênh chìm nổi của Kiều qua các hình ảnh hoa và liễu thua vẻ đẹp của nàng nhưng không chịu mà còn *ghen* với *hờn* và khúc nhạc *Bạc mệnh* nàng sáng tác cũng như dự báo điều đó.

Với Kim Trọng, Nguyễn Du miêu tả chàng có một phong thái thanh cao, trang nhã, tuấn tú, lịch sự, hào hoa. Ông cũng dành cho chàng những câu thơ tuyệt vời:

Tuyết in sắc ngựa câu giòn
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời
Hài văn lần bước dặm xanh
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.

Khác Kim Trọng, Từ Hải lại được Nguyễn Du miêu tả như một anh hùng cái thế. Từ vẻ mặt, dáng người hùng dũng cao lớn:

Râu hùm, hàm én, mày ngài
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.

đến tài trí và chí hướng:

Đường đường một đấng anh hào
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.
Đội trời đạp đất ở đời.

Còn với Mã Giám Sinh, tác giả miêu tả bản chất bẩn thỉu của hắn qua các từ ngữ tả thực rất đắt như *ngồi tót, cò kè* với các câu:

Ghế trên ngồi tót sỗ sàng
Cò kè bớt một thêm hai

Nhân vật Tú Bà cũng "đồng môn" với Mã Giám Sinh thì lộ vẻ mánh lợi xảo quyệt, độc ác và tham lam qua nhiều câu thơ điển hình như:

Thoắt trông nhờn nhợt màu da
Ăn gì to lớn đẫy đà làm sao!

Nói tóm lại, Nguyễn Du có nghệ thuật tả người rất đặc sắc và tiêu biểu. Mỗi nhân vật ông miêu tả dù tốt hay xấu, dù chính diện hay phản diện cũng đều hiện được bản chất tâm hồn bên trong qua hình dáng bề ngoài. Nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du rất đáng được chúng ta trân trọng và học tập.

***ĐỀ 32:** Hãy phân tích hình ảnh của "Chị em Thúy Kiều" trong đoạn trích mà em đã học để từ đó nhận ra nghệ thuật tả người của Nguyễn Du qua "Truyện Kiều".*

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Kiểu bài:** *Phân tích đoạn thơ để làm nổi bật nghệ thuật tả người.*
2. **Nội dung:** *Tả người theo phương pháp ước lệ, tả khách hình chủ và các biện pháp khác.*
3. **Tư liệu dẫn chứng:** *Các đoạn thơ trích: "Chị em Thúy Kiều", "Kiều gặp Kim Trọng", "Mã Giám Sinh mua Kiều", "Kiều gặp Từ Hải"...*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

- *Giới thiệu một vài nét về Nguyễn Du, "Truyện Kiều" và đoạn trích "Chị em Thúy Kiều".*
- *Vị trí đoạn trích.*

II. THÂN BÀI

A. Hình ảnh "nhị Kiều" qua ngôn ngữ của Nguyễn Du

1. *Miêu tả vẻ đẹp bên ngoài của "nhị Kiều" "mỗi người một vẻ".*
2. *Miêu tả được cả cốt cách, phẩm chất tinh thần, nội tâm của hai chị em Thúy Kiều.*
3. *Sử dụng những hình ảnh, những chi tiết có tính tượng trưng ước lệ của thi pháp cổ đại, Nguyễn Du đã phác họa nên chân dung "nhị Kiều" tuyệt mĩ, "mỗi người một vẻ".*
4. *Vẻ đẹp phúc hậu đoan trang của Thúy Vân gợi ra số phận êm êm, hạnh phúc của nàng sau này. Trái lại, vẻ đẹp "sắc sảo mặn mà" "hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh" của Thúy Kiều báo trước số phận đầy bất hạnh, ba đào nổi sóng suốt mười lăm năm lưu lạc đời Kiều.*

B. Nghệ thuật tả người vào bậc thầy của Nguyễn Du

- *Hình thức phù hợp tính cách nhân vật.*
- *Điêu luyện trong nghệ thuật dùng từ.*
- *Phác thảo chính xác, chọn lọc.*
- *Đồng nhất giữa miêu tả hình dáng và tính tình.*

- ***Kim Trọng, một nhân vật tài tử:***
  - *"Lỏng buông tay khấu, bước lần dặm băng"*
  - *"Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời"*
  - *"Khách đà xuống ngựa"*
  - *"Nền phú hậu"*
  - *"Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa"*

- ***Mã Giám Sinh: đểu cáng, dối trá, keo kiệt, tà dâm.***
  - *"Quá niên trạc ngoại tứ tuần*
    Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao"
  - *"... Ghế trên ngồi tót sỗ sàng*
  - *"Đắn đo cân sắc cân tài*
    Ép cung đàn nguyệt, thử bài quạt thơ."

- ***Từ Hải: khách anh hùng kiệt xuất.***
  - *"Râu hùm hàm én mày ngài*
    Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao."
  - *"Đường đường một đấng anh hào*
    Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài."

- *"Giang hồ quen thói vẫy vùng*
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo."

* *Lịch sự rất mực:*

- *"Thiếp danh đưa đến lầu hồng."*

* *Thương yêu Thúy Kiều hết lòng:*

"Từ rằng: Tâm phúc tương cờ
Phải người trăng gió vật vờ hay sao?"

III. KẾT BÀI

- *"Truyện Kiều" cho ta một kiểu mẫu hoàn bị về kĩ thuật văn chương. Nguyễn Du là bậc thầy về nghệ thuật miêu tả con người.*
- *Khâm phục nhà thơ, chúng ta càng ra sức giữ gìn sự trong sáng và giàu đẹp của tiếng Việt.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Có người cho rằng: *Truyện Kiều cho ta một kiểu mẫu hoàn bị về kĩ thuật văn chương của một nhà thơ tài hoa nhất thế kỉ XIX.* Nhận định ấy thật là chính xác. Từ *Kim Vân Kiều truyện* – một tác phẩm bình thường của Thanh Tâm tài nhân – nhưng Nguyễn Du, với thiên tài nghệ thuật của mình, đã sáng tạo nên một *Truyện Kiều* bất hủ, một kiểu mẫu hoàn bị về kĩ thuật văn chương. Trong nhiều mặt đặc sắc về nghệ thuật của kiểu mẫu hoàn bị đó có nghệ thuật tả người. Đoạn thơ *Chị em Thúy Kiều* và nhiều đoạn thơ khác là một minh chứng hùng hồn cho thấy nghệ thuật tả người của Nguyễn Du xứng danh bậc thầy.

Thật vậy, bằng ngòi bút tài tình của mình, nhà thơ đã tập trung phác họa hình dung hai nhân vật quan trọng của *Truyện Kiều* là Thúy Kiều và Thúy Vân qua đoạn thơ đã nêu ở trên.

Trong bốn câu đầu, tác giả giới thiệu khái quát về nhị Kiều cả vẻ đẹp bên ngoài lẫn vẻ đẹp bên trong của hai chị em. Cái đặc sắc của nhà thơ là khi tả người, tả vẻ đẹp bên ngoài chính là thể hiện bản chất bên trong và cũng dự báo tương lai của họ.

Đầu lòng hai ả tố nga
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân
Mai cốt cách, tuyết tinh thần
Mỗi người mỗi vẻ mười phân vẹn mười.

Cả hai chị em đều đẹp, cái đẹp ước lệ theo lí tưởng xã hội và thời đại lúc ấy. Nhà thơ mượn hình ảnh cây mai mảnh khảnh và tuyết trắng để tả cốt

cách và tinh thần, nghĩa là nét đẹp ngoại hình và nội tâm của cả hai chị em *"mỗi người mỗi vẻ"* nhưng ai cũng *"mười phân vẹn mười"* cả.

Bốn câu tiếp theo là chân dung Thúy Vân với vóc người quý phái đầy đặn:

Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.
Hoa cười ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.

Không cụ thể, không tỉ mỉ nhưng nhà thơ làm nổi bật được tính cách đoan trang, hiền hậu của Thúy Vân, một nhan sắc tạo được trong lòng mọi người tình cảm trân trọng, thương mến. Vẻ đẹp đó tuy không sắc sảo, nhưng dễ được dung nạp.

Bắt đầu từ Thúy Vân, Nguyễn Du đã chuyển sang miêu tả Thúy Kiều:

Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn.
Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.

Thì ra nhà thơ đã mượn Thúy Vân làm chuẩn, từ đó, nâng Thúy Kiều lên. Nói cách khác, Thúy Vân là điểm tựa để nhà thơ đặt đòn bẩy đẩy Thúy Kiều lên đến vẻ đẹp tuyệt vời.

Tả Thúy Kiều thì cũng vẫn là phương pháp so sánh và ước lệ. Nhà thơ cho thấy nhan sắc nàng mặn mà, sắc sảo như thứ báu vật hiếm có trên đời, do đó mà mỗi khi có mặt là vừa gây sự tôn sùng vừa tạo nên lòng đố kị ghen hờn: *Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh* là như vậy.

Sắc đã tuyệt đỉnh, tài của nàng cũng đâu kém:

Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm
Cung thương làu bậc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt Hồ Cầm một trương
Khúc nhà tay lựa nên chương
Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân.

Thúy Kiều đúng là người hiếm có trên đời. Tạo hóa đã phú cho nàng tính sẵn thông minh, tài lại gồm cả thơ, đàn, ca, vẽ là những biệt tài mà ít phụ nữ nào có, nếu không nói là cấm kị. Nhà thơ cũng dự báo cuộc đời bạc mệnh "hồng nhan đa truân" của nàng khi đề cập đến sở thích yêu nhạc buồn. Kiều sẽ đau khổ, vì nhan sắc của nàng làm *hoa* phải *ghen, liễu* phải *hờn*.

Tóm lại, mặc dù khi miêu tả nhị Kiều, nhà thơ vẫn sử dụng những hình ảnh, những chi tiết tượng trưng, ước lệ của thi pháp văn học cổ điển nhưng qua những nét bút gợi tả có thần của ông, hai bức chân dung của hai chị em Thúy Kiều đều thật là tuyệt mĩ *mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.*

Bởi vậy, nói Nguyễn Du là bậc thầy trong nghệ thuật tả người thì điều này cũng không ngoa chút nào cả. Nhà họa sĩ thiên tài này đã phác thảo chính xác với những đường nét chấm phá chọn lọc như chúng ta vừa phân tích bên trên để tạo được một hình ảnh Thúy Kiều bất hủ, một tượng đài bằng thơ không thể phôi pha trong lòng người đọc muôn thế hệ. Nghệ thuật điêu luyện của nhà thơ tài danh này không chỉ thể hiện ở cách dùng từ chọn lọc, sinh động và sắc sảo mà còn thể hiện ở lối xây dựng bố cục và nền của đoạn thơ thật độc đáo. Ông tả Thúy Vân, rồi mới tả Thúy Kiều, tả sắc rồi mới tả tài rồi cuối cùng khái quát lại:

Phong lưu rất mực hồng quần
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê
Êm đềm trướng rủ màn che
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.

Thật là cân đối, chỉnh chu.

Đọc kĩ đoạn trích, ta càng thấy nghệ thuật tả người của Nguyễn Du đã đạt đến trình độ điêu luyện. Không riêng ở đoạn thơ trích này mà ở các đoạn thơ khác trong *Truyện Kiều*, dưới ngòi bút tài hoa của nhà nghệ sĩ, các nhân vật đã hiện ra khá cụ thể, độc đáo và sinh động *mỗi người mỗi vẻ* tuy với bút pháp ước lệ với những đường nét chấm phá cố hữu nhưng cũng đã tạo ra được một ấn tượng khó phai mờ trong lòng người đọc. Thật vậy, chúng ta dễ gì quên được hình ảnh một Kim Trọng tài tử – một văn nhân hào hoa, phong nhã:

Phong tư tài mạo tót vời
Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa.

Hay một Mã Giám Sinh sỗ sàng, lố bịch, đểu cáng và dối trá:

Quá niên trạc ngoại tứ tuần
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao.

Và đặc biệt là một Từ Hải, anh hùng uy nghi, lẫm liệt:

Râu hùm, hàm én, mày ngài
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.

Đoạn trích *Chị em Thúy Kiều* thể hiện rõ rệt nhất nghệ thuật tả người tài tình của Nguyễn Du. Nhà thơ đã thành công xuất sắc trong cách tả người theo phép ước lệ cổ điển.

Tuy nhiên, ngày nay đọc lại các đoạn thơ ấy, chúng ta ít nhiều vẫn nhận thấy hạn chế vì ngoài cái "khuôn mẫu" sẵn có; người cầm bút cần sáng tạo để nhân vật của mình gần gũi với thực tế cuộc sống đương thời...

***ĐỀ 33:** Hãy phân tích hình tượng người chiến sĩ lái xe trong "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.*

TÌM HIỂU ĐỀ

1. **Kiểu bài:** *Phân tích văn học.*
2. **Nội dung:** *Hình tượng người chiến sĩ lái xe: hiên ngang dũng cảm vượt khó, gắn bó tình đồng đội bạn bè, bền vững một ý chí chiến đấu vì miền Nam.*
3. **Tư liệu:** *"Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.*

DÀN Ý

1. **Mở bài**

   Hoàn cảnh ra đời của bài thơ: hình tượng người lái xe chiến sĩ vận tải Trường Sơn.

2. **Thân bài**

   Phân tích vẻ đẹp tinh thần dũng cảm và tâm hồn trong sáng, lạc quan của người chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn thời chống Mĩ.

   - *Tư thế hiên ngang thể hiện qua các từ ngữ và hình ảnh: ung dung, nhìn thẳng, thấy gió, thấy con đường, sao trời, cánh chim. Người chiến sĩ chỉ quan tâm đến nhiệm vụ trước bom đạn ác liệt, không hốt hoảng, không sợ hãi. Anh luôn là người nhạy cảm, dễ xúc động trước vẻ đẹp của cuộc sống.*
   - *Tinh thần dũng cảm vượt khó: trải qua nhiều gian lao, vất vả bụi bặm, gió mưa bằng thái độ trẻ trung, coi thường gian khó.*
   - *Tình đồng đội gắn bó, lạc quan phơi phới.*
   - *Vững lòng chiến đấu vì miền Nam dù gian khổ ác liệt có thể tăng lên.*

3. **Kết bài**

   Hình ảnh chân thực, sinh động và độc đáo của người chiến sĩ lái xe vận tải Trường Sơn khiến bài thơ có sức truyền cảm mạnh mẽ cho đến ngày nay và mãi tận mai sau.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Nói đến Phạm Tiến Duật là nói đến một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ nhà thơ trẻ những năm kháng chiến chống Mĩ. Từng chiến đấu trong đội ngũ những chiến sĩ vận tải dọc đường Trường Sơn, chở vũ khí quân trang từ hậu phương lớn ra tiền tuyến lớn nên thơ ông có giọng điệu khỏe khoắn tràn trề sức sống, tinh nghịch, vui tươi mà giàu chất suy tưởng. Thật vậy, *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*, một bài thơ tiêu biểu của Phạm Tiến Duật đã nêu bật lên hình tượng những người chiến sĩ lái xe vui vẻ tếu táo

mà thật đĩnh đạc, hiên ngang, can đảm, thấm tình đồng đội, bạn bè bền vững ý chí chiến đấu vì miền Nam ruột thịt.

Bài thơ có cái nhan đề thật độc đáo ấy thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của những người chiến sĩ lái xe Trường Sơn. Đó chính là những con người dũng cảm đến ngang tàng mà giản dị, yêu đời và lạc quan rất mực.

Hình ảnh các anh gắn liền với hình ảnh *những chiếc xe không kính*. Đây là hình ảnh có thực. Bom đạn của chiến tranh ác liệt thời đó đã khiến cho những chiếc xe không chỉ không có kính mà còn trần trụi hơn nữa *không có đèn, không có mui xe, thùng xe có xước:*

Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi.

Nhà thơ miêu tả *những chiếc xe không kính* là nhằm làm nổi bật hình ảnh những người lái xe trên đó. Trong công việc đầy hiểm nguy, gian khổ, nhưng những anh chiến sĩ trẻ này dưới bom đạn triền miên vẫn luôn giữ một tư thế ung dung, lạc quan và tươi trẻ. Phạm Tiến Duật trong bài thơ này đã miêu tả những cảm xúc rất cụ thể của họ khi ngồi trên chiếc xe không có kính:

Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng
Nhìn thấy gió xoa vào mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái.

Những câu thơ có nhịp điệu nhanh gấp mà vẫn nhịp nhàng, đều đặn này gợi đến nhịp tiếng bánh xe bon bon chạy trên đường dài. Có thực sự *ung dung nhìn đất, nhìn trời* không chút lo âu, hốt hoảng trước bom đạn cận kề thì anh chiến sĩ trẻ của chúng ta mới có thể nhìn và thấy đến đủ đầy như thế. Anh từ nhìn thấy gió, nhìn thấy con đường đến nhìn thấy cả sao trời và cánh chim... từ buồng lái đã vỡ hết kính chắn gió, *gió xoa vào mắt đắng*. Làn gió đã ùa vào như thể làm giảm đi vị đắng nơi khóe mắt. Mắt đắng vì mắt đã thức nhiều đêm để lái xe liên tục từ đêm này sang đêm khác. Tất cả thế giới bên ngoài ấy đã ùa vào buồng lái của anh với tốc độ làm chóng mặt. Con đường cũng vì thế như chạy ngược về phía người lái và trở thành *con đường chạy thẳng vào tim.*

Trong tư thế hiên ngang chủ động đó, người chiến sĩ lái xe đã bình thản coi thường mọi khó khăn, nguy hiểm và gian khổ. Giọng điệu của anh thật ngang tàng, tếu táo:

Không có kính ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.

Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa rừng, gió lùa mau khô thôi!

Các anh còn là những chàng trai trẻ sôi nổi, vui nhộn và lạc quan thể hiện qua cái nhìn *Bụi phun tóc trắng như người già* và đặc biệt là tiếng cười sảng khoái đầy trẻ trung, hồn nhiên và yêu đời: *Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha*, dẫu là sinh hoạt từ cái ăn, cái ngủ bình thường của các anh đều có tính tạm bợ, nhiều gian khổ:

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi, trời xanh thêm.

Trời xanh thêm phải chăng bởi vì lòng người đã phơi phới thêm, say mê thêm trước những chặng đường đã đi, những chặng đường đang đến.

Cái gì đã làm nên sức mạnh ấy? Đấy chính là ý chí chiến đấu để giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, là tình yêu nước nồng nàn của tuổi trẻ Việt Nam thời đánh Mĩ:

Không có kính rồi không có đèn
Không có mui, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim.

Tuy bị bom đạn Mĩ làm cho biến dạng: *không có kính, không có đèn, không có mui xe, thùng xe có xước* nhưng chiếc xe ấy *vẫn chạy vì miền Nam phía trước* nghĩa là vẫn băng băng ra tiền tuyến. Tác giả đã lí giải về điều ấy thật bất ngờ mà cũng chí lí: *Chỉ cần trong xe có một trái tim*. Đó là trái tim nồng nàn yêu nước, sôi nổi yêu đời, một trái tim dũng cảm. Một cái có ấy đủ sức để đương đầu với bao nhiêu cái không có đã kể bên trên.

Tóm lại, *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật đã thành công trong việc khắc họa hình tượng những chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn đầy gay go, thử thách, một lực lượng tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam trong giai đoạn ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Cuộc kháng chiến chống Mĩ đã thành công hơn ba mươi năm qua nhưng hình tượng tiêu biểu của một thế hệ trẻ lạc quan, yêu đời, hồn nhiên, coi thường thiếu thốn gian khổ, sôi nổi, đầy quyết tâm chiến đấu vì miền Nam ruột thịt ngày nào vẫn chưa mờ phai trong lòng mỗi người Việt Nam chúng ta...

ĐỀ 34: ***Tập hồi kí "Những ngày thơ ấu" của Nguyên Hồng đã làm xúc động bao tâm hồn bạn đọc vì "Nó là sự rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại lạc loài trong những lề thói khắc nghiệt của một gia đình sắp tàn" (Thạch Lam). Điều đó một phần được biểu hiện trong bài "Trong lòng mẹ".***

Em hãy phân tích diễn biến tâm trạng của Hồng trong đoạn trích để chứng minh cho nhận xét của Thạch Lam.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Nguyên Hồng, nhà văn nhân đạo của dòng văn học hiện thực 1930-1945 là nhà văn của những người cùng khổ. Ông thường hướng tình thương của mình vào hai nhân vật chịu nhiều bất hạnh trong xã hội cũ là phụ nữ và trẻ em. Tiêu biểu cho sáng tác của ông là tập hồi kí *Những ngày thơ ấu*. Đây là một tác phẩm ghi lại những năm tháng tuổi thơ của tác giả, thể hiện một cách chân thật những *rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại* (Thạch Lam). Bài trích tiêu đề *Trong lòng mẹ* đã phần nào thể hiện được điều đó.

Bé Hồng sinh ra trong một gia đình không lấy gì làm êm ấm: bố nghiện thuốc phiện, ốm đau rồi chết, mẹ Hồng còn quá trẻ nên đã bỏ nhà, bỏ con ra đi tha hương cầu thực. Trong những ngày thơ ấu ấy, bé Hồng đã thiếu vắng đi cái không khí êm đềm của một gia đình nhỏ, thiếu vắng đi sự quan tâm chăm sóc của cha và mẹ. Hồng sống trong sự ghẻ lạnh của họ hàng bên nội. Cái xã hội ấy, cái gia đình ấy muốn nhào nặn, muốn bóp méo linh hồn của một đứa trẻ thơ dại. Nhưng sống trong sự ghẻ lạnh và đói khát, khi bị quên lãng, vùi dập, bé Hồng càng ý thức được mình rõ hơn. Hồng đã vươn lên và đứng vững để bảo vệ mình, bảo vệ tình cảm của mình. Vẫn trong trắng như ngày nào, vẫn còn ở đấy trong tâm hồn của bé tình thương mẹ sâu sắc, nồng nàn. Và chỉ một yếu tố nào đó khẽ chạm vào là những tình cảm ấy trỗi dậy mãnh liệt nhất, cao đẹp nhất. Khi bà cô nói chuyện về mẹ của bé Hồng, tình cảm ấy được thể hiện rất rõ qua tâm trạng của bé. Lúc bà cô lên tiếng bắt đầu cho cuộc nói chuyện không lấy gì làm tốt đẹp: *Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mợ mày không?*, câu nói ấy gieo vào óc bé, khơi dậy trong tâm hồn trẻ thơ một sự khát khao yêu thương, thèm muốn một tình mẫu tử trong khoảng trống của tâm hồn bấy lâu không ai bồi đắp. Vậy mà khi suy nghĩ để trả lời câu hỏi của bà cô, Hồng đã kịp nhận ra *những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và trên nét mặt cười rất kịch của cô tôi.* Một ý nghĩ, một lời nói chợt thoáng qua và in đậm mãi trong tâm não của bé Hồng. Thấp thoáng trong em hình ảnh người mẹ nhân từ, hiền hậu luôn luôn phải sống trong câu nói ám ảnh của bà cô. Bà cô của Hồng hiện lên thật là ác nghiệt, mang trong mình những ghen ghét nhỏ nhen, luôn dựng chuyện của người khác và thêu dệt lên những lời bịa đặt cho nên bé Hồng chỉ lẳng lặng

cúi đầu không đáp. Cái cử chỉ ấy lại được miêu tả lặp lại một lần nữa khi bà cô tiếp tục giục em vào Thanh Hóa. Nó thể hiện một sự tủi thân, một cảm giác bùi ngùi, xót xa trong tâm hồn thơ dại. Hơn thế nữa, đấy là sự gợi về những kỉ niệm êm đẹp của một thời đã qua, làm nổi bật và thấm thía hơn những kỉ niệm đau buồn, tủi cực của một *đứa trẻ côi cút cùng khổ* sinh ra trong một gia đình bất hòa, sớm phải sống bơ vơ lêu lổng giữa sự ghẻ lạnh cay nghiệt của họ hàng và thái độ dửng dưng, lạnh lùng một cách tàn nhẫn của xã hội.

Câu chuyện không chỉ dừng ở đấy mà nó cứ tiếp diễn cấn xé tâm trạng của Hồng. Bà cô đưa tin mẹ bé Hồng đã có con khi chưa đoạn tang chồng, lại nghèo túng khốn khó nơi đất khách quê người, thấy người quen phải tránh mặt... để lăng nhục mẹ bé Hồng và gieo rắc vào đầu óc em một sự *hoài nghi, khinh miệt* và *ruồng rẫy mẹ*. Những lời nói cay độc ấy như những con dao sắc cứa vào tâm hồn thơ dại. Bé Hồng từ chỗ nhẫn nhục *im lặng, cúi đầu* đến lúc không nén được nỗi đau đớn đã bật lên tiếng khóc, nước mắt *ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hòa đầm đìa ở cằm và ở cổ*. Và một thứ tình cảm phức tạp vừa thương yêu vừa căm tức nảy sinh trong tâm hồn ngây thơ của bé Hồng, khiến em *cười dài trong tiếng khóc*. Tiếng cười bật lên một cách đau đớn trong tâm hồn của bé, tiếng cười hòa trong tiếng khóc thể hiện một sự đắng cay đau khổ đến tột đỉnh. Tiếng cười đau đớn là tiếng nói cất lên thể hiện một sự mất mát lớn lao về tinh thần tưởng chừng không có gì bù đắp nổi. Cuộc đời thực tại phũ phàng đã khiến em sớm nhận ra những gì là độc ác của họ hàng, xã hội. Cuộc đời phũ phàng đã làm cho tâm hồn, suy nghĩ của em dạn dày, cứng cỏi. Từ đó tiếng cười dài ấy hàm chứa tất cả sự khinh bỉ đối với xã hội bấy giờ và *những giọt nước mắt kia* là tình thương yêu sâu sắc, xót xa về nỗi khổ của mẹ ở trong em.

Từ tình cảm và tâm sự của một đứa trẻ bất hạnh bị hắt hủi toát lên bộ mặt lạnh lùng, tàn ác của xã hội đầy bất công với những lễ thói phong kiến cổ hủ bao trùm lên cuộc đời của người phụ nữ. Bé Hồng căm ghét những hủ tục phong kiến vô lí, tàn nhẫn đã đày đọa mẹ. Lòng căm ghét cao độ ấy đã được tác giả diễn tả bằng những hình ảnh cụ thể với nhịp văn gấp gáp, dồn dập: *Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi*. Qua ý nghĩ đó của Hồng, ta cảm thấy bé có một cái nhìn, một cử chỉ quan sát rất tỉ mỉ và một lời nhận xét rất chuẩn xác, không kém phần sắt đá về xã hội đương thời. Chính nó là nguyên nhân gây ra những hậu quả đau lòng: gia đình tan nát, mẹ phải xa con vì *sợ hãi những thành kiến tàn ác, để sinh nở một cách giấu giếm, trốn tránh như một kẻ giết người*. Và không biết còn có bao nhiêu cảnh đời bất hạnh của những đứa

trẻ như Hồng. *Trong lòng mẹ* đã lên tiếng kết án sự bất công của xã hội đồng tiền vô nhân đạo. Bên cạnh Hồng, hình ảnh người mẹ trẻ cũng hiện lên khá đậm nét. Đó là người đàn bà nhân hậu, quanh năm buôn bán tảo tần nuôi chồng, nuôi con, có trái tim khao khát yêu thương.

Hình ảnh mẹ và nỗi nhớ cứ dâng đầy tràn ngập trong lòng Hồng khi ngày giỗ thầy đã gần đến nơi. Tác giả đã tập trung thể hiện tâm trạng của bé Hồng khi được gặp mẹ. Một buổi chiều tan học, bé Hồng chợt thoáng thấy một người giống mẹ ngồi trên xe kéo liền đuổi theo gọi rối rít. Trong lúc đó tâm trạng của em bị giằng xé. Em khao khát gặp mẹ như người bộ hành đi giữa sa mạc thèm nước và bóng râm. Nhưng nếu người trên xe lại là người khác thì cái lầm đó thành ra một trò cười cho lũ bạn. Tác giả đã diễn tả được một cách cụ thể sự khao khát tình mẹ con thật là mãnh liệt. Niềm hạnh phúc đó đã đến với em – người mà em khao khát, mong ước đã trở về. Với niềm vui sướng nhất, em cuống cuồng đuổi theo xe, *thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi* và *ríu cả chân lại* khi trèo lên xe. Khi bàn tay dịu hiền của mẹ xoa đầu thì bé Hồng òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Nếu ở trên là tiếng khóc tủi cực, chua xót thì bây giờ là tiếng khóc thổn thức đầy hạnh phúc. Một hạnh phúc dạt dào, khiến em quên hết những ngày tủi cực đã qua: *Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt...*

Đó chính là niềm hạnh phúc lớn lao, những rung cảm sâu xa trong bé Hồng khi được ngồi trong lòng mẹ. Mẹ vẫn như xưa và có khi còn trẻ đẹp hơn nữa kia chứ không còm nhom, xác xơ như lời bà cô đơm đặt. Bé Hồng cảm nhận được cả cái mùi quần áo quen thuộc của mẹ và *những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường*. Vừa trực tiếp miêu tả những cảm giác cụ thể của bé Hồng, tác giả vừa bình luận về niềm hạnh phúc tuyệt vời: *Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng.* Trong những giây phút say sưa và rạo rực ấy, tất cả tâm trí em đều dồn cho sự tận hưởng tình mẹ. Đối với em, niềm sung sướng và hạnh phúc nhất trên đời là được sống trong lòng mẹ.

Đoạn trích *Trong lòng mẹ* đã khép lại rồi, nó là tất cả những gì đau thương và tủi hờn nhất của xã hội cũ đã lùi xa vào quá khứ, để chúng ta lập nên một xã hội mới tươi đẹp và tràn ngập hạnh phúc. Tình người, tình mẹ con trong đoạn trích là những gì thiêng liêng nhất, cao quý nhất và tinh khiết nhất giữa dòng đời đen bạc, là ngọn lửa hồng sưởi ấm lòng người, sưởi ấm lòng bé Hồng trong những tháng năm phải xa mẹ.

(Học sinh PHÍ NGỌC HÀ)

ĐỀ 35: *Nhân vật người bà trong bài thơ "Bếp lửa" của Bằng Việt đã để lại cho em những tình cảm như thế nào? Hãy phát biểu cảm nghĩ của em.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Sau khi học xong bài thơ *Bếp lửa* của nhà thơ Bằng Việt, em thấy đây là một bài thơ rất hay và xúc động. Bài thơ đã ca ngợi một người bà sống trong thời kì chiến tranh, có cuộc sống rất lam lũ nhưng lại hết lòng vì con vì cháu. Chính vì những phẩm chất đó nên nhân vật người bà đã để lại trong em một ấn tượng rất sâu sắc.

Đọc xong bài thơ, em thấy rất thương cho cuộc đời vất vả của bà. Chỉ vì đất nước đang có chiến tranh nên con cái bà đều thoát li đi kháng chiến, để lại đứa cháu bé bỏng, ngây thơ cho bà chăm sóc, nuôi nấng. Trong bài thơ, khi cháu nhớ về bà thì lại gắn liền với hình ảnh bếp lửa. Có lẽ hình ảnh bếp lửa thân quen với cháu lắm, mỗi sớm mỗi chiều bà đều nhóm bếp lửa. Bà nhóm bếp lửa, phải chăng bà cũng muốn nhóm lên tình thương yêu nồng ấm, nhóm lên tình cảm yêu thương mà bà dành cho cháu. Trong những năm đói mòn đói mỏi ấy, có phải chăng bà cháu đã dựa vào hơi ấm của tình người, tình bà cháu để sống, để vượt qua mọi khó khăn. Lúc này trong em hiện ra hình ảnh một người bà nhỏ bé trong bộ quần áo nâu đắp đổi qua ngày với mái tóc bạc, đôi mắt ngời lên vẻ vị tha, phúc hậu và đôi bàn tay khéo léo. Bà ngồi bên bếp lửa, đôi bàn tay nhăn nheo hằn lên dấu vết thời gian cố gắng giữ cho ngọn lửa nồng đượm. Vì ngọn lửa này bà đã chịu bao cực nhọc trong cuộc sống. Nhóm lửa, một công việc hết sức bình thường như bao công việc khác mà người phụ nữ phải làm, nhưng ngọn lửa bà nhóm lên là tình thương tình yêu mà bà dành cho cháu. Lúc này dường như không chỉ tác giả cảm nhận được hơi ấm dịu dàng mà cả em nữa. Tâm hồn của em cũng được sưởi ấm bằng ngọn lửa ấy.

Ôi cuộc đời bà biết bao gian nan lận đận. Bà đã hi sinh cuộc đời mình cho con, cho cháu. Bà đã lặng lẽ tần tảo nuôi nấng đứa cháu nhỏ, thay con chăm lo việc nhà. Bà làm những việc ấy cũng vì ai? Vì con, vì cháu, vì đất nước và có lẽ cũng vì bà là một người phụ nữ đảm đang, nhân hậu. Ở đây cho ta thấy, người bà là một hiện thân, tượng trưng cho những người phụ nữ Việt Nam trung hậu. Qua hai câu thơ: *Cháu thương bà biết mấy nắng mưa* và *Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*, tác giả đã dùng điệp ngữ như muốn khắc họa rõ nét hơn về cuộc đời khổ cực của bà. Suốt đời bà chỉ biết dầm sương dãi nắng, chỉ biết sống lam lũ trong hoàn cảnh đói nghèo. Tuy nhiên, hình ảnh người bà lại tỏa sáng rực rỡ từ tấm lòng yêu thương con cháu và đất nước. Em càng cảm thấy thương bà, yêu mến bà bao nhiêu thì em thấy căm ghét chiến tranh bấy nhiên. Tại sao lại có chiến tranh? Tại sao chiến

tranh lại tàn khốc và ác liệt như vậy? Ôi! Chiến tranh, chính tội ác của chiến tranh đã gây cảnh gia đình không được sum họp, gây cho cuộc đời bà biết bao khổ cực, đau thương. Hình ảnh người bà hiện suốt trong cả bài thơ, hình ảnh người bà lam lũ khắc khổ ấy như in đậm vào tâm trí người đọc. Và một lần nữa, hình ảnh ấy lại hiện lên ở cuối bài gắn liền với bếp lửa. Hình ảnh người bà và hình ảnh bếp lửa thì bên nào ấm hơn, tỏa sáng hơn? Có lẽ là cả hai nhưng hơi ấm phát ra tự đáy lòng bà, từ con tim nhân hậu của bà có lẽ sẽ sưởi ấm cho tất cả mọi người. Ta có thể thốt lên rằng: Ôi bà, thật là một con người vĩ đại!

Cảm ơn tác giả. Cảm ơn tác giả đã cho em được sống lại một tuổi thơ, nơi con sông Hồng ngày đêm rì rầm kể chuyện, nơi nương dâu xanh ngắt ấp lấy những đứa trẻ nghèo. Hình tượng người bà trong bài thơ đã giúp em hiểu rất nhiều về bà mình và giúp em hiểu em yêu bà như thế nào. Trang sách đã gấp lại. Bài học của em đã sang bài khác nhưng mỗi lúc nhớ lại, em vẫn thấy người bà đó hiện ra rất đẹp bên bếp lửa ấm áp, kể chuyện *những ngày ở Huế*, chuyện *cô Tấm ở hiền, thằng Lí Thông ở ác* trong tiếng tu hú khắc khoải kêu hoài trên những cánh đồng xa...

(Học sinh TRẦN MAI LINH)

ĐỀ 36: *Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Thu trong truyện ngắn "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

Đọc truyện *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng, bé Thu hiện lên trước mắt ta rất hồn nhiên, bướng bỉnh, ương ngạnh nhưng rất đáng yêu. Lớn lên Thu còn là một cô gái giao liên dũng cảm, gan dạ, có nhiều kinh nghiệm trong công tác, có ý chí quật cường dũng cảm trước quân thù. Không những thế Thu còn là một cô gái hiếu thảo, yêu cha mẹ hết lòng.

Trước hết Thu là đứa trẻ tinh nghịch, tính tình rất ương bướng. Sau bao năm gặp lại cha mình, nó không nhận ra cha nó, nó cứ nghĩ: *Không phải ba! Ba không giống cái hình ba chụp với má, mặt ba đâu có cái thẹo như vậy...* Những ý nghĩ đó cứ xoáy sâu vào tâm trí nó khiến con bé mới tám tuổi đầu đã phải đau khổ, phải tức giận. Nó yêu ba nó lắm cơ mà! Nó mong ba nó về từng ngày từng giờ. Vậy mà tất cả đều lật ngược lại với nó: Ba nó thật đây, sao nó không nhận? Tại sao nó lại coi ba nó như người xa lạ? Tất cả sự vỗ về của người cha đều bị nó gạt đi: *Suốt ngày ông chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con. Nhưng càng vỗ về con bé càng đẩy ra.* Nó chẳng bao giờ gọi người ấy một tiếng bằng ba. Đã vậy nó còn nói trống không: *Cơm sôi rồi, chắt nước giùm đi!..., Vô ăn cơm...*

Ôi! Sao Thu lại bồng bột thế nhỉ? Cái bồng bột của tuổi thơ ngây ấy chúng ta không nên trách làm gì cả. Ba Thu thật đấy! Tại sao Thu lại không nhận? Tuy vậy cái ương ngạnh của Thu rất có lí, vì Thu nghi ngờ, sự nghi ngờ bất bình rất trẻ con mà cũng rất đáng thương. Điều khiến chúng ta phải chú ý và cảm phục cô bé nhiều hơn vì Thu có trí thông minh tuyệt vời. Nó đã kịp nhận ra ba nó, kịp nhận ra lỗi lầm và ân hận vô cùng. Nó hối hận vì trong ba ngày qua, một thời gian ngắn ngủi là vậy thế mà nó đã đối xử bao điều không đúng với ba nó. Đó cũng là lúc nó chợt hiểu rằng: ba khác xưa không phải là ba già đi, ấy là do vết thương mà cuộc chiến tranh tàn khốc đã gây ra... Có lẽ lúc này từ một đứa con nít, nó đã trở thành một người lớn thực sự. Nó cảm thấy lòng hận thù lũ giặc đang trào dâng trong lòng nó. Điều này khiến nó phải nằm im lăn lộn và thở dài. Tất cả sự hờn dỗi của bé Thu lúc này đều chuyển thành lòng thương yêu sâu sắc cha nó. Trong cái ương ngạnh bướng bỉnh, trong cái giận dỗi và cả sự hối hận của Thu, ta vẫn thấy bé thật ngây thơ, thật đáng yêu.

Khi ba nó chuẩn bị lên đường làm nhiệm vụ, lúc đó tình cha con bỗng trỗi dậy trong người nó. Nó bỗng kêu thất thanh: *"Ba...a...a... ba!"*. Tiếng kêu của nó như xé ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Tiếng *"Ba"* nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay đang vỡ tung từ đáy lòng nó... Tất cả lời nói, hành động của Thu thể hiện rất rõ tính cách của một cô bé bồng bột, thơ ngây và chứng tỏ lòng yêu thương vô bờ của em đối với ba. Thật sâu sắc và cao đẹp biết bao tình cảm đó của Thu.

Giờ đây Thu không còn là cô bé của ngày xưa nữa, mà là một cô gái đang gánh những trách nhiệm nặng nề: là cô giao liên cho một tuyến đường dây hoạt động bí mật của ta. Thu đã đi con đường mà ba Thu đã chọn. Thu đã đi để trả thù cho ba cô bị bọn giặc giết hại. Bé Thu ngày xưa gan lì bướng bỉnh, đáng yêu bây giờ đã là cô giao liên thông minh, bình tĩnh và dũng cảm biết nhường nào. Hình ảnh cô giao liên Thu còn đọng mãi trong em không bao giờ phai mờ. Trước hết, ta thấy Thu rất tự tin và hiểu tâm trạng của mọi người. Mọi người thất thanh kêu *"Máy bay"*, Thu trả lời: *Không phải đâu, sao trên trời đó mà...* Và cũng một lần nhờ sự thông minh, lanh lợi mà cô đã đưa được khách qua sông một cách an toàn và còn diệt được mấy tên địch khi chẳng may lọt vào ổ phục kích của quân thù. Điều này khiến ta càng khâm phục Thu hơn vì cô đã chọn được con đường đúng đắn mà đi.

Chúng ta thấy xúc động bồi hồi trong lòng biết bao nhiêu khi Thu nhận được chiếc lược ngà mà người cha yêu quý nhất đã tự tay mình làm và gửi tặng cho con gái. Ta thấy cảm động vô cùng khi niềm hạnh phúc lớn ấy đang trào dâng trong lòng cô. Trông cô rất tội nghiệp và đáng thương như ngày nào còn thơ dại: *Đôi mắt của cháu lại tròn to hơn, xúc động đến thẫn*

thơ... Cây lược như đánh thức kỉ niệm ngày chia tay (...) Cháu còn muốn nói gì nữa nhưng giọng bị tắc nghẹn... Đó là hình ảnh sâu đậm nhất trong tôi về Thu khi gấp trang sách lại.

Càng đọc tác phẩm *Chiếc lược ngà*, ta càng như phát hiện được một hình ảnh Thu mỗi ngày một mới, đẹp hơn lên. Tình cha con sâu nặng, lòng dũng cảm, kiên cường, sự gan dạ, khôn khéo, thông minh ở cô giao liên Thu – đứa con của người chiến sĩ cách mạng, mãi mãi sống trong lòng tôi, mãi mãi là tấm gương cho mọi thế hệ học tập.

(Học sinh NGUYỄN THỊ DIỆU)

***ĐỀ 37:** Có ý kiến cho rằng: Đoạn truyện "Kiều ở lầu Ngưng Bích" là một bức tranh tâm tình đầy xúc động.*

Ý kiến của em như thế nào? Hãy phân tích đoạn truyện nói trên để trình bày rõ ý kiến đó.

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Thể loại:** *Phân tích đoạn truyện thơ "Kiều ở lầu Ngưng Bích" để nói rõ sự tán đồng với ý kiến cho rằng: "Đoạn truyện "Kiều ở lầu Ngưng Bích" là một bức tranh tâm tình đầy xúc động."*
2. **Nội dung:** *Đoạn truyện thơ miêu tả diễn biến tâm trạng, nỗi lòng của Thúy Kiều khi bị giam hãm ở lầu Ngưng Bích. Nổi bật lên là nỗi cô đơn, buồn thương da diết không lối thoát của Thúy Kiều lay động, xoáy sâu vào lòng người đọc tạo nên một nỗi đồng cảm xót xa sâu sắc.*
3. **Tư liệu:** *Chủ yếu là bám vào ngôn từ đoạn truyện thơ trích các chi tiết miêu tả tâm trạng, tả cảnh ngụ tình, các biện pháp tu từ trong đoạn thơ – khi cần thiết có thể liên hệ với các chi tiết khác trong truyện Kiều để làm rõ thêm.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

Sau khi Mã Giám Sinh mua Kiều về, Tú Bà bắt nàng phải tiếp khách nhưng nàng không bằng lòng. Tú Bà đánh đập hành hạ thúc ép nên Thúy Kiều tự tử để mong thoát ra khỏi cảnh ô nhục nhưng không được... Thấy không dụ dỗ được Kiều, Tú Bà đành giam nàng ở lầu Ngưng Bích. Đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" tả cảnh lần này và tâm trạng đơn chiếc khổ đau của Thúy Kiều nơi đất khách.

- *Có ý kiến cho rằng: Đoạn truyện "Kiều ở lầu Ngưng Bích" là một bức tranh tâm tình đầy xúc động.*
- *Phân tích đoạn truyện trên chúng ta sẽ thấy rõ điều đó.*

II. THÂN BÀI

"Kiều ở lầu Ngưng Bích" là một bức tranh tâm tình đầy xúc động

1. Là một bức tranh:

Đọc đoạn trích, chúng ta có thể hình dung cảnh vật với đủ các yếu tố không gian, thời gian và con người.

a) Không gian: *Lầu Ngưng Bích.*

b) Thời gian: *Mây sớm đèn khuya; chiều hôm.*

c) Con người: *Thúy Kiều.*

Cảnh vật hiện ra qua con mắt của Thúy Kiều. (Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu, Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ).

2. Là một bức tranh tâm tình:

a) Bức tranh tâm cảnh của Thúy Kiều:

- *Một bức tranh buồn: con người buồn, cảnh vật cũng buồn:*
  - *"Bẽ bàng mây sớm đèn khuya*
    Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng."
  - *"Buồn trông cửa bể chiều hôm."*
- *Con người trôi dạt trong sóng gió bất kì:*
  - *"Buồn trông ngọn nước mới sa*
    Hoa trôi man mác biết là về đâu."
  - *"Buồn trông gió cuốn mặt duềnh*
    Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi."

b) Tâm trạng tình cảm của Kiều

Trong bức tranh tâm cảnh ấy, nổi rõ lên tâm trạng, tình cảm của Kiều trong cảnh ngộ ấy:

- ***Tâm trạng cô đơn của Thúy Kiều giữa cảnh vật xa xôi, bát ngát: (Sáu câu đầu) Giữa cảnh vật xa xôi, bát ngát (vẻ non xa, tấm trăng gần, bát ngát xa trông, cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia) Thúy Kiều tủi thẹn, xấu hổ (bẽ bàng), buồn vì nhớ thương, vì hoàn cảnh ngang trái (Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng).***
- ***Tâm sự của Thúy Kiều (tám câu giữa):***

Đau đớn nhớ Kim Trọng: mới hôm nào còn dưới trăng thề nguyền, hứa hẹn (dưới nguyệt chén đồng). Thế mà nay nàng rơi vào cảnh biệt li đột ngột. Chén rượu thề nguyền chưa ráo, vầng trăng vẫn còn đó. Mối tình đầu trong sáng, đẹp đẽ đã tan vỡ quá nhanh. Nỗi lòng Kiều khoảnh khắc này tràn ngập nỗi nhớ khôn nguôi.

Xót thương nhớ đến cha mẹ già: Sống cô quạnh, Thúy Kiều nhớ về cha mẹ, lo lắng cho tuổi già của song thân mà mình không chăm sóc được. Nỗi nhớ thương cũng da diết khôn cùng.

- *Nỗi buồn thấm vào cảnh vật (tám câu cuối):*

  Nỗi lòng tê tái của Thúy Kiều trước cảnh vật xung quanh. Điệp từ "Buồn trông" thể hiện điệp khúc lòng này khi ấy nỗi buồn triền miên, nhìn vào đâu, nhìn về đâu, hướng nào cũng buồn. Xa xa, một cánh buồm thấp thoáng khi tỏ khi mờ nơi cửa bể chiều hôm càng gợi nỗi cô đơn (Buồn trông cửa bể chiều hôm, Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa). Rồi một cánh hoa bị vùi dập, trôi giạt, nổi chìm không biết về đâu sao mà giống thân phận của Kiều, càng nhân nỗi buồn lên gấp bội (Buồn trông ngọn nước mới sa, Hoa trôi man mác biết là về đâu).

  Câu cuối là cảnh nổi sóng dữ dội, mạnh mẽ (gió cuốn mặt duềnh, Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi) làm cho Kiều thêm lo sợ hãi hùng về nỗi tan biến có thể đe dọa vây bủa bốn bề.

3. Một bức tranh tâm tình đầy xúc động

a) Nguyên nhân tạo xúc động:

Sự đồng cảm đối với lòng nhớ thương người yêu, cha mẹ day dứt và da diết của Thúy Kiều.

Thấu hiểu, cảm thông nỗi buồn cô đơn, bất định triền miên, bế tắc của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.

b) Khiến ta càng xót thương thân phận nổi trôi, cảnh ngộ ngang trái của nàng Kiều, càng căm giận cái xã hội phong kiến mọt ruỗng đã xô đẩy nàng vào cảnh ngộ đau lòng đó.

III. KẾT BÀI

Khẳng định "Kiều ở lầu Ngưng Bích" là một bức tranh tâm tình đầy xúc động. Chỉ với hai mươi câu thơ lục bát, nhà thơ đã khắc họa sinh động được bức tranh tâm cảnh buồn thương da diết của Thúy Kiều, từ lòng thương nhớ người yêu và cha mẹ đến nỗi xót xa cho thân phận mình. Nỗi day dứt cô đơn ấy càng làm người đọc thêm xót thương cho cảnh ngộ nàng và càng thêm căm giận cái xã hội phong kiến thối nát ngày ấy.

Trong "Truyện Kiều", đoạn thơ này xưa nay vẫn được xem là tuyệt vời nhất về nghệ thuật tả cảnh, tả tình, mượn cảnh ngụ tình. Đó là thiên tài của Nguyễn Du nhưng phải chăng tuyệt vời nhất của "Truyện Kiều" vẫn là tình của nhà thơ Nguyễn Du đối với nhân vật

của mình, đối với con người và đối với cuộc đời, nói một cách khác đó là giá trị nhân văn của tác phẩm vậy.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

(*Truyện Kiều* – NGUYỄN DU)

Hai câu thơ này cũng là một nguyên lí tả cảnh, tả tình của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*. Mượn bức tranh thiên nhiên, nhà thơ thể hiện bức tranh tâm trạng. Đoạn truyện *Kiều ở lầu Ngưng Bích* cũng thế. Có ý kiến cho rằng đó là *một bức tranh tâm tình đầy xúc động*.

Thử phân tích đoạn truyện trên ta sẽ cảm nhận rõ điều này.

Sau khi bị Mã Giám Sinh giả danh cưới làm thiếp, Kiều bị đưa về thanh lâu. Bị Mã lừa gạt và làm nhục, Tú Bà sấn sổ vào đánh đập, Kiều rút dao toan tự tử nhưng chỉ bị thương. Tú Bà sợ Kiều tự tử, chết thì *bao nhiêu vốn liếng đi đời nhà ma* nên lo lắng thuốc thang và dỗ dành Kiều ra ở lầu Ngưng Bích để chờ cơ hội giở mưu ma chước quỷ khác. Đoạn truyện *Kiều ở lầu Ngưng Bích* là một bức tranh nỗi buồn mênh mang, bất tận, không có ai để chia sẻ từ một tâm trạng dằn vặt, băn khoăn, buồn bã, cô đơn, thất vọng và cuối cùng là hốt hoảng kinh hoàng của cô gái đáng thương đang bị "giam lỏng" ở lầu Ngưng Bích. Chính tâm trạng diễn biến nhiều cung bậc ấy đã khiến người đọc không sao khỏi xúc động.

Sáu câu đầu của đoạn thơ là một bức tranh thiên nhiên rộng lớn, bát ngát:

Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân
Vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung
Bốn bề bát ngát xa trông.
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.

Từ những dãy núi mờ xa, mảnh trăng như ở rất gần trên vòm trước mặt đến những cồn cát vàng, bụi đỏ bốc lên hàng dặm xa kia đều góp phần bộc lộ tâm trạng cô đơn, buồn tủi, trăm nỗi ngổn ngang của Thúy Kiều lúc này.

Vì cô đơn, nên nàng muốn kéo cả *vẻ non xa* và cả vầng trăng vời vợi trên kia thành *tấm trăng gần ở chung* cho bớt đi phần cô quạnh. Thế nhưng, xung quanh nàng vẫn là một thế giới hoang vắng, lạnh lẽo, thấm thía nỗi buồn:

Bẽ bàng mây sớm đèn khuya
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.

Bẽ bàng, buồn tủi, cô đơn, Kiều nghĩ về quá khứ êm đềm ngày nào và những người thân. Càng nghĩ, lòng nàng càng xót xa hơn, cồn cào lên một nỗi nhớ và bao nỗi băn khoăn trăn trở.

Đầu tiên, nàng nhớ đến Kim Trọng:

Tưởng người dưới nguyệt, chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
Chân trời góc bể bơ vơ
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.

Nhớ đến Kim Trọng, Kiều nhớ đến *dưới nguyệt chén đồng*. Nhìn trăng, nàng lại nhớ vầng trăng hôm nào: *Đinh ninh hai mặt một lời song song*. Yêu Kim Trọng, hiểu tấm lòng của chàng, Kiều biết rằng với tấm tình chung thủy, chàng sẽ *rày trông mai chờ* khắc khoải. Chỉ tội nghiệp, thương chàng không biết người yêu của mình đã *Chân trời góc bể bơ vơ*. Nỗi đau đớn nhất của Thúy Kiều lúc này là phải từ bỏ tình yêu, từ bỏ tấm lòng son dành cho mối tình đầu trong sáng và đẹp đẽ. *Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.* Nàng băn khoăn tự hỏi biết bao giờ thì nàng mới có thể nhạt phai được tình cảm với chàng Kim mà chưa nhạt phai được là lòng nàng còn dằn vặt, còn đau khổ.

Sau nỗi đau đớn nhớ đến Kim Trọng là nỗi xót xa thương nhớ đến cha mẹ:

Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ
Sân Lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc Tử đã vừa người ôm.

Thúy Kiều cảm thấy xót thương hai bậc sinh thành ngày ngày tựa cửa ngóng tin con và băn khoăn không rõ các em mình chăm sóc song thân có chu đáo không. Giọng điệu bốn câu thơ nhỏ nhẹ tâm tình như lời độc thoại nội tâm xót xa, sâu lắng lạ thường.

Sau cùng, Thúy Kiều mới nghĩ đến phận mình. Nghĩ về Kim Trọng, nghĩ về song thân, sau cùng Thúy Kiều mới trở về với thiên nhiên trước mặt. Tám câu thơ cuối diễn tả tâm sự của nàng trải ra trên cảnh vật, một nỗi buồn mênh mang nhiều cung bậc được thể hiện với những đường nét khác nhau khơi gợi và bao trùm lên cảnh vật thiên nhiên:

***Buồn trông** cửa bể chiều hôm*
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
***Buồn trông** ngọn nước mới sa*
Hoa trôi man mác biết là về đâu.
***Buồn trông** nội cỏ dầu dầu*
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
***Buồn trông** gió cuốn mặt duềnh*
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Ở bốn câu thơ lục bát trên, điệp ngữ *"buồn trông"* được nhà thơ lấy đi láy lại như một nỗi buồn chồng chất khôn cùng. Mỗi cặp câu thơ là một khung cảnh, một tâm trạng, một bức tranh tâm tình đầy xúc động nhưng tựu trung lại vẫn là một nỗi buồn cô đơn, tuyệt vọng sau hết là một thoáng khiếp sợ như một điều dự cảm tương lai.

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ. Cửa bể mênh mang trong ánh chiều đang đến giờ lịm tắt. Một cánh buồm lẻ loi chấp chới đi về chốn xa xôi gợi nên một nỗi buồn đơn côi, vắng vẻ day dứt trong cảnh đất khách quê người. Một cánh hoa tàn lênh đênh nổi trôi trên mặt sóng không biết trôi dạt về đâu. Hoa trôi về đâu? Nàng rồi sẽ đi đâu, về đâu? Tất cả đều gợi lên một thân phận lạc lõng, cô đơn, bọt bèo trôi dạt vô định...

Lòng Kiều buồn. Muốn trốn chạy nỗi buồn, nàng nhìn ra cửa bể thấy buồn đã vội nhìn vào đất liền thì cũng:... *nội cỏ dàu dàu. Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.* Mọi thứ *dàu dàu, xanh xanh* nhòa nhạt, hoàn toàn không thấy đường đi, không thấy bóng người, không thấy một chút tăm hơi của niềm hi vọng dù rất mỏng manh. Kiều vẫn cô đơn trước trời đất mịt mùng, nỗi buồn tràn ngập. Đến lúc nhìn về hướng cuối cùng thì nỗi buồn đã tràn dâng tột đỉnh:

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Kiều thấy gió thổi hun hút cuốn về vùng biển một cách hung bạo với tiếng gào thét cuồng nộ của sóng dữ vang động đến tận chỗ nàng ngồi. Kiều nghe như bốn phía đất trời nổi lên bão tố vây bủa lấy nàng, một người con gái nhỏ bé mong manh.

Âm điệu lời thơ trong hai câu cuối trở nên dữ dội với những từ tượng thanh *Ầm ầm, kêu...* Người đọc tưởng như nghe được âm thanh tiếng của những đợt sóng cuộn lên, trào dâng, xô tới, cả tiếng rít gào của gió dội lên đe dọa hãi hùng. Những âm thanh đầy tính dự báo này phải chăng đã mách trước với người đọc chặng đường nhiều khổ nhục đắng cay đang chờ Kiều phía trước. *Tiếng sóng* ở đây không vỗ, không đập mà chỉ *kêu*. Tiếng kêu của sóng hay tiếng kêu thương đau đớn của Kiều đồng vọng với thiên nhiên.

Như thế, đoạn truyện *Kiều ở lầu Ngưng Bích* với hai mươi hai câu thơ là một bức tranh tâm tình thiên nhiên chứa đầy tâm trạng. Đằng sau nỗi cảnh vật đều thấp thoáng một mảnh tâm sự của Thúy Kiều. Từ nỗi nhớ da diết những người thân rồi tâm trạng cô đơn, tuyệt vọng đến một thoáng hãi hùng không biết tương lai số phận mình sẽ đi đâu, về đâu. Câu thơ nào trong đoạn này cũng hiện lên hình ảnh một Thúy Kiều đa sầu, đa cảm, nặng nghĩa nặng tình khiến người đọc không ai không xúc động.

Đoạn thơ thể hiện bút pháp *tả cảnh ngụ tình* tinh tế và tài hoa của thi sĩ Nguyễn Du, lâu nay vẫn được xem là một dấu son trong tác phẩm *Truyện Kiều* bất hủ của văn học nước ta một tác phẩm mà bất cứ ai, người Việt Nam nào cũng đều trân trọng và yêu thích.

ĐỀ 38: *Phân tích đoạn truyện "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga" để thấy rõ Lục Vân Tiên đã hành động rất đúng với lí tưởng của mình:*

"Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng."

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Thể loại:** *Phân tích tác phẩm: đoạn truyện "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga" để làm sáng tỏ ý hai câu thơ cho sẵn.*
2. **Nội dung:** *Đoạn truyện làm sáng lên lí tưởng anh hùng của Lục Vân Tiên:*
   + *Đánh cướp cứu người mắc nạn.*
   + *Không nhận đền ơn của người được mình cứu.*
3. **Tư liệu:** *Lấy dẫn chứng từ tình tiết đoạn truyện thơ đã nói.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

- *Giới thiệu nhân vật Lục Vân Tiên trong truyện thơ cùng tên là nhân vật thể hiện lí tưởng người anh hùng dưới mắt nhà thơ Đồ Chiểu:*

  "Nhớ câu kiến ngãi bất vi
  Làm người thế ấy cũng phi anh hùng."

- *Đoạn truyện "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga" thể hiện rõ tinh thần vị nghĩa ấy.*

II. THÂN BÀI

1. **Lục Vân Tiên đánh cướp cứu người không hề tính toán, do dự:**
   - *Trên đường lên kinh đô ứng thí, thấy dân chúng "than khóc tưng bừng" "đều đem nhau chạy", Lục Vân Tiên dừng bước lại hỏi han. Thấy người lâm nạn không ngoảnh mặt làm ngơ đó là người có tinh thần vị nghĩa.*
   - *Khi biết có cướp, Lục Vân Tiên đã quyết định tức khắc:*

     "Tôi xin ra sức anh hào
     Cứu người cho khỏi lao đao buổi này."

     Chàng đã hành động mau lẹ và dứt khoát vô cùng:

     "... ghé lại bên đàng
     Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô."

bất chấp lời khuyên can của những người dân chạy cướp E khi họa hổ bất thành, Khi không mình lại xô mình xuống hang). Đó cũng là hành động của người có tinh thần vị nghĩa vong thân (vì việc nghĩa quên mình).

- *Đàng hoàng thách thức bọn cướp, đánh tan "lũ hung đồ" trong phút chốc:*

"Vân Tiên tả đột hữu xung
Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dương
Lâu la bốn phía vỡ tan
Đều quăng gươm giáo tìm đường chạy ngay
Phong Lai chẳng kịp trở tay
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong."

Cả gan xông vào chốn hang hùm nọc rắn để đánh tan bọn cướp dữ, cứu người lương thiện đó chính là một hành động vị nghĩa cao cả.

- *Lục Vân Tiên hành động vì lẽ phải, vì lẽ công bằng ở đời, không hề do dự, tính toán, không sợ hi sinh. Đó là một hành động vì người khác trong tinh thần "vị nghĩa vong thân".*
- *Thấy việc nghĩa là làm. Đó là một quan niệm có tính truyền thống của dân tộc: "Kiến ngãi bất vi vô dõng giả, Lâm nguy bất cứu mạc anh hùng" (Thấy việc nghĩa không làm không phải là bậc có dũng khí, Thấy người gặp nguy không cứu giúp không phải là bậc anh hùng).*

2. Lục Vân Tiên không nhận sự đền ơn của Kiều Nguyệt Nga

- *Được cứu thoát khỏi cảnh hiểm nghèo, Kiều Nguyệt Nga chân thành bày tỏ ý muốn đền ơn đáp nghĩa:*

"Chút tôi liễu yếu đào tơ
Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần
Hà Khê qua đó cũng gần
Xin theo cùng thiếp đền ơn cho chàng
Gặp đây đang lúc giữa đàng
Của tiền không có, bạc vàng cũng không
Gẫm câu báo đức thù công
Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi."

- *Nhưng lời lẽ chân thành tha thiết bày tỏ lòng biết ơn ấy vẫn không lay chuyển nổi tấm lòng trọng nghĩa khinh tài của trang tráng sĩ:*

"Vân Tiên nghe nói liền cười
Làm ơn há dễ trông người trả ơn."

Chàng khẳng khái từ chối cả chiếc trâm mà Kiều Nguyệt Nga trao cho để "cầm làm tin":

"Thưa rằng: Nay gặp tri âm
Xin đưa một vật để cầm làm tin."

Chàng chỉ nhận "một bài thơ giã từ" của nàng:

"Đưa trâm chàng đã làm ngơ
Thiếp xin đưa một bài thơ giã từ

Vân Tiên ngó lại rằng ừ
Làm thơ cho kịp bấy chừ chờ lâu."

Thái độ "Làm ơn há dễ trông người trả ơn" đó của Lục Vân Tiên liền sau hành động vị nghĩa giúp người sức yếu thế cô lâm nạn càng thêm sáng ngời lí tưởng người anh hùng của chàng:

"Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng."

Điều khiến nhân vật này sống mãi trong lòng nhân dân chính là cái phương châm sống cao quý của chàng. Đó là sẵn sàng làm việc nghĩa một cách vô tư, không chút do dự và tính toán, dù có phải hi sinh cả tính mạng mình trong đấu tranh. Lục Vân Tiên đã làm việc nghĩa một cách vô điều kiện và coi đó là điều tự nhiên ở đời phải thế, không thể nào khác được.

III. KẾT LUẬN

Đoạn truyện "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga" là một đoạn truyện thể hiện cụ thể và sinh động lí tưởng nhân nghĩa và khí phách anh hùng "Kiến ngãi bất vi vô dũng giả. Lâm nguy bất cứu mạc anh hùng", sẵn sàng vị nghĩa vong thân của Vân Tiên.

Lí tưởng ấy đến nay vẫn còn nguyên giá trị và mãi mãi là tấm gương sáng chói về thái độ ứng xử cao cả trước bao lẽ thị phi thiện ác ở đời.

BÀI LÀM THAM KHẢO

Trên một trăm năm qua, *Lục Vân Tiên* của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu vẫn là một tác phẩm được nhân dân ta nâng niu, quý trọng. Người đọc yêu quý tác phẩm và đặc biệt là yêu quý nhân vật chính cùng tên. Cũng như cốt cách của nhà thơ, nhân vật lí tưởng này luôn luôn hành động theo tinh thần *vì nghĩa quên mình*, tinh thần của người anh hùng theo nhà thơ quan niệm:

Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

Đoạn truyện *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* đặc biệt thể hiện rõ tinh thần *vì nghĩa quên mình ấy.*

Lục Vân Tiên là người học rộng tài cao, văn võ kiêm toàn lại luôn luôn sẵn sàng ra tay cứu giúp người hoạn nạn. Vừa từ tạ tôn sư xuống núi về kinh đi thi, trên đường đi, chợt thấy một đám người khóc than bỏ chạy, chàng liền hỏi chuyện mới hay có một bọn cướp dữ vừa quấy phá làng xóm và bắt đi hai cô gái.

Ai cũng biết việc thi cử là việc lớn đối với kẻ sĩ. Trong hoàn cảnh Lục Vân Tiên, lẽ thường người ta dễ tránh mọi nguy hiểm, giữ mình được an toàn để đạt thành tích thi cử. Nhưng trang nghĩa sĩ này đã không suy nghĩ theo kiểu thường tình đó nên đã nổi giận:

Vân Tiên nổi giận lôi đình
Hỏi thăm lũ nó còn đình nơi nao
Tôi xin ra sức anh hào
Cứu người cho khỏi lao đao buổi này.

Để cứu người mắc nạn, chàng liền ra tay chủ động đi kiếm lũ cướp:

... ghé lại bên đàng
Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô.

Đây là một hành động vô cùng dũng cảm. Vì sao?

Hẳn ai cũng biết bọn cướp thì đông đảo mà lại hung hãn vô cùng:

Phong Lai đỏ mặt phừng phừng
Thằng nào dám tới lẫy lừng vào đây
Trước gây việc dữ tại mày
Truyền quân tứ phía bao vây bịt bùng.

Trong khi đó Vân Tiên thì chỉ một mình mà vũ khí thì chỉ là một đoạn gậy nhỏ nhoi: Thế mà chàng đã chiến đấu với lòng dũng cảm phi thường đánh tan bọn cướp:

Vân Tiên tả đột hữu xung
Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dương
Lâu la bốn phía vỡ tan
Đều quăng gươm giáo tìm đường chạy ngay
Phong Lai chẳng kịp trở tay
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong.

Đó là một hành động hào hiệp vô tư, một hành động vì nghĩa quên mình. Bởi vậy cứu người xong, chàng không coi đó là công ơn và đã khẳng khái khước từ lời mời mọc của Nguyệt Nga, một cô gái xa lạ vừa chịu ơn mình:

Hà Khê qua đó cũng gần
Xin theo cùng thiếp đền ơn cho chàng
Gặp đây đang lúc giữa đàng
Của tiền không có, bạc vàng cũng không

Gẫm câu báo đức thù công
Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi.

Trước tấm lòng chân tình mong được đền ơn trả nghĩa của Kiều Nguyệt Nga, Lục Vân Tiên chỉ cười, nụ cười thật đẹp đầy vô tư hào hiệp của trang nghĩa sĩ xem việc giúp người gặp nạn chẳng qua là nghĩa vụ của kẻ làm trai:

Vân Tiên nghe nói liền cười
Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
Nay đà rõ đặng nguồn cơn
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì...

Khi nói: *Làm ơn há dễ trông người trả ơn*, chàng nghĩa sĩ này đã nói rõ lí tưởng sống hoàn toàn vì nghĩa của mình. Và cũng theo chàng, đó chính là tư cách phải có của người anh hùng:

Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

Ai cũng biết là điều khiến nhân vật lí tưởng này sống mãi trong lòng nhân dân chính là cái phương châm sống cao quý đó của chàng.

Tóm lại, đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* là một đoạn trích nêu bật được lí tưởng nhân nghĩa và khí phách anh hùng của Lục Vân Tiên, sẵn sàng hi sinh vì nghĩa, san lấp mọi bất công, thể hiện quan niệm về người anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu, đồng thời cũng là quan niệm của nhân dân ta. Hình ảnh Lục Vân Tiên nhắc nhở tuổi trẻ chúng ta sống phải có trách nhiệm đối với mọi người, luôn luôn ý thức mình là cháu con của cụ Đồ, người mang dòng máu anh hùng, vô tư, hào hiệp của người dân Nam Bộ, của con người Việt Nam.

***ĐỀ 39:** Chọn một đoạn trong "Truyện Kiều" đã học để phân tích làm sáng tỏ ý hai câu thơ sau đây của Nguyễn Du:*
"Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung."

PHÂN TÍCH ĐỀ

1. **Thể loại:** *Phân tích tác phẩm: một đoạn trong "Truyện Kiều" tự chọn để làm sáng tỏ ý hai câu thơ cho sẵn. Trước hết phải nắm ý của hai câu này: Đã là phận đàn bà là phải chịu nhiều đau khổ. Người phụ nữ có tài hoa nhan sắc còn "đau đớn" hơn nhiều trong xã hội phong kiến cũ. Chọn phân tích đoạn "Mã Giám Sinh mua Kiều."*
2. **Nội dung:** *Cảnh "Mã Giám Sinh mua Kiều", qua đó lột mặt nạ Mã Giám Sinh, đặc biệt là nêu bật tâm trạng đau đớn ê chề của Kiều.*
3. **Tư liệu:** *Đoạn thơ trích vừa nói.*

DÀN BÀI

I. MỞ BÀI

"Đoạn trường tân thanh" – một tên gọi khác của "Truyện Kiều" – là tiếng kêu đứt ruột mới. Đó chính là tiếng kêu thương xót xa về số phận của người phụ nữ, đặc biệt là người phụ nữ tài sắc dưới chế độ phong kiến:

"Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung."

– *Thử phân tích đoạn trích "Mã Giám Sinh mua Kiều" ta sẽ thấy rõ ý thơ trên.*

II. THÂN BÀI

- **Phân tích qua "Truyện Kiều":**
  - *Trong xã hội phong kiến, người phụ nữ vốn chịu nhiều thiệt thòi đau khổ. ("Người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ, "Bánh trôi nước" của Hồ Xuân Hương, đặc biệt là Thúy Kiều trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du).*
  - *Dựa vào thuyết "hồng nhan bạc mệnh", nhà thơ cho rằng người phụ nữ tài sắc lưỡng toàn càng bị thiệt thòi, đau khổ hơn nhiều.*
- **Phân tích đoạn "Mã Giám Sinh mua Kiều" để làm sáng tỏ ý trên:**
  - *Lợi dụng tình cảnh Kiều gặp gia biến cần tiền để cứu cha và em trai, Mã Giám Sinh đã đánh tiếng cưới Kiều về làm thiếp. Nhưng thực ra, hắn đem Kiều về thanh lâu – nơi hắn cùng chung lưng vốn với Tú Bà ở Lâm Tri. Như thế Kiều đối với hắn chỉ là một món hàng. Bọn chúng bắt Kiều phải tiếp khách để "lấy lời mà ăn".*
  - *Từ diện mạo, áo quần, dáng điệu, cử chỉ, lời nói của Mã Giám Sinh đã bộc lộ tính cách trâng tráo và thói con buôn bủn xỉn, keo kiệt của hắn:*

    "Quá niên trạc ngoại tứ tuần
    Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao
    Trước thầy, sau tớ xôn xao
    Nhà băng đưa mối rước vào lầu trang
    Ghế trên ngồi tót sỗ sàng..."
  - *Gã "đắn đo" khi "cân sắc, cân tài" Kiều. Gã "ép", gã "thử" tài nghệ của Kiều, nhấc lên đặt xuống y như một món hàng giữa chợ:*
    - *"Mối càng vén tóc, bắt tay..."*
    - *"Đắn đo cân sắc, cân tài*
      Ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ."
  - *Gã trả giá bỉ ổi "tùy cơ dặt dìu" khi mặc cả:*

"Cò kè bớt một thêm hai
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm."

Tên lái buôn người sành sỏi đã mua rẻ được món hàng: "đáng giá ngàn vàng" chỉ với số "ngoài bốn trăm" bằng sự mặc cả riết róng. Nhà thơ đã đứt ruột kêu thương khi kết luận: "Tiền lưng đã có việc gì chẳng xong."

- *Lẽ ra với tài sắc của mình, Kiều xứng đáng được hưởng hạnh phúc, ấm êm, sung sướng. Ấy thế mà, chỉ vì xã hội thối nát, nàng đã phải trở thành một món hàng bị ném xuống dòng đời mười lăm năm chìm nổi, đau đớn, tủi nhục ê chề.*

"Nỗi mình thêm tức nỗi nhà
Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng..."

Thế là trong xã hội phong kiến cũ, đồng tiền đã là tất cả, là nguyên nhân giết chết Kiều và bao người dân lành khác. Lời than của Kiều trước mộ Đạm Tiên hôm này giờ đây đã thành tiếng kêu thương than thở cho chính cuộc đời nàng.

"Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung."

III. KẾT BÀI

- *Hai câu thơ của Nguyễn Du đã khái quát được một hiện thực đau xót về thân phận người phụ nữ, đặc biệt là người phụ nữ tài sắc trong xã hội phong kiến trước đây.*
- *Hai câu thơ, một tiếng kêu thương xót xa mang đầy tính nhân văn của tác giả còn vang vọng đến muôn đời sau.*
- *Ngày nay đọc lại hiểu rõ nguyên nhân của bi kịch ấy, chúng ta càng thêm trân trọng hạnh phúc của người phụ nữ trong xã hội mới hôm nay.*

BÀI LÀM THAM KHẢO

"Tố Như ơi, lệ chảy quanh thân Kiều...!"
(*Kính gửi cụ Nguyễn Du* – TỐ HỮU)

Khi nhắc đến thi hào Nguyễn Du, nhà thơ Tố Hữu trong câu thơ trên, cũng như bao người khác thường nghĩ đến nỗi xót thương của nhà thơ lớn này đối với một nàng Kiều, hiện thân của một số phận bị đọa đày dưới thời phong kiến và không khỏi nghĩ đến: *Đoạn trường tân thanh* – một tên gọi khác của *Truyện Kiều* – tác phẩm chính của thi hào. Đó là tiếng kêu thương xót xa về số phận của người phụ nữ, đặc biệt là người phụ nữ tài sắc dưới chế độ phong kiến:

Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

Phân tích đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều* chúng ta càng hiểu sâu và thấm thía hơn về ý nghĩa của hai câu thơ vừa dẫn.

Đây là lời Thúy Kiều nói về Đạm Tiên nhưng cũng có thể hiểu là lời của Nguyễn Du viết về Kiều và tất cả những người phụ nữ trong thời phong kiến. Theo ông: đã mang cái phận đàn bà thì phải hứng chịu mọi đau khổ bất hạnh và bi thảm không kể riêng ai cả.

Để chứng minh cho điều khái quát *Hồng nhan bạc mệnh* (Người phụ nữ đẹp thì bạc mệnh) nói trên, nhà thơ đã để Vương Quan kể lại cuộc đời của Đạm Tiên, cô gái một thời nổi danh tài sắc vậy mà giờ đây chỉ còn là một *nấm mồ vô chủ* trong buổi thanh minh nhộn nhịp lại *lạnh tanh hương khói*.

Lời than khóc Đạm Tiên của Thúy Kiều cũng là lời than khóc cho chính số phận mình *Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung* là như vậy. Sau khi gặp cơn gia biến, Thúy Kiều cam đành hi sinh mối tình đầu trong trắng say mê, tự nguyện bán mình chuộc cha. Lợi dụng tình cảnh ấy, Mã Giám Sinh đã đánh tiếng cưới nàng về làm thiếp. Nhưng thực ra là hắn mua Kiều cho cửa hàng thanh lâu của hắn chung vốn với Tú Bà ở Lâm Tri. Tính chất bi kịch *Đau đớn thay! Phận đàn bà...* của Thúy Kiều đã hé mở ngay màn đầu của cuộc mua bán này. Trong đoạn thơ trích ta bắt gặp một gã buôn người sỗ sàng, thô bỉ và keo kiệt. Dưới mỗi nét bút như có thần của nhà thơ, chân dung của gã hiện lên vô cùng sinh động. Đó là một gã đàn ông quá lứa *Quá niên trạc ngoại tứ tuần* mà vẫn còn trai lơ *Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao*. Gã ăn nói cộc cằn:

Hỏi tên, rằng: Mã Giám Sinh
Hỏi quê, rằng: huyện Lâm Thanh cũng gần.

Tính cách bất lương của gã còn lộ rõ trong cái cung cách đi đứng: *Trước thầy sau tớ xôn xao* đặc biệt hơn là ở một cử chỉ hết sức thô lỗ khi hắn được *rước vào lầu trang*. Đó là:

Ghế trên ngồi tót sỗ sàng.

Trước sau hắn chỉ là một kẻ *buôn thịt bán người* thô lỗ, vênh váo và đểu cáng.

Còn gì đau đớn hơn đối với một người tài sắc, hiếu thảo, trắng trong như Thúy Kiều lại rơi vào tay một kẻ như họ Mã với tư cách là một món hàng để mặc hắn *đắn đo cân sắc cân tài*, hắn *ép*, hắn *thử* tài nghệ, nhấc lên rồi đặt xuống, xoay vần đủ kiểu như người ta mua bán một món hàng giữa chợ. Dầu hành động mua bán ấy được che đậy bằng những lời lẽ mĩ miều giả dối: *Rằng: Mua đến ngọc Lam Kiều. Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tường.*

Đọc đoạn thơ này ai lại không đau xót cho số phận Thúy Kiều. Lẽ ra cô gái tài sắc này phải được an hưởng hạnh phúc ít ra cũng trong một đời sống vui vầy êm ấm. Thế mà, chỉ vì *Một ngày lạ thói quan nha. Làm cho khốc hại*

chẳng qua vì tiền. Chính cái xã hội phong kiến suy tàn, mọt ruỗng, đầy dẫy bọn quan lại tham nhũng ấy đã biến nàng thành một món hàng và ném nàng vào dòng xoáy đoạn trường của mười lăm năm nổi trôi nhơ nhuốc.

Hơn ai hết, tâm hồn nhạy cảm của Thúy Kiều đã cảm nhận sâu sắc được cảnh ngộ vừa hổ thẹn vừa nhuốc nhơ, vừa đau đớn vừa tủi nhục của mình:

Nỗi mình thêm tức nỗi nhà
Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng!
Ngại ngùng dín gió, e sương
Ngừng hoa thẹn bóng, trông gương mặt dày.

Trong màn kịch *lễ vấn danh* này, ta thấy Kiều tuy ý thức nỗi nhục nhã vì mình biến thành một món hàng mua bán nên đau xót khóc cho thân phận hẩm hiu nhưng hành động bán mình lại là hành động tự nguyện hi sinh cho gia đình. Vì thế nàng phải chấp nhận tất cả hành động như một cái máy, nhất nhất cứ động đánh đàn, làm thơ theo sự đạo diễn của mụ mối. Dưới ngòi bút tài tình của nhà thơ Nguyễn Du, Kiều hiện lên câm lặng: *Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai* nhưng người đọc vẫn cảm thông được nỗi đau đớn, xót xa, tủi nhục của nàng.

Đúng là lời than của Kiều trước mộ Đạm Tiên hôm nào giờ đây đã trở nên lời kêu thương cho chính số phận của mình:

Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

Với hai câu thơ ấy, nhà thơ Nguyễn Du đã bắt đầu cuộc đời Thúy Kiều bằng khúc đàn bạc mệnh và ước mơ khúc đàn *sầu thảm* ấy có ngày sẽ là khúc *vui vầy xôn xao*, khúc đàn của hạnh phúc trong thời đại khát vọng đó không thể trở thành hiện thực được.

Ngày nay, đọc lại và suy ngẫm hai câu thơ ấy, hiểu được nguyên nhân của bi kịch kia, chúng ta càng thêm nâng niu, trân trọng hạnh phúc của người phụ nữ trong xã hội mới.

MỤC LỤC

A. VĂN BẢN THUYẾT MINH

B. VĂN BẢN TỰ SỰ

C. NGHỊ LUẬN

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại : (04) 3971 4896 - Fax : (04) 3971 4899

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Giám đốc : **PHÙNG QUỐC BẢO**

Tổng biên tập : **PHẠM THỊ TRÂM**

Biên tập : Hà Anh

Chế bản : Diệu Tâm

Trình bày bìa : Công ty Sách Hoa Hồng

Đối tác liên kết xuất bản : Công ty Sách Hoa Hồng

NHỮNG BÀI VĂN MẪU 9

Mã số : 2L-136ĐH2010

In 3000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ty In Hoa Mai.

Số xuất bản: 290-2010/CXB/23-50/ĐHQGHN, ngày 01/4/2010.

Quyết định xuất bản số : 136LK-XH/XB.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2010.